



ALAIN SARDE AND ROBERT BENMUSSE PRESENT

PALME D'OR CANNES 2002

the Pianist

A ROMAN POLANSKI FILM

ADRIEN BRODY THOMAS KRETSCHMANN

FRANK FINLAY MAUREEN LIPMAN EMILIA FOX ED STOPPARD JULIA RAYNER JESSICA KATE MEYER

Produced by ROMAN POLANSKI, ROBERT BENMUSSE, ALAIN SARDE, SCHAPIRA. Screenplay by RONALD HARRWOOD based on the book by WLADESLAW SZULC. Music by WOJCIECH KILAR. Produced by ALAIN SARDE. Executive Producer: ANNA SHEPPARD. Director of Photography: PAVEL EDELMAN. Editor: HERVE DE LUZE. Costume Designer: EMILIA FOX. Production Designer: GENE GUPOWSKI. Associate Producer: BARBARA SCHAPIRA. Executive Producers: LEW KOPPEL, HENRIK POLFEMER, THOMAS BLUMEL. A CO-PRODUCTION BY R.F. PRODUCTIONS, HERITAGE FILMS, STUDIO SABELBERG, PLAYTEAM LTD. WITH THE PARTICIPATION OF CANAL 8 AND STUDIOCANAL, TELEWIZJA POLSKA, CANAL 4 POLAND, KOSMOFILM PRODUCTIONS FILMOBEL FILMSOARD, BERLIN BARDEMBURG (FRG). FILMFINANZIERUNG SAARLAND (FRG) FILMPRODUKTION SAARLAND (FRG) THEPIANIST-THEMOVIE.COM

the Pianist

A ROMAN POLANSKI FILM

THOMAS KRETSCHMANN

FRANK FINLAY MAUREEN LIPMAN EMILIA FOX ED STOPPARD JULIA RAYNER JESSICA KATE MEYER

[illegible]

© 2004 Blackwell Publishing Ltd, *Journal of Internal Medicine* 255: 105–112

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100	101	102	103	104	105	106	107	108	109	110	111	112	113	114	115	116	117	118	119	120	121	122	123	124	125	126	127	128	129	130	131	132	133	134	135	136	137	138	139	140	141	142	143	144	145	146	147	148	149	150	151	152	153	154	155	156	157	158	159	160	161	162	163	164	165	166	167	168	169	170	171	172	173	174	175	176	177	178	179	180	181	182	183	184	185	186	187	188	189	190	191	192	193	194	195	196	197	198	199	200	201	202	203	204	205	206	207	208	209	210	211	212	213	214	215	216	217	218	219	220	221	222	223	224	225	226	227	228	229	230	231	232	233	234	235	236	237	238	239	240	241	242	243	244	245	246	247	248	249	250	251	252	253	254	255	256	257	258	259	260	261	262	263	264	265	266	267	268	269	270	271	272	273	274	275	276	277	278	279	280	281	282	283	284	285	286	287	288	289	290	291	292	293	294	295	296	297	298	299	300	301	302	303	304	305	306	307	308	309	310	311	312	313	314	315	316	317	318	319	320	321	322	323	324	325	326	327	328	329	330	331	332	333	334	335	336	337	338	339	340	341	342	343	344	345	346	347	348	349	350	351	352	353	354	355	356	357	358	359	360	361	362	363	364	365	366	367	368	369	370	371	372	373	374	375	376	377	378	379	380	381	382	383	384	385	386	387	388	389	390	391	392	393	394	395	396	397	398	399	400	401	402	403	404	405	406	407	408	409	410	411	412	413	414	415	416	417	418	419	420	421	422	423	424	425	426	427	428	429	430	431	432	433	434	435	436	437	438	439	440	441	442	443	444	445	446	447	448	449	450	451	452	453	454	455	456	457	458	459	460	461	462	463	464	465	466
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

© 2006 The Authors
Journal compilation © 2006 Blackwell Publishing Ltd

[illegible]

Table of Contents

Lời Nói Đầu	
Chương 1: Thời khắc của bọn trẻ và người điên	
Chương 2: Chiến tranh	
Chương 3: Những tên Đức đầu tiên	
Chương 4: Cha tôi “cúi chào” lính Đức	
Chương 5: Khiêu vũ trên phố Clodna	
Chương 6: Hành động cao thượng của bà K	
Chương 7: Tổ kiến bị đe dọa	
Chương 8: Umschalagplatz	
Chương 9: Sự may rủi của cuộc sống	
Chương 10: Hỡi các xạ thủ, hãy vùng lên!”	
Chương 11: Majorek	
Chương 12: Bực mình và bất hoà ở sát vách	
Chương 13: Sự phản bội của Szalas	
Chương 14: Trong ngôi nhà cháy	
Chương 15: Sự kết liễu của một thành phố	
Chương 16: Sống nhờ rượu mạnh	
Chương 17: Khúc Đô thăng thứ	
Chương 18: Tái bút	
Chương 19: Trích nhật ký của đại úy Wilm Hosenfeld	
Chương 20: Cầu nối giữa Wladyslaw Szpilman và Wilm Hosenfeld (Wolf Biermann)	

[\[1\]](#)

[\[2\]](#)

[\[3\]](#)

[\[4\]](#)

NGHỆ SĨ DƯƠNG CẦM

Wladyslaw Szpilman

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Lời Nói Đầu

Cho đến mấy năm trước đây, cha tôi chưa bao giờ nói đến những chuyện ông đã trải qua trong thời gian chiến tranh. Chúng vẫn là những người bạn của tôi thời thơ ấu. Nhờ cuốn sách này, tôi đã lén lấy từ một góc giá sách của chúng tôi năm tôi 12 tuổi, tôi mới khám phá ra vì sao tôi không có ông bà nội, và vì sao cha tôi không bao giờ kể về gia đình ông. Cuốn sách tiết lộ một phần nhân thân của tôi. Tôi biết là ông đã biết tôi đọc cuốn sách ấy, nhưng cha con tôi chưa bao giờ bàn về nó, và đó có lẽ chính là nguyên nhân làm tôi sửng sốt khi thấy cuốn sách có ý nghĩa nhất định đối với nhiều người khác – anh bạn Wolf Biermann của tôi đã chỉ ra điều này khi tôi kể cho anh nghe về câu chuyện của cha tôi.

Tôi đã sống ở Đức nhiều năm và luôn nhận thấy sự tuyệt giao đầy đau đớn giữa người Do Thái, người Đức và người Ba Lan. Tôi hy vọng cuốn sách này sẽ giúp khép lại những vết thương hẫ hẫ còn hoác miệng.

Cha tôi, Wladyslaw Szpilman, không phải là nhà văn. Ở Ba Lan, người ta gọi nghề của ông là “người sống trong âm nhạc”, một nghệ sĩ dương cầm và là nhà soạn nhạc, là hình ảnh đầy cảm hứng và đáng kể trong đời sống văn hoá của Ba Lan.

Cha tôi học dương cầm với Arthur Schnabel ở Viện Hàn Lâm Nghệ Thuật Berlin, và ông cũng học sáng tác với Franz Schreker ở đấy. Năm 1933 khi Hitler lên cầm quyền, cha tôi trở về Warsaw và bắt đầu hành nghề nhạc công dương cầm cho đài phát thanh Ba Lan. Năm 1939 cha tôi bắt đầu sáng tác nhạc cho một số bộ phim, sáng tác những ca khúc cũng như phổ nhạc nhiều bài thơ rất được hâm mộ hồi đó. Trước chiến tranh, ông đã biểu diễn cùng với nghệ sĩ vĩ cầm nổi tiếng thế giới Bronislav Gimpel, Henryk Schoering và nhiều nghệ sĩ lừng danh khác.

Sau năm 1945 ông bắt đầu làm việc tại đài phát thanh Ba Lan, là nghệ sĩ độc tấu trong các buổi hoà nhạc và nhạc thính phòng. Ông đã viết một số bản giao hưởng và khoảng ba trăm ca khúc rất phổ biến, trong số đó có nhiều tác phẩm đã thành công rực rỡ. Ông cũng sáng tác nhạc cho thiếu nhi, nhạc ngẫu hứng cho các vở kịch truyền thanh và viết nhạc cho nhiều phim.

Ông là người lãnh đạo ban âm nhạc đài phát thanh Ba Lan cho đến năm 1963, ông từ chức để dành nhiều thời gian hơn cho các cuộc lưu diễn và cho Nhóm Ngũ tấu Piano Warsaw do ông và Gimpel thành lập. Sau hơn hai ngàn buổi trình diễn độc tấu và hoà nhạc trên khắp thế giới,

năm 1986 cha tôi thôi trình diễn trước công chúng, và toàn tâm toàn ý dành thời gian cho sáng tác.

Tôi lấy rất làm tiếc là các tác phẩm của ông hầu như vẫn chưa được thế giới phương Tây biết tới. Tôi nghĩ lý do là sau thế chiến thứ II, châu Âu đã chia thành hai nửa, cả về văn hóa lẫn chính trị. Trên khắp thế giới, nhạc nhẹ, nhạc giải trí đến với quần chúng nhiều hơn loại nhạc “ng nghiêm túc”, và Ba Lan cũng không phải là một ngoại lệ. Nhân dân Ba Lan đã lớn lên cùng với những ca khúc của cha tôi, vì ông đã tạo nên dòng nhạc đại chúng của Ba Lan suốt mấy thập kỷ, nhưng phương Tây đã ngăn chặn dòng nhạc loại này.

Cha tôi đã viết trang đầu tiên của cuốn sách vào năm 1945, tôi nghĩ rằng ông viết cho bản thân mình hơn là công bố cho toàn nhân loại. Nó làm cho ông chịu đựng được bao điều trong thời gian chiến tranh ác liệt, giải toả được tinh thần và cảm xúc của ông để ông có thể sống tiếp tục.

Cuốn sách chưa được in lại lần nào, dù trong những năm 1960 một số nhà xuất bản Ba lan đã thử phổ cập giá trị của nó với thế hệ trẻ hơn. Sau lần xuất bản đầu tiên đến nay đã hơn 50 năm, giờ đây cuốn sách lại được xuất bản, biết đâu là một bài học có ích cho nhiều người thiện chí ở Ba Lan, và có thể thuyết phục họ tái bản nó ở nước họ.

Andrzej Szpilman

Dịch giả : Thanh Vân

Nhà xuất bản văn hóa thông tin

Chương 1

Thời khắc của bọn trẻ và người điên

Tôi bắt đầu sự nghiệp trong thời chiến làm nhạc công dương cầm cho một quán cà phê Nowoczesna, trên đường phố Nowolipki ở ngay trung tâm ghetto Warsaw. Tháng Mười một năm 1940, vào lúc các cổng ra vào ghetto làm xong, gia đình tôi đã bán hết mọi thứ có thể bán được từ lâu, kể cả tài sản quý giá nhất trong nhà là chiếc dương cầm. Cuộc sống dù không đáng kể đến thế, nhưng vẫn buộc tôi phải vượt qua sự thờ ơ của tôi để tìm cách kiếm sống, và ơn Chúa, tôi đã tìm được việc làm. Công việc làm tôi bớt thời giờ mà ủ ê nghiền ngẫm, và tôi ý thức được rằng cả gia đình tôi phụ thuộc vào việc tôi kiếm sống, dần dần nó giúp tôi khắc phục được tình trạng thất vọng và bơ vơ trước đây của tôi.

Công việc của tôi bắt đầu từ lúc chiều tối. Muốn đến quán cà phê, tôi phải đi qua một mê cung những con đường hẹp từ xa vào Ghetto, hoặc muốn thay đổi một chút, nếu tôi cảm thấy thích quan sát hoạt động của bọn buôn lậu, tôi phải men theo rìa bức tường.

Chiều tối là lúc thuận tiện nhất cho việc buôn lậu. Cảnh sát đã mệt lử vì đã tìm cách hốt tiền bất chính suốt buổi sáng, lúc này mất cảnh giác vì đang mải tính đếm tiền lời lãi. Nhiều đáng người không ngừng xuất hiện trong các khung cửa sổ và cửa ra vào của các khu nhà dọc theo bức tường, rồi lại chúi vào nơi ẩn nấp, sốt ruột đợi tiếng lạo xạo của một chiếc xe ngựa hoặc tiếng loảng xoảng của chuyển xe điện. Từng lúc một, tiếng động bên kia bức tường cứ rõ dần, và lúc một chiếc xe ngựa chạy nước kiệu qua theo đúng dấu hiệu thoả thuận, một tiếng huýt sáo, rồi khi đã nghe thấy, những cái bao, gói, bọc bay qua tường. Người ta nằm im, đợi đến lúc chạy ào qua cửa, hấp tấp vồ lấy các thứ của cải phi pháp, rồi lại rút vào trong nhà, và sự im lặng đối trá đầy mong đợi, những tiếng thì thào to nhỏ, bồn chồn, và bí mật lại tràn ngập đường phố, ít phút sau mới chấm dứt. Vào những ngày cảnh sát làm công việc thường lệ sốt sắng hơn, có thể nghe thấy tiếng những phát súng hoà lẫn với tiếng bánh xe ngựa, những quả thủ pháo bay qua bức tường thay cho các bao, túi, tiếng nổ ầm vang làm vôi vữa trong các ngôi nhà rơi rụng lả tả.

Chiều dài bức tường của ghetto không dọc theo suốt con đường. Cách một khoảng nhất định, có những lỗ hổng dài trên mặt đất để thoát nước từ khu vực Aryan [\[1\]](#) vào các cống rãnh bên ngoài lề đường của người Do Thái. Bọn trẻ con thường dùng những chỗ hổng này để buôn

lậu. Có thể thấy những dáng người màu sẫm, bé nhỏ, trên các đôi chân khẳng khiu từ khắp mọi phía chạy vội đến, những cặp mắt sợ hãi lén lút liếc từ trái sang phải. Rồi những bàn tay nhỏ bé kéo mạnh các loại đồ đạc qua các lỗ hổng, những thứ đồ ký gởi này thường to hơn cả những kẻ buôn lậu.

Lúc đồ buôn lậu đã lọt qua tường, bọn trẻ phải hất chúng lên vai, chúng khom cả người, lão đảo dưới sức nặng, mạch máu trên thái dương nổi hằn lên xanh lè vì gắng sức, miệng chúng há hốc, thở hỗn hển đau đớn hóp không khí lúc hồi hả chạy về mọi hướng như những con chuột nhỏ hốt hoảng.

Công việc của chúng đầy rủi ro và nguy hiểm chẳng kém gì bọn buôn lậu người lớn. Một hôm lúc đi dọc theo bức tường, tôi đã chứng kiến hoạt động buôn lậu của bọn trẻ hình như đã đến hồi thắng lợi. Một đứa bé Do Thái vẫn còn ở phía bên kia tường, chỉ cần theo đồ của nó chui qua lỗ hổng. Hình dáng bé nhỏ, gầy guộc của nó đã hiện ra một phần, bỗng nhiên nó hét lên, và tôi nghe tiếng gầm khàn khàn bằng tiếng Đức ở bên kia tường. Tôi chạy đến nắm chặt lấy thằng bé, cố giúp nó chui qua cho thật nhanh, nhưng bất chấp sự cố gắng của chúng tôi, hông của nó vẫn mắc kẹt nơi ống cống. Tôi ráng sức kéo cánh tay nó trong khi tiếng la hét của nó ngày càng trở nên tuyệt vọng và tôi nghe thấy tiếng dầm đá nặng nề của cảnh sát phía bên kia bức tường. Lúc tôi cố kéo được thằng bé chui qua, nó đã chết. Xương sống nó đã gãy tan.

Trong thực tế, ghetto không phụ thuộc vào việc buôn lậu để tự nuôi sống mình. Thực ra việc buôn lậu do những trùm tư bản như Kon và Heller điều hành, chúng hoạt động dễ dàng hơn và khá an toàn. Cảnh sát canh gác được ăn hối lộ sẽ lơ đi vào những thời gian thích hợp theo những thoả thuận ngầm, lúc đó hàng dãy xe ngựa chạy qua cổng ghetto ngay dưới mũi cảnh sát, chở theo thực phẩm, rượu đắt tiền, nhiều loại hàng quý giá và xa xỉ, thuốc lá chở thẳng đến từ Hy Lạp, nhiều thứ đồ trang điểm và mỹ phẩm của Pháp.

Hàng ngày tôi được ngắm kỹ các thứ đồ buôn lậu này ở Nowoczesna. Quán cà phê đầy ắp những kẻ giàu có lượn quanh, đeo dây nữ trang bằng vàng, lủng lẳng kim cương. Tiếng bật nút chai champagne cùng với những món ăn trang trí cầu kỳ đưa ra phục vụ bọn đầu cơ thời chiến ngồi quanh các bàn chất đồ ăn thức uống nặng trĩu. Chính ở nơi này tôi đã mất hai thứ ảo tưởng: niềm tin vào sự đoàn kết chung chung và khả năng yêu thích âm nhạc của người Do Thái.

Không một người ăn mày nào được phép lảng vảng ngoài Nowoczesna. Những người gác cửa béo tốt dùng dùi cui xua họ đi. Nhiều xe cộ từ xa đến, mùa đông, đàn ông đàn bà ngồi

trong xe đều mặc hàng len đắt tiền, mùa hè mặc hàng lụa Pháp và đội những chiếc mũ rơm quý. Trước lúc họ đến, cả khu vực được những người gác cửa bảo vệ, bản thân họ dùng gậy xua đám đông, mặt họ méo đi vì giận dữ. Họ không cho lấy một đồng xu. Trong mắt họ, bố thí chỉ làm hư dân chúng mà thôi. Nếu bạn làm việc vất vả như họ, bạn cũng sẽ kiếm được nhiều tiền như họ, đây là điều hiển nhiên với tất cả mọi người, và nếu bạn không biết cách kiếm được nhiều trong đời, đấy là lỗi của bạn.

Cuối cùng, khi họ đã yên vị bên những chiếc bàn xinh xắn trong tiệm cà phê rộng rãi, nơi họ đến chỉ vì công việc làm ăn, họ bắt đầu than phiền về thời buổi khó khăn và sự thiếu thể hiện tình đoàn kết của người Mỹ gốc Do Thái. Họ nghĩ gì về việc họ đang làm? Dân chúng ở đây đang chết dần chết mòn không có một miếng để ăn. Bao nhiêu điều kinh khủng đang diễn ra, vậy mà báo chí Mỹ không hề nhắc tới, các chủ ngân hàng Do Thái ở bờ biển bên kia không làm gì để cho Mỹ tuyên chiến với Đức, dù họ dễ dàng được tư vấn cách làm, nếu họ muốn.

Ở Nowoczesna chẳng ai chú ý đến âm nhạc lắm may. Tôi chơi to hơn thì đám đông đang ăn nhậu cũng nói to hơn, và ngày ngày đám khán giả và tôi thi nhau xem ai át được tiếng ai. Có lần một người khách còn ra lệnh cho hầu bàn đến bảo tôi ngừng chơi một lúc, vì tiếng nhạc làm hấn ta không thể thử tiếng những đồng hai mươi đô la vàng hấn vừa đòi được của một vị khách khác. Rồi hấn gõ nhẹ đồng tiền lên mặt bàn đá cẩm thạch, nâng chúng lên giữa những đầu ngón tay lên đến tận tai và chăm chú lắng nghe tiếng ngân, thứ âm nhạc duy nhất hấn quan tâm. Tôi ngưng không chơi một lúc thật lâu. May thay, tôi kiếm được việc làm ở một tiệm cà phê loại khác hấn ở phố Sienna, nơi giới trí thức Do Thái đến nghe tôi chơi đàn. Chính nơi đây tôi đã nổi tiếng về nghệ thuật biểu diễn và kết bạn với nhiều người sau này cùng tôi trải qua những thời gian dễ chịu cũng như khủng khiếp. Trong các vị khách thường đến quán cà phê có họa sĩ Roman Kramsztyk, một nghệ sĩ tài năng và là bạn của Artur Rubinstein và Karol Szymanowski. Ông đã vẽ một loạt tranh kỳ diệu, miêu tả đời sống bên trong bức tường ghetto, không hay biết ông sẽ bị ám sát và mất một phần lớn các bức tranh ấy.

Một vị khách nữa ở phố Sienna là Janusz Korczack, một trong những người cao quý nhất mà tôi được gặp. Ông là nhà văn mà hầu hết những nghệ sĩ hàng đầu của phong trào Ba Lan Trẻ đều biết tiếng. Ông thảo luận với họ bằng cách lôi cuốn nhất, sự quan tâm của ông vừa thẳng thắn vừa thú vị. Ông không được coi là một trong những nhà văn cao sang bậc nhất, có lẽ vì sự thành công của ông trong lãnh vực văn chương có một nét đặc sắc rất riêng: đó là những câu chuyện viết cho thiếu nhi và viết về thiếu nhi, nổi tiếng về sự am hiểu ý nghĩ trẻ thơ. Những truyện ấy viết không phải chỉ vì hoài bão nghệ thuật mà còn vì sự thẳng thắn và trung thực

xuất phát từ trái tim của nhà hoạt động xã hội và nhà giáo dục bẩm sinh. Giá trị chân chính của Korczak không phải ở chỗ ông viết gì, mà ở những sự việc ông đã sống lúc ông viết. Nhiều năm trước đây, vào lúc khởi nghiệp, ông đã dành từng giây phút rỗi rãi và từng đồng zloty kiếm được cho sự nghiệp vì thiếu nhi, và ông tận tụy với chúng cho đến lúc chết. Ông đã thành lập nhiều trại trẻ mồ côi, tổ chức các biện pháp thu nhận trẻ em nghèo, nói chuyện trên đài phát thanh, giành được sự mến mộ rộng rãi (không phải chỉ của trẻ em), là một nhà “Thông thái già”. Khi củng cố các ghetto làm xong, ông vào trong đó dù ông có thể tự cứu mình, và ông tiếp tục sứ mệnh trong các bức tường như một người cha nuôi có hàng chục đứa trẻ Do Thái mồ côi, những đứa trẻ bị bỏ rơi nghèo khổ nhất trên đời. Lúc chúng tôi nói chuyện với ông ở phố Sienna, chúng tôi không biết tình yêu cao thượng và sáng chói của ông sẽ chấm dứt ra sao.

Bốn tháng sau, tôi chuyển đến một tiệm cà phê khác, Sztuka (Nghệ Thuật) trên phố Leszno. Đây là tiệm cà phê lớn nhất trong ghetto, và có nhiều điều thu hút khéo léo. Các buổi biểu diễn âm nhạc tổ chức trong phòng hoà nhạc của tiệm. Ca sĩ gồm Maria Einstenstadt, nếu không bị bọn Đức thủ tiêu thì giờ đã nổi tiếng với hàng triệu người vì giọng hát tuyệt vời của mình. Tôi chơi dương cầm tay đôi với Andrzej Goldfeder. Nhà thơ Szlengel xuất hiện hàng ngày cùng Leonid Fokczanski, ca sĩ Andrzej Walst, nhóm hài kịch được nhiều người hâm mộ “Người yêu nghệ thuật Wacus”, và Paula Braunów trong chương trình “Life Newspaper”, một tiết mục dí dỏm trong sinh hoạt của ghetto, đầy những lời bóng gió gay gắt táo bạo đối với bọn Đức. Ngoài phòng hoà nhạc, ở đây còn có quầy rượu nơi những người thích ăn uống hơn âm nhạc có thể kiếm được một ly vang hay một món ăn ngon lành. Cả hai phòng hoà nhạc và quầy rượu luôn đông người, nên hồi này tôi kiếm được kha khá, có thể tạm thoả mãn được nhu cầu của gia đình chúng tôi gồm sáu người, dù cũng chật vật chút đỉnh.

Tôi thật sự thích chơi đàn ở Sztuka, vì ở đó tôi gặp được nhiều bạn bè và có thể trò chuyện với họ giữa những buổi biểu diễn, nếu như không nghĩ đến việc về nhà vào buổi tối. Nó phủ một bóng đen lên tôi suốt các buổi chiều.

Hồi đó là mùa đông 1941 đến 1942, một mùa đông hết sức khắc nghiệt trong ghetto. Một biển người Do Thái khốn khổ bám quanh những hòn đảo nhỏ của những người tương đối khá giả, đại diện là giới trí thức Do Thái và cuộc sống xa hoa của những kẻ đầu cơ. Người nghèo yếu lả vì đói và không được che chở khỏi cái rét vì không thể trang trải nổi tiền mua nhiên liệu. Bọn vô lại cũng tràn vào quấy phá. Ghetto đầy hung nhúc các loại ký sinh và chẳng thể làm gì được. Chấy rận từ quần áo người lan ra ngoài đường phố, chui vào xe điện hoặc các cửa hiệu. Chúng bò lúc nhúc trên các vỉa hè, lên cầu thang, nhảy từ trên trần các công sở xuống, nhiều

người làm ăn buôn bán các loại đã bị thăm hỏi như thế. Chấy rận tìm được đường len vào các nếp gấp của báo chí, vào cả đồ lót sạch của bạn, thậm chí có cả trong vỏ bánh bạn vừa mua. Một trong các loại ký sinh trùng ấy có thể mang mầm bệnh Rickettsia[2].

Một nạn dịch bùng phát trong ghetto. Mỗi tháng số người chết vì Rickettsia lên tới năm ngàn. Đề tài chủ yếu trong các câu chuyện của người giàu lẫn người nghèo là bệnh Rickettsia. Người nghèo thì băn khoăn không biết chết lúc nào, còn người giàu lo giữ chặt vaccine của bác sĩ Weigel để phòng thân. Bác sĩ Weigel là nhà vi khuẩn học nổi tiếng đã trở thành nổi tiếng nhất sau Hitler, cả người thiện lẫn kẻ ác đều nói thế. Người ta kể bọn Đức đã bỏ tù bác sĩ ở Lemberg, nhưng ơn Chúa đã không giết ông, vì thực ra chúng cũng hiểu ông là một người Đức danh dự. Có tin đồn bọn chúng đã mời chào ông một phòng thí nghiệm tinh vi, một biệt thự lộng lẫy cùng chiếc xe lộng lẫy không kém, sau khi đặt ông dưới sự giám sát chặt chẽ của Gestapo, để chắc là ông không chạy trốn và sản xuất vaccine chống bệnh chấy rận cho quân đội Đức ở phía Đông. Chuyện kể rằng lẽ đương nhiên bác sĩ Weigel đã từ chối cả biệt thự lẫn xe hơi.

Tôi không biết sự thật về ông ra sao. Tôi chỉ biết rằng nhờ ơn Chúa ông còn sống, và khi ông nói với bọn Đức bí mật vaccine của ông vào lúc mà nó không còn có ích cho chúng nữa, nhờ một số kỳ công của ông mà rốt cuộc chúng không tống ông đến một phòng hơi ngạt khủng khiếp. Dù thế nào đi nữa, nhờ phát minh của ông và bọn Đức dễ ăn hối lộ mà nhiều người Do Thái ở Warsaw đã thoát khỏi chết vì bệnh Rickettsia, nếu không thì cũng chết kiểu khác sau này.

Bản thân tôi không được tiêm vaccine. Tôi không thể có hơn một liều huyết thanh chỉ đủ cho bản thân và không thể cho những người còn lại trong gia đình, tuy tôi không muốn thế.

Trong ghetto, không có cách gì chôn cất người chết vì Rickettsia đủ nhanh kịp với tốc độ tử vong. Tuy nhiên, các xác chết cũng không thể để mãi trong nhà. Cuối cùng người ta đã tìm ra một giải pháp tạm bợ: người chết bị lột hết quần áo – quá giá trị cho người sống còn lại – và để ra ngoài vỉa hè, quấn trong giấy. Họ phải đợi ở đó trong nhiều ngày, cho đến lúc xe của hội đồng thành phố đến nhặt và đưa đi chôn trong những nấm mồ chung ở nghĩa trang. Đây là các xác chết vì Rickettsia, còn xác chết đói cũng thế. Làm cho tối tối từ tiệm cà phê về nhà, tôi rất kinh hãi.

Tôi là một trong những người cuối cùng còn lại, cùng với người quản lý tiệm, sau khi tính toán hàng ngày và trả lương cho tôi. Đường phố tối tăm và gần như vắng ngắt. Tôi bật đèn pin và cố tránh không dẫm phải các xác chết. Làn gió tháng Giêng lạnh giá táp vào mặt và cuốn tôi

đi, làm giấy bọc xác sột soạt, nâng chúng lên để lộ những cẳng chân teo tóp, trần trụi, những cái bụng hõm sâu, những bộ mặt nhe răng và những cặp mắt mở trừng trừng mà chẳng nhìn thấy gì.

Tôi không quen được với người chết như sau này. Tôi vội vã xuống phố, sợ hãi và ghê tởm, về nhà càng nhanh càng tốt. Mẹ tôi đợi sẵn với một chiếc kẹp và bát cồn. Bà sợ cho sức khỏe của gia đình trong lúc bệnh dịch nguy hiểm hết mức. Bà không cho phép chúng tôi qua sảnh để vào nhà cho đến lúc bà lấy kẹp gạt hết chấy rận trên mũ, áo khoác và com lê của chúng tôi rồi dầm chúng chêt đuối trong cồn.

Mùa xuân, lúc đã thân thiết hơn với Roman Kramsztyk, tôi thường không về thẳng nhà mà từ tiệm cà phê về nhà ông, một căn hộ trên phố Elektoralna. Chúng tôi gặp gỡ và trò chuyện đến tận đêm khuya. Kramsztyk là người hết sức may mắn. Ông có một căn phòng nhỏ xíu, trần dốc xuống tận người trên tầng áp mái của khu nhà. Ông để tất cả kho báu của ông ở đây, tránh được sự cướp bóc của bọn Đức. Một chiếc đi văng rộng, hai chiếc ghế bành cổ có giá, một tủ áo nhỏ rất đẹp thời Phục Hưng, một tấm thảm Ba Tư, một số vũ khí thời cổ, ít tranh vẽ và đủ thứ vật nho nhỏ ông đã sưu tầm trong nhiều năm từ khắp các nơi ở Châu Âu, mỗi thứ đều là tác phẩm nghệ thuật và làm no mắt. Thật là dễ chịu lúc ngồi trong căn phòng nhỏ xíu dưới ánh đèn màu vàng dịu dịu, chụp đèn La Mã, uống cà phê đen và chuyện trò vui vẻ. Trước khi màn đêm buông xuống, chúng tôi ra bao lơn đứng thở hít khí trời. Nơi đây không khí trong lành hơn các đường phố bụi bặm, ngọt ngào. Sắp đến giờ giới nghiêm. Dân chúng vào trong nhà và đóng chặt cửa, mặt trời mùa xuân đang xuống thấp, phủ ánh sáng hồng hồng lên mái tôn, từng đàn bồ câu trắng bay trên trời xanh và mùi hoa tử đinh hương trên các bức tường gần Ogród Saxki (vườn Saxon) thoảng đến chỗ chúng tôi trong khu vực bị đoạ đày này. Đây là giờ của trẻ con và người điên. Roman và tôi nhìn xuống phố Elektoralna tìm “người đàn bà cầm lông chim”, chúng tôi gọi bà điên như thế. Diện mạo bà ta thật khác thường. Gò má bà đánh phấn hồng thật tươi và lông mày dày tới một xăng ti mét, kéo từ thái dương bên này sang thái dương bên kia bằng chì côn. Bà ta quấn một cái khăn bằng rèm nhung màu xanh lá cây cũ kỹ phủ ra ngoài bộ váy áo màu đen, một cái lông đà điểu khổng lồ màu hoa cà được cài trên mũ rơm, dựng đứng trong không khí, lắc lư nhẹ nhẹ theo bước chân chập chững, nhanh nhẹn của bà. Trong lúc bước đi, bà mỉm cười lịch sự giữ người đi qua hỏi thăm về chồng bà đã bị bọn Đức giết hại ngay trước mắt bà.

- Tôi xin lỗi...Ông có tình cờ thấy ông Izaak Szerman nhà tôi không? Một người cao, điển trai, có hàng ria mép nho nhỏ hoa râm?

Rồi bà ta nhìn chăm chú vào mặt người bà ta giữ lại, và lúc nghe câu trả lời, bà ta kêu lên về thất vọng “Không ư?” Bộ mặt bà ta méo mó vì đau đớn trong giây lát, nhưng ngay lập tức mềm lại vì nụ cười giả tạo, nhã nhặn.

- Ôi xin hãy tha lỗi cho tôi!

Bà ta nói và vừa đi tiếp vừa lắc lư cái đầu, nửa ân hận là đã làm mất thời gian của người khác, nửa ngạc nhiên là người ấy không biết ông chồng Izaak của bà, một người điển trai và thú vị đến thế.

Vào khoảng lúc này trong ngày, một người tên là Rubinstein, quần áo sờn rách, bay phần phật mọi phía, tóc tai rối bời cũng đang trên đường xuống phố Elekoralna. Anh ta vung cây gậy, vừa nhẩy lò cò vừa nhẩy căng lên ngâm nga ư ử một mình. Anh ta rất nổi tiếng trong ghetto. Có thể nghe thấy tiếng anh ta la hét suốt một con đường dài “Hăng lên chứ, ông bạn!” Mục đích của anh ta là làm cho mọi người phấn chấn bằng cách chọc cho họ cười. Những câu đùa và khôi hài của anh ta vọng trong khắp các góc ngách của ghetto, lan truyền sự hân hoan. Một trong những trò đặc biệt của anh ta là đến gần bọn lính gác Đức, vừa nhẩy lò cò vừa nhăn nhó, gọi chúng bằng những cái tên như “chúng mày là đồ yêu tinh, là đồ kẻ cướp, là lũ ăn trộm” và bằng đủ các thứ tục tĩu khác nữa. Bọn Đức lấy đấy làm trò vui, thường ném cho anh ta thuốc lá và mấy đồng xu trả cho những lời lăng mạ của anh, nghĩ cho cùng, không thể bắt một người điên như thế phải nghiêm chỉnh.

Tôi không biết chắc bọn Đức có nghĩ thế thật không, cho đến bây giờ tôi vẫn không hiểu có thực Rubinstein là một trong những người mất trí vì những nỗi đau khổ anh phải chịu hay bày trò ngớ ngẩn để thoát chết. Anh đã không làm điều đó thành công.

Người điên chẳng chú ý gì đến giờ giới nghiêm, nó chẳng có nghĩa gì với họ hay với bọn trẻ con. Lúc này những bóng mờ của bọn trẻ mới chui ra khỏi các tầng hầm, các ngõ hẻm và ngưỡng cửa mà chúng trú ngụ, chạy nhanh với hy vọng có thể gọi lòng thương trong trái tim con người vào giờ khắc cuối cùng này trong ngày. Chúng đứng bên chân các ngọn đèn, cạnh tường các ngôi nhà và ngay trên đường phố, đầu ngẩng lên, rên rỉ đều đều rằng chúng đang đói. Chúng hát còn du dương hơn. Chúng hát những khúc balat bằng giọng yếu ớt, nho nhỏ về một người lính trẻ bị thương, bị tất cả bỏ rơi trên chiến trường, anh ta gọi “Mẹ ơi!” lúc chết. Nhưng mẹ anh không ở đấy, bà đang ở rất xa, không biết con trai mình đang nằm chờ chết, và chỉ có mặt đất, những cây cỏ xào xạc ru người đàn ông tội nghiệp đi vào giấc ngủ ngàn thu “Ngủ đi,

con ời, ngủ ngon đi con trai yêu quý của ta”. Một bông hoa rơi trên ngực người chết là huân chương duy nhất của anh ta.

Chỉ bọn trẻ mới cố kêu gọi lương tâm con người, nài xin con người “Chúng cháu đang đói, đói lắm! Chúng cháu không được ăn nhiều năm nay rồi. Hãy cho chúng cháu một mẩu bánh mì, nếu không có bánh mì, cho chúng cháu xin củ khoai tây hay củ hành, miễn là giữ cho chúng cháu sống được đến sáng mai”.

Nhưng khó mà có người có được củ hành đó, và nếu có thì cũng chẳng cho đi, vì chiến tranh đã biến trái tim họ thành sắt đá.

Chương 2

Chiến tranh

Ngày 31 tháng Tám 1939, dân chúng Warsaw tin rằng cuộc chiến với Đức là không thể tránh khỏi. Chỉ những người lạc quan đến cố chấp mới ấp ủ ảo tưởng rằng đến lúc cuối cùng lập trường kiên quyết của Ba Lan sẽ làm Hitler nhụt chí. Chủ nghĩa lạc quan của những người khác có lẽ là chủ nghĩa cơ hội theo tiềm thức: một niềm tin cố hữu, bất chấp mọi logic, là dù chiến tranh nhất định sẽ đến – đã quyết đoán trước đó từ lâu – nhưng sẽ trì hoãn ngày bùng nổ, cho nên họ có thể sống lâu hơn chút nữa. Và lại được sống là tốt lắm rồi.

Ban đêm, thành phố hoàn toàn tối om. Dân chúng niêm phong các phòng định dùng để tránh hơi độc, và thử dùng các mặt nạ phòng độc. Hơi độc trở thành ghê sợ hơn bất cứ thứ gì.

Trong khi đó đằng sau các cửa sổ tối om của tiệm cà phê, các ban nhạc vẫn chơi, các khách hàng vẫn uống, khiêu vũ và được các bài hát khiêu chiến kích thích lòng yêu nước. Vì cần lẫn trốn, may mà trên vai vẫn lủng lẳng mặt nạ phòng hơi độc, một cuộc taxi về nhà ban đêm xuyên qua các phố bỗng thêm vào gia vị khác lạ hẳn cho cuộc sống, nhất là đang bị nỗi hiểm nguy thật sự đang rình rập.

Ghetto chẳng có gì tất bật, tôi vẫn sống cùng cha mẹ, các anh chị tôi ở phố Sliska, làm nhạc công dương cầm cho đài phát thanh Ba lan. Ngày cuối cùng của tháng Tám, tôi về nhà rất muộn và thấy rất mệt nên đi nằm ngay. Căn hộ của gia đình tôi ở tầng ba là nơi có nhiều lợi thế, vào những đêm hè, bụi và các mùi đường phố lắng đi, không khí tươi mát từ trên cao ủa qua các cửa sổ mở toang, mang theo hơi ẩm dâng lên từ sông Vistula.

Nhiều tiếng nổ đánh thức tôi dậy. Trời đã sáng. Tôi nhìn đồng hồ, sáu giờ sáng. Tiếng nổ không to lắm, và có vẻ còn xa, có lẽ bên ngoài thành phố. Hẳn là quân đội đang diễn tập, mấy ngày vừa qua chúng tôi đã quen với việc đó. Vài phút sau, những tiếng nổ ngừng. Tôi không biết có nên ngủ lại không, nhưng lúc này trời đã sáng rõ và có ánh mặt trời. Tôi quyết định sẽ đọc cho đến bữa ăn sáng.

Chắc phải tám giờ lúc cửa phòng của tôi bật mở. Mẹ tôi đứng đó, ăn mặc chỉnh tề như thể sẽ ra phố bất cứ lúc nào. Bà xanh xao hơn thường lệ và không dấu được sự bất bình khi thấy tôi

vẫn nằm đọc sách trên giường. Bà mở miệng, nhưng lời nói đầu tiên của bà bị tắc lại, bà phải hắng giọng. Rồi bà nói bằng giọng căng thẳng, vội vàng:

- Dậy đi! Chiến tranh...Chiến tranh bắt đầu rồi!

Tôi quyết định đến thẳng đài phát thanh, để có thể gặp bạn bè và biết những tin tức mới nhất. Tôi mặc quần áo, ăn sáng và ra đi.

Có thể thấy nhiều tấm áp phích lớn màu trắng dán trên tường các ngôi nhà và các cột quảng cáo, thông báo của Tổng thống gọi cả nước tuyên bố Đức đã tấn công. Một số người tụ tập thành từng nhóm nhỏ đang đứng đọc, trong lúc những người khác vội vã tản ra nhiều hướng khác nhau để giải quyết những việc cấp bách nhất của họ. Bà chủ cửa hiệu góc phố, cách nhà tôi không xa đang dán những băng giấy màu trắng chéo trên những khung cửa sổ, hy vọng giữ chúng nguyên vẹn khi bị ném bom. Trong lúc đó con gái bà đang bày biện những đĩa salad trứng, dăm bông và một vòng xúc xích cắm những lá cờ tổ quốc và chân dung các vị có quyền cao chức trọng ở Ba Lan. Trẻ con bán báo chạy xuống phố, rao hết hơi bán những số báo đặc biệt.

Chẳng có gì hốt hoảng. Tâm trạng xen giữa tò mò – rồi sẽ xảy ra chuyện gì đây? Và ngạc nhiên: đây là cái kiểu khởi đầu ư?

Một người đàn ông tóc hoa râm, mặt cạo nhẵn đứng như mọc rễ cạnh một trong những cột dán lời tuyên bố của Tổng thống. Sự bối rối của ông ta biểu hiện thành những vệt đỏ nhạt trên mặt và cổ, ông ta bắt đầu đẩy mũ ra sau gáy, việc mà chắc ông chẳng bao giờ làm trong những hoàn cảnh bình thường. Ông ta ngẩng ngó kỹ càng bản thông báo, lắc đầu hoài nghi và vừa đọc lại, vừa đẩy cái kính kẹp mũi lên một cách quả quyết hơn. Ông đọc to vài lời, vẻ phẫn nộ:

- Chúng tấn công chúng ta...mà không tuyên bố!

Ông nhìn khắp những người xung quanh đợi phản ứng của họ, rồi đưa tay chỉnh lại cái kính kẹp mũi, ông ta vừa lắc đầu vừa thì thầm:

- Không, không thể thế được!

Tôi ở rất gần trung tâm phát thanh, nhưng đi đến được chỗ đó chẳng dễ dàng gì, quãng đường đi bộ dài gấp đôi ngày thường. Sắp đến được nửa đường thì tiếng còi báo động hú lên từ các loa lắp trên cột đèn, trong các cửa sổ và trên ngưỡng cửa hiệu. Sau đó tôi nghe thấy giọng

xưởng ngôn viên “Đây là lời báo động cho thành phố Warsaw...Hãy cảnh giác! Hiện nay đường đi của chúng là...” Đúng lúc đó phát thanh viên đọc một dãy các con số và chữ abc theo mã số quân sự, trong tai dân thường cứ như những thần chú bí hiểm. Các con số có phải số máy bay đang trên đường? Mã chữ cái là địa điểm sẽ ném bom? Và lúc này chúng tôi có đang đứng trên một trong những nơi đó hay không?

Đường phố nhanh chóng vắng ngắt. Đàn bà trẻ con vội xuống hầm khi nghe báo động. Đàn ông không muốn xuống, họ đứng ở ngưỡng cửa, nguyên rửa bọn Đức, tỏ ra can đảm và thể hiện sự giận dữ với chính phủ đang làm hỏng việc động viên, nên chỉ có một số nhỏ đàn ông thích hợp với việc phục vụ trong quân ngũ được gọi. Những người còn lại gặp hết vị này đến vị khác có chức sắc trong quân đội, nhưng không thể vào được vì tình yêu hoặc tiền bạc.

Không thể nghe được tin gì trên đường phố vắng tanh vắng ngắt, không sinh khí ngoài những cuộc cãi vã giữa đội dân phòng phòng không và những người cứ khăng khăng rời nhà vì công việc làm ăn và đi theo cách của họ, sát vào các bức tường. Một lát sau có nhiều tiếng nổ nữa nhưng chưa quá gần.

Tôi đến trung tâm phát thanh đúng lúc còi báo động hú lên lần thứ ba. Song chẳng ai có thời gian chạy ra hầm trú ẩn mỗi khi còi hú nữa.

Lịch trình phát thanh đang bị đảo lộn. Nó giống như một chương trình tạm thời, nhào trộn hấp tấp các bản tuyên bố quan trọng sẽ đến, hoặc từ mặt trận hoặc một lời tuyên bố ngoại giao. Mọi thứ đều bị ngắt quãng để phát tin tức càng nhanh càng tốt, xen giữa là các bản hành khúc và các bài ca yêu nước.

Trong các hành lang trung tâm có cả sự lẫn lộn, thất vọng, tràn ngập tâm trạng tự tin của một nước đang tham chiến. Một trong các nhân viên của đài được gọi vào lính đến chào tạm biệt các đồng sự và khoe bộ quân phục. Chắc anh ta mong mọi người sẽ vây quanh và một cảnh chia tay cảm động, đầy kích thích, nhưng thất vọng: chẳng ai chú ý đến anh ta nhiều lắm. Anh đứng đó, nín lấy các đồng sự lúc họ vội vã đi qua, và cố đưa một phần chương trình của anh ta có tiêu đề “Cuộc chia tay của một công dân” lên sóng, để có một ngày có thể kể cho con cháu của anh ta nghe. Anh ta không biết rằng chỉ hai tuần sau, người ta không còn thì giờ cho anh, thậm chí chẳng có thời gian tưởng niệm với một tang lễ hợp thức cho anh nữa.

Bên ngoài studio, một nhạc công dương cầm già đang làm việc cho đài nắm lấy cánh tay tôi. Vị giáo sư già Ursztein kính mến. Trong lúc người ta chia cuộc sống thành ngày và giờ, nhiều thập kỷ nay ông chia cuộc sống của ông thành các khúc nhạc đệm dương cầm. Lúc đó vị giáo sư

cố nhớ lại chi tiết vài sự kiện vừa qua, ông nói:

- Bây giờ chúng ta xem nào. Lúc nào tôi cũng đệm đàn...

Và lúc xác định được ngày tháng của một đoạn nhạc đệm đặc biệt, như một cột mốc ven đường, ông đề ký ức tràn ngập những hồi tưởng nhỏ nhất nhất. Lúc này ông đứng sững sờ, mất phương hướng bên ngoài studio. Làm sao mà cuộc chiến này lại bắt đầu mà không có các khúc nhạc đệm dương cầm – vậy nó giống cái gì kia chứ?

Bối rối, ông than thở:

- Người ta không để cho tôi làm việc ngày hôm nay...

Chiều hôm ấy cả hai chúng tôi làm việc, mỗi người một chiếc dương cầm. Âm nhạc vẫn tiếp tục được truyền đi, dù không theo lịch trình như thường lệ.

Vào lúc giữa ngày, một số người trong chúng tôi thấy đói và rời trung tâm phát thanh đi ăn trưa ở một nhà hàng gần đấy. Các đường phố trông hầu như bình thường. Trên các phố lớn có nhiều xe cộ, xe điện và người đi bộ, các cửa hiệu vẫn mở, và vì thị trường kêu gọi dân chúng không tích trữ lương thực, cam đoan với chúng tôi rằng không cần phải làm như thế, nên bên ngoài các cửa tiệm không còn cảnh xếp hàng rồng rắn nữa. Nhiều người buôn bán trên phố đang bán thứ đồ chơi bằng giấy tượng trưng một con lợn, nhưng nếu ghép các tờ giấy lại với nhau và mở ra theo một kiểu nhất định, lại biến thành bộ mặt Hitler.

Chúng tôi kiểm một bàn ở nhà hàng dù khá khó khăn, té ra hôm nay không có một số món ăn bình thường trong thực đơn, còn các món khác đắt hơn ngày thường. Bọn đầu cơ đã bắt đầu ra tay.

Câu chuyện xoay quanh chủ đề chính là mong sao sắp tới, Pháp và Anh tuyên chiến. Phần lớn chúng tôi, ngoài một số người bi quan, đều tin rằng họ sẽ tham chiến nay mai, và một số người tin rằng cả Mỹ cũng sẽ tuyên chiến với Đức. Các lý lẽ đều xuất phát từ kinh nghiệm của cuộc chiến tranh Vĩ Đại, và cảm giác chung là mục tiêu duy nhất của cuộc xung đột này cho chúng tôi thấy cách tiến hành hiện tại khá hơn và lần này cuộc chiến sẽ hợp thức hơn.

Ngày 3 tháng Chín, Pháp và Anh tuyên chiến. Tôi vẫn đang ở nhà, dù lúc đó là mười một giờ trưa. Chúng tôi mở radio suốt ngày để không bỏ sót một lời các bản tin quan trọng. Các thông báo từ mặt trận không phải là thứ chúng tôi mong đợi. Kỵ binh của chúng tôi đã tấn công Đông

Phổ và máy bay của chúng tôi đang oanh kích các mục tiêu quân sự Đức. Nhưng ngay lúc ấy lực lượng quân đội mạnh nhất của địch vẫn buộc quân đội Ba Lan rút khỏi nơi này, nơi khác. Làm sao lại có thể như thế khi cơ quan tuyên truyền của chúng tôi đã nói rằng máy bay và xe tăng Đức làm bằng giấy các tông và chạy bằng thứ nhiên liệu tổng hợp thậm chí không thích hợp được với cả một cái máy bật lửa? Vài máy bay Đức đã bị bắn rơi trên bầu trời Warsaw, và một người chứng kiến đã mô tả thấy xác các viên phi công mặc quần áo giấy và đi giày bằng giấy. Làm sao binh lính được trang bị tồi tệ đến thế buộc chúng ta phải rút lui? Thật là vô nghĩa lý.

Mẹ tôi đang bận tíu tít trong phòng khách. Cha tôi chơi vĩ cầm còn tôi đang ngồi đọc sách trên ghế thì một chương trình không quan trọng bị ngắt quãng, và một giọng nói sắp có một bản tuyên bố cực kỳ quan trọng. Cha tôi và tôi vội đến bên radio trong lúc mẹ tôi sang phòng bên gọi các anh chị tôi. Trong khi đó radio vẫn dạo một bản hành khúc. Phát thanh viên nhắc lại lời lưu ý trên, rồi lại một bản hành khúc khác và hết tuyên bố này đến tuyên bố khác. Chúng tôi khó mà chịu nổi sự căng thẳng khi cuối cùng lúc mà bài quốc ca chấm dứt và tiếp theo là bài quốc ca Anh. Lúc đó chúng tôi hiểu rằng chúng tôi không đơn thương độc mã đối diện với kẻ thù, chúng tôi có đồng minh hùng mạnh và nhất định sẽ thắng, dù có mọi sự thăng trầm, dù cho tình hình của chúng tôi không phải là quá tốt trong thời gian hiện tại. Thật khó miêu tả cảm xúc của chúng tôi khi lắng nghe bản tuyên bố trên radio. Mẹ tôi dằn dụa nước mắt, cha tôi khóc không chút ngưng ngừng và anh Henryk tôi nắm ngay lấy cơ hội thui cho tôi một quả, cái kính nói:

- Cho mày này! Tao đã bảo mà, nhớ không?

Regina không muốn trông thấy chúng tôi cãi cọ và lúc đó nên bình tĩnh xen vào:

- Thôi đi, tất cả chúng ta đều hiểu chuyện này rồi sẽ đến mà – Chị ngưng lại rồi nói thêm – Đây là kết quả của các cuộc thương lượng...

Regina là luật sư và thành thạo về các chủ đề này cho nên chẳng đại gì mà cãi lại chị.

Trong lúc đó Halina vẫn ngồi bên radio, cố chỉnh sóng đài London, chị muốn trực tiếp khẳng định các tin tức.

Các chị tôi là những thành viên bình tĩnh nhất trong gia đình. Họ giống ai nhỉ? Nếu có, ắt là mẹ tôi, nhưng bà vẫn là người dễ xúc động so với Regina và Halena.

Bốn giờ sau Pháp tuyên chiến với Đức. Chiều hôm đó cha tôi nhất quyết tham gia biểu tình

bên ngoài toà đại sứ Anh, Mẹ tôi không vui lắm nhưng ông cứ đi. Ông trở về trong trạng thái cực kỳ hân hoan, tóc tai rối bời vì bị đám đông chen lấn. Ông đã nhìn thấy bộ trưởng ngoại giao nước tôi và các vị đại sứ Anh và Pháp, ông đã vui mừng và còn hát với mọi người, nhưng đột ngột đám đông bị yêu cầu giải tán nhanh chóng nào hay chóng ấy vì có thể bị oanh kích. Đám đông vội làm theo yêu cầu và cha tôi suýt nữa bị chết ngạt. Dù sao chẳng nữa ông rất vui và phấn chấn.

Thật không may, niềm vui của chúng tôi quá ngắn ngủi. Các bản thông báo ngoài mặt trận ngày càng gây nhiều hoang mang. Ngày 7 tháng Chín, trước lúc rạng đông, một tiếng gõ rất to trước cửa nhà chúng tôi. Người hàng xóm ở đối diện với căn hộ chúng tôi là một bác sĩ đang đứng bên ngoài, ông đi ủng cao của quân đội, áo khoác đi sẵn, mũ thể thao và đeo ba lô. Ông đang vội, nhưng ông nghĩ ông có nhiệm vụ báo cho chúng tôi biết quân Đức đang tiến đến Warsaw, chính phủ đã dời đến Lublin và tất cả đàn ông đủ tiêu chuẩn nghĩa vụ quân sự đã rời thành phố qua bên kia sông Vistula, nơi sắp lập một phòng tuyến mới. Ban đầu, không một ai tin ông. Tôi quyết định đi lấy thử tin tức từ các người hàng xóm khác. Henryk bật radio, nhưng lặng ngắt, đài phát thanh đã biến vào không khí.

Tôi không sao tìm ra nhiều hàng xóm. Nhiều căn hộ đã khoá kín. Cánh phụ nữ đang thu xếp đồ đạc cho chồng và anh em trai, họ khóc nức nở và sẵn sàng cho những chuyện xấu nhất. Không còn nghi ngờ gì nữa, việc ông bác sĩ nói là sự thật.

Tôi nhanh chóng quyết định sẽ ở lại. Đây không phải là lúc lang thang ngoài phố, nếu phải chết, tôi sẽ chết ở nhà. Và tôi nghĩ, hơn thế nữa, cần có người chăm sóc mẹ tôi và các chị tôi nếu cha tôi và Henryk ra đi chứ. Tuy nhiên lúc chúng tôi bàn bạc, tôi thấy họ cũng quyết định ở lại.

Cảm giác trách nhiệm làm mẹ tôi cố thuyết phục chúng tôi rời thành phố, tất cả chúng tôi. Bà nhìn hết người này sang người khác, mắt bà mở to sợ hãi, nêu nhiều lý lẽ ủng hộ việc rời Warsaw. Tuy vậy khi chúng tôi nhất quyết ở lại, sự nhẹ nhõm và hài lòng theo bản năng lộ rõ trong cặp mắt đẹp, đầy biểu cảm của bà: dù xảy ra bất cứ chuyện gì đi chăng nữa, tốt nhất là ở bên nhau.

Tôi đợi đến lúc tám giờ, và lúc ra ngoài, chỉ thấy không thể nhận ra thành phố. Sao chỉ mới trong vài giờ, diện mạo của nó lại thay đổi nhanh đến thế, hoàn toàn đến thế?

Tất cả các cửa tiệm đều đóng cửa. Đường phố không một bóng xe điện, chỉ có xe hơi bị nhồi chật ních và phóng thật nhanh, tất cả đều lao về một hướng – thẳng đến những cây cầu bắc

qua sông Vistula. Một biệt đội đang diễu hành trên phố Marszalkowska. Họ cư xử ngang ngược, và hát, song có thể thấy kỷ luật lỏng lẻo một cách khác thường: mũ mòn xơ các góc, đeo súng mỗi người một kiểu và đi không đều nhịp. Trên mặt họ có vẻ làm ta thấy họ đã mất vẻ chủ động của riêng họ lúc ban đầu, từ lâu họ trở thành một phần của bộ máy chính xác, hoàn hảo là quân đội.

Hai phụ nữ trẻ đứng trên vỉa hè ném cho họ những bông cúc tây màu hồng và gọi to câu gì đó một cách kích động, gọi một lần nữa, gọi mãi. Không ai tỏ ra chú ý. Người ta đang hối hả, và rõ ràng là tất cả mọi người đều muốn vượt qua sông Vistula lo kiếm một số thứ quan trọng nhất trước khi quân Đức tấn công.

Những người này trông cũng khác hẳn tối hôm qua. Warsaw vốn là một thành phố thanh lịch như thế! Cái gì đã làm cho các quý ông các quý bà ăn mặc như thế vừa bước thẳng từ trong tạp chí thời trang ra vậy? Hôm nay nhìn mọi người ở tứ phía đang cuống quýt, ăn mặc kỳ quặc như những người đi săn hoặc khách du lịch. Họ đi ủng cao, giày trượt tuyết. quần trượt tuyết, quần ống túm, khăn trùm đầu và đều xách bọc gói, đeo ba lô và cầm gậy. Họ chẳng buồn để ý đến vẻ văn minh vì ăn mặc quá cầu thả và hấp tấp.

Đường phố hôm qua sạch sẽ là thế, hôm nay đầy rác rưởi và bụi bặm. Nhiều binh lính đang ngồi hoặc nằm ườn bên kia đường, ngay trên vỉa hè, trên lề đường lát đá, ngay cả trên lòng đường. Họ đi thẳng từ mặt trận về, mặt mũi, trang phục và cử chỉ lộ rõ vẻ quá ư là mệt mỏi và chán nản, đến nỗi những người đứng xem hiểu ngay lý do họ ở đây chứ không phải ở mặt trận, vì đâu còn mặt trận nữa. Thật chẳng bõ công. Nhiều nhóm nhỏ truyền những tin tức về các chiến trường lượm lặt được từ các binh lính. Tất thấy đều là các tin xấu.

Theo bản năng, tôi nhìn quanh để tìm các loa phóng thanh công cộng. Có lẽ họ đã dỡ bỏ đi rồi? Không, chúng vẫn ở đấy nhưng hoàn toàn câm lặng.

Tôi vội vã đến trung tâm phát thanh. Sao không hề có thông báo? Sao không có lấy một người yêu quý dân chúng và ngăn chặn cuộc di cư khổng lồ này lại? Nhưng nơi này đóng cửa im ỉm. Bộ phận quản lý đài đã rời bỏ thành phố, chỉ còn các thủ quỹ đang hấp tấp thanh toán ba tháng lương cho các nhân viên và các nghệ sĩ biểu diễn của đài, thay cho lời thông báo.

- Bây giờ chúng ta phải làm gì đây? – tôi nắm lấy tay của một vị quản lý cấp cao.

Ông ta ngậy ra nhìn tôi, rồi tôi thấy vẻ khinh miệt trong ánh mắt ông ta và sự giận dữ trong

cách ông ta giật bàn tay ra khỏi tay tôi:

- Ai cần nữa? – Ông ta gào lên, nhún vai rồi sải bước ra phố. Ông ta đóng sầm cánh cửa lại sau lưng. Thật không thể nào chịu đựng nổi.

Không có người nào có thể thuyết phục được đám dân chúng này đừng bỏ chạy. Loa phóng thanh trên các cột đèn câm lặng, không có người quét dọn rác rưởi trên đường phố. Rác rưởi hay sự sợ hãi? Hay nỗi xấu hổ vì đã bỏ các phố phường thay vì chiến đấu?

Giá trị của chốn kinh thành bỗng nhiên mất tiêu không thể phục hồi. Đây chính là sự thất bại. Tôi trở về nhà, hết sức nản lòng. Tối hôm sau quả đạn đầu tiên của pháo binh Đức rơi vào xưởng gỗ đối diện nhà tôi. Cửa sổ của các cửa tiệm ở góc phố được dán băng keo trắng cẩn thận đến thế là những thứ rơi vỡ đầu tiên.

Chương 3

Những tên Đức đầu tiên

May thay vài ngày sau tình hình khá lên nhiều. Thành phố tuyên bố là một pháo đài và người chỉ huy được chỉ định, ông ta phát ra lời kêu gọi dân chúng ở đâu nguyên đấy và sẵn sàng bảo vệ Warsaw. Cuộc phản công của quân đội Ba Lan được tổ chức ở bờ bên kia, chỗ ngoặt của dòng sông, trong lúc đó chúng tôi phải ghìm lực lượng chủ chốt của quân thù ở Warsaw cho đến khi người mình đến tiếp viện. Tình hình quanh Warsaw cũng đang khá lên, pháo binh Đức đã ngừng pháo kích vào thành phố.

Mặt khác, những cuộc oanh kích của kẻ thù đang đến gần. Hiện giờ không có báo động phòng không nữa, chúng đã làm tê liệt thành phố và những thứ chuẩn bị để phòng thủ đã quá lâu. Hầu như giờ phút nào cũng có những chiếc máy bay ném bom màu trắng bạc xuất hiện títt trên cao, in trên nền trời mùa thu xanh ngắt, xanh đến lạ thường, và chúng tôi nhìn thấy các cuộn khói màu trắng của các khẩu pháo phòng không bắn lên. Lúc đó chúng tôi phải chạy vội xuống hầm trú ẩn. Bây giờ không phải là trò đùa, cả thành phố là mục tiêu ném bom. Sàn và các bức tường của hầm trú ẩn rung lên, và nếu bom rơi trúng toà nhà mà bạn đang nấp phía dưới, có nghĩa là cầm chắc cái chết, chẳng khác viên đạn là trò chơi chết người của bàn cờ quay Nga. Xe cứu thương thường xuyên chạy khắp thành phố, và lúc chạy thường kéo theo các taxi, có khi cả xe ngựa chở người chết và người bị thương nhặt trong đồng đổ nát.

Tinh thần dân chúng rất cao và nhiệt tình cứ lớn lên từng ngày. Chúng tôi không còn dựa vào sự may mắn và tự phát của từng người như trong ngày 7 tháng Chín nữa. Lúc này chúng tôi là một đội quân có chỉ huy và quân trang, quân dụng. Chúng tôi có mục đích rõ ràng - tự vệ - và hoặc thành công hay thất bại, đều phụ thuộc vào bản thân chúng tôi. Chúng tôi chỉ sử dụng sức mạnh của chính mình.

Tổng chỉ huy kêu gọi dân chúng đào hào chung quanh thành phố để chống xe tăng của Đức. Tất cả chúng tôi đều tình nguyện đi đào, chỉ có mẹ tôi ở nhà buổi sáng trông nom nhà cửa và nấu ăn cho chúng tôi.

Chúng tôi đào suốt theo sườn đồi ở ngoại ô thành phố. Một khu biệt thự duyên dáng đứng phía sau chúng tôi, và công viên thành phố đầy cây to ở phía trước. Công việc này thật sự dễ

chịu nếu không có những trận ném bom nhằm vào chúng tôi. Chúng không đặt biệt chính xác, và rơi cách xa, nhưng lúc nghe tiếng bom rít qua khi chúng tôi đang đào hào thì chẳng dễ chịu tí gì, khi biết một trong những quả bom đó có thể rơi vào chúng tôi.

Hôm đầu tiên, một ông già Do Thái mặc caftan[3], đội yarmulka[4] đào đất cạnh tôi. Ông đào hăng hái, hất từng xẻng đất như thể đó là kẻ thù, miệng sùi bọt, bộ mặt xanh tái rùng rùng mồ hôi, toàn thân ông lão run lên, các bắp thịt teo lại. Ông lão nghiêng rằng lúc làm việc, như ngọn gió lốc của chiếc caftan đen và chòm râu đen. Công việc lao động nặng nhọc bền bỉ vượt xa khả năng bình thường của ông, làm mất cả những kết quả nhỏ bé. Mũi xẻng của ông lão khó mà xuyên qua được lớp bùn dầy quánh, những hòn đất khô màu vàng ông bật lên lại rơi vào lòng hào trước khi ông già tội nghiệp rán sức vượt bậc để vung xẻng hất bùn ra ngoài hào. Có nhiều lúc ông lão dựa lưng vào thành hào ho sù sụ. Tái nhợt như người chết, ông lão hớp từng ngụm rượu bạc hà cho các bà già làm. Họ đã quá già không thể đào hào được nhưng muốn làm việc gì có ích.

- Cụ làm việc quá sức đấy – tôi nói với ông lão trong lúc nghỉ - Cụ không nên đào đất khi không được khoẻ. – Cảm thấy thương ông già, tôi cố thuyết phục ông nghỉ việc, rõ ràng ông lão chẳng thích hợp với công việc này – Với lại chẳng có ai đòi hỏi cụ phải làm việc này.

Ông già liếc nhìn tôi trong lúc vẫn thở nặng nhọc, rồi ngược đầu nhìn bầu trời êm ả, xanh như ngọc bích vẫn lớn vờn các cụm mây trắng nhỏ do các mảnh đạn trái phá nổ tung, một vẻ vui sướng vô ngần xuất hiện trong mắt ông, dường như ông lão nhìn thấy Yahweh trên thiên đường với tất cả sự đường bệ của Người.

- Tôi có một cửa hiệu – ông lão thăm thì.

Ông buột ra một tiếng thở dài sâu hơn và đột nhiên nức nở. Sự liều lĩnh tuyệt vọng biểu hiện trên mặt ông lúc ông lại lao vào cầm cái xẻng để bên cạnh ông, với tất cả sự cố gắng không cùng.

Sau hai ngày, tôi thôi không đi đào hào nữa. Tôi nghe tin đài phát thanh có giám đốc mới là Edmund Rudnicki là người đã từng lãnh đạo ban âm nhạc. Ông không bỏ chạy như những người khác, mà tập hợp các đồng sự đang phân tán và khai trương lại đài phát thanh. Tôi quyết định rằng tôi làm việc ở đó có ích hơn là đào đất, mà đúng như vậy, tôi chơi nhiều loại, cả độc tấu lẫn đệm đàn.

Trong khi đó, có thể nói tình hình của thành phố bắt đầu xấu đi, tỷ lệ nghịch với lòng can đảm và sự quyết tâm của dân chúng.

Pháo binh Đức lại bắt đầu nã đạn vào Warsaw, lúc đầu là vùng ngoại ô, sau đó pháo kích vào trung tâm thành phố. Ngày càng có nhiều tòa nhà mất bay cửa sổ, nhiều lỗ hổng trên tường nơi bị trúng đạn, và các góc nhà bị sập đi. Ban đêm bầu trời đỏ lù vì những đám cháy và không khí sặc mùi khét lẹt. Các thứ dự trữ hoạt động rất kém. Đây là điểm mà viên thị trưởng thành phố anh hùng Starzynski đã lầm, lẽ ra ông không nên khuyên dân chúng chống lại việc tích trữ lương thực, thực phẩm. Hiện giờ thành phố không chỉ nuôi dân mà còn nuôi cả binh lính mắc kẹt trong thành, và quân đội Postnan từ phía Tây trên đường đi qua Warsaw để củng cố phòng tuyến.

Khoảng 20 tháng Chín, cả gia đình tôi dọn ra khỏi căn hộ ở phố Sliska, đến nhà bạn ở tầng một của ngôi nhà trên phố Panska. Chúng tôi chẳng thích thú gì các hầm trú ẩn tránh bom. Khó mà thở được trong bầu khí ngột ngạt ở dưới hầm, và trần hầm thấp có thể sập xuống bất cứ lúc nào, chôn vùi mọi thứ bên dưới cùng với toà nhà nhiều tầng đổ nát ở trên. Nhưng cũng khó mà chịu đựng được dai dẳng trong căn hộ trên tầng ba của chúng tôi. Chúng tôi vẫn nghe thấy tiếng những quả đạn pháo rít qua cửa sổ, làm vỡ tan hết các cửa kính, và một trong những quả đạn ấy có thể dễ dàng trúng nhà trên đường xuyên qua không khí. Chúng tôi nghĩ ở tầng một vẫn tốt hơn, đạn pháo câu vào các tầng ở trên cao và nổ tung ở đó, còn chúng tôi sẽ không phải xuống hầm. Trong nhà bạn chúng tôi đã có rất đông người, cho nên chúng tôi phải ngủ trên sàn.

Trong thời gian Warsaw bị bao vây, chương đầu trong câu chuyện thâm cảm của thành phố sắp đến hồi kết.

Tôi càng ngày càng khó đi được đến trung tâm phát thanh. Xác dân chúng và ngựa bị pháo kích nằm la liệt trên đường phố, cả thành phố chìm trong lửa, hệ thống cung cấp nước của thành phố bị pháo kích và bom phá huỷ, không tài nào dập tắt được các đám cháy. Chơi đàn ở studio cũng rất nguy hiểm. Bọn Đức nã đạn vào các vị trí quan trọng nhất trong thành phố và sau khi phát thanh viên tuyên bố chương trình, bọn Đức pháo kích vào đài phát thanh.

Trong giai đoạn áp chót của cuộc vây hãm, nỗi lo sợ bị phá hoại của dân chúng lên tới cao điểm, đến mức hoảng loạn. Ai cũng có thể bị buộc tội là do thám và bị bắn bất cứ lúc nào, trước khi kịp thanh minh.

Trong ngôi nhà chúng tôi lưu lại cùng bè bạn, có một bà cô già, một giáo viên dạy nhạc sống ở tầng bốn. Thật rủi cho bà lại mang họ Hoffer và bà là người can đảm. Lòng can đảm của bà được miêu tả như một kiểu lập dị. Không một trận oanh tạc hay pháo kích nào làm bà xuống hầm, thay vào đó trước giờ ăn trưa, bà chơi đàn đến hai tiếng đồng hồ liền. Bà vẫn giữ mấy con chim trong lồng trên ban công nhà bà và cho chúng ăn ba lần một ngày, đều đặn, ngoan cường. Cái kiểu sống ấy nhìn thật lạ lùng, khác biệt trong thành phố Warsaw bị vây hãm. Hình như có nhiều nghị vấn từ các cô hầu gái sống trong toà nhà. Họ gặp nhau trong các buổi trò chuyện chính trị ở nhà người quản gia. Sau một hồi chuyện tới chuyện lui, họ đi tới kết luận khẳng định rằng cô giáo có cái tên Đức không thể nhầm được kia ắt phải là người Đức, và cái kiểu chơi đàn dương cầm của cô là một loại mật mã để cô gởi tín hiệu cho các phi công lái Luftwaffe, bảo họ ném bom xuống chỗ nào. Ngay tức khắc những người đàn bà nôn nóng này đến chỗ cô gái già lập dị, trói bà ta lại, lôi bà ta xuống cầu thang và nhốt bà vào một gian hầm cùng với lũ chim là chứng cứ phá hoại của bà. Không ngờ là họ đã cứu sống bà, vài giờ sau một quả đạn rơi trúng vào căn hộ của bà và phá huỷ toàn bộ.

Tôi chơi đàn trước micro lần cuối cùng vào ngày 23 tháng Chín. Tôi không hề biết làm sao ngày hôm ấy tôi lại đến trung tâm phát thanh được. Tôi chạy trên lối đi từ toà nhà này sang toà nhà khác, tôi nấp, rồi chạy ra đường phố lúc tưởng không còn nghe thấy tiếng rít của đạn pháo vèo qua. Tôi gặp thị trưởng Starzynski ở cửa trung tâm phát thanh. Tóc tai ông rối bù, không cạo râu, gương mặt ông đượm vẻ mệt mỏi đến chết. Đã nhiều ngày nay ông không được ngủ. Ông là trái tim, là linh hồn của phòng tuyến, ông là người anh hùng thật sự của thành phố. Toàn bộ trách nhiệm về số phận của Warsaw đổ lên vai ông. Ông có mặt ở khắp nơi: ông đến các chiến hào, trông nom việc làm các chương ngại vật, thành lập các bệnh viện, phân phối số lương thực thực phẩm ít ỏi sao cho hợp lý, phòng chống oanh kích, phục vụ các hoả lực, và vẫn tìm được thời gian để hàng ngày trò chuyện với dân chúng. Mọi người háo hức đợi các bài diễn thuyết của ông và nhờ đó lấy lại được can đảm, chẳng có lý gì mọi người lại mất nhiệt huyết trong khi rõ ràng là thị trưởng vẫn có. Đảng nào thì tình hình cũng không đến nỗi quá xấu. Pháp đã chọc thủng phòng tuyến Siegfried, Hamburg đã bị không quân Anh ném bom dữ dội, và hiện giờ quân đội Anh có thể đổ quân lên nước Đức bất cứ lúc nào. Hoặc chúng tôi tưởng như thế.

Trong ngày cuối cùng ở đài phát thanh, tôi đã đọc tấu một bản nhạc của Chopin. Đây là buổi phát thanh nhạc sống cuối cùng của Warsaw. Nhiều quả đạn pháo nổ gần trung tâm phát thanh đúng lúc tôi đang chơi đàn, các toà nhà bốc cháy rất gần chỗ chúng tôi. Tôi gần như không thể nghe thấy tiếng đàn của mình qua những âm thanh ồn ào. Sau bản độc tấu, tôi phải đợi hai giờ

liền để cho cuộc oanh kích dội đi tôi mới trở về nhà được. Cha mẹ, các anh chị tôi tưởng tôi đã chết, và mừng tôi như đón một người mới chui dưới mộ lên. Cô hầu gái của chúng tôi là người duy nhất nghĩ rằng mọi sự lo lắng đều không cần thiết.

- Đàng nào thì cậu nhà cũng có giấy tờ trong túi áo – cô nói rõ – nếu cậu ấy bị chết, họ sẽ đưa cậu ấy về tận nhà.

Vào lúc ba giờ mười lăm chiều hôm ấy, đài phát thanh Warsaw tắt ngóm giữa không trung. Đài đang phát bản concerto cho dương cầm điệu đô thứ của Rachmaninov, phần thứ hai tuyệt đẹp, thanh thản, sắp đến đoạn kết thì bị bom Đức đánh sập trạm phát điện. Các loa phóng thanh trên toàn thành phố câm bặt. Cho đến tối, bất chấp những cuộc pháo kích bùng nổ dữ dội, tôi cố sáng tác bản concerto cho dương cầm và dàn nhạc. Tôi vẫn làm việc suốt tháng Chín, dù mỗi ngày một khó khăn hơn.

Tối hôm ấy, lúc hoàng hôn đã buông, tôi thò đầu ra cửa sổ. Đường phố vắng ngắt, đỏ hồng vì ánh lửa của các đám cháy, không một tiếng động ngoài tiếng vọng của các đạn pháo đang nổ. Phía bên trái phố Marszalkowska đang bốc cháy, cả phố Krolewska và quảng trường Grzybowski đằng sau nhà tôi và phố Sienna ở ngay đằng trước cũng đang cháy. Hàng đụn khối nặng nề, đỏ như máu hiện ra lò mờ phía trên các toà nhà. Đường phố và các vỉa hè nào cũng rắc đầy truyền đơn Đức trắng xoá, không ai nhặt lên vì người ta đồn chúng được tẩm thuốc độc. Hai cái xác nằm ở ngã tư dưới cột đèn, một người dang rộng cánh tay, người kia nằm cuộn tròn như đang ngủ. Bên ngoài nhà chúng tôi có xác một phụ nữ bị bay mất đầu và một cánh tay. Một cái xô nằm lật ngược bên cạnh, chắc hẳn chị ta đang trên đường đi lấy nước ở giếng. Máu của chị chảy vào rãnh nước thành một dòng dài, đen sẫm, rồi vào cái cống thoát đầy nắp lưới sắt.

Một xe ngựa kéo đang đi ngúc ngoắc từ phố Wielka xuống phố Zelazna. Khó mà biết làm sao nó đến được đây, và làm sao cả con ngựa lẫn người đánh xe đều bình tĩnh như không có gì xảy ra quanh họ. Người đánh xe ghìm ngựa lại ở góc phố Sosnowa, như phân vân xem nên rẽ hay đi thẳng. Sau giây lát ngẫm nghĩ, anh ta chọn đi thẳng, anh chắc lười và con ngựa tiếp tục đi nước kiệu. Cả hai vừa đi được mười bước thì có tiếng đạn pháo rít, một tiếng vang ầm, rồi đường phố sáng trắng lên trong giây lát như đèn chớp lúc chụp hình, tôi loá cả mắt. Lúc mắt tôi lại quen với ánh sáng lò mờ, chẳng còn chiếc xe đâu nữa. Nhiều mảnh gỗ vụn tan tành, vết tích của các bánh xe và càng xe, những mẫu ghế, xác của người đánh xe và con ngựa tan nát, nằm sát cạnh bức tường của toà nhà. Nếu như anh ta rẽ sang phố Sosnowa thì...

Những ngày 25 và 26 tháng Chín khủng khiếp đã đến. Tiếng pháo kích dồn dập hoà với tiếng

súng máy gầm không ngừng, tiếng máy bay bổ nhào như tiếng máy khoan điện đang khoan nhiều lỗ trên thép. Không khí nặng những khói, bụi của gạch ngói vỡ nát. Nó ở khắp mọi nơi, làm dân chúng ngạt thở, phải chúi trong hầm hoặc trong nhà, ở càng xa đường phố càng tốt.

Tôi không hiểu làm sao mình lại sống sót qua được những ngày này. Một mảnh bom đã giết chết người ngồi cạnh tôi trong phòng ngủ của bạn tôi. Tôi trải qua hai đêm và một ngày cùng mười người đứng trong một phòng vệ sinh nhỏ xíu. Vài tuần sau, lúc chúng tôi không biết sao lại có thể làm được như thế, chúng tôi thử len lại vào đó một lần nữa và thấy chỉ có thể vừa cho tám người, trừ phi người ta kinh hoàng vì cuộc sống của họ.

Warsaw bị bao vây vào ngày thứ Tư, 27 tháng Chín.

Đã hơn hai ngày nay, tôi mới dám ra ngoài và đi vào thành phố. Tôi trở về nhà trong nỗi thất vọng sâu sắc: thành phố không còn tồn tại nữa, hoặc lúc đó tôi còn non nớt nên nghĩ như thế.

Nowy Swiat là một đường phố hẹp, lượn qua nhiều đồng gạch vụn. Đến góc phố nào tôi cũng phải đi vòng tránh các chướng ngại vật dựng bằng các toa xe điện lật nhào và những tấm đá lát đường đã mòn. Nhiều xác chết đã bắt đầu thối rữa chồng chất trên các đường phố. Dân chúng đói khát vì bị phong tỏa, bắt đầu xâu xé xác những con ngựa nằm rải rác. Nhiều ngôi nhà đổ nát vẫn đang cháy âm ỉ.

Tôi đang ở phố Aleje Jerozolimskie thì một chiếc xe mô tô từ hướng sông Vistula áp sát. Hai tên lính mặc quân phục màu xanh lá cây lả lẫm, đội mũ sắt ngồi trên. Chúng có bộ mặt to, dừng dưng và mắt màu da trời nhạt. Chúng dừng xe cạnh một vỉa hè và gọi một cậu bé đang hoảng hốt. Chúng tiến đến cậu bé:

- Marschallstrass! Marschallstrass!

Chúng nhắc đi nhắc lại từ ấy, gọi phố Marszalkowska theo kiểu Đức. Cậu bé chỉ đứng đó, lúng túng, miệng há hốc, không thốt nên lời.

Bọn lính đã mất hết kiên nhẫn:

- Ô! Quỷ tha ma bắt mày đi! – Tên lái xe quát và làm một cử chỉ giận dữ. Hấn dận ga và chiếc mô tô rồ máy phóng thẳng.

Đó là những tên Đức đầu tiên tôi thấy.

Vài ngày sau, những bản thông báo bằng hai thứ tiếng xuất hiện trên các bức tường của Warsaw do tên chỉ huy Đức phát hành và hứa hẹn những điều kiện làm việc ổn định cho dân chúng và bảo vệ nước Đức. Có một phần đặc biệt dành riêng cho người Do Thái: họ được bảo đảm mọi quyền lợi, không bị xâm phạm tài sản và tính mạng của họ được an toàn tuyệt đối.

Chương 4

Cha tôi “cúi chào” lính Đức

Chúng tôi đã trở về phố Sliska. Chúng tôi thấy nhà mình nguyên vẹn, dù nghĩ rằng điều đó là không thể. Vài cánh cửa sổ bị mất, ngoài ra không sao hết. Cửa ra vào khóa chặt, những đồ vật nhỏ nhất cũng ở nguyên chỗ cũ. Những ngôi nhà khác trong vùng cũng không hề hấn gì, hoặc chỉ bị hư hại nhẹ. Vài ngày sau lúc chúng tôi ra ngoài xem những người quen biết ra sao, chúng tôi mới phát hiện ra thành phố bị huỷ hoại rất nhiều, song về cơ bản vẫn đứng vững. Tổn thất không trầm trọng như mọi người tưởng lúc ban đầu, khi đi ngang qua những khoảng đổ nát rộng lớn vẫn còn đang bốc khói.

Dân chúng cũng y như vậy. Lúc đầu nghe nói có đến một trăm ngàn người chết, một con số khổng lồ chiếm tới mười phần trăm dân số của thành phố và làm ai nấy kinh hoàng. Sau này chúng tôi được biết khoảng hai ngàn người chết.

Trong đó có nhiều bạn bè chúng tôi mới gặp họ mấy ngày trước, giờ đây nằm dưới những đồng đổ nát hoang tàn vì bom đạn. Hai đồng sự của chị Regina đã chết lúc một toà nhà ở phố Koykova bị sập. Đi qua toà nhà này, bạn phải lấy khăn tay bịt chặt lấy mũi, mùi tửm lợm của tám cái xác thấm qua cửa sổ của căn hầm khoá kín, qua mọi xó xỉnh và kẽ nứt làm ô nhiễm không khí. Một quả đạn pháo đã giết chết một đồng nghiệp của tôi ở phố Mazowiecka. Chỉ sau khi tìm thấy đầu anh ta mới xác định được những mảnh di hài rải rác là của một người có thời là một nghệ sĩ vĩ cầm tài ba.

Mọi tin tức hãi hùng không làm xáo động được sự vui mừng tự nhiên của chúng tôi là bản thân vẫn còn sống sót, và biết rằng những người thoát chết không còn mối nguy hiểm nào ngay tức thì, dù trong tiềm thức cố nén những xúc cảm ấy vì xấu hổ. Trong thế giới mới này, mọi thứ mới một tháng trước đây còn có ý nghĩa vĩnh cửu đã bị phá huỷ, những thứ đơn giản nhất trước kia hầu như chẳng chú ý gì thì lại có ý nghĩa to lớn vô cùng: một chiếc ghế bành chắc chắn thoải mái, sự dễ chịu của cái bếp lò ốp gạch men trắng làm dịu cái nhìn của bạn, tiếng cọt két của ván sàn – một khúc dạo đầu khoan khoái cho bầu không khí yên bình và êm ả ở nhà.

Cha tôi là người đầu tiên lại chơi nhạc. Ông né tránh hiện thực bằng cách chơi vĩ cầm nhiều

giờ liên tục. Nếu ai đó làm ông ngắt quãng bằng một mẩu tin dữ, ông lắng nghe và cau mày trông rất bức bối, nhưng gương mặt ông nhanh chóng trở nên sáng sủa và ông vừa nói vừa nâng cây vĩ cầm lên cầm:

- Ồ chẳng sao đâu. Chắc là một tháng nữa quân Đồng Minh sẽ đến đây thôi – Đây là câu trả lời tin tưởng cho mọi câu hỏi và vấn đề của thời đại, là cách ông khép chặt cánh cửa sau ông và trở về với thế giới âm nhạc mà ông cho là thích hợp nhất.

Thật không may, những tin mới nhất được nhiều người lượm lặt được từ các đài phát thanh đang hoạt động không khẳng định sự lạc quan của cha tôi. Không có tin nào chúng tôi nghe được là xác đáng: Pháp không có ý định chọc thủng phòng tuyến Siegfried, chẳng có tin gì về việc Anh định ném bom Hamburg, một mình đổ bộ lên bờ biển nước Đức. Mặt khác những cuộc vây ráp đầu tiên của Đức bắt đầu ở Warsaw. Ban đầu chúng tiến hành vụng về, dường như những kẻ thủ phạm cảm thấy xấu hổ vì các phương tiện hành hạ con người mới mẻ này. Và dù sao chúng cũng chưa có chút thực tế nào. Nhiều xe hơi lái xuống phố bất ngờ leo lên hè khi phát hiện ra một người Do Thái, cửa xe mở, một bàn tay thò ra, một ngón tay cong lại “Vào xe!” Những người trở về từ các cuộc vây bắt này được coi là những ví dụ đầu tiên của sự ngược đãi. Nó chưa đến nỗi quá tệ, sự hành hạ thân thể mới hạn chế ở những cái tát, những quả đấm, thi thoảng là những cú đá. Nhưng vì đây là sự việc mới mẻ cho nên các nạn nhân cảm thấy đặc biệt bị xúc phạm, coi một cái tát của lính Đức như một điều nhục nhã. Họ chưa hiểu được rằng ngón đòn như thế không có ý nghĩa về đạo đức hơn một cú đá của con vật.

Trong giai đoạn ban đầu này, nói chung sự giận dữ đối với chính phủ và chỉ huy quân đội đã bỏ chạy, phó mặc số phận của đất nước còn mạnh hơn lòng căm thù quân Đức. Chúng tôi cay đắng nhớ lại những lời của viên thống chế mặt trận đã thề không để kẻ thù lấy được một cái khuy trên bộ quân phục của ông. Ông ta đã làm như vậy, nhưng chỉ vì các khuy áo vẫn còn dính chặt trên bộ quân phục của ông khi ông ta thoát thân ra nước ngoài. Không thiếu ý kiến cho rằng tốt hơn hết là chúng tôi nên ra đi, vì bọn Đức sẽ ra nhiều chỉ thị làm hỗn loạn được nước Ba Lan này.

Giờ đây Đức đã thắng trong cuộc xung đột vũ trang với chúng tôi, tuy vậy, chúng nhất định thua trong cuộc chiến chính trị. Cuộc tàn sát một trăm người dân vô tội đầu tiên ở Warsaw vào tháng Chín năm 1939 là một bước ngoặt quan trọng. Chỉ trong vòng vài giờ, một bức tường căm hận đã dựng nên giữa bọn Đức và người Ba Lan, sau này không thể vượt qua dù bọn Đức sẵn sàng làm thế trong những năm chiếm đóng.

Những sắc lệnh đầu tiên của Đức về án tử hình áp dụng cho những người không tuân lệnh đã công bố. Liên quan nặng nhất là buôn bán bánh mì, bất cứ những ai bị bắt gặp mua hoặc bán bánh mì với giá cao hơn trước chiến tranh đều bị bắn. Lệnh án này gây một ấn tượng tàn phá đối với chúng tôi. Đã nhiều ngày liền chúng tôi không có một miếng bánh mà ăn, chỉ sống bằng khoai tây và các loại tinh bột khác. Tuy vậy Henryk đã phát hiện ra bánh mì vẫn còn quanh đó và vẫn đang được bán, người mua không nhất thiết gục chết ngay tại chỗ. Thế là chúng tôi bắt đầu mua được bánh mì. Lệnh cấm không bao giờ bãi bỏ, và vì hàng ngày ai cũng phải mua và ăn bánh mì trong suốt năm năm bị chiếm đóng, chắc phải có hàng triệu án tử hình vì vi phạm vào quy định ắt phải xảy ra ở khu vực Đức trị vì Ba Lan. Song le, một thời gian dài chúng tôi mới nhận thức được các sắc lệnh của Đức không có trọng lượng, và mỗi nguy hiểm thật sự lại là thứ có thể xảy ra hoàn toàn bất ngờ, như từ trên trời rơi xuống, không do bất cứ quy định hoặc luật lệ nào tuyên bố.

Chẳng mấy chốc các sắc lệnh áp dụng riêng cho người Do Thái được công bố. Một gia đình Do Thái không được giữ lại quá hai ngàn zloty trong nhà. Các khoản tiền tiết kiệm khác và các khoản mục có giá trị phải gửi vào một tài khoản hạn chế trong nhà băng. Đồng thời, bất động sản của người Do Thái phải chuyển cho người Đức. Tất nhiên khó có ai lại ngây thơ đến mức sẵn sàng giao nộp tài sản của mình cho kẻ thù. Cũng như mọi người, chúng tôi quyết định giấu những thứ có giá trị gồm chỉ có chiếc đồng hồ đeo tay bằng vàng của cha tôi, cùng dây chuyền và năm ngàn zloty.

Chúng tôi tranh luận kịch liệt cách giấu chúng. Cha tôi đề nghị các biện pháp đáng tin cậy của cuộc chiến tranh trước như khoét lỗ vào chân bàn ăn và giấu vào đó.

- Thế nhờ chúng lấy mất bàn ăn thì sao? – Henryk chế nhạo.
- Thằng ngu! – Cha tôi bực mình – Chúng lấy bàn ăn làm gì? Một cái bàn như thế này?

Ông liếc nhìn cái bàn đầy vẻ miệt thị. Mặt bàn bằng gỗ óc chó đánh bóng có nhiều vết nứt, và lớp gỗ dán đã hơi bong ở một góc. Định xoá bỏ dấu vết giá trị cuối cùng của thứ đồ gỗ này, cha tôi đến gần cái bàn và ấn ngón tay xuống lớp gỗ dán phồng lên làm nó gãy đánh tách, để lòi ra một vết gỗ trần trụi.

- Mình làm cái quái gì thế? – mẹ tôi trách.

Henryk đưa ra một gợi ý khác. Anh ấy nghĩ chúng tôi nên dùng các biện pháp tâm lý và để

đồng hồ và tiền ra chỗ dễ nhìn. Bọn Đức sẽ lục tìm ở chỗ cao hoặc thấp, và không bao giờ chú ý đến những thứ có giá nằm ngay trên bàn.

Chúng tôi đi đến một thoả thuận hữu hảo: giấu cái đồng hồ dưới tủ nhà bếp, giầy chuyển dưới phím chiếc vĩ cầm của cha tôi, còn tiền thì nhét vào trong khung cửa sổ.

Mặc dù dân chúng sợ các biện pháp trừng trị khắc nghiệt của Đức, họ vẫn không mất hăng hái, tự an ủi rằng bọn Đức có thể chuyển giao Warsaw cho người Nga bất cứ lúc nào và các vùng chiếm đóng chỉ vì thể diện này, sẽ hoàn trả lại cho Ba Lan ngay khi nào có thể. Không có đường biên giới nào được thiết lập ở khúc cong trên sông Vistula, và dân chúng đi vào thành phố từ cả hai bờ sông thề rằng họ đã tận mắt nhìn thấy Hồng quân ở Jablonna hoặc ở Garwolin. Nhưng ngay lập tức họ lại theo người khác mà thề rằng chính họ đã thấy tận mắt quân Nga rút khỏi Vilna và Lvów, nộp các thành phố này cho Đức. Thật khó mà biết nên tin nhân chứng nào.

Nhiều người Do Thái không đợi quân Nga vào nhưng đã bán hết tài sản ở Warsaw và chuyển đến phía Đông là con đường duy nhất tránh xa bọn Đức. Phần lớn các bạn đồng nghiệp của tôi đều ra đi, và giục tôi cùng đi với họ. Tuy vậy gia đình tôi vẫn quyết định ở lại.

Hai ngày sau, một trong các bạn của tôi quay trở lại, thâm tím đầy người và giận dữ, chẳng còn ba lô lẫn tiền bạc. Anh đã thấy năm người Do Thái bị bọn Đức lột trần nửa người, treo ngược tay lên cây gần biên giới và đánh bằng roi da. Anh đã chứng kiến cái chết của bác sĩ Haskielewicz, ông nói với bọn Đức là ông muốn qua sông, chúng đã dí súng lục, ra lệnh cho ông lội xuống sông, đi mãi, ngập sâu vào nước cho đến lúc ông trượt chân và chết đuối. Anh bạn tôi chỉ mất của nả và tiền nong, rồi bị đánh đập và tống trở lại. Nhưng phần lớn dân Do Thái dù bị ngược đãi và đánh đập, vẫn muốn đến nước Nga.

Lẽ tất nhiên là chúng tôi thương hại anh chàng tội nghiệp kia, nhưng đồng thời cũng cảm thấy đắc thắng: giá anh ta nghe lời khuyên của chúng tôi có phải hơn không. Quyết định của chúng tôi không hề bị dao động bởi bất cứ sự cân nhắc hợp lý nào. Chúng tôi quyết định ở lại chỉ vì yêu quý Warsaw, dù không thể cắt nghĩa điều này cho thật minh xác.

Khi nói đến quyết định của chúng tôi, tôi nghĩ đến tất cả những người thân yêu của tôi, trừ cha tôi. Nếu ông không rời Warsaw vì ông không muốn ở quá xa Sosnowiec là nơi ông ra đời. Ông chưa bao giờ thích Warsaw, và tệ hơn cho chúng tôi chính là vì thế, ông càng tha thiết với một Sosnowiec đã được lý tưởng hoá. Sosnowiec là nơi duy nhất có cuộc sống tốt đẹp, là nơi dân chúng có khiếu âm nhạc và biết đánh giá một nghệ sĩ vĩ cầm cừ khôi. Sosnowiec còn là nơi

duy nhất có thể kiếm được một ly bia ngon vì ở Warsaw bạn không thể mua được thứ gì ngoài cái thứ giống như nước rửa bát tẩm lợm không thể uống nổi. Sau bữa ăn tối, cha tôi khoanh tay lại trước bụng, ngả người, nhắm nghiền mắt, mơ mộng và bằng giọng đều đều, ông kể cho chúng tôi nghe về phong cảnh Sosnowiec chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng triu mến của ông.

Trong những tuần lễ cuối thu ấy, chưa đầy hai tháng sau khi bọn Đức chiếm Warsaw, thành phố bất ngờ trở lại hoàn toàn nếp sống như cũ. Sự cải thiện hoàn cảnh vật chất này xảy ra dễ dàng đến mức là một trong những điều ngạc nhiên nhất cho chúng tôi trong mọi điều ngạc nhiên khác của chiến tranh, nơi chẳng có gì diễn ra theo cách chúng ta mong muốn. Thành phố rộng lớn này, thủ đô của một nước có dân số nhiều triệu, bị phá huỷ một phần, vô số viên chức thất nghiệp và những làn sóng tảo cư từ Silesia, vùng Poznan và vùng Pomerania tràn vào. Thật không ngờ - những người dân này, không mái nhà che đầu, không công ăn việc làm với một viễn cảnh ảm đạm nhất - lại hiểu rằng có thể dễ dàng kiếm được những món tiền khổng lồ bằng cách phá vỡ những sắc lệnh của bọn Đức. Sắc lệnh càng ban hành nhiều bao nhiêu, càng có nhiều cơ hội kiếm ăn bấy nhiêu.

Hai cuộc sống bắt đầu tiến hành sát bên nhau: một cuộc sống chính thức, tưởng tượng dựa trên các quy định buộc dân chúng phải làm việc quần quật từ sáng tinh mơ đến tối mịt, gần như không được ăn uống gì, còn cuộc sống thứ hai không chính thức, lại đầy những cơ hội kiếm lợi một cách ngẫu nhiên, sôi sục những cuộc mua bán đô la, kim cương, bột mì, da, thậm chí cả những giấy tờ giả mạo - một cuộc sống thường xuyên bị án tử hình đe dọa nhưng diễn ra vui vẻ trong các khách sạn xa hoa, với những người được đưa đến trong các “xe tay”.

Lẽ cố nhiên không phải ai cũng sống phung phí. Hàng ngày trên đường về nhà, tôi thấy một người đàn bà ngồi trong hốc tường ở phố Sienna, chơi đàn concertina và hát những bài hát Nga. Chị không bao giờ ăn xin trước lúc chạng vạng tối, chắc vì sợ bị nhận ra. Chị mặc bộ quần áo màu xám, chắc là bộ cuối cùng, rất thanh lịch, chứng tỏ người mặc đã từng được thấy những ngày tươi đẹp hơn nhiều. Gương mặt xinh đẹp của chị không sức sống trong bóng hoàng hôn, cặp mắt của chị nhìn chăm chú vào một điểm ở nơi nào đó cao hơn đầu những người qua đường. Chị có giọng hát trầm, quyến rũ, thêm nữa, chị chơi đàn rất hay. Toàn bộ vẻ chịu đựng của chị, cách chị ngồi dựa vào tường, chứng tỏ chị thuộc tầng lớp phụ nữ thượng lưu bị cuộc chiến xô đẩy, buộc phải kiếm sống bằng cách này. Hình như chị kiếm được cũng khá. Trong cái trống lục lục trang trí nhiều dải ruy băng, luôn có nhiều đồng tiền mà chị không ngờ rằng đấy là dấu hiệu của nghề ăn mày. Chị đặt cái trống cạnh bàn chân để không ai có thể nghĩ chị đang đi ăn xin, nó đựng mấy tờ năm chục zloty cũng như nhiều đồng xu.

Bản thân tôi không bao giờ ra khỏi nhà trước lúc hoàng hôn, nhưng vì những lý do hoàn toàn khác. Trong nhiều quy định khó chịu áp dụng cho người Do Thái, có một điều tuy không viết ra nhưng phải tuân theo hết sức cẩn thận.: đàn ông gốc Do Thái phải cúi chào từng tên lính Đức. Điều kiện ngu ngốc và sỉ nhục này làm Henryk và tôi điên tiết. Chúng tôi đã làm mọi thứ có thể để tránh được việc này. Chúng tôi rẽ vòng những phố thật xa chỉ để tránh gặp một tên người Đức, và nếu không tránh không tránh nổi, chúng tôi nhìn lảng đi và giả vờ không nhìn thấy hắn, dù như thế chúng tôi có thể bị đánh đập.

Thái độ của cha tôi lại khác hẳn. Ông tìm những đường phố thật dài để đi dạo, cúi chào từng tên Đức với vẻ duyên dáng mỉa mai không chê vào đâu được, và vui sướng khi một trong những tên lính bị bộ mặt tươi cười của ông đánh lừa, đã chào lại ông và mỉm cười như thể ông là một người bạn tốt. Chiều nào trên đường về, ông không thể nén lại được những lời bình luận ngẫu nhiên trong nhóm người quen rộng rãi của ông, ông kể với chúng tôi rằng vừa đặt chân lên phố, ông đã bị hàng chục người vây quanh. Ông không thể chống lại được sự thân hữu của họ, và bàn tay ông đặt lên mũ chào một cách lịch sự cứng đờ lại vì mỗi. Cùng những lời ấy, ông mỉm cười ranh mãnh và xoa hai tay vào với nhau hân hoan.

Nhưng cũng không thể xem nhẹ sự dã tâm của bọn Đức. Đây chỉ là một phần trong cái hệ thống muốn giữ chúng tôi trong tình trạng bất bệnh, căng thẳng liên miên, mơ hồ về tương lai. Cứ vài ngày lại ra những sắc lệnh mới. Nhìn bên ngoài chúng có vẻ không quan trọng, nhưng để chúng tôi biết rằng bọn Đức không quên chúng tôi, và không hề có ý muốn quên.

Hồi đó người Do Thái đã bị cấm đi xe lửa. Sau đó chúng tôi phải trả vé tàu điện đắt gấp bốn lần người "Aryan". Những tin đồn đầu tiên về việc xây dựng một ghetto bắt đầu lan truyền. Chúng lan rộng rãi trong vòng hai ngày liền, làm chúng tôi rất thất vọng. Nhưng sau đó lại tắt ngấm.

Chương 5

Khiêu vũ trên phố Clodna

Giờ đây khi nhớ lại những kỷ niệm khác khủng khiếp hơn, những điều tôi đã nếm trải ở ghetto Warsaw từ tháng Mười Một 1940 đến tháng Bảy năm 1942, một khoảng thời gian gần hai năm, hoà thành một hình ảnh duy nhất như thể chúng chỉ kéo dài có một ngày đơn độc. Tôi không thể chia thành các phần nhỏ hơn, và xếp chúng theo thứ tự thời gian như bạn thường làm khi viết nhật ký.

Lẽ đương nhiên có một số việc xảy ra trong thời gian đó cũng như trước hoặc sau đó, đã thành tin tức chung và dễ nắm bắt. Bọn Đức lao vào trò săn người để sử dụng vào các công việc nặng nhọc như chúng đã làm trên khắp Châu Âu. Có lẽ điểm khác biệt duy nhất là trong ghetto Warsaw, những cuộc săn lùng này đột nhiên chấm dứt vào mùa xuân 1942. Trong khoảng mấy tháng, người Do Thái là con mồi đáp ứng nhiều mục đích khác nhau, giống như trò chơi khác cần có mùa cấm, để trình diễn một cuộc săn lớn, ngon lành và không gây nản lòng. Chúng tôi là những người Do Thái bị cướp đoạt, cũng như những người Pháp, người Bỉ, người Na Uy, người Hy Lạp bị cướp đoạt, nhưng có điều khác là chúng tôi bị cướp đoạt có hệ thống và đang hoàng chính thức. Bọn Đức là một phần của hệ thống lui tới ghetto và có quyền lấy trộm cho bản thân chúng. Cảnh sát Đức được quyền lấy cắp nhờ một sắc lệnh do viên toàn quyền ban hành cùng với luật về tội ăn cắp do chính quyền của Đức loan bố.

Năm 1941, Đức tiến đánh nước Nga. Trong ghetto, chúng tôi nín thở theo dõi diễn biến cuộc tấn công mới này. Lúc đầu, chúng tôi tin tưởng một cách nhầm lẫn rằng rất cuộc, lúc này Đức sẽ thua. Sau đó chúng tôi cảm thấy thất vọng và ngày càng ngờ vực về số phận của nhân loại và của chúng tôi khi các đội quân của Hitler tiến xa thêm vào nước Nga. Một lần nữa, khi bọn Đức ra lệnh tất cả những Do Thái mặc áo lông thú có nguy cơ bị án tử hình, chúng tôi đã vui sướng tưởng chúng không được mấy thuận lợi, nếu chiến thắng của chúng phụ thuộc vào những bộ áo lông cáo bạc hoặc lông hải ly.

Ghetto đang thu hẹp lại. Quân Đức cắt giảm hết khu phố này đến khu phố khác. Cùng cách như thế, Đức thay đổi biên giới các nước Châu Âu thua trận, chiếm hết tỉnh này đến tỉnh khác. Tưởng chừng như ghetto Warsaw ít quan trọng hơn ở Pháp, trừ phố Zlota và phố Zielna là có ý nghĩa cho việc mở rộng của Lebensraum Đức như như việc tách Alsace và Lorraine khỏi lãnh thổ Pháp.

Tuy nhiên, những việc xảy ra bên ngoài hoàn toàn không có ý nghĩa gì so với một thực tế vô

cùng quan trọng không ngừng chiếm giữ tâm trí chúng tôi từng giờ, từng phút trong thời gian chúng tôi ở ghetto: chúng tôi đang bị giam giữ rất kỹ.

Tôi cho rằng thà chúng tôi bị bỏ tù, ví dụ bị nhốt trong xà lim chẳng hạn, về mặt tâm lý còn dễ chịu đựng hơn. Như thế rành rành hiển nhiên là bị tổng giam, xác định rõ thực trạng quan hệ con người. Sẽ không còn nhâm lẫn về tình trạng của bạn nữa: bản thân xà lim đã là một thế giới, chỉ chứa đựng sự giam cầm của riêng mình bạn, chẳng bao giờ đan xen với thế giới tự do cách biệt. Bạn có thể mơ đến thế giới ấy nếu bạn có thời gian và sở thích, song nếu bạn không nghĩ đến, bản thân nó không làm bạn để ý đến. Nó không sờ sờ trước mắt bạn, hành hạ bạn với bao thứ nhắc nhở bạn về cuộc sống tự do mà bạn đã mất.

Thực trạng của ghetto còn ác hiểm hơn vì nó có bề ngoài tự do. Bạn có thể ra phố và có ảo tưởng rằng đang được ở trong một thành phố hoàn toàn bình thường. Cái băng tay đánh dấu là người Do Thái không làm chúng tôi bận tâm vì tất cả chúng tôi đều đeo, và sống trong ghetto một thời gian, tôi nhận ra rằng tôi đã hoàn toàn quen với chúng, quen đến mức lúc nằm mơ thấy các bạn người Aryan, tôi thấy họ cũng đeo băng tay, như thể dải vải trắng là thứ cần thiết trong tủ quần áo của con người, như chiếc cà vạt vậy. Song le các đường phố trong ghetto – và chỉ ở trên các đường phố này thôi – đều chấm dứt ở các bức tường. Tôi hay ra ngoài đi dạo hù hù, đi thẳng về phía trước và bất ngờ đụng phải những bức tường này. Chúng chắn đường lúc tôi muốn đi tiếp và không có lý do gì hợp lý bắt tôi phải dừng lại. Lúc đó phần con đường ở phía bên đường có vẻ là nơi tôi yêu thích và cần nhất trên đời này, là nơi mọi việc ắt phải tiến triển đúng vào lúc này, lúc tôi có thể cho hết mọi thứ để nhìn thấy, nhưng lại là điều không thể làm được. Tôi quay trở lại, tan nát cõi lòng, và tôi đã đi ngày này tiếp ngày kia, lúc nào cũng cùng một cảm giác thất vọng như nhau.

Trong ghetto, bạn có thể vào nhà hàng hay tiệm cà phê. Bạn gặp gỡ bạn bè ở đó và không có gì ngăn cấm bạn tạo nên bầu không khí dễ chịu trong nhà hàng hoặc tiệm cà phê hoặc bất cứ đâu. Song chắc chắn có lúc người bạn của bạn buột ra một lời nhận xét nhằm làm cho vui không khí buổi liên hoan nho nhỏ này, trong cuộc trò chuyện thú vị như thế, là đến du ngoạn ở một nơi nào đó vào một ngày Chủ nhật đẹp trời, ở Ocwock chẳng hạn. Đang mùa hè, trời đẹp và sẽ còn ấm, chẳng gì có thể ngăn cản bạn thực hiện một kế hoạch đơn giản như thế, thậm chí bạn còn cảm thấy mình như đang còn du ngoạn ở nơi ấy, tại lúc ấy. Bạn chỉ phải trả tiền cà phê và bánh ngọt, ra phố, đến ga cùng nhóm bạn bè cười đùa vui vẻ, mua vé xe lửa ra ngoại ô. Mọi thứ tạo nên một ảo tưởng hoàn hảo... cho đến khi bạn chạm phải bức tường...

Mỗi khi nhớ đến khoảng thời gian gần hai năm trong ghetto, nó nhắc tôi nhớ đến một chuyện đã trải qua trong thời thơ ấu, song ngắn hơn nhiều. Tôi phải cắt bỏ ruột thừa. Cuộc giải phẫu này rất thông thường và chẳng có gì phải lo lắng. Nó diễn ra trong thời gian một tuần, đã hẹn

ngày với bác sĩ và đặt phòng ở bệnh viện. Muốn sự đợi chờ của tôi bớt căng thẳng, cha mẹ tôi đã lo lấp đầy cả tuần trước khi lên bàn mổ. Ngày nào chúng tôi cũng đi ăn kem, rồi đi xem phim hoặc đi xem hát, tôi được cho nhiều đồ chơi và sách, đủ thứ tôi hàng ao ước. Đường như chẳng cần gì thêm để hoàn tất niềm hạnh phúc của tôi. Nhưng tôi vẫn nhớ cả tuần đó, dù tôi đang vẽ tranh, đang xem hát hay đang ăn kem, ngay cả những lúc đang vui chơi đòi hỏi phải tập trung, tôi vẫn không thoát khỏi những lúc nỗi sợ rấm rứt trong bụng, một nỗi sợ vô ý thức, dai dẳng về việc nhất định sẽ xảy ra khi ngày mổ sẽ tới.

Nỗi sợ bản năng như thế không bao giờ rời bỏ dân chúng trong ghetto gần như suốt hai năm trời. So với những thời gian sau đó, những năm này tương đối êm đềm nhưng đã biến cuộc sống của chúng tôi thành một cơn ác mộng bất tận, vì với toàn bộ bản thể, chúng tôi cảm thấy điều khủng khiếp sắp sửa xảy ra vào bất cứ lúc nào, chúng tôi chỉ không biết chắc đó là nỗi nguy hiểm gì và từ đâu tới.

Buổi sáng tôi thường ra ngoài ngay sau bữa điểm tâm. Công việc hàng ngày của tôi gồm chuyển cuộc bộ dài theo phố Mila, đến căn nhà lụp xụp tối tăm mà gia đình người trông coi nhà cửa Jehuda Zyskind đang sống. Trong hoàn cảnh của ghetto, ra khỏi nhà là hoạt động hoàn toàn bình thường, gặp một người như một nghi thức, nhất là trong khi có những cuộc săn bắt trên đường phố. Đầu tiên bạn phải chào hỏi hàng xóm, lắng nghe những lời than thở kể lể, , than phiền của họ, qua đó tìm hiểu xem chuyện gì đã xảy ra trong thành phố ngày hôm nay, Bạn có nghe tin vây ráp, phong tỏa hay chặn bắt ở phố Chlodna không. Làm xong việc đó bạn hãy rời nhà, nhưng phải lập lại những câu hỏi ấy trên phố, giữ người đi đường đang thẳng tiến đến chỗ bạn và hỏi lần nữa ở mỗi góc phố.

Ghetto được chia thành ghetto lớn và ghetto nhỏ. Sau khi thu hẹp thêm về kích thước thành ghetto nhỏ gồm các phố Wielka, Sienna, Zelazna và Chlodna. Ghetto lớn bao gồm phần phía Bắc Warsaw, gồm nhiều đường phố và ngõ hẹp nhỏ sặc mùi tội lỗi, dân Do Thái sống trong những điều kiện bẩn thỉu, tù túng. Ghetto nhỏ cũng đông đúc nhưng không đến nỗi quá đáng như thế. Ba hoặc bốn người sống trong một phòng, bạn có thể đi xuống phố mà không va phải người đi bộ nếu bạn dùng mưu mẹo một cách khôn khéo. Nhưng nếu nhớ bạn có va chạm thân thể thì cũng không quá nguy hiểm. vì dân chúng trong ghetto nhỏ chủ yếu là trí thức và tầng lớp trung lưu, họ tương đối ít ký sinh, và cố gắng hết sức để huỷ diệt các ký sinh lây lan từ ghetto lớn. Chỉ khi nào bạn rời khỏi phố Chlodna, cơn ác mộng mới bắt đầu...và trước hết, bạn cần phải gặp may và nhạy cảm với sự đúng lúc.

Phố Chlodna nằm trong khu vực “Aryan” của thành phố, nơi đây xe hơi, xe ngựa, xe điện, người đi bộ đi, đến rất nhiều. Dân Do Thái được phép đi theo phố Zelazna từ ghetto nhỏ đến ghetto lớn và một đường vòng khác, nghĩa là xe cộ phải dừng lại khi người đi bộ qua đường Chlodna.

Phố này không tiện cho người Đức nên dân Do Thái được phép thi thoảng đi qua.

Nếu bạn đi xuống phố Zelazna, bạn có thể nhìn thấy một đám đông dân chúng ở góc phố Chlodna phía xa xa. Những người ấy có nhiệm vụ cấp bách, bồn chồn dậm chân tại chỗ, đợi những viên cảnh sát có lòng tốt ngăn chặn xe cộ lại. Họ phân xử đủ để phố Chlodna vắng vẻ và phố Zelazna đông vừa đủ để người Do Thái đi qua. Lúc thời điểm ấy đến, lính gác đứng sang một bên, và đám đông chen chúc sốt ruột ủa từ bên này sang bên kia đường, chửi mắng nhau, hất ngã nhau, dẫm cả chân lên người khác, cố tránh cho xa sự gần gũi nguy hiểm với bọn Đức càng nhanh càng tốt và trở lại với hai ghetto. Sau đó hàng lính gác khép lại và sự chờ đợi lại bắt đầu.

Vì đám đông mỗi lúc một bồn chồn, lo lắng và căng thẳng như thế, nên bọn lính gác Đức ở vị trí này phát chán và cố tìm cách tiêu khiển. Một trong những thú giải khuây ưa thích của chúng là khiêu vũ. Nhạc công bị tóm từ các phố lân cận, các ban nhạc đường phố ngày càng lâm vào tình trạng khốn khổ. Bọn lính chọn trong đám đông đứng đợi những người chúng cho là có diện mạo khôi hài và ra lệnh cho họ nhảy điệu valse. Các nhạc công bị xếp cạnh tường một ngôi nhà, một khoảng đã được dọn sạch trên đường phố, một cảnh sát làm nhạc trưởng, chúng đánh các nhạc công nếu họ chơi quá chậm. Những tên khác giám sát cảnh khiêu vũ một cách vô liêm sỉ. Những đôi già cả, rất béo, rất gầy hoặc què cụt phải xoay tròn, xoay mãi trước những đôi mắt kinh hãi của đám đông. Người lùn hoặc trẻ con bị xếp đôi với những bạn nhảy cao kều. Bọn Đức đứng quây quanh “sàn nhảy” cười hô hố và gào lên:

- Nhanh lên! Nhanh lên! Nhanh nữa lên! Tất cả phải nhảy!

Nếu việc chọn lựa những cặp nhảy thành công và vui vẻ đặc biệt, cuộc khiêu vũ kéo dài hơn. Lối qua đường mở ra, rồi khép lại, rồi lại mở ra, nhưng những người khiêu vũ rủi ro kia vẫn phải tiếp tục nhảy theo điệu valse, họ thở hổn hển, bật khóc vì kiệt sức, cố mà nhảy, cầu mong được rủ lòng thương một cách vô ích.

Chỉ khi nào an toàn qua được phố Chlodna, tôi mới thấy ghetto đúng là nó. Dân trong ghetto không có vốn liếng, không có đồ đạc giá trị, họ kiếm miếng ăn hàng ngày bằng cách buôn bán. Càng vào sâu cái mê cung của những ngõ hẻm, các cuộc buôn bán càng diễn ra sôi động và cấp bách hơn. Đàn bà với những đứa trẻ bám vào váy họ, xáp đến gần người đi đường, giơ vào tận mặt họ những tấm bìa cạc tông bày bán vài mẫu bánh. Đây là toàn bộ của nả của những người phụ nữ như thế, và các con họ có được mẫu bánh mì đen mà ăn tối nay hay không phụ thuộc hoàn toàn vào việc bán chác của họ. Những cụ già Do Thái, gầy gò hốc hác đến không thể nhận ra, cố làm cho bạn chú ý đến mấy cái quần áo cũ sờn, mong kiếm được chút tiền. Thanh niên buôn bán vàng và tiền, giành giật gay gắt và ẩu đả liên miên vì những cái đồng hồ mòn vẹt, những sợi giây chuyền hoặc các tờ đô la cũ và bẩn, họ giơ ra ánh sáng và tuyên bố có chỗ hỏng,

và chẳng đáng giá gì, dù cho người bán một mực khẳng định rằng “chúng gần như là mới”. Những chiếc xe ngựa kéo gọi là konhellerki lóc cóc rẽ đường xuyên qua các đường phố đông đúc, chuông reo leng keng, những con ngựa và càn xe tách đám người ra như con tàu rẽ nước. Từ konhellerki ghép từ tên các chủ hãng xe điện là Kon và Heller, hai trùm tư bản Do Thái đã hầu hạ bọn Gestapo và kiếm khá bẫm. Tiền xe rất cao, vì thế chỉ có những người đang phát mới dám đi xe này, một mình vào trung tâm ghetto làm ăn. Lúc đến bến đỗ, họ đi ra khỏi xe và cố đi thật nhanh qua các phố càng nhanh càng tốt, đến các cửa hàng hoặc văn phòng làm việc mà họ đã hẹn, rồi khi xong việc lại vội vã bắt chuyến xe khác đưa họ ra khỏi cái nơi kinh khủng này. Đi từ bến xe đến cửa hàng gần nhất không phải dễ dàng. Hàng chục người ăn mày nằm đợi khoảnh khắc ngăn ngui bắt gặp một người đang phát, túm chặt lấy quần áo của họ, xin xỏ, khóc lóc, la hét, đe dọa. Nhưng kẻ nào ngu mới mủi lòng và cho đám ăn mày chút gì đấy, vì tiếng la khóc sẽ biến thành tiếng gào rú. Đây là tín hiệu cho đám người khốn khổ ùa ra từ mọi phía, và người làm phúc ấy thấy mình bị vây giữa một đám ma quỷ rách rưới tả tơi, phun nước bọt đầy vi trùng lao vào anh ta, lũ trẻ con đầy vết mủ lở loét đang chảy nước lao vào chắn đường, những cánh tay cụt giơ ra múa may, những cặp mắt mù loà, những cái miệng há hốc, không răng, thối hoắc, tất cả đều van xin vào lúc này, vào khoảnh khắc cuối cùng của đời họ, làm như đoạn kết của đời họ sẽ chậm lại nhờ sự cứu tế tức thời này.

Đến trung tâm ghetto bạn phải xuống phố Karmelicka, con đường duy nhất ở đây, rõ ràng là không thể không va chạm với những người khác đi trên phố. Đám đông không đi mà xô đẩy, chen lấn, tạo thành những vùng xoáy trước những gian hàng. Mùi thối rửa đến rùng mình toả ra từ các bộ trải giường không được phơi phóng, giặt giũ, dầu ôi và rác rưởi ùn đống trên hè phố. Chỉ hơi trêu chọc là đám đông trở nên hoảng sợ, chạy ào ào từ bên này sang bên kia đường, nghẹn thở, chen chúc, la hét và chửi rủa. Phố Karmelicka là nơi đặc biệt nguy hiểm: mỗi ngày vài lần, xe nhà tù đi qua đây. Xe chở tù nhân từ nhà tù Pawiark đến trung tâm Gestapo trên phố Szuch, không nhìn thấy sau thành xe bằng thép xám xịt và các ô cửa kính nhỏ xíu mờ đục, và lúc về là phần còn lại của họ sau cuộc tra hỏi: những mảnh thân người đầm máu, với xương gãy và thận bị dập nát, móng tay bị nhổ hết. Đội hộ tống những chuyến xe này không cho ai đến gần, dù xe đã được bọc sắt. Lúc đoàn xe rẽ vào phố Karmelicka, đám đông dù gan góc nhất trên đời cũng phải nấp ngay vào các ngưỡng cửa vì bọn Gestapo nhào người ra, quật dùi cui bừa bãi vào họ. Dùi cui thông thường bằng cao su không đến nỗi đặc biệt nguy hiểm, nhưng loại dùi cui bọn Gestapo dùng tán nhiều đinh và lưỡi dao cạo.

Zehuda Zyskind sống ở phố Mila, cách phố Carmeliata không xa lắm. Ông trông nom nhà ông và khi cần, ông làm người chở hàng, lái xe, buôn bán và buôn lậu hàng qua tường ghetto. Với đầu óc khôn ngoan và thể chất khoẻ khoắn, vóc người to lớn, ông kiếm tiền ở bất cứ nơi nào để

có tiền nuôi gia đình. Gia đình ấy đông đến mức tôi không biết rõ có bao nhiêu người. Tuy nhiên ngoài những việc làm hàng ngày này, Zyskind là một người theo chủ nghĩa xã hội duy tâm. Ông vẫn giữ liên hệ với tổ chức xã hội chủ nghĩa, lén chuyển các thông cáo, báo chí vào trong ghetto và thành lập các chi bộ trong đó, dù ông thấy khó mà làm được việc này. Đối với tôi, ông có vẻ coi thường một cách thân ái, theo kiểu ông cho là hợp lý với các nghệ sĩ, loại người thực sự vô dụng khi cần làm người âm mưu. Đồng thời ông cũng mến tôi, cho phép tôi sáng nào cũng tới và đọc các thông cáo bí mật lấy từ radio hoặc trên báo vừa in. Ngày nay, lúc nghĩ đến ông, qua bao nhiêu năm khủng khiếp chia cắt tôi với thời ông còn sống và phổ biến tin tức, tôi khâm phục ý chí cứng cỏi của ông. Jehuda là người lạc quan và kiên quyết. Dù tin tức trên đài xấu đến đâu, ông luôn giải thích theo kiểu tốt lành. Có lần, vừa đọc xong mẫu tin giờ chót, tôi thông tay xuống thất vọng và thở dài:

- Vậy đấy, bây giờ thì bác phải công nhận là mọi thứ đang đến hồi kết thúc.

Jehuda mỉm cười, với lấy điều thuốc lá, ngồi thoải mái trong ghế và đáp:

- Ồ, nhưng cậu không hiểu rồi, cậu Szpilman – rồi ông lao vào diễn thuyết một hồi lâu về chính trị.

Tôi đã hiểu tường tận điều ông nói nhưng cái kiểu ông nói và niềm tin dễ lay làm mọi sự trở thành tốt nhất trong những điều tốt đẹp nhất có thể xảy ra trên đời, và tôi thấy mình bị lay theo kiểu suy nghĩ của ông, cái kiểu tôi chưa bao giờ nghĩ tới trong đời. Chia tay ông, tôi cảm thấy vững vàng và dễ chịu. Cho đến lúc về đến nhà, nằm trên giường và suy đi nghĩ lại các tin tức chính trị lần nữa, tôi kết luận rằng lý lẽ của ông thật vớ vẩn. Nhưng sáng hôm sau tôi lại đến thăm ông, và ông lại thuyết phục được tôi là tôi đã lầm, và tôi ra về như được tiêm một mũi thuốc lạc quan, kéo dài đến tối và giữ cho tôi hoạt động. Jehuda kéo được đến mùa đông 1942, ông bị bắt quả tang với hàng chồng tài liệu mật trên bàn, trong lúc ông cùng vợ và các con đang xếp chúng trên bàn. Họ bị bắn chết ngay tại chỗ, kể cả bé Symche mới lên ba.

Tôi khó lòng mà duy trì niềm hy vọng khi mà Zyskind đã bị giết hại, và tôi không còn có ai để giải thích cho tôi mọi điều thật chính xác nữa! Đến lúc này tôi mới thấy mình thật nhầm lẫn, và các bản tin hàng ngày cũng thế, trong khi Zyskind mới có lý. Nó có vẻ như không chắc xảy ra vào một ngày nào đó, nhưng mọi sự té ra đúng như ông tiên đoán.

Tôi thường về nhà theo một con đường: phố Karmelicka, phố Lezno, phố Zelazna. Trên đường đi tôi sẽ ghé thăm các bạn và truyền miệng các tin tức lượm được ở Zyskind. Rồi xuống phố Nowolipki giúp Henryk khiêng giỏ sách về nhà.

Cuộc sống của Henryk rất chật vật. Anh đã tự chọn cuộc sống ấy và không có ý định thay đổi, anh tin rằng sống theo kiểu khác là đáng khinh. Các bạn quý trọng tài năng văn hóa của anh đều khuyên anh gia nhập tổ chức cảnh sát Do Thái vì phần lớn các trí thức trẻ đều làm thế. Ở

đó anh có thể được an toàn, nếu tháo vát anh có thể kiếm rất khá. Henryk không làm theo lời khuyên ấy. Anh rất cáu, và cho đó là một sự sỉ nhục. Theo đúng thái độ nghiêm khắc, ngay thẳng hàng ngày của anh, anh nói sẽ không làm cái việc của kẻ cướp. Tình cảm của bạn bè chúng tôi bị thương tổn, nhưng sáng sáng Henryk đến phố Nowolipki với một giỏ đầy sách. Anh bán sách. Mùa hè anh đổ mồ hôi ròng ròng và mùa đông anh run rẩy, rùng mình vì gió buốt, cứng rắn, bướng bỉnh với ý nghĩ riêng của anh, là người trí thức, không còn được tiếp xúc với sách vở kiểu khác thì ít nhất anh cũng có được mối liên hệ kiểu này, và anh sẽ không hạ mình xuống thấp hơn.

Lúc Henryk và tôi khiêng giỏ về đến nhà, mọi người thường đã ở đấy rồi, đang đợi chúng tôi ăn tối. Mẹ tôi nhất quyết bắt cả nhà phải ăn cùng với nhau, đây là lãnh địa của bà, và bà cố tạo cho chúng tôi một thứ để giữ lòng trung thành theo cách của bà. Bà dọn bàn ăn đẹp đẽ, có khăn trải bàn và khăn ăn sạch sẽ. Bà thoa phấn nhẹ lên mặt, trước lúc chúng tôi ngồi xuống, chải tóc gọn gàng và liếc nhìn vào gương xem có tươm tất không. Bà vuốt thẳng nếp váy áo, cử chỉ mạnh mẽ, nhưng không thể làm phẳng những vết nhăn chung quanh mắt bà - năm tháng qua đi, mỗi ngày chúng tôi một nhiều thêm - hoặc giữ cho mái tóc hoa râm của bà khỏi bạc mau.

Lúc chúng tôi đã ngồi quanh bàn, bà bùng súp từ dưới bếp lên, và lúc bà múc từng muỗng súp, câu chuyện bắt đầu rôm rả. Bà cố để không ai nhắc đến những chuyện khó chịu, nếu một người trong chúng tôi trót nói hớ về tình hình xã hội, bà nhẹ nhàng cắt ngang:

- Rồi mọi sự sẽ qua thôi mà, các con cứ đợi sẽ thấy – rồi bà đổi sang đề tài khác ngay lập tức.

Cha tôi không thiên về việc ủ ê nghiền ngẫm, vì thế ông cố át chúng tôi bằng những tin tốt lành. Ông tươi cười xác nhận, cứ cho là một cuộc xung đột chủng tộc. những người quyền thế nhất đều trên dưới 40 tuổi, dù có giáo dục hay không, vì lý do này hay lý do khác đều luôn luôn đáng khích lệ. Nếu không phủ nhận tin từ thành phố đưa về là xấu, ông ngồi xuống trông thất vọng, nhưng ngay sau đó món súp đã phục hồi tinh thần ông. Trong lúc ăn món thứ hai, bao giờ cũng là món rau, ông vui lên và hăng hái tham gia vào cuộc trò chuyện vô tư.

Henryk và Regina thường đắm chìm trong suy tư. Regina chuẩn bị tinh thần cho công việc chị làm ở văn phòng luật sư vào buổi chiều. Chị kiếm được ít tiền nhưng làm việc vô cùng trung thực như thể được trả hàng ngàn. Nếu Henryk giữ bỏ được những ý nghĩ u ám là anh lao vào tranh cãi với tôi. Anh sẽ nhìn tôi chăm chăm một lúc, vẻ ngạc nhiên, rồi nhún vai găm gù, cuối cùng trút bỏ nỗi niềm:

- Có lẽ ra là thằng ngu mới đeo cái cà vạt như của Wladek!

- Anh ngu thì có, lại còn ngốc nữa – tôi đáp.

Và cuộc cãi cọ giữa chúng tôi rất sôi nổi. Anh không coi trọng việc tôi phải ăn mặc chải chuốt

lúc chơi dương cầm trước công chúng. Thật lòng anh không muốn hiểu tôi và công việc của tôi. Giờ đây, khi anh chết đã lâu, tôi mới hiểu rằng anh em chúng tôi yêu quý nhau theo cách riêng của mình, bất chấp mọi thứ, dẫu cho chúng tôi hay gây gổ với nhau bao nhiêu đi nữa, có lẽ vì tính cách của chúng tôi giống nhau lạ lùng.

Tôi hiểu Halina ít nhất. Chị là người duy nhất ít có vẻ là thành viên trong gia đình. Trái ngược với chúng tôi, chị chẳng bao giờ thể hiện ý nghĩ hoặc tình cảm, hoặc kể với chúng tôi chị làm gì mỗi khi ra khỏi nhà. Chị về nhà, lúc nào cũng bình thản và hờ hững. Hết ngày này sang ngày khác, chị chỉ ngồi bên bàn ăn, chẳng mấy may chú ý đến những điều có thể xảy ra. Tôi không thể nói thật sự chị thích gì, và hơn nữa, lúc này không thể phát hiện thêm điều gì về chị.

Bữa ăn của chúng tôi rất đơn giản, hầu như không bao giờ có thịt, và mẹ tôi làm nhiều món khác hết sức tiết kiệm. Dầu sao đi nữa, chúng thật hoang phí nếu so với các món ăn khác của phần lớn dân cư trong ghetto.

Mùa đông, trong một ngày tháng 12 ẩm ướt, khi tuyết biến thành bùn loãng dưới chân và làn gió lạnh buốt thổi xuống phố, tôi bất chợt trông thấy một “thợ mổ” già lão đang ăn bữa trưa của lão. Trong ghetto, “thợ mổ” là tên chúng tôi dành cho những người nghèo khổ khốn khổ khiếm, phải ăn cắp để sống. Những người như thế thường xấn đến những người đi đường đang xách túi, vồ lấy và chạy mất, mong kiếm được thứ gì trong túi có thể ăn được.

Tôi đang băng qua quảng trường Ngân hàng mới được vài bước, đằng trước tôi có một phụ nữ nghèo khổ tay cầm hộp đồ ăn gói trong một tờ giấy báo. Giữa tôi và bà ta là một ông già rách rưới đang lê bước. Vai ông lão khòm xuống, ông ta run rẩy vì gió rét lúc sục chân vào bùn loãng, đôi giày thủng lỗ chỗ để hở cả bàn chân đỏ tía. Bất ngờ ông già nhào về phía trước, tóm lấy cái hộp và cố giằng khỏi tay người đàn bà. Tôi không biết ông lão không đủ khỏe hay người đàn bà giữ nó chặt quá, mà cuối cùng cái hộp rơi xuống vỉa hè, một thứ súp đặc đang bốc khói tràn ra đường phố bẩn thỉu.

Cả ba chúng tôi đứng như trời trồng tại chỗ. Người đàn bà không nói nên lời vì hoảng hốt, kẻ “thợ mổ” nhìn cái hộp trừng trừng, rồi nhìn người đàn bà, rồi buột ra một tiếng rên rỉ, vang lên như tiếng khóc thút thít. Rồi thật bất ngờ, ông lão nằm xoài ra trên lớp bùn loãng, liếm súp trên vỉa hè, khum hai bàn tay lại ở hai phía để không một tí súp nào thoát khỏi lão, phớt lờ sự phản ứng của người đàn bà lúc bà ta đá vào đầu lão vừa tru tréo và giật tóc lão vì thất vọng.

Chương 6

Hành động cao thượng của bà K

Đầu xuân năm 1942 ở ghetto, cuộc săn người trước đây là một cuộc truy nã có hệ thống bỗng dừng lại. Nếu nó xảy ra từ hai năm trước, dân chúng ắt sẽ nhẹ người, coi là một lý do để vui mừng, họ sẽ ấp ủ ảo tưởng đây là một thay đổi tốt hơn. Nhưng giờ đây, sau hai năm rưỡi sống trong những khu vực gần sát quân Đức, chẳng người nào bị đánh lừa. Nếu bọn chúng ngừng các cuộc săn lùng thì chỉ vì bọn chúng đã nghĩ ra cách khác để hành hạ chúng tôi ác liệt hơn mà thôi. Vấn đề đặt ra đây là loại nào. Dân chúng phỏng đoán đủ thứ, nhưng hầu hết chỉ là những điều không tưởng, đáng lẽ bình tĩnh hơn, mọi người lại thấy lo lắng hơn lúc trước bội phần.

Ít ra trong lúc này chúng tôi có thể ngủ ngon ở nhà, Henryk và tôi không phải trú tạm suốt đêm trong phòng mổ của bác sĩ là nơi dờ lo lắng nhất. Ở đó không thoải mái một chút nào, Henryk ngủ trên bàn mổ, tôi ngủ trên bàn khám phụ khoa, sáng sáng khi thức giấc, mắt tôi lại thấy những bức ảnh chụp X quang treo trên đầu cho khô, chụp các bệnh tim, những lá phổi bị lao, sỏi mật, xương gãy, vân vân. Tuy vậy, ông bạn bác sĩ của chúng tôi, người đứng đầu hiệp hội y tế, đã có lý khi nói rằng ngay trong những cuộc lùng sục bắt bớ trong đêm tàn bạo nhất, chưa lần nào bọn cầm đầu Gestapo khám xét phòng mổ, cho nên đây là nơi trú ẩn an toàn nhất đối với chúng tôi.

Nhìn bên ngoài, vẻ hoàn toàn bình thường này kéo dài đến một ngày thứ sáu hạ tuần tháng Tư, một cơn sợ hãi bất ngờ lan khắp ghetto. Có vẻ như vô lý vì ngay sau đó nếu bạn hỏi mọi người vì sao hoảng hốt và sợ hãi như vậy, và họ cho là sắp xảy ra một chuyện gì, không ai có thể trả lời cụ thể, ấy thế mà ngay sau giờ trưa, tất cả mọi cửa hàng đều đóng cửa và mọi người đều ở nhà.

Tôi không biết chắc chuyện gì đã xảy ra ở tiệm cà phê. Tôi đến Sztuka như thường lệ, nhưng nó cũng đóng cửa nốt. Trên đường về nhà, tôi đặc biệt cảm thấy căng thẳng khi bất chấp mọi câu vắn vẹo vẫn hỏi những người quen biết thạo tin, tôi thấy không thể biết chuyện gì sắp xảy ra. Không ai có thể biết được.

Tất cả chúng tôi ở nhà, mặc nguyên quần áo cho đến 11 giờ, đến lúc đó chúng tôi quyết định đi ngủ, vì bên ngoài mọi vật đều yên tĩnh. Chúng tôi hầu như tin rằng sự sợ hãi chỉ là kết quả của những tin đồn vô căn cứ. Đến sáng, cha tôi là người đầu tiên ra ngoài. Vài phút sau ông trở về, tái xanh và hoảng hốt, đêm qua bọn Đức đã ập vào rất nhiều ngôi nhà, lôi khoảng 70 người đàn

ông ra phố và bắn chết. Chưa ai dám ra nhật xác.

Như thế là nghĩa gì? Những người ấy đã làm gì bọn Đức? Chúng tôi ngạc nhiên và công phẫn. Không có câu trả lời cho mãi đến trưa, nhiều tấm áp phích được dán trên các phố vắng tanh vắng ngắt. Nhà cầm quyền Đức thông báo có trách nhiệm tẩy rửa khu vực của chúng tôi trong thành phố này, vì những “lý do không mong muốn”, nhưng hành động của họ không ảnh hưởng đến lòng tin của dân chúng: các cửa hiệu và tiệm cà phê phải mở cửa lại ngay lập tức, dân chúng phải trở lại nếp sống bình thường, sẽ không có chuyện gì nguy hiểm.

Tháng tiếp theo trôi qua êm ả. Đang là tháng Năm, tử đinh hương bùng nở đỏ đây trong các mảnh vôi nhỏ, trong lúc các chùm hoa keo rủ lòng thông hé nở, mỗi ngày một nhột nhột hơn. Lúc những bông hoa hé nở rục rở, thì bọn Đức nhớ đến chúng tôi. Nhưng lần này thì khác hẳn: chúng không muốn tự tay xử lý. Thay vào đó, chúng giao việc săn người cho cảnh sát Do Thái và vụ lao động Do Thái.

Henryk có lý khi anh từ chối gia nhập cảnh sát và mô tả chúng như những tên kẻ cướp. Chúng được tuyển mộ từ những thanh niên trẻ thuộc tầng lớp khá giả hơn trong xã hội, một số người quen của chúng tôi ở trong số này. Chúng tôi kinh hoàng khi thấy những người chúng tôi thường bắt tay, cư xử như bạn bè, giờ đây trở nên hèn hạ đến thế. Có thể nói họ đã nhiễm tinh thần của Gestapo. Ngay khi mặc bộ đồng phục, đội mũ cảnh sát và tay cầm dùi cui cao su, bản chất của họ đã thay đổi. Lúc này tham vọng tối thượng của họ là giữ mối quan hệ gần gũi với Gestapo, trở thành hữu ích cho bọn sĩ quan Gestapo, tuần hành trên phố với chúng, thể hiện khả năng nói tiếng Đức và ganh đua quyết liệt với bọn chủ trong việc xử lý tàn bạo người Do Thái. Điều đó không ngăn cản bọn chúng thành lập ban nhạc jazz cảnh sát và ngẫu nhiên là rất xuất sắc.

Trong cuộc săn người hồi tháng Năm, chúng vây những đường phố cùng với bọn SS thuần chủng và thạo nghề. Chúng sải bước trong những bộ quân phục bánh bao, la hét thật to những tiếng cục súc bắt chước bọn Đức và đánh đập dân chúng bằng dùi cui.

Tôi ở nhà trong lúc mẹ tôi chạy vào mang tin về cuộc săn người: chúng đã tóm Henryk. Tôi quyết đưa anh trốn ra bằng bất cứ giá nào, dù tôi chỉ trông mong vào việc tôi là một nghệ sĩ dương cầm có tiếng, vì giấy tờ của riêng tôi không hợp lệ. Tôi lên đường xuyên qua một loạt đồn bốt, bị bắt rồi lại được tha, cho đến lúc tới được toà nhà của Vụ lao động. Cảnh sát như những con chó chặn cừu đang dong những người đàn ông từ mọi hướng trước nhà vào bên trong. Đám người cứ lớn mãi lúc nhiều tốp khác từ mọi ngã đường đổ dồn đến. Rất khó khăn tôi mới gặp được vụ phó Vụ lao động và được hứa rằng Henryk sẽ được thả về nhà trước lúc trời tối.

Anh được thả ra thật, tuy nhiên anh rất cáu với tôi làm tôi thật sự ngạc nhiên. Anh cho là tôi đã

hạ mình xin xỏ những kẻ thấp hèn như cảnh sát và nhân viên trong bộ lao động.

- Thế anh bị đưa đi thì hay hơn sao?

- Đấy không phải là việc của mày! – anh gầm lên – đấy là việc chúng nó muốn làm với tao chứ không phải mày! Sao mày lại can thiệp vào việc người khác?

Tôi nhún vai. Tranh cãi với một người điên làm gì?

Đêm hôm ấy, giờ giới nghiêm hoãn đến nửa đêm, để gia đình của những người “được gọi đi lao động” có thời gian mang cho họ chăn mền, đồ lót để thay đổi và đồ ăn dọc đường. Sự “hào hiệp” này về phía người Đức thật đáng cảm động, và cảnh sát Do Thái cũng ra sức giành lại lòng tin của chúng tôi.

Không lâu sau tôi được biết rằng hàng ngàn đàn ông bị vây bắt trong ghetto và đưa thẳng đến trại Treblinka để bọn Đức thử nghiệm hiệu quả của phòng hơi ngạt và các lò thiêu người mới xây.

Một tháng yên lặng nữa trôi qua rồi vào một đêm tháng Sáu, một trận tắm máu đã diễn ra trong ghetto. Còn lâu chúng tôi mới nghĩ là chuyện ấy sắp xảy ra. Trời rất nóng, sau bữa tối chúng tôi kéo rèm cửa che phòng ăn và mở toang các cửa sổ để thở hít không khí ban đêm mát mẻ hơn. Xe Gestapo lái nhanh qua ngôi nhà đối diện vẫn giữ nguyên tốc độ, nhiều phát súng cảnh cáo nổ nhanh đến mức chúng tôi chỉ kịp bật khỏi bàn chạy đến cửa sổ, thấy cánh cửa ngôi nhà ấy mở toang, tiếng bọn SS quát tháo khắp trong nhà. Cửa sổ nhà họ cũng mở nhưng tối om, nhưng chúng tôi nghe thấy tiếng xáo trộn sau đó. Nhiều bộ mặt hoảng hốt hiện ra lò mò rồi biến mất ngay. Lúc tiếng ủng của bọn Đức lên cầu thang, đèn bật sáng hết tầng này đến tầng khác. Trong ngôi nhà đối diện với nhà chúng tôi có gia đình một thương gia, chúng tôi nhận ra họ rất rõ. Lúc đèn bật sáng, bọn SS ủa vào phòng, súng máy sẵn sàng nhả đạn, họ đang ngồi quanh bàn ăn hệt như chúng tôi lúc trước. Họ chờ người vì kinh hoàng. Tên sĩ quan cầm đầu toán SS cho đó là sự xúc phạm cá nhân. Giận tím người, hắn đứng im đó, nhìn khắp mọi người quanh bàn. Giây lát sau hắn mới quát, thịnh nộ đến cực điểm:

- Đứng dậy!

Họ đứng dậy nhanh hết mức, chỉ trừ ông chủ nhà là một người què chân. Tên sĩ quan giận sôi sùng sục, hắn đến bên bàn, đứng chống hai tay lên đó, nhìn trừng trừng vào người què và gầm lên lần thứ hai:

- Đứng dậy!

Ông già vịn vào tay ghế và gắng hết sức đến tuyệt vọng để đứng dậy nhưng vô ích. Chúng tôi chưa kịp hiểu chuyện xảy ra, bọn SS đã túm lấy ông già yếu đuối, nhấc bổng cả ông già lẫn chiếc ghế rồi lôi ra ban công ném từ tầng ba xuống đường phố.

Mẹ tôi rú lên và nhắm nghiền mắt. Cha tôi lùi ra xa cửa sổ, rút vào trong phòng. Halina vội đỡ

lấy ông còn Regina vòng tay ôm lấy mẹ tôi, chị nói rất to và rất rõ ràng, giọng quyết đoán “Im lặng!”.

Henryk và tôi không rút khỏi cửa sổ được. Chúng tôi nhìn thấy ông già vẫn mắc trong cái ghế bành trong không khí một giây, sau đó ông ta rơi ra khỏi ghế. Chúng tôi nghe thấy tiếng chiếc ghế rơi một mình xuống mặt đường, tiếng thân người đập chát lên các mặt đá lót vỉa hè. Chúng tôi đứng đó, im lìm như mọc rễ tại chỗ, không thể lùi lại hoặc rời mắt khỏi cảnh đang diễn ra.

Trong lúc đó bọn SS đã lừa khoảng hai chục người trong ngôi nhà đó ra đường. Chúng bật đèn pha xe hơi lên, bắt các tù nhân đứng trong luồng ánh sáng, nổ máy và bắt họ chạy trước mũi xe trong luồng ánh sáng trắng lóa hình chớp nón. Chúng tôi nghe thấy tiếng la hét náo loạn từ các cửa sổ trong toà nhà và một tràng súng máy trên xe. Những người đang chạy trước đầu xe gục ngã, hết người này đến người khác, họ bật lên trong không khí vì trúng đạn, xoay lộn nhào thành vòng tròn, như thể chuyển từ sự sống qua cái chết bằng cú nhảy quá ư khó khăn và phức tạp này. Chỉ có một người trong bọn họ thành công bằng cách tránh ra khỏi luồng ánh sáng hình chớp nón. Anh ta chạy bán sống bán chết và sắp đến chỗ đường cắt ngang phố chúng tôi. Nhưng chiếc đèn pha bất ngờ xoay trên giá đỡ. Nó xoè rộng tia sáng tìm người chạy trốn, lại một tràng súng máy nữa, và lúc này đến lượt anh ta nảy lên trên không khí. Hai tay giơ quá đầu, vung thành vòng cung lúc anh ta nảy lên và ngã ngửa.

Tất cả bọn SS lên xe và chiếc xe cán lên trên các xác chết. Chiếc xe lắc lư trần qua họ, như thể cán phải các ổ gà nông.

Đêm hôm ấy trong ghetto có khoảng một trăm người bị bắn chết nhưng không gây được ấn tượng mạnh như lúc ban đầu. Ngày hôm sau các cửa hàng và tiệm cà phê vẫn mở cửa như thường lệ.

Lần này có một điều nữa liên quan đến rất nhiều người: trong các hoạt động hàng ngày của bọn Đức, chúng quay phim. Chúng tôi không hiểu vì sao. Chúng ào vào một nhà hàng và bảo những người hầu bàn xếp một bàn đầy những món ăn và đồ uống ngon nhất. Sau đó chúng ra lệnh cho các thực khách cười vui và ăn uống rồi chụp cảnh vui cười của họ. Bọn Đức quay cả những buổi biểu diễn những vở nhạc kịch ở rạp chiếu bóng Femina trên phố Lezno, những buổi hoà nhạc giao hưởng do Marian Neuteich chỉ huy ở cùng phố trên, mỗi tuần một lần. Chúng nhất quyết bắt Chủ tịch cộng đồng Do Thái tổ chức một buổi tiếp tân lộng lẫy và mời các nhân vật danh tiếng trong ghetto rồi quay phim. Cuối cùng, chúng bắt một số đàn ông và đàn bà lừa vào trong một phòng tắm công cộng, bắt họ cởi bỏ quần áo và quay cảnh khiêu dâm ấy thật chi tiết. Chỉ mãi sau này tôi mới phát hiện ra những bộ phim ấy định dùng cho dân Đức ở quê chúng, vùng Reich và ở nước ngoài, buộc tội những tin đồn là dối trá, nếu tin tức về những

hành động tàn bạo của chúng lọt ra thế giới bên ngoài. Chúng sẽ trưng ra cảnh dân Do Thái ở Warsaw sống sung sướng ra sao, họ cũng vô đạo đức và đáng khinh bỉ chừng nào, cho nên mới có cảnh đàn ông đàn bà Do Thái tắm chung, trần truồng vô liêm sỉ trước mặt nhau.

Vào khoảng thời gian này, những tin đồn gây hoang mang lan rộng trong ghetto. Từng khoảng thời gian ngắn hơn từ trước đến giờ, dù cho chúng vô căn cứ như thường lệ và không bao giờ tìm ra nguồn tin, hoặc không người nào có thể khẳng định một chi tiết nhỏ nhất. Ví dụ có hôm dân chúng xì xào về những điều kiện khủng khiếp nhất trong ghetto Łódź, nơi người Do Thái bị bắt đem tiền sắt của họ vào lưu hành, không thể mua bất cứ thứ gì bằng tiền ấy, và hiện giờ hàng ngàn người Do Thái ở đấy đang chết đói. Một số người suy nghĩ rất nhiều về tin này; còn với những người khác tin ấy chỉ thoảng qua tai. Sau khi hết xì xào về Łódź ít lâu lại bắt đầu về Lublin và Tarnów là những nơi người Do Thái bị đầu độc bằng hơi ngạt, dù chẳng ai tin chuyện ấy là có thực. Đáng tin hơn là các tin đồn về ghetto Do Thái sẽ bị giới hạn thành bốn nơi: Warsaw, Lublin, Cracow và Radom. Rồi để thay đổi, có tin là dân ở Warsaw sẽ bị tái định cư ở phía Đông, mỗi ngày sẽ chuyên chở sáu ngàn người. Theo ý kiến một số người, việc này đã tính trước từ lâu, nhưng một cuộc họp bí mật giữa Hội đồng Do Thái đã thuyết phục thành công bọn Gestapo (chắc chắn là hối lộ) không đưa chúng tôi đi tái định cư.

Ngày 18 tháng 7, Goldfeder và tôi đang chơi đàn tại một buổi hoà nhạc tại tiệm cà phê Pod Fontana trên phố Lezno, ủng hộ nghệ sĩ dương cầm nổi tiếng Leon Borunski đã có thời đoạt giải trong cuộc thi mang tên Chopin. Ông đang bị lao và sống cơ cực trong ghetto Otwock. Khu vườn của tiệm cà phê chật ních, có khoảng bốn trăm người thuộc tầng lớp thượng lưu và sắp thượng lưu tham dự. Hầu như ai cũng có thể nhớ lại buổi họp mặt cuối cùng ấy, chỉ ở mức độ khác nhau mà thôi, nhưng trong đám khán giả ấy nếu có sự kích động thì lại vì một lý do khác hẳn: tất cả quý bà xinh đẹp thuộc tầng lớp thượng lưu giàu có và những kẻ giàu phất nhờ khôn khéo đều nóng lòng muốn biết liệu hôm nay bà L có nói chuyện với bà K không. Cả hai bà đều tham gia công việc từ thiện, đóng vai trò tích cực trong các nhà tế bần, tổ chức tại nhiều ngôi nhà phát đạt để giúp đỡ người nghèo. Cuộc từ thiện này rất thú vị vì hay kèm theo các buổi khiêu vũ, tại đó người ta nhảy múa, vui cười và uống rượu, quyên góp tiền cho các mục đích từ thiện.

Nguyên nhân bất hoà giữa hai quý bà là vụ xô xát xảy ra ở tiệm cà phê Sztuka mấy hôm trước. Cả hai bà đều xinh đẹp theo kiểu khác nhau, và thật tâm thì không ưa gì nhau, người nào cũng ra sức lôi kéo những người hâm mộ chung quanh mình. Nhân vật quan trọng nhất trong đám hâm mộ là Maurycy Kohn, chủ sở hữu đường sắt và là đại diện Gestapo, có gương mặt hấp dẫn và nhạy cảm của một nghệ sĩ.

Tối hôm đó cả hai bà đang vui chơi ở Sztuka. Họ ngồi bên quầy rượu, mỗi người có một vòng

người hâm mộ vây quanh, và cố vượt người kia bằng cách gọi những thứ đồ uống kén chọn nhất, đòi nhạc công chơi đàn arcooc chơi những giai điệu du dương nhất cho bàn của họ. Bà L ra về trước. Bà không hình dung được là trong lúc bà còn ở tiệm, một phụ nữ đói lả đang lê bước trên hè phố, rồi ngã gục và chết ngay bên ngoài quán bar. Lóa mắt vì ánh sáng trong tiệm cà phê, bà L vấp phải người đàn bà đã chết lúc bà ra về. Lúc thấy cái xác, bà bị lên cơn co giật và không thể trấn tĩnh nổi. Bà K lúc này đã được nghe kể về việc bất ngờ kia. Lúc bước ra khỏi cửa, bà thét lên kinh hoàng, nhưng ngay lập tức, có lẽ do lòng thương cảm sâu sắc, bà đến chỗ người chết, rút năm trăm zloty trong xác tay ra và đưa tiền cho Kohn đang đứng ngay sau bà:

- Nhờ ông làm việc này hộ tôi – bà ta nói – Chôn cất bà ta cho tử tế.

Rồi thì một trong những quý bà hâm mộ bà K nói khẽ, nhưng cũng đủ to cho tất cả mọi người nghe thấy:

- Một thiên thần, như mọi khi!

Bà L không tha thứ cho bà K về chuyện này. Ngày hôm sau, bà miêu tả bà K như “một mụ đàn bà hạ lưu” và nói bà sẽ không bao giờ nói chuyện với bà K nữa. Hôm nay cả hai bà đều có mặt tại tiệm Pod Fontanna, và giới giàu xổi của ghetto tò mò đợi xem sẽ xảy ra chuyện gì khi họ gặp nhau.

Lúc này phần đầu của buổi hoà nhạc đã kết thúc, Goldfeder và tôi ra phố hút thuốc trong lúc rỗi rãi. Chúng tôi là bạn bè và đã biểu diễn chung với nhau suốt một năm nay. Hiện giờ anh đã chết, mặc dù hồi đó triển vọng sống còn của anh có vẻ thuận lợi hơn tôi. Anh là một nghệ sĩ dương cầm xuất sắc và cũng là một luật sư. Anh tốt nghiệp nhạc viện và khoa luật đại học tổng hợp cùng một lúc, nhưng anh quá tự ti khi nghĩ rằng anh không bao giờ thực sự trở thành nghệ sĩ dương cầm hàng đầu, nên anh hành nghề luật. Chỉ trong thời chiến, anh mới trở thành nhạc sĩ dương cầm.

Trong thời gian trước chiến tranh ở Warsaw, anh nổi tiếng là người có hiểu biết, có sức mê hoặc và tính tình tao nhã, và được nhiều người hâm mộ. Sau này anh cố trốn thoát khỏi ghetto và ẩn trú tại nhà của nhà văn Gabriel Karski. Sống thêm được hai năm nữa. Một tuần trước khi quân đội Xô viết tràn tới, anh bị bọn Đức bắn chết ở một thị trấn nhỏ không cách xa đồng đồ nát của Warsaw là mấy.

Chúng tôi hút thuốc và nói chuyện, mỗi hơi thuốc lại cảm thấy đỡ mệt hơn chút ít. Hôm đó thời tiết rất đẹp. Mặt trời đã khuất hẳn sau các toà nhà, chỉ có các mái nhà và cửa sổ tầng trên cùng vẫn ánh lên màu đỏ thắm. Bầu trời xanh thắm đang nhạt dần, những con chim nhận bay lượn qua lượn lại. Đám đông trên phố; thưa dần, trông họ đỡ nhem nhuốc và khổ sở hơn thường lệ lúc họ bước đi, tắm trong màu xanh lơ, đỏ thắm và ánh chiều màu vàng đục.

Lúc đó chúng tôi nhìn thấy ông Kramstzyk đang đi đến chỗ chúng tôi. Cả hai chúng tôi đều hài

lòng, chúng tôi sẽ mời ông vào phần hai của buổi hoà nhạc. Ông đã hứa vẽ chân dung tôi, tôi muốn gặp ông để bàn bạc thêm chi tiết.

Song chúng tôi không thể thuyết phục nổi ông. Ông trông có vẻ chán nản, chìm trong những suy nghĩ âm ảm của riêng mình. Ông vừa được nghe từ một nguồn đáng tin cậy rằng cuộc tái định cư sắp tới của ghetto là không thể tránh khỏi, đội biệt kích huỷ diệt của Đức ở bên kia tường đã sẵn sàng làm việc, sẵn sàng bắt đầu cuộc truy kích, sẵn lòng.

Chương 7

Tổ kiến bị đe dọa

Lần này Goldfeder và tôi cố tổ chức một buổi hoà nhạc buổi trưa để kỷ niệm ngày thành lập bộ đôi (duo) của chúng tôi. Buổi hoà nhạc sẽ được trình diễn vào ngày 25 tháng Bảy 1942, trong khuôn viên của Sztuka. Chúng tôi đang lạc quan. Tâm lực của chúng tôi đang dồn hết cho buổi hoà nhạc và chúng tôi có bao nhiêu điều phải lo. Trước ngày hoà nhạc chúng tôi còn không tin nó không xảy ra. Chúng tôi chỉ hy vọng lại một lần nữa, tin đồn về cuộc tái định cư là vô căn cứ. Ngày 19 tháng Bảy, tôi chơi nhạc trong khuôn viên một tiệm cà phê trên phố Nowolipki, và không bao giờ nghĩ đây là buổi biểu diễn cuối cùng của tôi trong ghetto. Khuôn viên đầy ắp người nhưng tâm trạng chung khá ảm đạm.

Sau buổi diễn, tôi ghé vào Sztuka. Lúc này khá muộn, trong tiệm không còn khách, chỉ có các nhân viên đang tít tít với những việc vặt trong ngày. Tôi ngồi với viên quản lý một lúc. Ông ta cũng đang rầu rĩ, ra các mệnh lệnh mà chẳng để tâm, làm như đó chỉ là vì hình thức.

- Ông đang dọn dẹp cho buổi hoà nhạc của chúng tôi vào thứ Bảy? – tôi hỏi.

Ông ta nhìn tôi như thể không biết tôi đang nói gì. Lúc đó bộ mặt ông lộ rõ vẻ thương cảm châm biếm cho sự dốt nát của tôi đối với các sự kiện làm số phận của ghetto xoay chiều khác hẳn.

- Anh thật lòng tin chúng ta còn sống sót đến thứ Bảy ư? – ông hỏi và nhô người qua bàn về phía tôi.

- Tôi tin chắc như thế - tôi đáp.

Lúc này câu trả lời của tôi hình như đã mở ra một triển vọng mới cho sự an toàn, và sự an toàn ấy phụ thuộc vào tôi, ông ta chộp lấy bàn tay tôi và nói một cách nồng nhiệt:

- Hay lắm, nếu thực là chúng ta còn được sống, anh có thể gọi bất cứ món gì anh thích cho tối thứ Bảy tới đây, tôi chi hết và ... - đến đây ông ngập ngừng giây lát, nhưng quyết làm cho ra trò ông nói thêm – anh có thể gọi những chai ngon nhất trong hầm rượu của Sztuka, tôi cũng chi hết, anh muốn bao nhiêu cũng được!

Theo lời đồn đại, chiến dịch tái định cư sẽ bắt đầu vào tối thứ Bảy. Song buổi tối trôi qua êm ả và đến sáng thứ Hai, mọi người lại mạnh dạn lên, có lẽ một lần nữa chẳng có gì xảy ra theo như các tin đồn?

Song đến tối sự sợ hãi lại bùng lên một lần nữa, theo tin mới nhất, tối nay chiến dịch tái định cư sẽ nổ ra trong ghetto nhỏ, và lần này không còn nghi ngờ gì nữa. Dân chúng bối rối khiêng

ra các bọc, gói, các vali lớn, đưa trẻ con từ ghetto nhỏ sang ghetto lớn qua chiếc cầu vượt bọn Đức đã bắc trên phố Chlodna, tách chúng tôi khỏi cơ hội cuối cùng liên hệ với khu Aryan. Họ hy vọng tránh xa khu vực bị đe dọa trước giờ giới nghiêm. Gia đình tôi vốn theo thuyết định mệnh nên chúng tôi quyết định ở lại. Đêm khuya, những người hàng xóm nghe được tin từ tổng dinh cảnh sát Ba Lan rằng đã có báo động. Vậy là sự tồi tệ sắp xảy ra. Tôi Tôi không thể ngủ cho đến bốn giờ sáng và ngồi bên cửa sổ để mở. Nhưng đêm hôm đó cũng trôi qua yên bình.

Sáng thứ Ba, Goldfeder và tôi đến Hội đồng Do Thái. Chúng tôi vẫn chưa mất hy vọng rằng dù sao thì mọi sự có thể suôn sẻ, chúng tôi muốn có thông tin chính thức của Hội đồng về kế hoạch của bọn Đức đối với ghetto trong mấy ngày tới. Chúng tôi đến gần toà nhà thì một chiếc ô tô phóng vèo qua. Trong xe là đại tá Kon, đứng đầu sở y tế của cộng đồng, xanh xao và để đầu trần, cảnh sát vây quanh. Nhiều công chức Do Thái cùng bị bắt vào lúc ấy, và cuộc săn lùng bắt đầu trên các đường phố.

Buổi chiều cùng ngày xảy ra một sự kiện lay động toàn bộ thành phố Warsaw, ở cả hai bên bức tường. Bác sĩ ngoại khoa nổi tiếng người Ba Lan là Raszeja, đứng đầu ngành và là giáo sư đại học Poznan được gọi đến ghetto để biểu diễn một cuộc giải phẫu khó. Tổng hành dinh cảnh sát Đức ở Warsaw đã cấp cho ông thẻ vào ghetto, nhưng lúc ông tới và bắt đầu cuộc giải phẫu, bọn SS xông vào nhà, bắn chết bệnh nhân đã được gây mê nằm trên bàn mổ, rồi bắn chết luôn viên bác sĩ cùng những người khác có mặt trong phòng.

Ngày thứ Tư 22 tháng Bảy, khoảng mười giờ sáng tôi vào thành phố. Tâm trạng trên phố đỡ căng thẳng hơn đêm hôm trước. Có tin đồn đoán chắc rằng các viên chức của Hội đồng bị bắt hôm qua đã được trả tự do. Vì thế bọn Đức không có ý định tái định cư chúng tôi nữa, vì trong những trường hợp như thế (chúng tôi nghe tin trong các bản báo cáo từ bên ngoài Warsaw, nơi các cộng đồng Do Thái nhỏ hơn, tái định cư từ lâu), chúng luôn bắt đầu bằng việc thanh toán các viên chức.

Lúc 11 giờ tôi đến cầu vượt trên phố Chlodna. Tôi đang đi và mãi nghĩ ngợi nên lúc đầu tôi không chú ý nhiều người đang đứng lặng lẽ trên cầu và chỉ vào một thứ gì đó. Sau đó họ vội vã bỏ đi, rất bối rối.

Tôi sắp bước lên các bậc dẫn đến cây cầu gỗ uốn vòng cung, thì một người bạn đã lâu tôi không gặp nắm lấy cánh tay tôi:

- Anh làm gì ở đây? – Anh rất kích động nên khi nói môi dưới co rúm lại trông rất tức cười, giống miệng thở - Về nhà ngay!
- Có chuyện gì vậy?
- Một giờ nữa chiến dịch bắt đầu.
- Không thể được!

- Không thể? – Anh ta bật cười, cay đắng, căng thẳng, rồi xoay tôi đối diện với hàng chấn song rồi chỉ xuống phố Chlodna – Nhìn kia!

Một tốp lính mặc quân phục màu vàng lợt lẩm đang hành quân trên phố Chlodna, dẫn đầu là một sĩ quan Đức. Cứ vài bước chúng lại dừng và một tên lính vào vị trí cạnh bức tường bao quanh ghetto.

- Người Ukraina đấy. Chúng ta bị bao vây rồi! – Anh nức nở hơn là nói những lời đó, rồi anh vội vã chạy xuống những bậc cầu thang quên cả chào tạm biệt.

Thế là chắc chắn rồi. Đến trưa các đội quân bắt đầu thực sự quét sạch các ngôi nhà dành cho người già, nhà của các cựu chiến binh và những lều trú tạm qua đêm. Các lều này là chỗ trú cho người Do Thái từ các vùng quê quanh Warsaw đã bị dồn vào ghetto, cũng như những người bị trục xuất khỏi Đức, Tiệp khắc, Hungary và Roumanie. Đến chiều, nhiều tấm áp phích dán khắp thành phố thông báo bắt đầu chiến dịch tái định cư. Tất cả những người Do Thái đầy đủ sức khỏe sẽ bị đưa về phía Đông. Mỗi người được mang 20 ký lô hành lý, lương thực cho hai ngày và đồ châu báu. Khi đến nơi làm việc sẽ ở tập trung và làm trong các nhà máy của Đức tại địa phương. Riêng các viên chức thuộc các tổ chức xã hội Do Thái và Hội đồng Do Thái thì được miễn. Lần đầu tiên có một sắc lệnh không có chữ ký của Hội đồng Do Thái. Czerniaków đã tự tử bằng thuốc độc.

Thế là việc xấu nhất đã đến: dân cư của cả một khu lên tới nửa triệu người bị tái định cư. Câu chuyện có vẻ vô lý, Không người nào có thể tin nổi.

Trong mấy ngày đầu tiên, chiến dịch được tiến hành như một cuộc xổ số. Các ngôi nhà bị bao vây hú hoạ, lúc ở góc này, lúc ở góc khác trong ghetto. Một hồi còi rít lên triệu tập tất cả cư dân trong nhà ra sân, chất tất cả mọi người lên xe, bất chấp tuổi tác, giới tính, từ trẻ con đến cụ già, đưa họ đến Umschalagplatz – trung tâm tập trung và quá cảnh. Rồi các nạn nhân bị nhét vào các toa hàng và được chở đi đến nơi nào không biết.

Lúc đầu, chiến dịch này do cảnh sát Do Thái làm, cầm đầu là ba phụ tá của bọn đao phủ Đức Đại tá Szerynski, đại úy Lejkin và đại úy Ehrlich. Bọn chúng nguy hiểm và tàn bạo chẳng kém bọn Đức, có khi chúng còn tồi tệ hơn, vì kiếm ra được những người trốn ở nơi nào đó thay vì tập trung dưới sân, chúng vờ không thấy nhưng chỉ vì tiền. Những giọt nước mắt, những lời van xin, thậm chí những tiếng la hét tuyệt vọng của trẻ con chẳng làm chúng mảy may mủi lòng. Vì các cửa hàng đã bị đóng cửa và ghetto bị cắt mọi nguồn cung cấp, chỉ sau vài ngày nạn đói bắt đầu lan tràn, và lần này ảnh hưởng đến tất cả mọi người. Dân chúng không thôi để việc đó làm khổ họ nhiều: họ tìm một thứ quan trọng hơn đồ ăn. Họ muốn có một tờ giấy chứng nhận việc làm.

Tôi chỉ có thể nghĩ ra một hình ảnh so sánh với cuộc sống của chúng tôi trong những ngày giờ

khủng khiếp ấy, giống như một tổ kiến bị đe dọa. Khi những bàn chân hung bạo đi giày đinh của một thằng ngốc ích kỷ phá huỷ tổ, bày kiến nhốn nháo chạy đây, chạy đó, cuống quýt thăm dò đường tẩu thoát, nhưng không biết chúng bị dờ dẫm vì bị tấn công bất ngờ, hay lo sợ phận con cháu hoặc có thể cứu lấy bất cứ thứ gì, mà chúng quay trở lại như bị một thế lực hiểm ác chi phối. Thay cho việc đi thẳng và thoát khỏi khu vực, lúc nào chúng cũng trở lại đúng những con đường nhỏ ấy, và đúng những nơi ấy, không thể thoát khỏi quỹ đạo chết người và thế là bỏ mạng. Giống y như chúng tôi vậy.

Đây là một thời kỳ kinh khủng đối với chúng tôi, nhưng lần này bọn Đức đã vớ bẫm ra trò. Các công ty Đức mọc lên trong ghetto nhan nhản như nấm gặp mưa, tất cả đều sẵn sàng cấp giấy chứng nhận thuê người. Lẽ tất nhiên là với con số hàng ngàn người, nhưng quy mô ấy không làm cho người ta nản lòng. Hàng người dài dằng dặc bên ngoài văn phòng các công ty có nhà máy thực sự lớn và quan trọng như Toebbens và Schultz chẳng hạn. Những người đủ may mắn có giấy chứng nhận bèn ghim vào quần áo, điền tên và nơi làm việc giả định. Họ tưởng mảnh giấy đó sẽ che chở cho họ thoát khỏi cuộc tái định cư.

Tôi có thể dễ dàng kiếm được một tờ giấy chứng nhận kiểu đó nhưng một lần nữa như vaccine Risketteria, chỉ cho riêng bản thân mình. Không người nào trong những người quen của tôi, dù có mối quan hệ thân thiết nhất, ủng hộ ý tưởng cấp giấy chứng nhận cho cả gia đình tôi. Sáu cái giấy chứng nhận tự do hẳn là rất nhiều hy vọng, nhưng tôi không có khả năng thanh toán tất cả dù với giá thấp nhất. Tôi kiếm sống lần hồi, và tôi kiếm bất cứ thứ gì ăn được. Lúc bắt đầu chiến dịch ở ghetto, trong túi tôi chỉ có vài trăm zloty. Tôi chóang váng vì không tự lo liệu được, vì thấy những bạn bè giàu có hơn dễ dàng cứu cả gia đình an toàn. Đầu bù tóc rối, mặt không cạo, không một mẫu thức ăn trong người, tôi lê bước từ sáng đến tối, từ văn phòng công ty này đến văn phòng công ty khác, van vỉ người ta rủ lòng thương chúng tôi. Sau sáu ngày như thế, huy động mọi đường dây quen biết, bằng cách này hay cách khác, tôi đã xoay sở được đủ những mẫu giấy ấy.

Chắc rằng lần gặp Roman Kramsztyrk tuần trước chiến dịch là lần gặp gỡ cuối cùng. Trông ông hốc hác và căng thẳng, dù cố che giấu. Ông hài lòng gặp lại tôi:

- Cậu chưa đi lưu diễn à? – ông nói, cố đùa.
- Chưa – tôi đáp ngắn gọn. Tôi không thích nói đùa. Rồi tôi hỏi ông cái câu mà chúng tôi thường hỏi nhau vào thời đó – Anh nghĩ như thế nào? Liệu chúng có tái định cư tất cả chúng ta không?

Ông không trả lời câu hỏi của tôi và tránh né bằng một nhận xét:

- Trông cậu khiếp quá – ông nhìn tôi thông cảm – Cậu suy nghĩ nhiều quá đấy.
- Biết làm thế nào được? – Tôi nhún vai.

Ông mỉm cười, châm thuốc, không nói gì một lát rồi tiếp:

- Cậu cứ đợi xem, một ngày nào đó mọi việc rồi sẽ chấm dứt, bởi vì... - ông vẫy vẫy hai cánh tay – thực ra tất cả chuyện này đều chẳng có nghĩa lý gì, phải không?

Ông nói câu đó với vẻ hài hước và khá thuyết phục, dường như toàn bộ sự vô nghĩa của chuyện đang diễn ra sẽ chấm dứt một cách hiển nhiên.

Thật không may, nó không kết thúc. Trên thực tế, tình hình trở nên trầm trọng khi mấy ngày sau quân Lithuania và quân Ukraina tham gia. Chúng ăn hối lộ chẳng kém gì cảnh sát Do Thái tuy theo một cách khác. Chúng nhận tiền hối lộ, nhưng vừa nhận xong thì giết luôn người đã đưa tiền. Chúng thích giết chóc đủ kiểu, giết người như một mục tiêu giải trí, hoặc để cho công việc trôi chảy hơn, hoặc chỉ để vui đùa. Chúng giết trẻ em trước mắt mẹ chúng và lấy sự tuyệt vọng của phụ nữ làm trò vui. Chúng bắn vào bụng người để ngắm họ đau đớn, khổ sở. Thỉnh thoảng chúng bắt các nạn nhân xếp thành hàng, rồi đứng từ xa ném lựu đạn vào họ xem ai là mục tiêu tốt nhất. Mỗi cuộc chiến đều tách những nhóm nhỏ trong các chủng tộc, một số ít quá nhút nhát không dám đấu tranh công khai, quá vô nghĩa không có vai trò chính trị độc lập nào, nhưng đủ ti tiện để hành động như những tên đao phủ đối với một trong những lực lượng chiến đấu. Trong cuộc chiến tranh này, những tên phát xít Lithuania và Ukraina là những tên như thế.

Roman Kramstzyrk là một trong những người thiệt mạng đầu tiên lúc bọn chúng bắt tay vào chiến dịch tái định cư. Ngôi nhà ông ở bị bao vây, nhưng ông không chịu xuống sân lúc nghe thấy tiếng còi. Ông thích thà bị bắn chết trong nhà, giữa các bức tranh của ông còn hơn.

Vào khoảng thời gian này, những tên chỉ điểm cho Gestapo là Kon và Heller đều đã chết. Chúng không củng cố vị trí của chúng đủ khéo léo, hoặc có lẽ vì chúng quá phát đạt. Chúng chỉ phải nộp tiền cho một trong hai tổng hành dinh SS ở Warsaw và không may cho chúng, lại rơi vào hết tay người này sang tay người khác. Những giấy phép do đơn vị SS đối thủ cấp làm bọn bắt giữ chúng bầm gan tím ruột hơn, chúng không hài lòng chỉ bắn Kon và Heller, chúng còn vứt xác bọn chỉ điểm lên xe rác, giữa những đồng đồ phế thải và rác rưởi bắn thiu. Hai tên trùm tư bản đã đi quãng đường cuối cùng của chúng qua ghetto đến ngôi mộ tập thể như thế đấy.

Bọn Ukraina và Lithuania chẳng thèm chú ý gì đến giấy chứng nhận lao động. Sáu ngày xin xỏ của tôi là một sự ráng sức vô ích. Tôi cảm thấy con người phải thật sự làm việc, nhưng vấn đề sắp tới là làm như thế nào mà thôi. Tôi đã mất hoàn toàn sự nhiệt tâm. Lúc này tôi nằm suốt ngày trên giường, lắng nghe những âm thanh dội lên từ đường phố. Mỗi lần nghe tiếng bánh xe ầm ầm trên mặt đường lát nhựa đường là tôi hoảng hốt. Những chiếc xe ấy đưa người đi Umschlagplatz. Nhưng tất cả không xuyên thẳng qua ghetto, và bất cứ chiếc xe nào trong số đó cũng có thể dừng lại trước ngôi nhà chúng tôi. Chúng tôi có thể nghe thấy tiếng còi rít trong

sân bất cứ lúc nào. Tôi nhảy ra khỏi giường, đến bên cửa sổ, rồi lại nằm xuống, rồi đứng lên. Tôi là người duy nhất trong gia đình cư xử nhu nhược đáng hổ thẹn như vậy. Có lẽ vì mình tôi có thể cứu được chúng tôi nhờ tiếng tăm là người biểu diễn và tôi cảm thấy mình có trách nhiệm vì thế.

Cha mẹ, anh chị tôi hiểu họ chẳng thể làm được gì. Họ tập trung toàn bộ vào việc tự kiểm chế bản thân và duy trì cuộc sống theo tưởng tượng và bình thường. Cha tôi chơi vĩ cầm suốt ngày, Henryk học, Regina và Halena đọc sách, còn mẹ tôi mạng quần áo.

Bọn Đức tìm ra một ý tưởng khôn ngoan nữa để nhiệm vụ của chúng đỡ căng thẳng. Nhiều sắc lệnh công bố được dán trên tường nói rằng nếu các gia đình tự nguyện đến Umschlagplatz “di cư” thì sẽ được một ổ bánh mì và một ký mứt, và các gia đình tình nguyện sẽ không bị chia cắt. Lời gợi ý này được hưởng ứng rằng mạnh mẽ. Dân chúng chấp nhận vì họ đang đói và hy vọng gắn kết số phận cùng với nhau bước vào con đường lạ lẫm, đầy khó khăn.

Thật bất ngờ Goldfeder đến giúp chúng tôi. Anh có cơ hội thuê một số người nhất định ở khu trung tâm thu nhận gần Umschlagplatz, nơi phân loại đồ gỗ và của nả từ các ngôi nhà người Do Thái bị tái định cư. Anh chọn tôi, cha tôi và Henryk đến đó, và tiếp đó chúng tôi đưa được mẹ và các chị tôi cùng đến với chúng tôi. Mặc dù họ không cùng làm trong trung tâm thu nhận nhưng họ trông nom “nhà mới” của chúng tôi trong ngôi nhà đã thành nhà kho của chúng tôi. Khẩu phần chẳng có gì đặc biệt: mỗi ngày mỗi người được nửa ổ bánh mì và một phần tư lít súp, và chúng tôi phải chia ra hết sức thông minh mới đỡ cơn đói.

Đây là việc làm đầu tiên của tôi với bọn Đức. Từ sáng đến tối, tôi chở bằng xe bò các loại đồ gỗ, gương, thảm, quần áo lót, khăn trải giường, quần áo, những thứ đồ đạc trước đây mấy ngày còn thuộc về một người nào đó, đồ nội thất thể hiện nhà của người có hoặc không có khiếu mỹ thuật, giàu có hoặc nghèo khổ, tử tế hoặc tàn ác. Lúc này chúng chẳng thuộc về ai. Chúng bị hạ cấp thành những đồng đồ vật, bị xử lý thô bạo, và thỉnh thoảng lắm, lúc tôi ôm một ôm nặng quần áo lót, mùi nước hoa ưa thích của người nào đó thoang thoang hết sức tinh tế như một hoài niệm, hoặc có thể liếc qua những chữ viết lồng sặc sỡ trên nền vải trắng tinh một lát. Nhưng tôi chẳng có thời gian mà nghĩ đến mọi thứ. Mỗi lần ngắm nghía hoặc lơ đãng là bị cảnh sát đá rất đau bằng mũi ủng bọc sắt hoặc đánh bằng dùi cui cao su.

Sáng sớm ngày 2 tháng Tám có lệnh sáu giờ chiều hôm ấy tất cả dân Do Thái phải rời ghetto nhỏ. Tôi đã thành công trong việc dành thời gian kiếm một số ít quần áo và đồ trải giường ở phố Sliska, cùng các bản nhạc của tôi, một bộ sưu tập các bài phê bình những buổi diễn và sáng tác của tôi với tư cách nhạc sĩ và cây vĩ cầm của cha tôi. Đây là tất cả những thứ chúng tôi có. Một hôm, vào khoảng ngày 5 tháng Tám, lúc tôi đang giải lao và đi bộ xuống phố Gesia, bất ngờ tôi trông thấy Janusz Korczak và bọn trẻ mồ côi của ông đang rời khỏi ghetto.

Sáng hôm ấy đã có lệnh trại mồ côi Do Thái do Janusz Korczak quản lý phải tản cư. Bọn trẻ phải được đưa đi riêng. Ông có dịp thoát thân, và điều khó khăn duy nhất khi ông thuyết phục bọn Đức cùng đưa ông đi. Ông đã dành nhiều năm trời sống cùng với bọn trẻ, và trong chuyến đi cuối cùng này, ông không nỡ để các em đi một mình. Ông muốn làm nhẹ mọi việc cho chúng. Ông bảo với bọn trẻ là chúng sắp được về vùng nông thôn cho nên chúng rất vui. Ít ra chúng cũng có thể đổi các bức tường kinh khủng của thành phố ngột ngạt, lấy những cánh đồng đầy hoa, có những dòng suối chúng có thể tắm, những khu rừng đầy dâu dại và nấm. Ông dặn chúng mặc bộ quần áo đẹp nhất, vì thế khi bọn trẻ ra sân, xếp hàng đôi, ăn mặc sạch sẽ và tâm trạng vui sướng.

Một đội hình hàng dọc nhỏ, dẫn đầu là một viên SS yêu trẻ như người Đức vẫn thế, dù là những đứa hăn sắp thấy trên đường vào thế giới mới. Hăn khoái một cậu bé mười hai tuổi, một tay chơi vĩ cầm, cặp cây đàn dưới cánh tay. Tên SS bảo em đi lên đầu đoàn diễu hành trẻ em và chơi đàn, thế là các em lên đường.

Lúc tôi gặp cả đoàn trên phố Gesia, các em đang mỉm cười và hát đồng thanh. Cậu bé chơi vĩ cầm và Korczak dắt hai đứa bé nhất, ông đang kể cho chúng nghe một chuyện vui gì đó, mặt chúng rất rạng rỡ.

Tôi chắc rằng trong buồng hơi ngạt, lúc khí Cyclon B bóp nghẹt các cổ họng của trẻ thơ, và nỗi sợ hãi bất chợt thay cho niềm hy vọng lan vào trái tim của trẻ mồ côi, nhà thông thái già ắt phải thì thầm, rán sức lần cuối cùng “Ổn cả thôi mà, các cháu, tất cả rồi sẽ ổn thôi mà”, để ít ra ông có thể dành trách nhiệm nhỏ bé của mình cho những đứa trẻ sợ hãi đang chuyển từ cuộc sống sang cái chết.

Cuối cùng ngày 16 tháng Tám 1942 đến phiên chúng tôi. Một cuộc tuyển lựa được tiến hành ở trung tâm thu nhận, chỉ có Henryk và Halina đủ sức khoẻ để làm việc. Cha tôi, Regina và tôi được bảo trở lại nhà kho. Lúc chúng tôi về đó, toà nhà đã bị bao vây, và chúng tôi nghe thấy tiếng còi rít lên trong sân.

Thế là không cần đấu tranh hơn nữa. Tôi đã làm những gì có thể để cứu những người tôi yêu quý và bản thân mình. Rõ ràng việc đó là không thể ngay từ lúc bắt đầu. May ra Henryk và Halina được ăn uống khá hơn những người còn lại trong gia đình tôi.

Chúng tôi mặc quần áo thật nhanh vì đã nghe thấy tiếng quát tháo và tiếng súng ở dưới sân giục chúng tôi nhanh lên. Mẹ tôi gói một bọc nhỏ bất cứ thứ gì đến tay, rồi chúng tôi xuống sân.

Chương 8

Umschalagplatz

Umschalagplatz nằm ở đường ranh giới ghetto. Một biệt khu cạnh chỗ xe lửa tránh, bao quanh bằng một mạng lưới các đường phố, ngõ hẻm bẩn thỉu và đường ray. Mặc dù bề ngoài không hấp dẫn, nó chứa nhiều thứ của cải trước chiến tranh. Một trong những nơi tàu tránh là một địa điểm lớn của cải từ khắp nơi trên thế giới đổ đến. Các nhà buôn Do Thái mua hết, sau đó phân phối lại cho các cửa tiệm ở Warsaw từ các kho trên phố Nalewki và đường Simon. Nơi này là một hình bầu dục lớn, một phần được bao quanh bởi nhiều ngôi nhà, một phần là hàng rào, có một số đường chạy vào trong như các dòng suối đổ vào hồ, những mối liên hệ hữu ích với thành phố. Khu vực này được khép kín bằng nhiều cổng chạy ra phố, và lúc này có thể chứa tới tám ngàn người.

Lúc chúng tôi đến, Umschalagplatz vẫn hoàn toàn vắng vẻ. Người ta đang ngược xuôi kiếm nước một cách vô hiệu. Hôm ấy là một ngày cuối hè, nóng và đẹp trời. Bầu trời màu xám xanh, như đang ngả sang màu tro dưới cái nóng dâng lên từ mặt đất và những bức tường nhà loá mắt, mặt trời sáng chói đang vắt kiệt những giọt mồ hôi cuối cùng từ các tấm thân mệt lử. Bên rìa biệt khu, nơi có một đường phố chạy vào trong, là một khoảng trống không người ở. Ai cũng cố tránh xa khu này, không dám lảng vảng ở đó ngoài việc liếc qua, sợ hãi. Nhiều cái xác nằm ở đó, những người bị giết hôm qua vì phạm phải một điều gì đó, có khi chỉ vì có ý định bỏ trốn. Giữa đám xác đàn ông là xác một phụ nữ và hai cô gái, sọ bị vỡ thành nhiều mảnh. Bức tường phía dưới đồng xác đầy những vết máu và óc bắn lên. Trẻ em bị giết bằng một phương pháp mà bọn Đức rất ưa: nắm lấy chân, đập đầu chúng thật mạnh vào tường. Nhiều đàn ruồi lớn, đen ngòm, bay trên đồng xác và trên các vũng máu tràn trên mặt đất, những cái xác trương phình lên và gần như thối rữa trong tiết trời nóng nực.

Chúng tôi thu xếp tạm thoải mái và ngồi đợi tàu đến. Mẹ tôi ngồi trên đồng đồ đạc, Regina ngồi trên mặt đất và tôi đứng cạnh chị. Cha tôi bèn chồn đi ngược xuôi, tay chấp sau lưng, bốn bước đi lại bốn bước về. Chỉ đến lúc này, trong ánh chói loà của mặt trời, chẳng còn phải lúc để lo toan những kế hoạch vô ích để cứu giúp chúng tôi nữa, tôi mới có thời giờ ngắm kỹ mẹ tôi. Trông bà thật khủng khiếp, mặc dù bà ráng hết sức tự chủ. Mái tóc bà một thời lộng lẫy và luôn được bà chăm chút cẩn thận, nay khó thấy là màu gì, đang rũ xuống thành từng lọn, trên bộ mặt đầy nếp nhăn, tiều tụy vì lo lắng. Ánh sáng ngời lên trong cặp mắt đen láy của bà dường như đã tắt, một nét co giật căng thẳng chạy từ thái dương bên phải, qua má, xuống khoé miệng

bà. Trước đây chưa lần nào tôi chú ý đến nó, chứng tỏ mẹ tôi đau khổ biết chừng nào vì quang cảnh quanh chúng tôi. Regina khóc thốn thức, hai bàn tay úp lên mặt, những giọt nước mắt chảy qua các kẽ tay.

Chốc chốc nhiều chiếc xe chạy đến cổng Umschalagplatz và đám đông bị tái định cư bị lừa vào. Những người mới đến không giấu được nỗi tuyệt vọng. Đàn ông cao giọng chuyện trò, phụ nữ có con bị tách khỏi họ đang la hét và nức nở dữ dội. Nhưng ngay sau đó bầu không khí hừng hờ nặng như chì bao trùm biệt khu đã ảnh hưởng đến họ. Họ lặng dần, chỉ thỉnh thoảng mới oà lên một thoáng vì sợ hãi lúc một tên SS đi vào và bắn người nào đó không kịp tránh đường cho hấn hoặc ai đó có vẻ mặt không đủ khúm núm.

Một phụ nữ trẻ ngồi trên mặt đất cách chúng tôi không xa. Quần áo chị tả tơi, đầu tóc rối bù như vừa mới vật lộn với một người nào đó. Tuy vậy lúc này chị ngồi rất bình tĩnh, bộ mặt như người chết, cặp mắt nhìn trừng trừng vào một điểm trong không trung. Những ngón tay của chị xoè rộng, nắm chặt lấy cổ họng và thỉnh thoảng chị lại hỏi, đều đều và đơn điệu:

- Sao tôi lại làm như thế? Sao tôi lại làm như thế?

Một thanh niên đứng cạnh chị, rõ ràng là chồng chị, cố an ủi và thuyết phục chị, anh ta nói nhẹ nhàng nhưng hình như là không lọt vào đầu chị.

Chúng tôi gặp nhiều người quen trong đám người bị đưa vào biệt khu. Họ đến, chào chúng tôi và vì thói quen nên cố bắt chuyện, nhưng câu chuyện đứt quãng ngay sau đó. Họ rời đi, thích tự kềm chế sự lo lắng hơn.

Mặt trời mỗi lúc một lên cao, chiếu gay gắt và chúng tôi ngày càng khổ sở vì đói và khát. Chúng tôi ăn miếng bánh mì cuối cùng và sụp từ tối hôm trước. Khó lòng ngồi nguyên một chỗ, tôi quyết định đi dạo một chút, may ra có dễ chịu hơn chăng.

Người đến mỗi lúc một nhiều, ngày càng đông đúc hơn. Không thể tránh được nhiều nhóm người nằm ngồi ngổn ngang trên mặt đất. Họ đang bàn cùng một đề tài: họ sẽ bị đưa đến đâu, liệu có bị gởi đi lao động thật sự như cảnh sát Do Thái thuyết phục mọi người không.

Tôi trông thấy một tốp các cụ già đang nằm trong một góc của biệt khu, cả đàn ông lẫn đàn bà, có lẽ họ được đưa từ một viện dưỡng lão đến. Họ gầy khủng khiếp, kiệt sức vì đói và nóng, và hiển nhiên là rất yếu. Vài người nằm đó, mắt nhắm nghiền và khó mà nói họ đã chết hoặc đang chết. Và nếu chúng tôi bị đưa đi lao động thì những người như thế này làm gì ở đây?

Những người đàn bà bế con lê lết từ nhóm này sang nhóm khác cố xin một giọt nước. Bọn Đức đã cố tình cắt nguồn cung cấp nước cho Umschalagplatz. Những đôi mắt trẻ thơ mất hết sinh khí, mí mắt các em sụp xuống, những cái đầu gục trên những cái cổ gầy nhẳng, và những cặp môi khô khốc của các em hé mở như miệng đàn cá bé tí bị dân chài quăng lên bờ.

Lúc tôi quay trở lại với gia đình, họ không chỉ có một mình. Một người bạn mẹ tôi đang ngồi

cạnh bà, chồng bà ta là chủ một cửa tiệm lớn nhập bọn với cha tôi và một người quen khác của họ. Nhà kinh doanh này rất phần chấn. Song đi cùng với ông là một nha sĩ hành nghề trên đường Sliska, cách nhà tôi không xa lắm, lại có một cái nhìn mọi sự bằng màu sắc u ám, ảm đạm. Ông có vẻ căng thẳng và gay gắt.

- Thật là nhục nhã cho tất cả chúng ta! – ông gần như hét lên – Chúng ta để bọn chúng đưa đến chỗ chết như đàn cừu bị lừa đến lò mổ. Nếu nửa triệu người chúng ta tấn công bọn Đức, chúng ta có thể thoát khỏi ghetto, hoặc chí ít chết trong vinh dự, không như một vết nhơ trên bộ mặt lịch sử!

Cha tôi lắng nghe ông, hơi ngượng, nhưng với một nụ cười ân cần, cha tôi hơi nhún vai và hỏi:

- Sao anh dám chắc là chúng đưa chúng ta đến chỗ chết?

Ông nha sĩ đan hai cánh tay vào nhau:

- Vâng lẽ dĩ nhiên là tôi không biết chắc chắn. Làm sao mà tôi biết được? Chúng có nói với chúng ta đâu? Nhưng anh có thể tin chắc đến chín mươi phần trăm là chúng có kế hoạch xoá sạch tất cả chúng ta.

Cha tôi lại mỉm cười, nhưng ông lại càng tự tin hơn sau câu trả lời này:

- Nhìn kìa – cha tôi nói và chỉ vào đám đông trong Umschalagplatz - Chúng ta không phải là anh hùng, chúng ta là những người hoàn toàn bình thường, sao không liều tin vào mười phần trăm cơ hội còn lại để sống?

Nhà kinh doanh đồng tình với cha tôi. Ý kiến ông ta hoàn toàn ngược với ông nha sĩ: bọn Đức không ngu gì mà phí phạm một lực lượng lao động đầy tiềm năng to lớn, đại diện là người Do Thái. Ông cho rằng chúng tôi đang đến các trại lao động, có thể là các trại lao động quản lý khe khát, nhưng chắc bọn chúng không giết chúng tôi.

Trong lúc đó vợ nhà kinh doanh kể với mẹ tôi và Regina bà đã cất giấu các đồ bạc trong hầm rồi xây bịt kín lại như thế nào. Những đồ bằng bạc đó rất đẹp và có giá trị. Bà hy vọng khi trở về từ chuyến lưu đầy, bà sẽ tìm ra chúng.

Trời đã về chiều, chúng tôi lại thấy một nhóm tái định cư nữa bị lừa vào biệt khu. Chúng tôi hoảng hốt thấy Henryk và Halina trong số đó. Thế là cả nhà tôi cùng chung số phận, và cũng còn dễ chịu khi nghĩ rằng ít ra hai người ấy được an toàn.

Tôi vội đến tìm Henryk, chắc rằng thái độ chính trực một cách ngốc nghếch của anh đã đẩy anh và Halina đến đây. Tôi hỏi dồn dập nhiều câu và trách móc anh trước khi anh kịp giải thích, nhưng đằng nào anh cũng chẳng thêm trả lời tôi. Anh nhún vai, rút một cuốn Shakespeare cỡ nhỏ do Oxford in khỏi túi, lánh sang một bên và bắt đầu đọc.

Chính Halina kể cho chúng tôi nghe việc xảy ra. Khi nghe tin gia đình chúng tôi bị đưa đi làm việc, thế là hai chị em tình nguyện đến Umschalagplatz vì muốn cùng đi với chúng tôi.

Phản ứng của họ mới cảm động và ngớ ngẩn làm sao! Tôi quyết đưa họ ra khỏi đây bằng bất cứ giá nào. Hơn nữa họ không có trong danh sách tái định cư. Họ có thể ở lại Warsaw.

Tên cảnh sát Do Thái đưa họ đến biết tôi làm ở tiệm cà phê Sztuka và tôi hy vọng làm hấn mềm lòng dễ dàng, nhất là chẳng có lý do chính thức nào cho hai người đó ở lại đây. Không may là tôi đã tính nhầm: hấn không để cho hai người đó rời khỏi chốn này. Giống như bất cứ tên cảnh sát nào, hấn có nhiệm vụ mỗi ngày phải đích thân tổng năm người đến Umschalagplatz, bản thân hấn cũng có nguy cơ bị tái định cư nếu không tuân theo. Henryk và Halina ở trong tiêu chuẩn năm người hôm nay. Hấn đã mệt và không có ý định thả hai người đi rồi lại thành phố đuổi bắt thêm hai người nữa, có Chúa mới biết họ ở đâu. Theo quan niệm của hấn, công việc săn người thật ra chẳng thoải mái tí nào, vì dân chúng không đến khi cảnh sát gọi mà lại đi trốn, và hấn đã chán ngấy tất cả chuyện này.

Tôi trở lại với gia đình, tay không. Thế là ý định cuối cùng cứu hai người trong gia đình đã thất bại, cũng như mọi ý định trước kia của tôi. Tôi ngồi xuống cạnh mẹ tôi, tâm trạng rất chán nản. Lúc này đã năm giờ chiều nhưng vẫn còn nóng bức. Mỗi giờ trôi qua đám người lại càng đông thêm. Người ta chen chúc, lẠc nhau, người này gọi người kia mà chẳng ăn thua gì. Chúng tôi nghe nhiều tiếng súng nổ và tiếng quát tháo, nghĩa là cuộc vây bắt vẫn đang diễn ra ở các phố quanh đó. Sự kích động lớn thêm lúc mọi người tưởng là xe lửa đã đến.

Người phụ nữ ngồi cạnh chúng tôi vẫn hỏi một mình “Sao tôi lại làm thế?” làm chúng tôi phát cáu hơn bất cứ ai khác. Lúc này chúng tôi đã hiểu chị ta đang nói về việc gì. Nhà kinh doanh bạn của chúng tôi đã tìm ra nguyên nhân. Lúc mọi người bị bắt rời khỏi nhà, người phụ nữ này cùng chồng con trốn ở một chỗ đã chuẩn bị trước. Lúc cảnh sát đi ngang qua đó, đứa bé khóc, trong lúc sợ hãi, người mẹ đã bóp họng đứa bé chết bằng chính bàn tay của mình. Rủi ro thay, việc đó chẳng giúp ích được gì. Chúng đã nghe tiếng đứa bé khóc, rồi tiếng bé giãy chết, và chỗ trốn bị phát hiện không mấy khó khăn.

Đúng lúc đó một chú bé len qua đám đông về hướng chúng tôi, một hộp kẹo buộc dây đeo quanh cổ. Chú bán cho chúng tôi với giá rất buồn cười, vì Trời mới biết chú nghĩ gì, làm gì với số tiền này. Vét sạch những đồng tiền cuối cùng, chúng tôi mua được một cái kẹo caramel. Cha tôi lấy dao nhíp cắt thành sáu phần. Đó là bữa ăn cuối cùng của chúng tôi với nhau.

Khoảng sáu giờ, cảm giác bồn chồn bao trùm khắp biệt khu. Vài xe hơi Đức lái đến, cảnh sát xem xét kỹ những người được đưa đi, chúng chọn toàn những người trẻ và khoẻ mạnh. Những người may mắn này chắc dùng vào những mục Đám đông đến hàng ngàn người bắt đầu khẩn khoản được chọn, nhiều người cố chen bật nhau ra, len lên phía trước, phô diễn những lợi thế thể chất của họ. Bọn Đức đáp lại bằng những loạt đạn. Ông nha sĩ vẫn ở cùng nhóm với chúng tôi phần nộ:

- Bây giờ mọi người đã tin lời tôi là bọn chúng sẽ giết hết chúng ta chưa? Những người đủ sức làm việc sẽ ở lại đây. Cái chết đang sờ sờ kia kìa!

Giọng ông nghẹn ngào lúc ông cố hét thật to át tiếng ồn ào của đám đông và tiếng súng, vạch rõ con đường những người lưu đày sẽ đi.

Chán nản và mòn mỏi, cha tôi không đáp lại. Nhà kinh doanh nhún vai và mỉm cười mỉa mai, ông ta vẫn phấn khởi, việc giữ lại vài trăm người không có nghĩa lý gì với ông cho lắm.

Cuối cùng bọn Đức đã chọn xong đội lao động và đưa đi, nhưng sự kích động của đám đông vẫn không nguôi. Ngay sau đó chúng tôi nghe thấy tiếng còi của đầu tàu ở xa xa, và tiếng các toa xe lạch cạch trên đường ray lúc tiến lại gần. Vài phút sau đoàn tàu hiện ra trong tầm mắt: hơn một chục toa xe chở súc vật và hàng hoá từ từ tiến lại gần. Gió chiều thổi cùng hướng phả mùi thuốc khử trùng ngọt ngào về phía chúng tôi.

Đồng thời hàng rào cảnh sát Do Thái và SS vây quanh biệt khu dày đặc hơn, và bắt đầu rẽ đường cho đoàn tàu tiến thẳng vào trung tâm. Chúng tôi lại nghe thấy nhiều tiếng súng uy hiếp chúng tôi. Tiếng rền rĩ thật to từ đám phụ nữ và tiếng con nít gào khóc nổi lên giữa đám người chật như nêm cối.

Chúng tôi đã sẵn sàng ra đi. Mà sao lại phải chờ kia chứ? Thà vào trong toa còn khá hơn. Một hàng rào cảnh sát đứng cách đoàn tàu vài bước, mở một con đường rộng cho đám đông. Con đường dẫn đến các cửa toa mở toác và sặc mùi thuốc khử trùng chlorine.

Lúc chúng tôi đang đến đoàn tàu, toa đầu tiên đã đầy ắp. Người đứng trong đó ép chặt vào nhau. Bọn SS vẫn dùng báng súng đẩy người lên, mặc cho những tiếng kêu la từ bên trong và tiếng phàn nàn vì bị thiếu không khí. Thật vậy, mùi chlorine đã khó thở lắm rồi, ngay cả ở cách toa một quãng. Có chuyện gì trong đó mà các sàן tàu phải rải chlorine dày đặc đến thế? Đi được nửa đường, tôi bỗng nghe tiếng ai đó gào “Này! Đây! Spzilman!” Một bàn tay tóm lấy cổ áo tôi và tôi bị giật ngược khỏi hàng rào cảnh sát.

Ai dám làm như thế? Tôi không muốn chia lìa với gia đình tôi. Tôi muốn ở lại với họ!

Lúc này ngay đúng tầm mắt tôi là lưng của hàng cảnh sát dày đặc. Tôi vùng vẫy cưỡng lại nhưng họ không thả tôi ra. Ngó qua đầu bọn cảnh sát, tôi thấy mẹ tôi và Regina được Henryk và Halina giúp, đang trèo vào trong toa, còn cha tôi đang đưa mắt nhìn quanh tìm tôi.

- Cha ơi! – tôi gào lên.

Cha tôi nhìn thấy tôi và tiến vài bước về phía tôi, nhưng ông ngập ngừng và đứng lại. Ông tái nhợt đi, môi ông run rẩy vì căng thẳng. Ông cố mỉm cười, bắt lức, đau đớn, ông giơ bàn tay lên chào từ biệt như thể tôi đang lên đường đi vào nơi sống, còn ông đang chào tôi từ thế giới bên kia vậy. Rồi ông quay người và đến thẳng các toa xe.

Tôi húc hết sức vào vai các cảnh sát:

- Cha ơi! Henryk! Halina!

Tôi gào như bị ma ám. Kinh hãi tưởng rằng lúc này, lúc sống sót cuối cùng này tôi không thể gặp được họ và chúng tôi sẽ chia lìa mãi mãi.

Một trong những tên cảnh sát quay lại và nhìn tôi giận dữ:

- Mày tưởng mày đang làm gì hả? Xéo đi và tự cứu lấy cái thân!

Cứu lấy thân? Cứu khỏi cái gì kia? Trong chớp mắt tôi chợt hiểu điều gì đang đợi những người trong toa xe chở súc vật kia. Tóc tôi dựng đứng. Tôi liếc ra phía sau tôi. Tôi thấy biệt khu mở toang toác, những đường ray và sân ga, đằng xa hơn nữa là đường phố. Bị cơn sợ thú vật xua đuổi, tôi chạy tuột vào các con phố, lên vào giữa đội công nhân của Hội đồng đang rời chỗ làm và đi xuyên qua cổng theo đường này.

Lúc hoàn hồn tôi thấy mình ở trên vỉa hè giữa các toà nhà. Một tên SS cùng một cảnh sát Do Thái từ trong một ngôi nhà bước ra. Tên SS có bộ mặt dừng dừng ngạo mạn, tên cảnh sát ra sức xun xoe, vừa mỉm cười vừa đi sát bên cạnh. Hắn chỉ đoàn tàu đứng bên cạnh Umschalagplatz và nói với tên Đức bằng giọng suồng sã, thân tình và mỉa mai:

- Đấy, bọn chúng đi để bị nấu chảy ra!

Tôi nhìn về hướng hắn chỉ. Cửa các toa tàu đã đóng chặt, con tàu bắt đầu di chuyển, chậm chạp và cần cù.

Tôi quay đi và loạng choạng đi xuống đường phố vắng tanh vắng ngắt. bật khóc, bị những tiếng gào khóc nhỏ dần của đoàn người bị nhốt trong toa đeo đẳng. Âm thanh ấy giống tiếng kêu rối rít của những con chim trong lồng gập cơ nguy chí tử.

Chương 9

Sự may rủi của cuộc sống

Tôi chỉ đi thẳng về phía trước. tôi không biết đi đâu. Lúc này Umschalagplatz và các toa tàu chở gia đình tôi đã lùi lại ở phía sau tôi. Tôi không nghe thấy tiếng đoàn tàu nữa, có lẽ nó đã rời khỏi thành phố được vài cây số. Tôi vẫn cảm thấy nó trong lòng tôi lúc nó đã đi xa. Tôi đi, cứ mỗi bước dọc theo lề đường là tôi cảm thấy mình lẻ loi hơn. Tôi hiểu mình đã bị giật ra khỏi mọi thứ đã từng tạo nên cuộc sống cho đến lúc này. Tôi không biết điều gì sẽ chờ đợi tôi, chỉ biết là nó sẽ tòi tệ hết sức tưởng tượng. Không còn cách gì trở lại ngôi nhà gia đình tôi đã sống lúc cuối cùng. Bọn SS sẽ bắt tôi ngay tại chỗ hoặc tống tôi trở lại Umschalagplatz như một người bị đày đi tái định cư. Tôi không biết sẽ qua đêm ở đâu nhưng lúc đó tôi thật sự không quan tâm, cho dù nỗi sợ lúc tranh tối tranh sáng vẫn ẩn nấp trong tiềm thức.

Đường phố đã bị quét sạch. Cửa ngõ các ngôi nhà của dân bị đi tái định cư đóng kín hoặc mở toang hoác. Một cảnh sát Do Thái đến gần tôi, tôi không chú ý đến anh ta và sẽ còn không chú ý nếu anh ta không đứng lại và quát lên:

- Wladek!

Lúc đó tôi cũng dừng lại, anh ta sửng sốt nói thêm:

- Anh làm gì ở đây, vào lúc này?

Đến lúc đó tôi mới nhận ra, anh ta là người họ hàng của chúng tôi và không được miễn mộ trong gia đình. Chúng tôi cho tư cách của anh ta không được minh bạch và cố tránh anh ta. Lúc nào anh ta cũng tránh né khó khăn bằng đủ mọi cách, và vẫn thoát bằng đủ mọi cách mà người khác cho rằng xấu xa. Anh ta gia nhập cảnh sát chỉ càng khẳng định thêm tiếng xấu của mình. Ngay lúc nhận ra anh ta trong bộ đồng phục, mọi ý nghĩ ấy lướt qua đầu tôi, nhưng lúc này anh ta là người bà con gần gũi nhất của tôi, thực ra là người bà con duy nhất. Dù sao chẳng nữa, ở nơi đây còn có một người khác gắn bó với hồi ức gia đình của chúng tôi.

- Chuyện này như thế là... - tôi bắt đầu nói. Tôi định kể chuyện cha mẹ tôi, anh chị tôi đã bị đưa đi trên các toa tàu ra sao, nhưng không thể thốt lên lời. Song anh ta hiểu. Anh ta tiến đến chỗ tôi và nắm lấy cánh tay tôi.

- Có lẽ như thế lại hay hơn – anh thì thảo và làm một cử chỉ nhăn nhuc – Càng nhanh càng tốt, thật đấy. Chuyện ấy đang đợi tất cả chúng ta. – Lặng im một lát, anh nói thêm – Mà này, ghé vào chỗ chúng mình đi, nó sẽ làm mình vui lên tí chút.

Tôi đồng ý, và đã ở lại đêm một mình đầu tiên với người họ hàng ấy.

Đến sáng, tôi đi thăm Mieczylaw Lichtenbaum, con trai vị chủ tịch mới của hội đồng Do Thái, người tôi rất quen biết từ hồi tôi chơi dương cầm trong các tiệm cà phê ở ghetto. Anh gợi ý tôi có thể chơi đàn trong sông bạc của đội biệt kích huỷ diệt của Đức, nơi tối tối các sĩ quan Gestapo và bọn SS xả hơi sau một ngày mệt nhọc giết chóc người Do Thái. Chúng được những người Do Thái phục dịch, sớm hay muộn rồi họ cũng bị giết nốt. Lẽ tất nhiên tôi không muốn nhận lời đề nghị như thế, dù Liechbaumn không hiểu nổi vì sao nó không hấp dẫn tôi, và anh ta méch lòng khi tôi từ chối. Không bàn bạc thêm, anh ta ghi tên tôi vào đội công nhân phá tường của ghetto lớn trước kia, lúc này nhập với khu vực Aryan của thành phố.

Ngày hôm sau, lần đầu tiên trong suốt hai năm qua, tôi rời khu vực Do Thái. Hôm đó khoảng 20 tháng Tám, một ngày đẹp trời và nóng. Trời đẹp như nhiều ngày trước đây, đẹp như ngày cuối cùng tôi ở với gia đình trong Umschalagplatz. Chúng tôi đi theo đội ngũ xếp hàng bốn, dưới sự chỉ huy của các đốc công người Do Thái, có hai tên SS canh gác. Chúng tôi đến quảng trường Zelasna Brama. Thế là vẫn có sự sống ở một nơi nào đó.

Những người buôn bán trên phố mang những giỏ đầy các thứ hàng, đứng ngoài chợ lớn hiện đã đóng cửa và có lẽ đã biến thành vài cửa tiệm của người Đức. Ánh mặt trời lấp lánh đem lại sự rục rịch cho rau quả, làm những cái cân bán cá lấp lánh, hắt ánh sáng chói chang từ các nắp đồ hộp bằng thiếc. Phụ nữ đi một vòng qua các người bán hàng, mặc cả, đi từ giỏ này sang giỏ khác, mua bán và sau đó đến trung tâm thành phố. Những người bán vàng và tiền rao đều đều “Vàng đây! Xin mời mua vàng. Đô la đây! Rúp đây!”

Một chiếc xe rú còi trên đường phố, rồi một chiếc xe cảnh sát màu xanh xám hiện ra trong tầm mắt. Những người buôn bán hoảng hốt, vội vã gói đồ lại và bỏ chạy càng xa càng tốt. Có tiếng quát tháo và sự hỗn loạn tuyệt vọng bao trùm quảng trường. Vậy ra ngay tại đây mọi sự cũng không được yên ổn lắm.

Chúng tôi cố phá những bức tường càng chậm càng tốt để kéo dài thêm thời gian. Các đốc công Do Thái chẳng ngăn cản chúng tôi, thậm chí ở đây bọn SS cũng không đến nổi tàn bạo như trong ghetto. Chúng đứng tách riêng ra, mãi nói chuyện và mắt nhìn lơ đãng.

Chiếc xe đi ngang qua quảng trường rồi biến mất. Những người buôn bán tiếp tục trở lại vị trí cũ và quảng trường trông như chẳng có chuyện gì xảy ra. Những người cùng làm việc với tôi hết người này đến người khác rời khỏi đội để đi mua đồ ở các quầy hàng, rồi xếp vào các túi họ mang theo, hoặc nhét vào túi áo hay ống quần. Thật rủi là tôi không có tiền, và chỉ có thể nhìn ngó mà thôi, tôi là người đi vì đói.

Một cặp thanh niên từ Ogród Saski đến gần đội chúng tôi. Cả hai đều ăn mặc rất đẹp. Người phụ nữ trẻ trông thật duyên dáng, tôi không rời mắt khỏi nàng. Khuôn miệng tô son của nàng đang mỉm cười, nàng lắc hông nhẹ nhàng, và ánh mặt trời biến mái tóc vàng hoe của nàng thành

màu vàng rực rỡ trong vầng hào quang lung linh quanh đầu. Lúc đi ngang qua chỗ chúng tôi, nàng chậm bước và kêu lên:

- Ồ, nhìn này, anh này!

Người đàn ông không hiểu. Anh ta nhìn nàng vẻ dò hỏi. Nàng chỉ vào chúng tôi:

- Do Thái.

Anh ta ngạc nhiên:

- Thì sao? – Anh ta nhún vai – Đây là những người Do Thái đầu tiên em trông thấy sao?

Người phụ nữ mỉm cười lúng túng, nàng ép sát vào anh ta và họ đi về phía chợ.

Chiều hôm ấy tôi vay hết người này đến người khác được năm chục zloty. Tôi dùng số tiền đó mua bánh mì và khoai tây. Tôi ăn một ít bánh và mang chỗ còn lại cùng khoai tây về ghetto.

Chiều hôm ấy tôi đã làm việc buôn bán đầu tiên trong đời. Tôi mua 20 zloty bánh mì, tôi bán trong ghetto được 50 zloty. Khoai tây giá 3 zloty một kí lô, tôi bán với giá 18 zloty. Lần đầu tiên trong nhiều năm, tôi đủ ăn và còn dư chút vốn liếng trong tay để tiếp tục việc buôn bán cho ngày hôm sau.

Việc phá huỷ thật hết sức đơn điệu. Chúng tôi rời ghetto từ sáng sớm và đứng quanh một đồng gạch trông như đang làm việc cho đến năm giờ chiều. Những người bạn tôi dùng thời gian cho đủ mọi loại giao dịch, họ mua hàng và tích trữ lại, mang lên vào trong ghetto và bán lại với giá hời nhất. Tôi mua những thứ đơn giản nhất, chỉ đủ kiếm sống. Gia đình là điều duy nhất tôi nghĩ đến, không biết giờ này họ đang ở đâu, bị đưa đến trại nào, họ sống ở đấy ra sao.

Một hôm một người bạn cũ của tôi đi ngang qua đội của chúng tôi. Anh tên là Tadeuz Blumental, nhưng có nhiều nét Aryan đến mức anh ta không cần phải nhận nguồn gốc của mình và có thể sống ngoài ghetto. Gặp lại tôi anh rất mừng, nhưng thất vọng ngay khi thấy tôi sống trong hoàn cảnh khó khăn như vậy. Anh cho tôi ít tiền và hứa sẽ giúp tôi. Anh bảo hôm sau sẽ có một phụ nữ đến và nếu tôi có thể lẻn đi mà không bị để ý thì chị ta sẽ đưa tôi đến một nơi có thể ẩn nấp được. Người phụ nữ ấy đến thật, nhưng không may chị ta báo tin là những người định để tôi ở nhờ không chịu nhận người Do Thái.

Hôm sau nữa lãnh đạo nhà hát giao hưởng Warsaw là Lan Dworakowski nhìn thấy tôi lúc ông băng ngang qua quảng trường. Ông đến gặp tôi một cách chân thành. Ông ôm lấy tôi, hỏi thăm tôi và gia đình tôi. Khi nghe tôi kể về những người khác đã bị đưa ra khỏi Warsaw, ông nhìn tôi với vẻ thương cảm đặc biệt, và há miệng như định nói câu gì, nhưng ông không nói thêm gì nữa.

- Ông có nghĩ sẽ xảy ra chuyện gì cho họ không? – Tôi hỏi, hết sức băn khoăn.

- Wladyslaw! – ông nắm lấy bàn tay tôi và ép lấy chúng một cách nồng nhiệt – Có lẽ để cậu biết thì hay hơn...Cậu biết mà đề phòng...- Ông ngập ngừng giây lát rồi ép chặt tay tôi, ông khẽ

nói thêm, gần như thì thầm – Cậu sẽ không bao giờ gặp lại họ nữa đâu.

Ông quay người bỏ đi, gần như chạy. Được vài bước, ông quay lại và đến ôm lấy tôi, nhưng tôi không đủ sức để đáp lại lòng chân thành của ông. Trong tiềm thức, ngay từ đầu tôi đã hiểu rằng những chuyện khó tin của bọn Đức về những trại dành cho người Do Thái, ở đó “có các điều kiện làm việc tử tế” đợi họ đến tái định cư là bịa đặt, rằng chúng tôi chỉ có thể chờ cái chết có sẵn trong tay bọn Đức mà thôi. Song cũng như những người Do Thái khác ở ghetto, tôi vẫn ấp ủ ảo tưởng rằng sự việc có thể sẽ khác đi, rằng những lời hứa hẹn của bọn Đức lần này có thể là sự thật. Mỗi khi nghĩ đến gia đình, tôi cố hình dung họ còn sống, dù có sống trong những điều kiện kinh khủng, nhưng đàn ông nào cũng sống sót, rồi đến một ngày nào đó, chúng tôi lại có thể gặp nhau. Dworakowski đã phá huỷ tan tành công trình tự dối mình mà tôi đã khó khăn lắm mới duy trì nổi. Chỉ mãi đến sau này, tôi mới tự thuyết phục mình rằng ông ấy đã đúng khi làm thế: cái chết cầm chắc trong tay đã cho tôi nghị lực tự cứu lấy mình trong thời điểm quyết định.

Tôi đã trải qua vài ngày như trong mơ, sáng sáng tự động bật dậy, tự động đi lại, đến tối tự động nằm xuống một cái phản trong một kho đồ gỗ của người Do Thái đã hiến cho Hội đồng. Bằng cách này hay cách khác, tôi phải biết chắc cái chết của cha tôi, mẹ tôi, của Halina, của Regina, của Henryk. Có một cuộc oanh tạc của không quân Xô viết ở Warsaw. Mọi người đều chạy xuống hầm. Bọn Đức báo động và giận dữ, dân Do Thái miễn nguyện dù không dám lộ ra. Mỗi lần nghe tiếng bom rơi, mặt mũi chúng tôi lại rạng rỡ lên, đối với chúng tôi, đó là những âm thanh của sự trợ giúp đang tiến đến gần và đánh bại bọn Đức, điều duy nhất có thể cứu lấy chúng tôi. Tôi không xuống hầm, đối với tôi, sống hay chết cũng thế mà thôi.

Trong khi đó điều kiện làm việc của chúng tôi ngày càng tồi tệ. Lúc này bọn Lithuania canh gác làm chúng tôi không thể mua nổi được thứ gì ở ngoài chợ, chúng tôi bị kiểm tra mỗi lúc thêm gắt gao ở các trạm gác chính trên đường trở về ghetto. Một buổi chiều có cuộc chọn lựa hoàn toàn bất ngờ trong đội chúng tôi. Một tên cảnh sát trẻ đứng ngoài trạm gác, tay áo xắn cao, chia chúng tôi theo kiểu may rủi mà hắn cho là hay nhất: những người bên tay trái thì chết, bên tay phải thì sống. Hắn ra lệnh cho tôi đi sang bên phía tay phải. Những người bên trái phải nằm úp mặt xuống đất. Hắn bắn họ bằng súng lục, người này tiếp theo người kia.

Khoảng một tuần sau, nhiều thông cáo được dán trên các bức tường của ghetto về cuộc chọn lựa mới với tất cả những người Do Thái còn ở lại Warsaw. Ba trăm ngàn người đã bị đưa đi tái định cư, hiện còn lại khoảng 100 ngàn, sẽ dự định giữ lại 25 ngàn người ở lại thành phố, tất cả phải là những người có nghề nghiệp chuyên môn. Công nhân thành thạo không thể thiếu được đối với bọn Đức.

Các viên chức của hội đồng phải đến sân của nhà Hội đồng Do Thái vào một ngày định sẵn, số

thường dân còn lại ở trong ghetto giữa các phố Nowolipki và Gesia. Muốn sự việc chắc chắn gấp đôi, một trong những cảnh sát Do Thái, một sĩ quan tên là Blaupapier đứng trước nhà hội đồng, tay lăm lăm roi da, và đích thân dùng roi vút vào những người cố len vào bên trong. Con số đóng trên những mẫu giấy giao cho những người còn ở lại ghetto. Hội đồng được quyền giữ năm ngàn viên chức cho mình. Tôi không được giao con số nào trong ngày đầu tiên, tuy nhiên tôi vẫn ngủ suốt đêm, mặc kệ số phận, dù cho các bạn tôi đều mất ngủ vì lo lắng. Sáng hôm sau tôi nhận được một con số. Chúng tôi đứng xếp thành hàng bốn và đợi cho đến lúc uỷ ban kiểm tra SS dưới quyền của Untersturmfuhrer Brandt hạ cố đến và đếm chúng tôi phòng trường hợp quá nhiều người trong chúng tôi thoát khỏi cái chết. Cứ bốn người một, đi đều bước, cảnh sát vây quanh, chúng tôi tiến ra khỏi cổng nhà hội đồng đến phố Gesia, nơi chúng tôi sẽ tạm trú. Đằng sau chúng tôi, những người buộc phải chết, bám theo, la khóc, gào thét, chửi bới, nguyện rửa chúng tôi vì sự thoát chết kỳ diệu của chúng tôi, bọn Lithuania đang giám sát chuyển đi từ cõi sống sang cõi chết của họ, bắn loạn vào trong đám đông, làm cho họ nguôi đi. Hiện giờ, đó là cách làm thông thường bọn chúng. Thế là tôi có cơ may được sống thêm một lần nữa. Nhưng sẽ sống trong bao lâu?

Chương 10

Hỡi các xạ thủ, hãy vùng lên!”

Tôi phải dọn nhà thêm một lần nữa, lần cuối cùng trong số bao nhiêu lần dọn nhà tôi không nhớ nữa, kể từ khi chúng tôi sống trên phố Sliska và chiến tranh bùng nổ. Lần này chúng tôi phải ở chung phòng, hoặc đúng hơn là chung xà lim chỉ chứa những đồ vật thiết yếu nhất và những tấm phản. Chung phòng với tôi là ba thành viên của gia đình Prózanski và bà A, một phụ nữ lạnh lẽ, sống tách rời mặc dù bà phải làm thế trong cùng phòng như chúng tôi. Đêm đầu tiên ở đó, tôi có một giấc mơ khiến tôi nản lòng. Hình như nó khẳng định lần cuối sự ngạo mạn của tôi về số phận gia đình tôi. Tôi mơ thấy anh Henryk đến chỗ tôi, cúi xuống giường tôi và bảo “Bây giờ chúng ta đã chết cả rồi”.

Chúng tôi thức giấc lúc sáu giờ sáng vì nhiều người đi lại trên lối đi bên ngoài. Có tiếng nói chuyện rất to và nhiều tiếng động khác. Các nhân công được ưu tiên làm ở dinh thự sĩ quan chỉ huy SS ở Warsaw tại Aleje Ujazdowskie đi làm việc. Sự “ưu tiên” của họ là được ăn súp béo bổ có thịt trước khi đi làm; nó làm họ thoải mái và có tác dụng trong mấy giờ liền. Chúng tôi đi làm ngay sau họ, bụng gần như trống rỗng sau khi được uống tí súp nhạt như nước lã. Thức ăn nghèo dinh dưỡng ấy phụ hợp với tầm quan trọng của công việc: dọn sân toà nhà Hội đồng Do Thái.

Hôm sau họ đưa tôi, Prózanski và đứa con trai tuổi vị thành niên của anh đến ngôi nhà dùng làm nhà kho và nhà ở cho viên chức của Hội đồng. Lúc ấy là gần hai giờ, tiếng còi quen thuộc và tiếng quát tháo của bọn Đức gọi tất cả mọi người ra sân. Mặc dù chúng tôi bị chịu đựng quá nhiều vì tay bọn Đức, chúng tôi vẫn ớn lạnh. Chúng tôi được giao cho một con số để sống mới được có hai ngày. Ai trong nhà này cũng có một con số, chắc không có cuộc chọn lựa khác nữa. Vậy lúc này nó là cái gì nhỉ? Chúng tôi vội vã xuống sân. Đúng, đây thật sự là một cuộc chọn lựa. Một lần nữa tôi chứng kiến người ta rơi vào nỗi thất vọng và lắng nghe bọn SS quát tháo, nỗi đóá lúc chúng tách các gia đình và chúng tôi ra đứng ở bên phải, bên trái, chửi rủa và đánh đập chúng tôi. Một lần nữa, đội làm việc của chúng tôi được sống, với rất ít ngoại lệ. Trong số ít các ngoại lệ này là con trai của Prózanski, một cậu bé dễ thương mà tôi đã kết bạn. Mỗi lúc tôi lại càng thêm yêu mến cậu bé cho dù chúng tôi chỉ sống chung trong một phòng vốn vẹn có hai ngày. Tôi sẽ không miêu tả nỗi tuyệt vọng đến cùng cực của cha mẹ cậu, hàng ngàn ông bố bà mẹ trong ghetto đã phải chịu những tuyệt vọng như thế trong những tháng gần đây. Cuộc lựa chọn này có một nét đặc biệt hơn: các gia đình có những nhân vật xuất chúng trong cộng đồng

Do Thái đã mua tự do với bọn sĩ quan Gestapo được tiếng liêm khiết ngay tại chỗ. Bị lập thành những con số chính xác là những người thợ mộc, cắt uốn tóc, hầu bàn, và nhiều thợ lành nghề khác thật sự có ích cho bọn Đức được đưa về Umschlagplatz thay cho đến chỗ chết. Nhân tiện xin nói thêm rằng cậu bé Prózsanski đã trốn khỏi Umschalagplatz và sống thêm được ít lâu nữa. Một ngày sau đó ông trưởng nhóm của tôi bảo tôi rằng ông đã thành công trong việc đưa tôi vào nhóm làm việc trong toà nhà kho của bọn SS thuộc quận Motokow hẻo lánh. Ông cam đoan với tôi rằng ở đó tôi sẽ được ăn no hơn và có nhiều điều khá hơn.

Sự thật khác hẳn. Tôi phải dậy từ hai giờ sáng và đi bộ hơn chục cây số xuyên giữa thành phố đến nơi làm việc cho kịp giờ. Lúc đến nơi, mệt lử sau chuyến đi bộ quá dài, tôi phải làm việc cật lực quá sức, khuân gạch xếp thành từng chồng trên một tấm gỗ đeo phía sau lưng tôi. Giữa những lúc chuyển gạch ấy, tôi phải xách những xô vôi và khuân các thanh thép. Tôi đã làm hết sức nhưng đối với bọn đốc công SS, những chủ nhân tương lai của nhà kho này, vẫn cho là chúng tôi làm việc lè mề. Chúng ra lệnh cho chúng tôi phải khuân từng chồng gạch, vác từng thanh thép mà chạy. Ai thấy chóng mặt mà đứng lại là bị chúng quất bằng roi da có gắn nhiều cục chì nhỏ.

Thật ra tôi không biết mình có đương đầu nổi với cuộc độ sức lao động chân tay đầu tiên này không, nếu tôi không đến nài nỉ xin ông trưởng nhóm một lần nữa và đã thành công, được chuyển sang đội xây dựng một dinh thự nhỏ cho viên chỉ huy SS ở Aleje Ujazdowskie. Điều kiện ở đây có thể chịu được và tôi cố hết sức. Nói có thể chịu được vì chúng tôi làm việc cùng với nhiều thợ bậc thầy người Đức và các thợ thủ công khéo tay người Ba Lan, một số bị cưỡng bức lao động, một số làm việc theo hợp đồng. Kết quả là chúng tôi đỡ bị để ý hơn và có thể thay nhau nghỉ một chút vì chúng tôi không còn là một đội lao động thuần người Do Thái nữa. Ngoài ra những người thợ Ba Lan về hòa với chúng tôi chống lại bọn đốc công Đức và giúp chúng tôi một tay. Một yếu tố có lợi nữa là bản thân kiến trúc sư chịu trách nhiệm xây dựng toà nhà này là người Do Thái tên là Blum và một nhóm nhân viên dưới quyền đều là các kỹ sư Do Thái, tất cả đều có tay nghề xuất sắc. Bọn Đức chưa nhận ra tình hình này, và tay thợ cả Schulke được phong là kiến trúc sư – phụ trách và là một kẻ hung ác điển hình – có quyền đánh các kỹ sư bất cứ lúc nào hắn muốn. Nhưng không có các thợ thủ công Do Thái lành nghề, thật sự chẳng làm nên được gì. Vì vậy chúng tôi được đối xử tương đối nhẹ tay, lẽ tất nhiên ngoài chuyện đánh đập như đã nói, song những việc như thế hầu như không thường xuyên xảy ra. Tôi là người phụ việc hăng hái cho bác thợ nề tên là Bartczak, một người Ba Lan từ tâm, tuy chúng tôi cũng có xích mích này nọ. Thỉnh thoảng bọn Đức ở đằng sau sát chúng tôi và chúng tôi phải cố làm đúng như chúng muốn. Tôi đã cố hết sức nhưng rõ ràng là tôi đã làm đổ thang, tràn vữa, hoặc làm rớt gạch khỏi giàn giáo, và Bartczak cũng bị quất thẳng cánh. Đến lượt bác

cấu với tôi, mặt bác đỏ rừ, bác lăm bằm và đợi đến lúc bọn Đức đi rồi, bác mới hất mũ khỏi trán, tay chống hông, lắc đầu mắng cái tội vụng về của tôi, bác tuôn ra một mạch:

- Cậu định thế nào hả? Cậu quen chơi nhạc ở đài phát thanh rồi chứ gì Szpilman? – Bác ngạc nhiên nói – Một nhạc công như cậu không thể xoay nổi cái xẻng hay trộn vữa, cậu phải vứt chúng mà đi ngủ thôi!

Bác nhún vai nhìn tôi đầy vẻ nghi hoặc, rồi trút cơn giận một lần cuối, bác hét lên the thé:

- Thằng ngốc!

Tuy vậy, mỗi khi tôi chìm vào những suy nghĩ âm ảm, về công việc của mình và ngưng làm, quên băng mình đang ở đâu, Bartczak không bao giờ quên nhắc nhở tôi đúng lúc viên đốc công người Đức đi đến.

- Vữa nào! – Bác gầm lên, vang khắp công trường và tôi vớ vội cái xô gần nhất hoặc cái búng gạch, ra bộ đang làm việc siêng năng.

Lúc này mùa đông sắp đến làm tôi đặc biệt lo lắng. Tôi không có quần áo ấm và lẽ đương nhiên là không có găng tay. Tôi khá nhạy cảm với giá rét và nếu đôi bàn tay tôi phát cước vì lao động cực nhọc như thế này, ắt tôi bị xoá sổ khỏi sự nghiệp làm một nhà nghệ sĩ dương cầm. Tâm trạng u ám cực độ, tôi ngắm lá cây trên đường phố Aleje Ujazdowskie chuyển màu khi làn gió thổi mỗi ngày một giá buốt hơn.

Đúng lúc đó những con số có nghĩa được sống tạm thời chuyển thành tình trạng lâu dài, và tôi chuyển sang khu vực mới trong ghetto trên phố Kurza. Nơi làm việc của chúng tôi cũng thay đổi, đến khu vực Aryan của thành phố. Công việc xây dựng dinh thự nhỏ ở phố Aleje cũng sắp xong, cần công nhân ít hơn. Lúc này một số trong chúng tôi chuyển đến số 8 phố Narbutt, chuẩn bị làm nơi ở cho một tốp sĩ quan SS.

Trời càng ngày càng rét hơn. Các ngón tay tôi mỗi lúc một tê dại khi làm việc. Tôi không biết rồi sẽ đi đến đâu nếu không tình cờ được trợ giúp, nếu không nói là một cơ may hiếm có trong vận rủi. Một hôm tôi bị ngã trong lúc khiêng vữa và bị bong gân ở mắt cá chân. Tôi trở thành vô dụng trên công trường xây dựng và kỹ sư Blum phân công tôi đến các kho. Lúc này đã là cuối tháng Mười một, và là lúc cuối cùng có hy vọng có thể cứu được hai bàn tay tôi. Dù sao ở trong kho vẫn ấm hơn ở bên ngoài.

Lúc này càng có nhiều công nhân làm việc ở Aleje Ujazdowskie chuyển đến chỗ chúng tôi và cả những tên đốc công SS cũng chuyển đến công trường Narbutt. Một buổi sáng chúng tôi phát hiện trong số đó có một kẻ là tai ương cho cuộc sống của chúng tôi, một tên tàn ác mà chúng tôi không biết họ tên, nhưng chúng tôi gọi là Huých Hoác. Hắn là một tên bạo dân, có một khoái cảm đặc biệt lúc ngược đãi người khác theo một cách nhất định: hắn ra lệnh cho người phạm lỗi cúi xuống, đút đầu người đó vào giữa hai đùi hắn, kẹp thật chặt rồi quất roi vào lưng

con người khốn khổ, mặt hần tái xanh vì giận dữ và hần rít lên qua hàm răng nghiến chặt “Huých! Hoác! Huých! Hoác!”. Hần không bao giờ thả ra cho đến khi nạn nhân ngất đi vì đau đớn.

Một hôm có nhiều tin đồn cho một cuộc tái định cư nữa lan trong ghetto. Nếu đó đúng là sự thật, thì rõ ràng là bọn Đức có ý định huỷ diệt chúng tôi hoàn toàn. Hơn nữa chúng tôi chỉ còn lại vốn vẹn có sáu mươi người, vậy chúng chuyển một số ít ỏi như thế ra khỏi thành phố với mục đích nào khác? Ý tưởng chống lại bọn Đức bắt đầu được nhắc đến thường xuyên. Thanh niên Do Thái đặc biệt quyết tâm chiến đấu, và đây đó bắt đầu thành lập những ngôi nhà được bí mật củng cố trong ghetto để họ có thể chống giữ được từ bên trong, nếu chuyện nghiêm trọng nhất xảy ra. Chắc bọn Đức đã đánh hơi thấy những tiến triển này, nhiều tờ sắc lệnh xuất hiện trên tường ghetto, hăng hái cam đoan với chúng tôi rằng sẽ không xảy ra cuộc tái định cư nào nữa. Bọn lính canh chúng tôi ngày nào cũng thông báo như thế và muốn những lời đoan chắc của chúng thêm thuyết phục, chúng chính thức cho phép từ nay trở đi, mỗi người chúng tôi được mua năm ký lô khoai tây, và một ổ bánh mì ở khu vực Aryan, rồi mang về ghetto. Bọn Đức còn tỏ ra rộng lượng cho phép một đại diện của đội tôi hàng ngày được thay mặt chúng tôi vào thành phố mua bán những thứ này. Chúng tôi chọn một thanh niên can đảm, được gọi là Majorek. Bọn Đức không biết anh chàng Majorek này, theo chỉ dẫn của chúng tôi, sẽ trở thành một đường dây liên lạc giữa phong trào kháng chiến bí mật trong ghetto với các tổ chức tương tự của Ba Lan ở bên ngoài.

Sự cho phép chính thức đã mang lại một khối lượng đáng kể lương thực vào ghetto, khởi đầu sự mua bán nhộn nhịp trong đội. Ngày nào cũng có cả một đám người buôn bán chờ chúng tôi rời ghetto. Họ đổi ciuchy – quần áo dùng rồi – lấy đồ ăn với các bạn tôi. Tôi không chú ý đến việc mua bán này bằng các tin tức họ đưa đến cho chúng tôi. Quân Đồng Minh đã đổ bộ vào Châu Phi. Lúc này Stalingrad đã phòng thủ được ba tháng. Và ở Warsaw có một âm mưu: nhiều lựu đạn được ném vào một câu lạc bộ Café của Đức. Mỗi tin tức này đều cổ vũ tinh thần của chúng tôi, tăng thêm khả năng chịu đựng và niềm tin của chúng tôi rằng bọn Đức sắp thất bại trong một tương lai rất gần. Ngay sau đó, cuộc trả đũa có vũ trang đầu tiên nổ ra trong ghetto, trước hết chống lại những nhân vật tàn bạo trong hàng ngũ chúng tôi. Một trong những tên cảnh sát Do Thái tàn ác nhất là Lejkin bị thủ tiêu, hần lừng danh là tên săn người thành thạo và chăm chỉ thực hiện các chỉ tiêu giao nộp người cho Umschalagplatz. Ngay sau đó tên First làm liên lạc viên giữa Gestapo và Hội đồng Do Thái bị giết chết bởi những bàn tay ám sát người Do Thái. Lần đầu tiên, những tên do thám trong ghetto bắt đầu sợ hãi.

Dần dần tôi hồi phục tinh thần và ý chí để sống. Một hôm tôi đến gặp Majorek và nhờ anh gọi điện thoại cho vài người quen biết của tôi lúc anh vào thành phố, hỏi xem liệu họ có cách nào

đưa tôi ra khỏi ghetto và che giấu tôi không. Chiều hôm ấy tôi hồi hộp chờ Marojek trở về. Anh về nhưng mang theo tin xấu: những người quen của tôi đều nói họ không dám liều mạng che giấu một người Do Thái. Ngoài ra họ còn giải thích rằng họ rất phần nộ với lời đề nghị của tôi, làm thế là mang án tử hình đến cho họ! Như thế là không trông mong gì vào sự giúp đỡ này. Họ đã nói “không”, biết đâu những người khác sẽ nhân đạo hơn chăng? Tôi không có lý gì để từ bỏ hy vọng.

Năm mới đến với chúng tôi, ngày 31 tháng Mười hai 1942, một xe tải lớn chở than đến thật bất ngờ. Chúng tôi dỡ than suốt ngày hôm đó và chất trong tầng hầm của toà nhà trên phố Narbutt. Công việc nặng nhọc và khó khăn, mất nhiều thời gian hơn chúng tôi tưởng. Thay vì cho về ghetto, chúng tôi ở lại đó gần hết đêm.

Chúng tôi thường đi thành từng nhóm ba người từ phố Polna đến phố Chabulinski, rồi dọc theo phố Zelazna về đến ghetto. Chúng tôi đã đến phố Chabulinski thì nghe thấy nhiều tiếng kêu gào rồ dại ở đầu hàng người. Chúng tôi dừng lại ngay. Sau đó chúng tôi thấy việc vừa xảy ra. Chúng tôi bất ngờ chạm trán với hai tên SS say bí tỉ. Một trong hai tên là Huých Hoác. Chúng nhào đến quất chúng tôi túi bụi bằng roi da, cây roi bất ly thân của chúng, ngay cả trong lúc chèn lu bù. Chúng đánh rất có phương pháp, lần lượt từng nhóm ba người, bắt đầu từ hàng đầu. Đánh xong, chúng đứng trên hè cách vài bước, rút súng lục, tên Huých Hoác gào lên:

- Bọn trí thức, bước ra!

Chẳng còn nghi ngờ gì ý định của chúng, chúng sắp giết chúng tôi ngay tại chỗ. Tôi không biết phải làm gì. Không nằm xuống có thể làm chúng điên tiết thêm. Chúng có thể lôi chúng tôi ra khỏi hàng dọc rồi đánh tiếp rồi mới bắn chết có thể, coi như trừng phạt về tội không nghe lời. Tiến sĩ sử học Zajczyk, một giảng viên đại học đang đứng cạnh tôi cũng đang run toàn thân như tôi, và cũng không biết phải làm gì. Nhưng khi nghe tiếng ra lệnh lần thứ hai, chúng tôi bước ra khỏi hàng dọc, Chúng tôi có tất cả bảy người. Tôi lại thấy mình đối mặt với Huých Hoác, và lúc này hắn đang quất đúng vào tôi:

- Tao sẽ dạy cho mày kỷ luật, sao chúng mày làm lâu thế? – Hắn hoa súng dưới mũi tôi – Chúng mày phải về đây lúc sáu giờ mà bây giờ đã mười giờ rồi!

Tôi nín thinh, chắc nhẩm ngay sau đó hắn sẽ bắn tôi. Hắn nhìn thẳng vào tôi bằng cặp mắt vẫn đục rồi lão đảo dưới ngọn đèn đường rồi bất ngờ tuyên bố bằng giọng hoàn toàn bình tĩnh:

- Bảy đứa chúng mày đi đều bước về ghetto. Chúng mày có thể đi.

Chúng tôi đã quay người bỗng hấn gầm lên:

- Quay lại!

Lần này tiến sĩ Zajczyk đứng trước mặt hắn. Hắn túm lấy cổ áo anh, lắc lắc để rồi gầm gừ:

- Mày có biết vì sao tao đánh chúng mày không?

Vị tiến sĩ không nói gì.

- Thế nào, mày có biết vì sao không? – Hấn nhắc lại.

Một người đứng xa hơn, rõ ràng là hoảng sợ, rụt rè hỏi:

- Vì sao ạ?

- Để nhắc chúng mày hôm nay là năm mới!

Lúc đứng thành hàng xong, chúng tôi nghe tiếng hấn ra lệnh:

- Hát!

Sửng sốt chúng tôi nhìn Huých Hoác, hấn lại lão đảo, ợ to và nói thêm:

- Hát! Hát bài nào vui vui!

Hấn cười phá lên vì trò đùa của mình rồi loạng choạng xuống phố. Được vài bước, hấn dừng lại, nói to, giọng đe dọa:

- Hát thật to, thật hay vào!

Tôi không biết ai là người cất giọng đầu tiên, hoặc vì sao bài hành khúc riêng của lính lại đến trong đầu anh ta. Chúng tôi hoà theo, rất cuộc khó mà biết được chúng tôi đã hát những gì.

Chỉ đến hôm nay, nhìn lại sự việc ngẫu nhiên hôm ấy, tôi mới hiểu khía cạnh bi – hài hoà lẫn với nhau biết chừng nào. Đúng ngày đầu năm, một nhóm nhỏ người Do Thái hoàn toàn kiệt sức, đi xuyên qua các phố trong thành phố đầy những bảng thông cáo cấm chủ nghĩa yêu nước của Ba Lan, bị xử tội chết, lại hát thật to một bài ca yêu nước mà không bị trừng phạt. “Hey, strzelcy wraź!” – “Hỡi các xạ thủ, hãy vùng lên!”

Chương 11

Majorek

Ngày mừng một tháng Giêng năm 1943. Năm Roosevelt tuyên bố Đức nhất định sẽ thất bại. Lúc này thật ra Đức bắt đầu chiến thắng ít hơn trên các chiến trường. Giá như chiến tuyến ở gần chúng tôi hơn! Tin Đức thua trận ở Stalingrad bay đến, nó quá quan trọng nên không thể im đi hoặc nói qua loa trong thông cáo báo chí thường lệ rằng “không có ý nghĩa gì so với cả quá trình thắng lợi của cuộc chiến”. Lần này Đức phải công nhận tin này, tuyên bố ba ngày để tang, và lần đầu tiên sau nhiều tháng, chúng tôi được tự do. Những người lạc quan hơn trong chúng tôi xoa tay hoan hỉ, tin tưởng vững chắc rằng chiến tranh sắp kết thúc. Những người bi quan lại nghĩ khác, họ cho rằng cuộc chiến còn kéo dài một thời gian nữa, nhưng ít ra cũng không ngờ vực gì lắm vào kết quả cuối cùng.

Song song với những tin tốt lành về chính trị, các tổ chức bí mật trong ghetto tăng cường hoạt động. Đội của tôi cũng bị cuốn theo. Majorek hàng ngày mang những túi khoai tây vào cho đội chúng tôi, đã lén vùi đạn, súng dưới đồng khoai. Chúng tôi chia đạn, súng ra và nhét vào các ống quần, đem vào ghetto. Đây là một việc mạo hiểm và một hôm suýt nữa kết thúc thê thảm cho đội chúng tôi.

Majorek mang các bao khoai đến chỗ kho của tôi như thường lệ. Tôi dọn kho rỗng, dấu các viên đạn và định tối ấy sẽ chia cho các bạn đem về ghetto. Nhưng Majorek vừa để các túi khoai xuống và rời khỏi nhà kho thì cửa bật mở và một tên Untersturmfuhrer trẻ lao vào. Hắn nhìn quanh và để ý đến các bao khoai và tiến đến. Tôi cảm thấy bủn rủn đầu gối. Nếu hắn kiểm tra chúng chứa gì bên trong, chắc tôi là người đầu tiên sẽ nhận viên đạn vào đầu. Hắn đứng trước các bao và cố cởi một cái. Song sợi dây bị mắc kẹt và rất khó gỡ. Hắn chửi đồng và quát tôi:

- Cởi ra!

Tôi bước đến chỗ hắn và cố tỏ ra bình tĩnh. Tôi gỡ nút, cố ý làm thật chậm, nhìn bên ngoài thật bình thản. Tên Đức chống hai tay lên hông đứng nhìn.

- Cái gì ở trong? – hắn hỏi.

- Khoai tây. Chúng tôi được phép hàng ngày mang một ít về ghetto.

Lúc này cái bao đã mở. Lệnh tiếp theo là:

- Đổ ra cho tao xem!

Tôi sục tay vào trong bao. Không phải khoai. May làm sao hôm nay Majorek mua một ít bột yến mạch và đậu thay cho một số khoai tây. Chúng để ở trên, khoai tây bên dưới. Tôi giờ ra

một nắm quả đậu vàng, khá dài.

- Khoai tây kia mà – tên thanh niên cười mỉa mai rồi hắt ra lệnh – Thọc sâu tay xuống! Lần này tôi đưa ra một vốc bột yến mạch. Bất cứ tên Đức nào cũng có thể đánh tôi vì cái tội đã lừa gạt chúng. Thật ra tôi mong cho hắn đánh tôi và sẽ sao nhãng những thứ còn lại trong bao. Song hắn chẳng buồn tát tôi. Hắn quay gót và đi thẳng. Ngay sau đó hắn lại xông vào đột ngột một lần nữa, hắn mong tôi vi phạm một điều gì nữa chẳng? Tôi đang đứng giữa nhà kho, cố trấn tĩnh. Tôi phải lấy lại can đảm. Chỉ khi nghe thấy tiếng bước chân hắn xa dần ngoài cửa, rồi cuối cùng tắt hẳn, tôi mới dám dốc tuột các bao, vùi vãi dấu đạn dưới đồng vôi trong góc kho. Tối hôm ấy, lúc chúng tôi đến bức tường của ghetto, chúng tôi trút ngay chỗ đạn và lựu đạn mới nhận được vào chỗ thường lệ. Chúng tôi suýt chết vì nó!

Ngày 14 tháng Giêng là thứ Sáu, điên tiết vì thất bại ở các mặt trận và thích thú được quét sạch người Ba Lan, bọn Đức bắt đầu cuộc săn người mới. Lần này mở rộng khắp Warsaw. Chúng lùng sục liên ba ngày không nghỉ. Ngày nào lúc đi làm và lúc trở về, chúng tôi cũng thấy những người bị săn đuổi và bắt giữ trên phố. Hàng đoàn xe cảnh sát chở tù nhân chạy đến đích và trở về rỗng tuếch, sẵn sàng cho nhiều mẻ nữa cho một trại tập trung tương lai. Một số dân Aryan tìm chỗ trú trong ghetto. Những ngày khó khăn này đã chứng kiến một nghịch lý nữa của giai đoạn chiếm đóng: cái băng tay có ngôi sao sáu cạnh một thời là biểu tượng đe dọa nhất, nay trở thành vật che chở qua đêm, một loại hình bảo đảm, vì dân Do Thái không còn là con mồi nữa.

Tuy vậy hai ngày sau đến lượt chúng tôi. Sáng thứ Hai lúc rời khỏi ngôi nhà, tôi không thấy cả đội ra đường, chỉ có vài nhân công rõ ràng là không thể thiếu được. Là “quản lý nhà kho”, tôi ở trong số đó. Chúng tôi khởi hành ra cổng ghetto, có hai cảnh sát đi kèm. Thường ngày chỉ có các cảnh sát Do Thái nhưng hôm nay toàn bộ đơn vị cảnh sát Đức kiểm tra rất kỹ giấy tờ của bất kỳ người nào rời khỏi ghetto để đi làm. Một cậu bé khoảng lên mười chạy trên vỉa hè. Nó xanh mét vì sợ hãi đến mức quên bỏ mũ ra chào viên cảnh sát Đức đang tiến đến chỗ nó. Tên Đức đứng lại, không nói một lời, rút súng ra và nhắm vào thái dương cậu bé mà bắn. Đứa trẻ ngã xuống đất, cánh tay vẫn đập đập, rồi cứng đờ ra và chết. Tên cảnh sát thản nhiên dứt súng vào bao và đi tiếp. Tôi nhìn hắn, hắn không có vẻ đặc biệt tàn nhẫn hoặc giận dữ. Hắn là một người bình thường, điềm tĩnh, đã làm một trong những nhiệm vụ thứ yếu hàng ngày của hắn, và ngay lập tức hắn chẳng nghĩ gì nữa, nhiều việc quan trọng hơn đang đợi hắn.

Nhóm tôi đã đến khu vực Aryan thì nghe nhiều tiếng súng ở đằng sau. Tiếng súng dội lại từ các nhóm công nhân Do Thái khác bị vây trong ghetto, trả giá cho nỗi sợ hãi của bọn Đức bằng sự băng giết lẫn nhau.

Chúng tôi đến nơi làm việc, tâm trạng chán nản, chúng tôi không biết lúc này trong ghetto đang

xảy ra chuyện gì. Không còn nghi ngờ gì nữa, một giai đoạn mới của cuộc thanh toán đã bắt đầu. Cậu bé Prózanski đi cạnh tôi, lo lắng không biết cha mẹ cậu có còn ở trong phòng chúng tôi không, không biết họ có kịp trốn vào nơi nào đó để thoát khỏi cuộc tái định cư lần này không. Tôi có những nỗi lo riêng, và rất cụ thể: tôi để quên cái bút máy và đồng hồ của tôi, tất cả những thứ tôi có trên đời, nằm trên bàn trong phòng tôi. Nếu trốn thoát thành công, tôi phải đổi chúng thành tiền mặt, và sống bằng số tiền ấy được vài ngày, tìm nơi ẩn nấp với sự giúp đỡ của bè bạn.

Tối hôm ấy chúng tôi không trở về ghetto, chúng tôi tạm trú ở Narbutt. Chỉ mãi sau này chúng tôi mới biết việc xảy ra sau các bức tường, nơi dân chúng cố thủ hết sức trước khi bị đưa đến chỗ chết. Họ trốn ở những nơi đã chuẩn bị trước, phụ nữ đổ nước lên bậc cầu thang để chúng đóng băng và bọn Đức khó lòng mà leo lên được các tầng trên. Một số ngôi nhà đầy các chướng ngại vật, cư dân bắn trả bọn Đức, quyết chiến đấu, thà chết với vũ khí trong tay còn hơn bỏ mạng trong buồng hơi ngạt. Bọn Đức đã đưa các bệnh nhân còn mặc đồ lót trong các bệnh viện Do Thái, chất họ lên các xe mui trần dưới trời giá lạnh, đưa họ đến Treblinka. Nhờ sự kháng cự của dân Do Thái, trong năm ngày, bọn Đức chỉ đưa được năm ngàn người, thay vì mười ngàn như chúng đã dự định.

Tối thứ Năm, Huých Hoác bảo chúng tôi rằng “chiến dịch tẩy rửa các nhân tố không chịu làm việc” trong ghetto đã chấm dứt và chúng tôi có thể trở về đây. Tim chúng tôi đập thành thịch. Các đường phố trong ghetto là một cảnh tượng choáng váng. Vĩa hè đầy mảnh kính cửa sổ vỡ. Lông chim từ các gổ bị rạch nát bít kín các cống rãnh, bay tứ tung, mỗi lần gió thổi, từng đám mây lông chim xoáy trong không khí như những bông tuyết dày bay ngược từ dưới đất lên. Cứ vài bước chúng tôi lại thấy xác của những người bị hại. Im lặng bao trùm đến mức tiếng bước chân của chúng tôi dội lại từ các bức tường như thể chúng tôi đang đi trong một khe núi đá. Chúng tôi không tìm thấy ai trong phòng, nhưng không có hiện tượng cướp bóc. Mọi vật vẫn y nguyên như lúc cha mẹ Prózanski để lại, đánh dấu để chuyển đi. Các tấm phản vẫn chưa dọn từ đêm ngủ cuối cùng ở đây, bình cà phê chưa uống hết vẫn đứng trên bếp lò lạnh ngắt. Bút máy và đồng hồ của tôi vẫn nằm nguyên trên bàn, đúng chỗ tôi để lại.

Lúc này tôi vội vàng làm mọi việc thật nhanh. Giả sử cuộc tái định cư đến rất sớm và tôi ở trong danh sách phải đi. Majorek đã liên hệ giúp với các bạn tôi, một cặp vợ chồng nghệ sĩ trẻ mới cưới. Andrzej Brogucki là nghệ sĩ, vợ anh là ca sĩ thường biểu diễn với tên thời con gái là Janina Godlewska. Một hôm Majorek bảo tôi khoảng sáu giờ tối họ sẽ đến. Nhân lúc các nhân công Aryan đi về nhà, tôi nắm lấy cơ hội lên ra cổng. Cả hai đã ở đấy rồi. Chúng tôi trao đổi với nhau vài lời. Tôi đưa cho họ những sáng tác của tôi, cây bút, chiếc đồng hồ là những thứ tôi muốn mang theo. Tôi đã đưa những thứ này ra khỏi ghetto và giấu ở nhà kho. Chúng tôi thoả

thuận rằng Bogucki sẽ đến đón tôi lúc năm giờ ngày thứ Bảy, khi một viên tướng SS đến thanh tra toà nhà, tôi sẽ lợi dụng cảnh huyền não lúc ấy mà lên đi dễ dàng.

Hồi này không khí trong ghetto ngày càng căng thẳng và khó khăn. Cảm giác về một điềm báo cứ lơ lửng trong không khí. Đại tá Szerynski, chỉ huy cảnh sát Do Thái đã tự tử. Chắc hẳn đã nhận được một số tin xấu vì hắn gần gũi với bọn Đức hơn bất cứ ai, là người bọn chúng cần nhất, và dù thế nào cũng sẽ là người đi tái định cư cuối cùng, đã thấy không còn con đường nào tránh khỏi cái chết. Hàng ngày, nhiều người Do Thái khác trộn lẫn vào chúng tôi lúc chúng tôi đi làm, cố trốn đến khu vực Aryan của bức tường. Không phải lúc nào họ cũng thành công. Có một số tên mật thám được trả công làm chỉ điểm rình đợi những người bỏ trốn. Chúng sẵn sàng tấn công người Do Thái khi thấy anh ta đang đi trên một đường phố nào đó, dọa sẽ nộp anh ta cho bọn Đức, rồi bắt anh ta đưa hết tiền bạc châu báu mang theo. Đàng nào thì sau khi trấn lột xong, chúng sẽ giao anh ta ngay cho bọn Đức.

Sáng thứ Bảy hôm đó tôi là người vì căng thẳng. Liệu có êm xuôi không? Một bước nhầm lẫn là cái chết sẽ đến tức thì. Đến chiều, viên tướng xuất hiện, làm việc thanh tra của hắn rất đúng giờ. Những tên SS đầy trong toà nhà lúc này sao nhãng chúng tôi đi. Đến năm giờ công nhân Aryan bắt đầu ngừng làm việc. Tôi mặc áo khoác, lần đầu tiên trong suốt ba năm, tôi lột cái băng tay có ngôi sao xanh lơ và lên ra cổng cùng với họ.

Bogucki đã đứng ở góc phố Wisniowa. Nghĩa là cho đến lúc này mọi sự vẫn theo đúng kế hoạch. Lúc nhìn thấy tôi, anh bỏ đi thật nhanh. Tôi đi theo anh mấy bước, lật cổ áo lên và cố không để mắt hút bóng anh trong đêm tối. Các đường phố vắng ngắt, chỉ được chiếu sáng lơ mờ theo quy định từ lúc nổ ra chiến tranh. Tôi phải hết sức chú ý để không chạm trán với bất kỳ một tên Đức nào dưới ánh đèn đường, hắn có thể nhận ra mặt tôi. Chúng tôi đi theo con đường ngắn nhất, đi rất nhanh, nhưng con đường dường như dài vô tận. Cuối cùng chúng tôi cũng đến đoạn cuối của cuộc hành trình – nhà số 10 phố Noakowski, là nơi tôi sẽ ẩn trên tầng năm, trong một xưởng vẽ của một họa sĩ theo sự sắp đặt của Piotr Perkowski, một trong những người lãnh đạo hiệp hội các nhạc sĩ chống Đức hồi đó. Chúng tôi vội vã lên gác, cả ba người cùng một lúc, Janina Godlewska đứng đợi chúng tôi trong xưởng vẽ, trông chị căng thẳng và sợ hãi. Nhìn thấy chúng tôi, chị thở phào nhẹ nhõm.

- Ôi chào, cuối cùng các anh đã về đây! - chị đan hai bàn tay lên trên đầu. Chị nói thêm với tôi – Mãi đến lúc anh Andrzej đi đón anh rồi, tôi mới nhận ra hôm nay là ngày 13 tháng Hai, con số 13 rủi ro!

Chương 12

Bực mình và bất hoà ở sát vách

Lúc này tôi đang ẩn nấp trong xưởng vẽ của họa sĩ, một căn phòng rộng mênh mông, trần lấp lánh. Tôi sẽ lưu tại đây một thời gian. Xưởng không có cửa sổ, có những hốc tường ở cả hai phía, có cửa che kín những hốc đó. Vợ chồng Bogucki đã xếp cho tôi một cái giường gấp, và sau một thời gian dài ngủ trên phản gỗ, cái giường ấy như một tiện nghi tuyệt vời. Tôi vô cùng hạnh phúc vì không phải nhìn thấy một tên Đức nào. Giờ đây tôi không còn nghe tiếng chúng quát tháo, không còn sợ một tên SS đánh hoặc giết chết bất cứ lúc nào. Trong những ngày này, tôi cố không nghĩ đến trước mắt, trước khi chiến tranh kết thúc, nếu tôi còn sống sót đến lúc ấy. Tôi vui mừng vì một hôm Janina báo tin: quân đội Xô viết đã chiếm lại Kharkov. Vậy tôi sẽ thành cái gì nhỉ? Tôi hiểu rằng không thể ở lại trong xưởng quá lâu. Perkowski phải tìm một người thuê nhà trong vài ngày tới chỉ vì bọn Đức công bố sẽ điều tra dân số, cảnh sát sẽ kiểm tra từng nhà xem cư dân có đăng ký hợp pháp, chính xác và có quyền ở đó hay không. Hầu như ngày nào cũng có người đến thuê nhà xem phòng, lúc họ đến tôi phải trốn vào trong một cái hốc tường và khóa kín lại từ bên trong.

Hai tuần sau Bogucki đã thoả thuận với ông Edmund Rudnicki, nguyên giám đốc âm nhạc của đài phát thanh Ba Lan, chủ cũ của tôi trước chiến tranh, là một buổi tối sẽ đến cùng với kỹ sư Gebczynski. Tôi sẽ dọn xuống nhà của viên kỹ sư và vợ của ông ở tầng trệt cùng ngôi nhà đó. Tối hôm ấy, lần đầu tiên sau bảy tháng trời, tay tôi chạm đến những hàng phím đàn. Trong bảy tháng trời đó tôi mất hết những người thân yêu, sống trong sự thanh trừng của ghetto, đập phá các bức tường, xách vôi, khuôn gạch. Tôi đã cưỡng lại lời thuyết phục của bà Gebczynski, nhưng cuối cùng tôi bị thua. Những ngón tay của tôi cứng quèo chuyển động một cách miễn cưỡng trên phím đàn, những âm thanh nghe lạ lẫm đến chói tai làm tôi điên tiết.

Cũng trong buổi tối đó tôi được nghe một mẩu tin đáng ngại nữa. Một người bạn thạo tin vừa gọi cho Gebczynski, báo tin hôm sau sẽ có một cuộc săn người trên toàn thành phố. Tất cả chúng tôi hết sức lo lắng, song té ra chỉ là tin đồn nhảm, thời đó có rất nhiều tin như vậy. Ngày hôm sau nhạc trưởng Czeslaw Lewicki, đồng nghiệp cũ của tôi ở đài phát thanh xuất hiện, sau này anh trở thành bạn thân của tôi. Anh có căn hộ độc thân được tùy ý sử dụng ở phố Pulawska, số 83, nhưng anh không ở đấy và anh đồng ý để tôi ở nhờ.

Lúc bảy giờ tối ngày thứ Bảy, 27 tháng Hai, tôi rời khỏi nhà Gebczynski. May mà trời tối như mực. Chúng tôi lên một cái xe ngựa ở Plac Unii đến phố Pulawska không gặp chuyện gì rủi ro

và chạy vội lên tầng bốn. hy vọng không gặp bất cứ ai trên cầu thang.

Căn hộ độc thân hóa ra là một căn nhà có sẵn đồ đạc, tiện nghi và thanh lịch. Đi qua phòng ăn lớn là đến buồng tắm, có một tủ treo tường lớn, một bếp ga ở đầu đằng kia phòng ăn. Căn phòng có một đi văng êm ái, một tủ chén bát, một giá sách xinh xắn, một cái bàn nhỏ và vài cái ghế rất tiện lợi. Tủ sách đầy các bản nhạc và các bản tổng phổ, cũng như một số sách rất kinh viện. Tôi cảm thấy như ở trên thiên đường. Đêm đầu tiên ấy, tôi không ngủ nhiều, tôi muốn tận hưởng sự thoải mái ấy, được nằm trên một chiếc đi văng êm ái tuyệt vời.

Ngày hôm sau Lewicki cùng một người bạn, chị Malczewska là vợ của một bác sĩ, đem đến cho tôi ít đồ dùng. Chúng tôi bàn xem tôi sẽ ăn uống xoay sở ra sao nếu hôm sau xảy ra cuộc điều tra dân số. Tôi phải ở trong phòng tắm suốt ngày, khoá trái cửa như tôi đã làm trong xưởng vẽ. Nếu bọn Đức có ập vào nhà trong lúc điều tra, chúng tôi cho rằng không chắc chúng sẽ để ý đến cánh cửa nhỏ tôi trốn phía sau. Chúng sẽ tưởng rằng đó là một cánh cửa tủ bị khóa.

Tôi tuân theo kế hoạch này rất cẩn thận. Buổi sáng tôi mang sách vào phòng tắm và kiên nhẫn đợi cho đến tối, chắc chắn chẳng dễ chịu gì trong một khoảng thời gian dài như thế, và lúc đó tôi chẳng mơ gì ngoài việc đến trưa có thể duỗi thẳng chân ra. Toàn bộ mưu mẹo ấy tỏ ra là thừa, chẳng ai đến ngoài Lewicki ghé vào buổi tối vừa tò mò vừa lo lắng xem tôi ra sao. Anh mang đến vodka, xúc xích, bánh mì và bơ. Và chúng tôi ăn uống như những ông hoàng. Kế hoạch điều tra dân số cho phép bọn Đức theo dõi và bắt toàn bộ dân Do Thái đang ẩn trốn ở Warsaw trong một cuộc vây bắt trọn vẹn. Chúng không tìm thấy tôi và tôi cảm thấy một niềm tin tưởng mới.

Lewicki sống cách đây không xa, anh và tôi thoả thuận mỗi tuần anh chỉ mang đồ ăn đến hai lần. Tôi phải sử dụng bằng cách này hay cách khác cho hết thời gian giữa các buổi đến thăm mong đợi của anh. Tôi đọc rất nhiều và học cách nấu nướng những món ăn ngon lành theo lời chỉ bảo của vợ viên bác sĩ. Mọi việc phải được làm thật khẽ, không được gây ra tiếng động. Tôi đi lại thật chậm, rón rén, lạy Trời đừng có đụng tay chạm chân vào bất cứ thứ gì! Tường rất mỏng, bất cứ một thứ tiếng động nào cũng dễ bị hàng xóm phát hiện. Tôi nghe thấy rất rõ tiếng họ đang làm gì, nhất là những người hàng xóm bên trái. Bằng vào giọng nói, những người thuê căn hộ này là một cặp vợ chồng trẻ, tối tối thường bắt đầu câu chuyện bằng những tên gọi nựng nhau rất âu yếm, “con mèo con”, “con chó cún”. Song sau khi tranh cãi khoảng mười lăm phút, giọng họ bắt đầu cao vút lên, và lúc này những tên gọi nựng của họ đã đi ra khỏi phạm vi những con thú vật nuôi rú rú trong nhà, và cuối cùng là con lợn. Sau đó là cuộc hoà giải, tiếng nói lặng đi một lát, rồi tôi nghe thấy tiếng thứ ba, âm thanh của chiếc dương cầm mà người phụ nữ trẻ chơi đầy cảm hứng, mặc dù cô nhấn một số nốt sai. Tuy vậy, tiếng đàn của cô thường ngân vang không lâu. Tiếng nhạc ngừng và giọng nữ cáu kỉnh khơi lại cuộc cãi cọ:

- Hay lắm, bây giờ em sẽ không chơi nữa! Em vừa bắt đầu chơi là anh quay đi luôn!

Và họ lại bắt đầu lướt qua giới súc vật một lần nữa.

Lúc lắng nghe, tôi thường nghĩ tôi sẽ hạnh phúc biết bao nếu được đặt bàn tay lên chiếc dương cầm xinh xắn, cũ kỹ, lạc giọng, gây nên biết bao chuyện bực mình và bất hoà như thế ở nhà kế bên.

Nhiều ngày trôi qua, hoặc chị Malczewska hoặc Lewicki thường xuyên đến thăm tôi hai lần mỗi tuần, mang đồ ăn và những tin tức về chuyển biến chính trị mới nhất. Những tin tức chẳng có gì đáng khích lệ: tôi buồn lòng khi nghe tin Hồng quân Liên xô đã rút khỏi Kharkov lần nữa, quân Đồng minh lại rút khỏi châu Phi. Bị đoạ đày, gần như không hoạt động, suốt ngày gần như chỉ có một mình với những ý nghĩ u ám, ủ ê ngấm ngấm về số phận bi thảm của gia đình, càng ngày tôi càng thấy ngột ngạt và thất vọng. Lúc nhìn qua cửa sổ ngắm dòng xe cộ, lúc nào cũng thấy bọn Đức đi lại bình thản như bao giờ, làm tôi thấy tình trạng của các sự việc này như sẽ không bao giờ kết thúc. Lúc đó tôi sẽ thành cái gì? Sau bao nhiêu năm chịu đựng vô nghĩa, một ngày nào đó tôi sẽ bị phát hiện ra và bị bắn chết. Điều hay nhất mà tôi có thể mong là thà tự tử còn hơn sống và rơi vào tay bọn Đức.

Tâm trạng tôi không khá hơn cho đến khi quân Đồng minh tổng tấn công vào châu Phi và được tôn vinh nhờ những thắng lợi liên tiếp. Một ngày tháng Năm nóng nực, tôi đang làm món súp cho bữa trưa thì Lewicki xuất hiện. Thở dốc vì chạy thẳng lên tầng bốn, anh dừng lại lấy hơi và vừa hổn hển anh vừa báo tin cuộc chống cự của Đức và Ý ở châu Phi cuối cùng đã sụp đổ!

Gần như tất cả bắt đầu sớm hơn! Giá như lúc đó quân Đồng minh bắt đầu chiến thắng ở Châu Âu chứ không phải ở châu Phi, có lẽ tôi đã nhanh chóng khôi phục nhiệt tình của mình. Biết đâu số dân Do Thái ít ỏi còn lại trong ghetto của Warsaw sẽ nổi lên, có tổ chức và ít ra có cơ may thắng lợi dù rất nhỏ bé. Song song với những tin tức ngày càng tốt lành, Lewicki đưa tới nhiều chi tiết ngày càng khủng khiếp nghe được về các hành động thâm hiểm của những người Do Thái anh chị em tôi: một nhóm người Do Thái đã quyết kháng cự với bọn Đức trong giai đoạn cuối cùng, vô hy vọng này. Theo những tài liệu bí mật tôi đọc được, tôi biết về những cuộc nổi dậy của người Do Thái, các trận đánh dành từng ngôi nhà, từng khu vực của từng đường phố, và gây nhiều tổn thất lớn lao cho bọn Đức. Chúng đã huy động cả pháo binh, xe tăng và không lực đến các trận đánh ở ghetto. Mất rất nhiều tuần lễ Đức mới đàn áp được quân kháng chiến vốn yếu hơn chúng rất nhiều. Không người Do Thái nào muốn bị bắt sống. Khi bọn Đức chiếm được ngôi nhà, phụ nữ đưa bọn trẻ con lên tầng thượng, rồi ôm bọn trẻ nhảy từ ban công xuống mặt đường phía dưới. Nếu tôi thò đầu ra khỏi cửa sổ vào ban đêm lúc đến giờ đi ngủ, tôi có thể thấy ánh lửa ở phía Bắc thành phố Warsaw, những cuộn khói nặng nề bốc lên tận bầu trời trong trẻo đầy sao.

Đầu tháng Sáu, Lewicki đến thăm tôi bất ngờ vào một buổi trưa, không theo thời khóa biểu tôi đã quen. Lần này anh không mang tin gì tốt lành. Anh không cạo râu, nhiều quầng thâm quanh mắt chứng tỏ anh đã không ngủ suốt đêm. Và vẻ mặt thất vọng rõ rệt:

- Mặc quần áo vào! – Anh thì thảo bảo tôi.
- Có chuyện gì thế?
- Đêm qua bọn Gestapo đã niêm phong căn phòng của tôi ở nhà bác sĩ và chị Malczewska rồi. Chúng có thể đến đây bất cứ lúc nào. Chúng ta phải đi thôi.

Đi ngay? Giữa ban ngày ban mặt, vào lúc buổi trưa? Chẳng khác gì là tự tử, chí ít là về phần tôi. Lewicki càng sốt ruột:

- Nhanh lên, đi thôi! – Anh giục tôi, còn tôi cứ đứng đó, không làm theo ý anh muốn là đi gói ghém đồ đạc. Anh quyết định động viên tôi và làm cho tôi vui lên:
- Đừng lo – anh nói, giọng bồn chồn – tất cả mọi việc đều được lo liệu cả rồi. Sẽ có người đón cậu cách đây không xa, và sẽ đưa cậu đến chỗ an toàn.

Tôi vẫn chưa muốn rời khỏi chỗ này. Muốn ra sao thì ra, tôi nghĩ. Đàng nào Lewicki cũng thoát và bọn Gestapo sẽ không tìm ra anh. Nếu cái rủi nọ tiếp theo cái rủi kia, tôi thà chấm dứt cuộc đời ở đây còn hơn là liều mạng đi lang thang trong thành phố. Đơn giản là vì tôi không đủ sức mà ra đi thôi. Tôi giải thích mọi điều cho bạn tôi và chúng tôi ôm lấy nhau, cả hai đều tin chắc sẽ không bao giờ gặp lại nhau trong đời. Sau đó Lewicki rời căn hộ.

Tôi bắt đầu đi đi lại lại trong phòng, dường như nó trở thành nơi an toàn nhất trên trái đất, mặc cho lúc này nó giống như một cái cũi. Tôi ở trong đó gần như là một con vật, vấn đề là chỉ là thời gian trước khi những tên đồ tể kia đến tìm thấy và giết tôi thôi. Chúng sẽ hả hê với mẻ đánh bắt này. Trước kia tôi chưa bao giờ hút thuốc, nhưng hôm ấy, lúc đợi chờ cái chết, tôi đã hút cả gói một trăm điếu thuốc mà Lewicki để lại cho tôi. Nhưng cái chết cứ lần lữa từ giờ này sang giờ khác. Tôi biết bọn Gestapo thường hay đến vào lúc ban đêm hoặc sáng sớm. Tôi không cởi quần áo, không bật đèn, nhưng nhìn chăm chú vào chấn song ban công qua cửa sổ và lắng nghe những âm thanh nhỏ nhất vọng lên từ dưới phố hay cầu thang. Những lời từ biệt của Lewicki vẫn còn vang trong tai tôi. Bàn tay anh đã đặt lên quả đấm cửa, nhưng rồi anh quay lại, rồi tiến đến tôi, ôm tôi lần nữa và nói:

- Nếu chúng nó đến và xông vào nhà...Cậu cứ nhảy qua ban công. Cậu không muốn chúng nó bắt sống cậu mà! – Rồi anh nói thêm, muốn tôi nhẹ nhõm với cái quyết định tự tử - Mình sẽ uống thuốc độc. Chúng cũng sẽ không bắt sống mình được đâu.

Nhưng lúc này đêm đã khuya. Xe cộ trên phố đã hoàn toàn im tiếng, các cửa sổ trong ngôi nhà đối diện lần lượt tắt đèn, cái này tiếp theo cái kia. Bọn Đức vẫn chưa tới. Thần kinh của tôi căng thẳng đến cực điểm. Thi thoảng tôi chợt thấy tôi ước giá chúng đến ngay đi, càng sớm càng tốt.

Tôi không muốn chịu đựng sự giày vò này thêm nữa. Có lúc nào đó trong đêm, tôi nghĩ đến cách tự tử khác. Bất ngờ tôi chợt nghĩ đến việc treo cổ thay cho việc nhảy ban công, và dù không thể nói tại sao, tôi thấy chết theo kiểu này dễ dàng hơn, êm ả hơn. Vẫn không bật đèn, tôi dò dẫm trong phòng tìm thứ gì để làm dây. Cuối cùng tôi tìm thấy một sợi dây thừng nhỏ, dài, chắc và bền đang sau những quyển sách trên giá.

Tôi gỡ bức tranh treo bên trên giá sách xuống, kiểm tra cái móc trên tường có vững không, làm sẵn một cái thòng lọng, và đợi. Bọn Gestapo vẫn chưa tới.

Đến sáng chúng vẫn chưa tới, cả mấy ngày sau cũng thế. Nhưng đến mười một giờ ngày thứ Sáu, tôi đang nằm trên đi văng sau một đêm hầu như không ngủ, tôi nghe thấy tiếng súng trên phố. Tôi vội đến bên cửa sổ. Một hàng cảnh sát chặn hết bề rộng của con phố, kể cả vỉa hè, bắn loạn xạ và hú hoạ vào một con quạ đang bay. Lát sau mấy chiếc xe hơi SS chạy đến, một khu vực lớn của con phố bị bao vây, kể cả ngôi nhà tôi đang trú ẩn. Nhiều tốp sĩ quan vào trong các ngôi nhà thuộc khu vực này và lôi đàn ông ra khỏi nhà. Chúng vào cả ngôi nhà của tôi.

Không còn ngờ vực việc chúng sẽ thấy chỗ ẩn nấp của tôi. Tôi đẩy một chiếc ghế đến bên giá sách, để có thể với tới cái móc treo tranh dễ dàng hơn, sửa lại nút thòng lọng và đến bên cửa nghe ngóng. Tôi nghe thấy tiếng bọn Đức quát tháo trên cầu thang ở dưới tầng dưới. Nửa giờ sau lại im lặng. Tôi nhìn ra cửa sổ. Chương ngại vật đã được dỡ bỏ, xe của bọn SS đã rời đi. Chúng không đến.

Chương 13

Sự phản bội của Szalas

Một tuần đã trôi qua kể từ lúc Lewicki ra đi. Bọn Gestapo vẫn chưa tới, và dần dần thần kinh tôi dịu lại. Nhưng lại có sự đe dọa khác: lương thực của tôi đã cạn dần. Tôi chẳng còn gì ngoài một nhúm đậu và bột yến mạch. Tôi hạn chế bữa ăn xuống còn hai lần một ngày, mỗi lần nấu súp, tôi chỉ lấy đúng mười hột đậu và một thìa bột, nhưng dù khẩu phần có rút xuống ít ỏi đến thế, các thứ dự trữ của tôi chỉ có thể kéo dài thêm vài ngày nữa thôi. Một buổi sáng, một chiếc xe SS đến ngôi nhà tôi đang nấp. Hai tên SS lấy ra một tờ giấy và bước vào nhà. Tôi tin rằng chúng đang tìm tôi, và đã sẵn sàng để chết. Tuy nhiên, một lần nữa, tôi không phải là con mồi của chúng.

Lúc này đồ ăn dự phòng của tôi đã cạn. Suốt hai ngày tôi không ăn gì ngoài uống nước. Tôi chỉ có hai lựa chọn: chết đói hoặc đánh liều ra phố mua một ổ bánh mì ở gần nhất. Tôi chọn cách thứ hai. Tôi cạo mặt cẩn thận, mặc quần áo và rời khỏi nhà lúc tám giờ sáng, cố đi đứng thật thản nhiên. Chẳng ai chú ý đến tôi, dù nét mặt tôi rõ ràng không phải là người Aryan. Tôi mua bánh mì và trở về nhà. Hôm ấy là 18 tháng Bảy năm 1943. Tôi sống bằng ổ bánh duy nhất này – tôi chỉ có đủ tiền để mua một ổ - suốt 10 ngày, cho đến ngày 28 tháng Bảy.

Ngày 29 tháng Bảy, vào lúc đầu giờ chiều, tôi nghe thấy tiếng gõ cửa. Tôi không phản ứng, lát sau chìa khoá được đút vào ổ và xoay thận trọng, cửa mở, một thanh niên tôi không quen bước vào. Anh ta đóng cửa lại sau lưng thật nhanh và hỏi, thì thào:

- Không có gì đáng ngờ chứ?
- Không.

Chỉ đến lúc ấy, anh ta mới chú ý đến tôi. Anh ta nhìn tôi từ đầu đến chân, cái nhìn sừng sốt:

- Anh vẫn còn sống đấy chứ?

Tôi nhún vai. Tôi nghĩ là bộ dạng tôi đủ còn sống, không cần trả lời. Người lạ mỉm cười và tự giới thiệu, khá muộn màng, anh ta là em trai Lewicki, anh đến để báo cho tôi biết hôm sau sẽ mang đồ ăn tới. Vài ngày sau đó tôi sẽ được mang đến một nơi nào đó, vì bọn Gestapo vẫn đang lùng sục Lewicki và có thể sẽ đến đây.

Thế là đủ, hôm sau kỹ sư Gebczynski xuất hiện cùng với một người đàn ông nữa, anh giới thiệu là kỹ thuật viên của đài phát thanh tên là Szalas, một người hoạt động bí mật đáng tin cậy. Gebczynski lao vào vòng tay tôi. Anh tưởng tôi đã chết đói hoặc yếu lả rồi. Anh kể các bạn chung của chúng tôi đều lo cho tôi. Nhưng họ không làm sao đến gần ngôi nhà vì có nhiều mật

thăm theo dõi, canh chừng. Ngay lúc bọn chỉ điểm rút lui, anh được giao nhiệm vụ giải quyết thi hài của tôi để tin chắc tôi được chôn cất tử tế.

Từ lúc ấy Szalas chăm nom tôi thường xuyên, một nhiệm vụ mà tổ chức bí mật giao cho anh ta. Song anh ta tỏ ra là một người bảo vệ đáng ngờ. Cứ mười ngày anh ta mới ghé vào, mang theo chút ít đồ ăn, và giải thích rằng không thể kiếm đâu ra tiền để mua lương thực được nữa. Tôi đưa cho anh ta một vài thứ trong số của cải ít ỏi còn lại để đem bán, nhưng hầu như lúc nào anh ta cũng bị ăn cắp, rồi lại xuất hiện với tí tẹo đồ ăn chỉ đủ sống trong hai, ba ngày, mặc dù đôi khi phải kéo dài tới hai ba tuần. Đến lúc cuối cùng tôi nằm trên giường, hoàn toàn kiệt sức vì đói và tin chắc rằng mình sắp chết, Szalas mới ló vào và đem cho tôi chút ít đồ ăn, đủ cho tôi sống tiếp và đủ để hành hạ bản thân. Tươi cười, rõ ràng là trong đầu có ý khác, anh ta hay hỏi:

- Thế nào, anh vẫn còn sống chứ?

Tôi vẫn còn sống, dù sự suy dinh dưỡng cộng thêm nỗi tiếc thương làm tôi bị bệnh vàng da. Szalas không coi chuyện đó là quá nghiêm trọng, và kể chuyện vui về ông nội anh ta bị tình nhân bỏ rơi khi ông ta suy sụp vì bệnh vàng da. Vàng da chẳng là chuyện gì để đáng lo ngại, theo quan điểm của Szalas. Để an ủi tôi, anh ta kể chuyện quân Đồng Minh đã đổ bộ vào Sicily. Rồi anh ta chào tạm biệt và bỏ đi. Đây là cuộc gặp gỡ cuối cùng của chúng tôi, vì anh ta chẳng bao giờ xuất hiện lần nữa dù mười ngày đã qua, sau đó là mười hai ngày, rồi hai tuần.

Tôi không ăn uống gì vì không đủ sức đứng dậy hoặc lê đến vòi nước. Lúc này, nếu bọn Gestapo có tới, tôi chẳng còn đủ sức để mà treo cổ nữa. Tôi ngủ thiếp đi gần hết ngày, và lúc tỉnh dậy thì chỉ để bị dẫn vật bởi cơn đói và khát. Mặt tôi, chân tay tôi bắt đầu phù lên thì chị Malczewska tới. Thật bất ngờ vì tôi biết chồng chị, chị và Lewicki đã buộc phải rời Warsaw để tìm nơi ẩn trốn. Chị đã tin chắc rằng tôi hoàn toàn ổn thoả và chỉ ghé qua để tán chuyện phiếm và uống trà. Chị cho biết Szalas đã quyên tiền dành cho tôi khắp Warsaw, và không người nào có thái độ xấu với việc cứu sống một người, nên hẳn đã có một số tiền khá hậu hĩ. Hẳn cam đoan với các bạn tôi rằng hẳn đến thăm tôi hàng ngày và tôi chẳng muốn gì hết.

Vài ngày sau, chị Malczewska lại rời khỏi Warsaw, nhưng trước khi đi, chị đã cấp cho tôi nhiều lương thực dự phòng và hứa tôi sẽ được chăm nom đáng tin cậy hơn. Thật rủi ro là việc ấy kéo dài không lâu.

Trưa ngày 12 tháng Tám, lúc tôi đang nấu súp như thường lệ, tôi nghe thấy có người đang cố đột nhập vào nhà. Không phải kiểu các bạn tôi gõ cửa khi đến thăm, đây là tiếng búa đập vào cánh cửa. Chắc là bọn Đức. Nhưng giây lát sau tôi xác định các giọng nói kèm theo tiếng búa là giọng của phụ nữ. Một người đàn bà gào lên:

- Mở cửa ngay, nếu không chúng tôi sẽ gọi cảnh sát!

Tiếng búa gõ mỗi lúc một dai dẳng hơn. Không còn ngờ gì nữa, những người khác trong ngôi

nhà này đã phát hiện ra tôi đang trốn ở đó, và họ đã quyết giao nộp tôi để tránh khỏi tội chứa chấp người Do Thái.

Tôi mặc vội quần áo, nhét các bản nhạc và vài thứ đồ đạc ít ỏi của mình vào một cái túi. Tiếng búa ngừng một lát. Chắc là những người đàn bà giận dữ này lo ngại vì sự im lặng của tôi nên đã đến đồn cảnh sát gần nhất. Tôi khẽ mở cửa và lên ra cầu thang, chỉ đối mặt với một trong những người đàn bà. Chắc bà ta ở đây để chặn đường tôi khỏi chạy trốn. Bà ta chặn tôi lại:

- Anh kia, anh ở trong căn hộ đó phải không? – Bà ta chỉ vào cửa – Anh không đăng ký!

Tôi bảo bà ta người thuê căn hộ là bạn tôi, và tôi chỉ lỡ không tìm thấy anh ta ở nhà. Lời giải thích thật không hợp lý và dĩ nhiên không thoả mãn cho người đàn bà hiếu chiến nọ.

- Đưa cho tôi xem giấy thông hành của anh! Giấy thông hành! Ngay lập tức! – bà ta quát mỗi lúc một to hơn. Đây đó đã có vài người thuê nhà thò đầu ra khỏi cửa, và nhiều tiếng động đáng ngại.

Tôi đẩy người đàn bà sang một bên và chạy xuống cầu thang. Tôi nghe thấy tiếng bà ta rít lên ở đằng sau:

- Đóng cửa trước lại! Đừng để hấn thoát!

Tôi chạy ào qua người coi nhà ở tầng dưới cùng. May làm sao, người này không nghe thấy tiếng bà kia gào xuống cầu thang. Tôi đã đến cửa và lao vọt ra phố.

Tôi lại thoát chết lần nữa, nhưng cái chết vẫn còn đợi trước mắt tôi. Lúc này là một giờ chiều, tôi đứng đây trên phố, râu không cạo, tóc không cắt cả nhiều tháng nay, áo quần nhàu nát, tiêu tụy. Cho dù có thiếu nhiều nét đặc biệt của dân Semitic, với bộ dạng như thế, tôi cũng đã dễ bị chú ý đến lắm rồi. Tôi rẽ sang một bên phố và đi tiếp. Tôi biết đi đâu bây giờ? Những người tôi quen biết duy nhất trong khu lân cận là nhà Boldok sống ở phố Narbutt. Tôi căng thẳng đến mức đi lạc đường mặc dù tôi vốn từng biết khu này rất rõ. Mất gần một giờ lang thang qua các đường phố nhỏ, tôi mới tới đích. Tôi lưỡng lự rất lâu rồi mới bấm chuông, hy vọng tìm được chỗ trú tạm, vì tôi quá hiểu sự có mặt của tôi sẽ đem lại nguy hiểm cho các bạn đến chừng nào. Nếu chúng tìm thấy tôi, họ cũng sẽ bị bắn. Song tôi không còn chọn lựa nào khác nữa. Ngay lúc họ vừa mở cửa, tôi liền cam đoan là sẽ không ở lại lâu, tôi chỉ muốn gọi vài cú điện thoại xem có thể tìm được nơi ẩn náu mới, lâu dài hay không mà thôi. Nhưng các cú điện thoại của tôi không thành. Vài người bạn không thể nhận tôi, những người khác không thể ra khỏi nhà vì hôm ấy tổ chức của chúng tôi vừa tấn công một trong những ngân hàng lớn nhất ở Warsaw và toàn bộ trung tâm thành phố đang bị cảnh sát bao vây. Thấy vậy, vợ chồng kỹ sư Boldok quyết định để tôi nằm ngủ trong căn hộ trống ở tầng thấp hơn mà họ giữ chìa khoá. Sáng hôm sau, Zbigniew Jaworski đồng nghiệp cũ của tôi ở đài phát thanh tới. Anh đến đón tôi lại nhà anh ở vài ngày.

Thế là tôi lại an toàn trong nhà những người tốt bụng, chỉ mong muốn điều tốt cho tôi! Đêm hôm ấy tôi tắm rửa, rồi ăn một bữa tối ngon tuyệt vời với rượu snap tuy không may nó chẳng tốt gì cho lá gan của tôi. Dù vậy, không khí thân mật và nhất là được trò chuyện cởi mở sau nhiều tháng buộc phải câm lặng, tôi vẫn dự tính phải rời các chủ nhân hiếu khách này càng sớm càng tốt, vì sợ gây nguy hiểm cho họ, dù rằng chị Zofia và bà mẹ can đảm của chị, bà Bobrownicka, đã bảy mươi tuổi, giục tôi cứ ở lại với họ nếu cần.

Trong khi đó những toan tính tìm nơi ẩn náu mới của tôi đều thất bại. Tôi bị từ chối ở mọi phía, người ta sợ chứa chấp một người Do Thái, hơn nữa đã có lệnh hể vi phạm là bị tử hình. Tôi đang thất vọng hơn bao giờ hết thì lại một lần nữa, ý trời lại đến giúp tôi vào lúc cuối cùng. Lần này là bà Helina Lewicka, chị dâu của chị Jaworska. Trước kia chúng tôi không quen nhau, và đây là lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau, nhưng khi nghe những gì tôi đã trải qua, chị lập tức đồng ý nhận đón tôi. Chị ứa nước mắt vì hoàn cảnh khó khăn của tôi, mặc dù cuộc sống của chị cũng chẳng dễ dàng gì, và chị có nhiều lý do để thương xót cho số phận của bạn bè, họ hàng bà con của chị.

Ngày 21 tháng Tám, sau đêm cuối cùng ở nhà Jaworski, trong lúc bọn Gestapo đang lùng sục khắp khu vực lân cận làm mọi người bắn khoăn và lo âu, tôi chuyển đến một khu nhà lớn ở Aleija Niepodleglosci, có căn hộ độc thân rộng rãi ở tầng bốn, đi thẳng từ cầu thang vào. Đây là nơi trú ẩn cuối cùng của tôi trước khi có cuộc nổi dậy của Ba Lan và Warsaw bị phá huỷ trọn vẹn. Căn hộ có đèn điện và gaz, nhưng không có nước, phải lấy nước từ vòi công cộng đầu cầu thang, và nhà vệ sinh công cộng cũng ở đấy. Hàng xóm của tôi đều là dân trí thức, thuộc tầng lớp cao hơn những người thuê nhà ở phố Pulawska. Ngay sát phòng tôi là một cặp vợ chồng hoạt động bí mật, họ đã bỏ trốn và không ngủ ở nhà. Thực tế này cũng gây cho tôi không ít rủi ro, nhưng tôi thấy thà có hàng xóm như thế còn hơn là những người Ba lan được giáo dục nửa vời, trung thành với chủ và có thể giao nộp tôi vì sợ hãi. Những ngôi nhà gần đó phần lớn bị bọn Đức và các cấp trong quân đội chiếm đóng. Một bệnh viện lớn chưa làm xong có mấy nhà kho đối diện với cửa sổ phòng tôi. Ngày nào tôi cũng nhìn thấy các tù nhân Bolsevich khuân các thùng nặng vào ra. Lần này tôi ở ngay trong khu vực toàn Đức của Warsaw, ngay trong hang sư tử, vì thế có lẽ nó trở thành an toàn hơn, tốt hơn cho tôi.

Tôi sẽ cảm thấy hạnh phúc hoàn toàn ở nơi trú ẩn mới, nếu sức khỏe của tôi không bị suy sụp nhanh đến thế. Bộ gan gây cho tôi lắm chuyện rắc rối, và cuối cùng, vào đầu tháng Chạp, tôi phải chịu một trận đau đến nỗi tôi phải vận dụng hết sức lực để khỏi hét tướng lên. Cơn đau kéo dài suốt đêm, Helena Lewicka mời bác sĩ đến, ông ta chẩn đoán tôi bị viêm mật cấp tính và khuyến cáo tôi phải ăn kiêng nghiêm ngặt. Ơn trời, lần này tôi không bị một kẻ như Szalas chăm sóc, mà được Helena, một trong những phụ nữ tử tế nhất, quên mình nhất trông nom.

Được chị giúp đỡ, tôi hồi phục dần.

Tôi bước vào năm 1944 như thế đấy.

Tôi đã làm mọi thứ để sống bình thường nhất. Sáng sáng, từ chín giờ đến mười giờ, tôi học tiếng Anh, đọc sách từ mười một giờ đến một giờ chiều, làm bữa trưa và đến ba giờ cho tới bảy giờ, tôi lại trở về với tiếng Anh.

Trong thời gian đó, Đức trải qua hết thất bại này đến thất bại khác. Tin đồn về những cuộc phản công đã ngừng từ lâu. Chúng gọi đấy là “cuộc rút lui có chiến lược” ở khắp các mặt trận, báo chí miêu tả đó là sự từ bỏ các khu vực không quan trọng để rút ngắn chiến tuyến tạo thuận lợi cho người Đức. Tuy nhiên, bất chấp những thất bại của chúng ở mặt trận, sự kinh hoàng lan rộng trong các đất nước chúng chiếm đóng vẫn một ngày một tăng lên. Những cuộc hành hình công khai trên đường phố Warsaw bắt đầu vào mùa thu và xảy ra hàng ngày. Như mọi khi, với phương pháp giải quyết mọi thứ có hệ thống, chúng vẫn có thời gian phá huỷ các công trình của ghetto, lúc này là “tẩy rửa” dân chúng trong đó. Chúng phá hết nhà này đến nhà khác, phố này đến phố khác, chở gạch và đá vụn ra khỏi thành phố bằng đường sắt. Bọn “chủ nhân thế giới” cảm thấy cuộc khởi nghĩa của người Do Thái đã xúc phạm danh dự của bọn chúng và quyết không để lại một hòn đá nguyên vẹn.

Ngay từ hồi đầu năm, một sự kiện hoàn toàn bất ngờ đã khuấy động những ngày tháng đơn điệu của tôi. Một hôm, có một người nào đó cố lách qua cửa, làm thế rất lâu, chậm rãi, quyết tâm, chốc chốc lại ngừng. Lúc đầu tôi không biết đấy là chuyện gì. Nghĩ mãi tôi mới hiểu hẳn là một tên đào tường khoét vách. Hẳn gây nên một sự rắc rối. Trước pháp luật, cả hai chúng tôi đều là kẻ tội phạm, tôi là người Do Thái về mặt thực thể sinh học, còn hẳn là một tên trộm. Liệu tôi có nên dọa báo cảnh sát khi hẳn vào được trong nhà không? Hay hẳn có thể cũng dọa lại tôi như thế? Chúng tôi nên giao nộp nhau cho cảnh sát hay lập hoà ước không gây hẳn giữa các tội phạm? Cuối cùng hẳn không đột nhập vào được vì một người thuê nhà đã phát hiện ra hẳn và đuổi hẳn đi.

Chiều ngày 6 tháng Sáu năm 1944, Helena Lewicka đến thăm tôi. Chị tươi cười mang đến tin Mỹ và Anh đã đổ bộ vào Normandie, họ đã bẻ gãy được sự kháng cự của Đức và tiến lên. Lúc này nhiều tin tốt lành lạ thường đến dồn dập. Pháp đã chiếm lại được, Italy đang bị bao vây, Hồng quân đã đến sát biên giới Ba Lan, Lublin đã được giải phóng.

Các cuộc oanh kích của không quân Xô viết trên bầu trời Warsaw ngày càng thường xuyên hơn. Nhìn qua cửa sổ, tôi có thể thấy nhiều đám cháy, những tiếng gầm ở phía Đông, lúc đầu hầu như nghe không rõ, sau mạnh dần, mạnh dần: đó là pháo binh Xô viết. Bọn Đức rút khỏi Warsaw, chúng mang theo những thứ cất trong bệnh viện đang xây dở dang đối diện. Tôi quan sát, đầy hy vọng và niềm tin trong lòng tôi cứ lớn dần, rằng tôi sẽ sống, sẽ tự do. Ngày 29 tháng

Bây, Lewicki sộc vào với tin cuộc khởi nghĩa ở Warsaw sẽ bắt đầu vào bất cứ lúc nào. Các tổ chức của chúng tôi vội mua vũ khí của những kẻ rút chạy, những tên lính Đức mất tinh thần. Việc mua súng được giao cho ông chủ không-bao-giờ-quên của tôi ở phố Falat, anh Zbigniew Jaworski. Rủi thay anh gặp một số người Ukraine, chúng còn tệ hơn cả bọn Đức. Lấy có giao số súng anh đã mua, chúng đưa anh và sân trường Cao đẳng Nông nghiệp, rồi bắn chết anh tại đó. Ngày 1 tháng Tám, Helena Lewicka ghé qua lúc bốn giờ chiều. Chị muốn đưa tôi xuống hầm vì cuộc khởi nghĩa sẽ bắt đầu trong một giờ nữa. Được bản năng đã cứu sống tôi nhiều lần mách bảo, tôi quyết cứ ở nguyên chỗ cũ. Nữ thần che chở cho tôi đành để tôi lại, nước mắt giàn dụa như tôi là con trai của chị. Với giọng nói trù mẩn, chị hỏi:

- Chúng ta sẽ gặp lại nhau chứ, Wladek?

Chương 14

Trong ngôi nhà cháy

Mặc dù Helena cam đoan rằng cuộc khởi nghĩa sẽ bắt đầu vào lúc năm giờ, chỉ còn vài phút nữa thôi, tôi vẫn không tin nổi. Trong những năm chiếm đóng, nhiều tin đồn có tính chính trị lan khắp thành phố, công bố những sự kiện chẳng bao giờ xảy ra. Cuộc rút khỏi Warsaw của quân Đức – tôi có thể quan sát từ cửa sổ - những chiếc xe tải quá tải và xe tư nhân hoảng hốt chạy về hướng Tây đã dừng trong mấy ngày qua. Tiếng pháo kích của Hồng quân mấy đêm trước gần như thế, nay cũng xa thành phố hơn và yếu dần.

Tôi đến bên cửa sổ, sự yên ả lại bao trùm thành phố. Tôi thấy người đi bộ, xe cộ qua lại bình thường, có lẽ thưa hơn mọi khi, nhưng ở khu vực Aleja Niepodleglosci chưa bao giờ quá náo nhiệt. Một chiếc tàu điện chạy từ trường đại học kỹ thuật xuống phố, đậu ở trạm xe. Tàu gần như vắng tanh. Vài người xuống tàu: vài người đàn bà, một ông già chống gậy. Rồi ba thanh niên cũng xuống, mang theo thứ gì dài dài quấn trong giấy báo. Họ dừng lại bên ngoài toa thứ nhất, một người nhìn đồng hồ đeo tay, rồi liếc nhìn quanh và đột ngột quỳ xuống đường phố, đặt cái gói lên vai rồi một loạt tiếng lách cách vang lên rất nhanh. Rồi tờ báo ở cuối cái gói bắt đầu lấp lánh, lộ ra một cái đuôi của khẩu súng máy. Đồng thời hai thanh niên kia cũng đặt vũ khí của mình lên vai và tỏ ra bồn chồn.

Tiếng súng của người thanh niên như một tín hiệu cho cả khu vực chung quanh, ngay sau đó tiếng súng nổ ròn rã khắp nơi, khi tiếng súng ở vùng phụ cận tắt, có thể nghe tiếng súng ở khu trung tâm thành phố. Tiếng nổ liên nầu, không bao giờ ngừng, như tiếng nước sôi trong một cái ấm khổng lồ. Như thế đường phố đã bị quét sạch sẽ. Chỉ có ông già vẫn còn vội vã, lúng túng với cái gậy, thở hổn hển, ông ta khó mà chạy được. Cuối cùng ông lão cũng đến được cổng một ngôi nhà và biến vào trong.

Tôi tiến đến cánh cửa và áp tai vào gỗ. Có sự chuyển động bối rối ở đầu cầu thang và bên trên bậc. Cửa bật mở rồi lại đóng đánh sầm, dân chúng chạy tóe ra mọi hướng. Một phụ nữ gào lên:

- Chúa ơi! Đức Mẹ ơi!

Một người khác trên bậc thang gọi:

- Cẩn thận đấy Jerzy!

Tiếng trả lời ở tầng dưới:

- Vâng, không sao ạ.

Lúc này đám phụ nữ khóc thút thít, một người không kìm nổi khóc oà lên. Một giọng nói trầm

trầm cổ đồ dành chị ta, nói khẽ:

- Sẽ không lâu đâu, vả lại, ai cũng mong chuyện này mà.

Lần này tiên đoán của Helena Lewicka đã đúng, cuộc nổi dậy đã bắt đầu.

Tôi nằm trên sofa nghĩ xem phải làm gì.

Lúc ra đi, chị Lewicka đã nhốt tôi lại như thường lệ, chị dùng chìa và ổ khóa. Tôi trở lại bên cửa sổ. Nhiều tốp lính Đức đứng trên ngưỡng cửa các ngôi nhà, nhiều tên khác từ hướng Pole Motokowskie đến nhập bọn với chúng. Chúng vũ trang súng bán tự động, đội mũ sắt, lựu đạn dắt trên thắt lưng. Trên phần đường phố của chúng tôi, trận đánh không tiếp tục nữa. Bọn Đức thỉnh thoảng mới bắn, nhưng chỉ bắn vào các cửa sổ hoặc bắn những người nhìn qua cửa. không có tiếng súng bắn trả. Chỉ đến lúc bọn Đức đến góc phố 6 tháng Tám, họ mới bắn từ hai phía, trường kỹ thuật và góc phố đối diện, thẳng tới những “phễu lọc”, nhà máy lọc nước của thành phố. Có lẽ tôi có thể tìm các vào được trung tâm thành phố bằng lối sau của ngôi nhà và đến thẳng nhà máy nước, nhưng tôi không có vũ khí, lại bị khóa kỹ. Nếu tôi đập vào cánh cửa, liệu những người hàng xóm có chú ý không, nhất là lúc này họ đang bận việc riêng của họ? Và lúc đó tôi phải đến chỗ bạn của Helena Lewicka, người duy nhất trong ngôi nhà biết tôi trốn ở trong phòng này. Chị ấy giữ chìa khoá để vạn nhất xảy ra chuyện không may, chị có thể mở khoá đưa tôi ra ngoài. Tôi quyết định đợi đến sáng và xem lúc đó sẽ làm gì, tùy thuộc vào điều đang diễn ra lúc này.

Lúc đó có thêm nhiều tiếng súng, tiếng súng trường rải rác cùng tiếng lựu đạn to hơn, đánh dòn, hay biết đâu cả pháo binh cũng tham chiến và tôi đang nghe những quả đạn pháo nổ. Đến tối, khi bóng đêm buông xuống, tôi nhìn thấy ánh lửa của những đám cháy đầu tiên, ánh lửa hồng vẫn còn hiếm hoi, chiếu sáng rực đỏ đây trên nền trời. Chúng sáng rực lên rồi tắt dần. Dần dần tiếng súng dịu đi. Chỉ thỉnh thoảng mới nghe thấy những tiếng nổ lẻ loi, và tiếng súng máy lách cách ngắt gợn. Hoạt động trên cầu thang của ngôi nhà cũng tắt, rõ ràng là những người thuê nhà đã lui vào phòng thủ trong nhà của họ, thăm thía những ấn tượng của ngày đầu tiên nổi dậy. Đêm đã khuya, tôi ngủ thiếp đi mà không cởi quần áo, và ngủ rất say vì quá mệt mỏi và căng thẳng.

Gần sáng, tôi bỗng giật mình thức giấc. Hãy còn rất sớm. Hãy còn tranh tối tranh sáng. Tiếng động đầu tiên tôi nghe thấy là tiếng một chiếc xe ngựa chạy trên đường phố. Tôi đến bên cửa sổ. Chiếc xe chạy nước kiệu, ung dung trên đường, mui xe hất về phía sau như không có chuyện gì xảy ra cả. Đường phố vắng vẻ chỉ trừ một người đàn ông và một người đàn bà đi trên vỉa hè ngay phía dưới cửa sổ phòng tôi, tay giơ lên trời. Từ chỗ tôi đứng, tôi có thể trông thấy bọn Đức đang áp giải họ. Bỗng cả hai nhào về phía trước và bắt đầu chạy. Tiếng người phụ nữ kêu to:

- Trái! Rẽ về phía trái!

Người đàn ông rẽ sang một bên là người đầu tiên khuất khỏi tầm mắt của tôi. Đúng lúc ấy có một tràng tiếng súng, người phụ nữ dừng lại, ôm bụng, rồi nhẹ nhàng ngã xuống đất như một cái bao, chân chị gập lại dưới thân người. Chị không ngã thật sự mà như hạ dần dần xuống trên đôi đầu gối, gò má phải đặt trên lớp nhựa trải đường, chị giữ nguyên tư thế rắc rối và điêu luyện ấy. Trời càng sáng rõ, tôi càng nghe thấy nhiều tiếng súng hơn. Lúc mặt trời đã lên cao, bầu trời rất trong trẻo của những ngày này, toàn thành phố Warsaw vang tiếng súng, có cả tiếng pháo hạng nặng hoà lẫn vào ngày càng một mau hơn.

Khoảng giữa trưa, bạn chị Lewicka lên phòng tôi mang theo ít đồ ăn và tin tức cho tôi. Chẳng có tin tốt lành gì về khu phố của chúng tôi, nó hầu như rơi vào tay bọn Đức ngay từ đầu, nơi đó chỉ là khởi điểm cho các tổ chức kháng chiến dẹp đường xuyên đến trung tâm thành phố lúc bắt đầu cuộc khởi nghĩa. Bây giờ đừng có mà liều mạng đi ra khỏi nhà. Chúng tôi phải đợi đến lúc các đoàn quân từ thành phố về giải cứu.

- Nhưng tôi có thể lên ra bằng cách nào đấy – tôi phản đối.

Chị ném cho tôi một cái nhìn thương cảm:

- Nghe này, cậu đã không ra ngoài từ một năm rưỡi nay rồi! Chân cậu sẽ rời ra trước khi cậu đi được nửa quãng đường – Chị lắc đầu, cầm tay tôi và dịu dàng nói thêm – Tốt nhất là cậu cứ ở đây, chúng ta sẽ tìm xem có cách nào không.

Bất chấp mọi sự, tinh thần của chị rất hăng hái. Chị đưa tôi đến bên cửa sổ trong cầu thang, từ đây có thể nhìn thấy một bên ngôi nhà đối diện với cửa sổ phòng tôi. Toàn bộ khu nhà nằm trên bất động sản Staszic, bên phải nhà máy nước, chìm trong lửa. Có thể nghe thấy tiếng xì xì của những thanh rầm đang cháy, tiếng trần sập, tiếng người la hét và tiếng súng. Một màn khói nâu đỏ che kín bầu trời. Lúc gió thổi tạt khói sang một bên, có thể nhìn thấy những lá cờ đỏ và trắng ở đằng chân trời xa xa.

Nhiều ngày trôi qua. Không có sự cứu viện nào từ trung tâm thành phố. Nhiều năm qua, lúc này tôi đã quen với cảnh trốn tránh mọi người trừ một nhóm bạn bè biết tôi còn sống và đang ở đâu. Tôi không thể khơi khơi ra khỏi căn phòng, để những người khác trong nhà biết tôi ở đây và tham gia sinh hoạt cộng đồng với họ trong những căn hộ bị vây hãm. Biết có tôi chỉ làm cho cuộc sống của họ thêm khốn khổ hơn, nếu bọn Đức phát hiện ra là họ che giấu một người không phải là dân Aryan trong nhà, họ sẽ bị trừng phạt gay gắt gấp đôi. Tôi quyết định nghe trộm những câu chuyện trên đầu cầu thang. Tin tức chẳng khá hơn: các trận đánh diễn ra ở trung tâm thành phố ngày càng ác liệt, không được bên ngoài Warsaw trợ giúp và nỗi sợ Đức đang lớn dần trong khu chúng tôi. Trên phố Langiewicz, bọn Ukraina đã để dân chúng chết cháy trong nhà, chúng còn bắn chết cư dân trong các khu khác. Nghệ sĩ nổi tiếng Mariuz

Mszynski bị sát hại gần khu vực này.

Người hàng xóm tầng dưới không đến thăm tôi nữa. Có lẽ thảm kịch của một số gia đình đã đẩy tôi ra khỏi tâm trí chị. Lương thực dự trữ của tôi cạn dần, lúc này chẳng còn gì ngoài mấy mẩu bánh bít cốt.

Ngày 11 tháng Tám. Có thể nhận biết sự căng thẳng trong ngôi nhà tăng lên. Lắng nghe bên cửa, tôi có thể thấy được sự việc đang diễn ra. Những người thuê nhà ở tầng dưới đang nói chuyện cao giọng bỗng im hẳn. Nhìn qua cửa sổ, tôi thấy chốc chốc lại có một tốp người lên ra khỏi các nhà xung quanh và kín đáo đến ngôi nhà của chúng tôi. Sau đó họ ra về. Đến tối, các người thuê nhà ở tầng dưới bất ngờ chạy lên gác. Một vài người chạy tận lên tầng của tôi. Tôi nghe thấy những tiếng xì xào sợ hãi nói rằng có bọn Ukraina trong nhà. Tuy vậy, lần này chúng không đến tàn sát chúng tôi. Chúng bận bịu gì đó ở dưới hầm, khiêng các thứ tàng trữ ở dưới đó lên rồi biến mất. Tối hôm đó tôi nghe thấy tiếng chìa khóa xoay xoay trong ổ khóa móc phòng tôi. Có ai đó mở khóa và lấy cái ổ khoá đi, nhưng không vào phòng, tiếng chân chạy nhanh xuống cầu thang. Như thế nghĩa là gì? Hôm ấy đường phố đầy truyền đơn. Có người đã rải chúng, nhưng là ai?

Ngày 12 tháng Tám, khoảng ban trưa, sự sợ hãi hốt hoảng lại bùng lên ở cầu thang một lần nữa. Những người quần trí chạy lên chạy xuống. Qua những mẩu chuyện, tôi đoán ngôi nhà này bị bọn Đức bao vây và phải di tản ngay lập tức vì bọn pháo binh sắp đến bắn phá. Phản ứng đầu tiên của tôi là mặc quần áo, nhưng ngay sau đó tôi nhận ra rằng tôi không thể ra phố, khơi khơi trước mắt bọn SS trù phi muốn bị bắn chết ngay tại chỗ. Tôi nghe thấy tiếng súng trên đường phố, một giọng lạnh lạnh, cao vút, không tự nhiên kêu lên:

- Tất cả mọi người ra khỏi nhà! Ra ngoài ngay lập tức!

Tôi liếc nhìn ra cầu thang, im lặng và vắng vẻ. Tôi bò xuống nửa cầu thang, đến bên cửa sổ và nhìn ra phố Sedziowska. Một chiếc xe tăng đang chĩa súng vào tầng của tôi. Ngay sau đó có tiếng nổ, khẩu súng giật về phía sau, tiếng ầm ầm và bức tường gần đó đổ sập xuống. Lính tráng tay áo xắn cao, hộp sắt tây trong tay, đang chạy quanh. Những cuộn khói đen đặc bốc lên từ bên ngoài bức tường của ngôi nhà, lọt vào cầu thang, từ tầng dưới cùng lên tận tầng bốn của tôi. Vài tên SS chạy vào nhà và chạy vội lên cầu thang. Tôi nấp trong phòng, đổ ra lòng bàn tay những viên thuốc ngủ cực mạnh trong cái ống thuốc nhỏ, tôi vẫn hay uống chúng mỗi khi lên cơn đau gan, và để lọ thuốc sẵn trong tầm tay. Tôi định sẽ nuốt những viên thuốc ngay khi bọn SS mở cửa phòng tôi. Nhưng ngay sau đó, bản năng mách bảo tôi rằng tôi khó mà phân tích tình hình sáng suốt, nên tôi quyết định thay đổi kế hoạch, tôi rời phòng, chạy tới cái thang bắc lên tầng áp mái, trèo lên rồi rút thang lên theo, sập cái cửa lật của tầng áp mái lại sau tôi. Trong lúc đó bọn Đức đang lấy báng súng đập cửa tầng ba. Một tên trong bọn lên tầng bốn và vào

phòng tôi. Song chắc là các bạn của hẳn nghĩ rằng ở lại lâu trong ngôi nhà này khá nguy hiểm nên gọi hẳn:

- Đi thôi, Fischke!

Khi tiếng dậm ầm ầm bên dưới xa dần, tôi bò ra khỏi tầng áp mái, tôi suýt ngạt thở vì khói từ các căn hộ tầng dưới chui qua các lỗ thông hơi vào phòng tôi. Tôi mong chỉ có các căn hộ ở tầng trệt bị cháy, và các người thuê nhà sẽ trở về ngay sau khi được kiểm tra giấy tờ xong. Tôi nhặt một cuốn sách, nằm thoải mái trên sofa và đọc, nhưng không hiểu một chữ nào. Tôi đặt sách xuống, nhắm mắt lại và quyết định đợi cho đến lúc có tiếng người ở đâu đó gần tôi.

Tôi không dám liếc ra đầu cầu thang một lần nữa, cho đến lúc chạng vạng tối. Lúc này phòng tôi đầy khói, ánh hồng của đám cháy bên ngoài hắt qua cửa sổ chiếu vào phòng. Khói trên cầu thang dày đặc đến nỗi không thể nhìn thấy chân song. Các tầng bên dưới cháy càng mạnh, tiếng nổ lộp bộp càng to cùng với tiếng gỗ nứt lách tách, tiếng đồ vật rơi vỡ loảng xoảng. Lúc này không thể dùng cầu thang được nữa. Tôi đến bên cửa sổ. Ngôi nhà bị một hàng rào SS bao vây cách đó một khoảng. Không một bóng thường dân trong tầm nhìn. Chắc chắn là lúc này, cả ngôi nhà đang bốc cháy, và bọn Đức chỉ đợi cho ngọn lửa lan lên đến tầng trên cùng và mái nhà bằng gỗ.

Thế là cuối cùng cái chết của tôi sẽ là như thế này đây, cái chết tôi đã đợi suốt năm năm trời, cái chết tôi đã thoát hết ngày này sang ngày khác, cuối cùng nó đã chớp được tôi. Tôi vẫn thử hình dung ra nó. Tôi đã nghĩ sẽ bị bắt, bị ngược đãi, rồi bị bắn hoặc chết trong phòng hơi ngạt. Chưa bao giờ tôi nghĩ đến bị thiêu cháy lúc còn sống.

Tôi phải cười nhạo sự khéo léo của số phận. Lúc này tôi hoàn toàn bình tĩnh, sự bình tĩnh xuất hiện từ lòng tin rằng tôi chẳng thể làm gì để thay đổi được diễn biến các sự kiện. Tôi liếc nhìn khắp căn phòng, các đường nét của nó hiện mờ mờ vì khói mỗi lúc một dày đặc hơn, trông nó lạ lùng và huyền bí trong ánh chiều đang sập dần. Mỗi lúc tôi càng cảm thấy khó thở hơn. Tôi thấy choáng váng, và một âm thanh ào qua đầu – tác động đầu tiên của chất độc cacbonmonoxide.

Tôi lại nằm xuống ghế sofa, tại sao tôi lại để cho mình bị thiêu sống trong lúc có thể tránh bằng thuốc ngủ? Cái chết của tôi mới nhẹ nhàng biết bao so với cha mẹ tôi, anh chị tôi bị chết vì hơi ngạt ở Treblinka! Trong những khoảnh khắc cuối cùng này, tôi chỉ cố nghĩ đến họ mà thôi.

Tôi tìm thấy ống đựng thuốc ngủ, dốc tuột vào miệng và nuốt. Tôi định uống cả thuốc phiện cho cái chết đến thật trọn vẹn, nhưng không đủ thời gian. Thuốc ngủ có hiệu lực ngay tức khắc trong cái dạ dày trống rỗng, đói khát của tôi.

Tôi ngủ thiếp đi.

Chương 15

Sự kết liễu của một thành phố

Tôi không chết. Sau rốt thì các viên thuốc ngủ không đủ mạnh. Bảy giờ sáng hôm sau tôi tỉnh dậy, cảm thấy buồn nôn ghê gớm. Có tiếng ù ù bên tai, mạch máu bên thái dương đập rần rật, đau đốn, mắt tôi lờ lờ khỏi hốc, và chân tay tôi đờ đẫn, tê dại. Chính cái cảm giác ngửa ngửa trong cổ họng làm tôi tỉnh thật sự. một con ruồi đang bò trên cổ tôi, nó cũng đờ đẫn, nửa sống nửa chết như tôi vì những sự kiện xảy ra ban đêm. Tôi phải cố hết sức tập trung động đậy hai bàn tay và xua nó đi.

Cảm giác đầu tiên của tôi không phải là thất vọng vì thấy mình chưa chết, mà vui mừng thấy mình còn sống. Một sự khát sống mãnh liệt, rất tự nhiên bằng bất cứ giá nào. Tôi đã sống một đêm trong một ngôi nhà đang bốc cháy, lúc này điều cơ bản là phải tự cứu lấy mình bằng bất cứ giá nào.

Tôi nằm yên một lát để phục hồi các giác quan thêm chút nữa rồi tụt khỏi sofa và bò ra khỏi cửa. Căn phòng vẫn đầy khói, và lúc vội được quả nắm cửa, nó nóng đến mức tôi vội buông tay ra ngay. Thử lần thứ hai, tôi kiềm chế được nỗi đau và mở ra được. Lúc này trên cầu thang đỡ khói hơn trong phòng tôi, vì thế có thể dễ dàng tìm đường qua các khe hở cháy đen của những cửa sổ cao ở đầu cầu thang. Tôi nhìn thấy những bậc thang và có thể bò xuống được.

Thu hết sức mạnh của ý chí, tôi gượng đứng dậy, nắm lấy các chấn song và bắt đầu đi xuống. Tầng dưới bị cháy hết, ngọn lửa ở nơi ấy đã tàn. Các khung cửa còn hơn ngún, xa xa các căn phòng mờ mờ vì hơi nóng. Tàn dư của đồ gỗ và các đồ đạc khác vẫn âm ỉ trên sàn, để lại những đồng tro màu trắng. Ánh hồng đang tàn dần.

Lúc xuống đến tầng thứ nhất, tôi thấy xác một người đàn ông cháy đen nằm vắt trên bậc, quần áo biến thành than, cái xác màu nâu và sưng phù rất khủng khiếp. Dù thế nào nữa, tôi cũng phải đi qua. Tôi tưởng rằng mình đủ sức nhấc chân cao qua khỏi cái xác, nhưng ngay lần thử đầu tiên, bàn chân tôi đã dẫm phải vào bụng xác chết, và tôi bị vấp, mất thăng bằng, ngã lộn nhào nửa người trên sàn cùng với cái xác cháy thành than. May là lúc này cái xác ở đằng sau tôi, tôi có thể đứng dậy và đi xuống tiếp tầng trệt. Tôi bước ra sân được bao quanh bằng bức tường nhỏ phủ đầy dây leo. Tôi lê đến bức tường và chúi vào một hốc tường trong góc, cách ngôi nhà đang cháy khoảng hai mét, nguy trang cho mình bởi những dây leo, lá, và những thân cây cà chua mọc trong sân.

Cuộc bắn giết vẫn chưa dừng. Đạn vẫn bay vèo vèo qua đầu tôi, và tôi nghe thấy tiếng Đức rất

gần tôi, ở phía bên kia của bức tường. Tiếng nói của bọn đàn ông đang đi trên vỉa hè bên tường. Khoảng tối, nhiều kẻ nứt xuất hiện trên bức tường ngôi nhà đang cháy. Nếu nhà sập, tôi sẽ bị chôn vùi dưới nó. Song tôi đợi đến lúc trời tối hẳn và hồi phục lại sức lực sau trận ngộ độc đêm trước, rồi mới đi tiếp. Tôi trở lại cầu thang trong bóng tối, nhưng không dám trèo lên nữa. Bên trong ngôi nhà vẫn đang cháy, và ngọn lửa có thể lên đến tầng bốn bất cứ lúc nào. Suy nghĩ một cách chật vật, tôi vạch ra một kế hoạch khác, ngôi nhà khổng lồ, cái bệnh viện xây chưa xong nơi bọn Đức giữ làm nhà kho ở bên kia phố Aleja Niepodleglosci. Tôi sẽ cố đến đấy.

Tôi ra phố qua một lối khác, dù lúc này là chiều tối, trời vẫn chưa thật sự tối hẳn. Những đám cháy vẫn chiếu ánh sáng hết bề rộng con đường. Lòng đường đầy những xác, và người phụ nữ tôi nhìn thấy bị giết vào ngày thứ hai của cuộc nổi dậy vẫn nằm đó, lẫn trong đồng xác. Tôi nằm sấp xuống và bắt đầu bò đến bệnh viện. Bọn Đức đi qua không ngừng, một mình hoặc từng nhóm, và những lúc ấy tôi không nhúc nhích, giả vờ làm một cái xác. Mùi thối rữa từ các xác chết bốc lên nồng nặc, hoà với mùi khói từ các đám cháy toả trong không khí. Tôi cố bò nhanh hết sức, nhưng con đường hình như rộng vô tận, và chẳng bao giờ tới được. Cuối cùng tôi cũng bò đến được bệnh viện tối tăm. Tôi lê qua lối vào đầu tiên nhìn thấy, rồi đổ sụp xuống sàn và thiếp ngủ gần như ngay lập tức.

Sáng hôm sau tôi quyết định thám thính nơi này. Tôi hơi hoảng khi thấy ngôi nhà đầy những sofa, thảm, nệm, xô chậu, xoong chảo, đồ gốm sứ, nhiều thứ vật dụng hàng ngày. Có nghĩa là bọn Đức sẽ quay trở lại đây thường xuyên. Tôi chẳng tìm thấy chút gì để ăn. Tôi phát hiện ra một phòng chứa những đồ vật kèn càng, đầy những ống thép cũ, bếp lò, ống nước. Tôi nằm xuống và ở suốt ngày hôm sau trong đó.

Ngày 15 tháng Tám theo cuốn lịch túi mà tôi giữ được, gần đây tôi đã đánh dấu cẩn thận hết ngày này sang ngày khác, tôi thấy không chịu nổi cơn đói và quyết định đi tìm đồ ăn, dù cho có xảy ra bất cứ chuyện gì. Vô hiệu quả. Tôi leo lên một ngưỡng cửa sổ và quan sát đường phố qua một kẽ nhỏ. Ruồi bu từng đàn trên các xác chết. Cách đấy không xa, ở góc phố Filtrowa có một biệt thự mà cư dân trong đó chưa bị đuổi ra khỏi nhà. Họ sống một cuộc đời bình thường đến lạ lùng, họ đang ngồi ngoài sân uống trà. Một biệt đội lính Wlassov do một tên sĩ quan SS chỉ huy đang đến phố 6 tháng Tám. Chúng thu nhặt các xác chết trên phố, chất thành đồng, tưới xăng và đốt. Đúng lúc ấy tôi nghe thấy tiếng bước chân trên con đường viền quanh bệnh viện. Tôi vội tụt khỏi cửa sổ và nấp vào sau một cái thùng to. Ngay sau đó cả một đội vào bệnh viện, lục soát hết phòng này sang phòng khác. Tuy vậy chúng không tìm ra chỗ nấp của tôi dù tôi nghe rõ tiếng chúng cười cợt, ca hát và huýt gió. Tôi còn nghe thấy cả câu hỏi chết người:

- Chúng ta đã lục soát hết tất cả mọi nơi chưa hả?

Hai ngày sau – và là năm ngày từ lúc tôi chưa có gì trong bụng – tôi lại cố tìm kiếm đồ ăn và

nước uống một lần nữa. Trong toà nhà không có vòi nước, nhưng có rất nhiều xô nước để rải rác khắp nơi để phòng hỏa hoạn. Nước trong xô phủ một lớp màn óng ánh đầy xác ruồi và nhện chết. Tôi uống lấy uống để nhưng phải thôi ngay vì nước bốc mùi hôi thối, và tôi không thể tránh khỏi nuốt phải lũ côn trùng đã chết kia. Sau đó tôi tìm được mấy mẩu bánh mì khô trong xưởng mộc. Chúng đã mốc meo, đầy bụi và cứt chuột, nhưng với tôi, chúng là cả một kho báu. Bác thợ mộc rưng rưng rằng nào đó sẽ không bao giờ biết đã cứu sống tôi khi bác cắt bỏ những mẩu bánh ấy.

Ngày 19 tháng Tám, bọn Đức lôi cư dân trong biệt thự ra khỏi nhà, dẫn đến phố Filtrowa, giữa những tiếng gào khóc và bắn chết hết. Lúc này tôi chỉ có một mình trong khu này của thành phố. Bọn SS đến chỗ tôi nấp càng ngày càng nhiều hơn. Tôi sẽ sống trong cảnh này được bao lâu nữa? Một tuần? Hai tuần? Sau đó tự tử là cách duy nhất để thoát lần nữa, nhưng lần này tôi không có phương tiện gì ngoài một lưỡi dao cạo. Tôi sẽ cắt động mạch. Trong một căn phòng, tôi tìm ra một ít lúa mạch và tôi nấu chúng trên cái bếp lò trong xưởng mộc, vào ban đêm, và thế là có cái ăn trong mấy ngày.

Ngày 30 tháng Tám, tôi quyết định trở lại đồng đồ nát của toà nhà trên đường, vì lúc này nó có vẻ như đã cháy hết. Tôi xách theo một bình nước của bệnh viện và lên ra phố lúc một giờ sáng. Lúc đầu tôi định xuống hầm, nhưng ở đó chứa đầy nhiên liệu, than cốc, và than vẫn còn đang âm ỉ cháy vì bọn Đức đã châm lửa thêm một lần nữa. Tôi trốn trong một căn hộ đồ nát ở tầng ba. Bồn tắm ở đó đầy ắp nước, nước tuy bẩn nhưng vẫn là nước. Ngọn lửa đã chữa lại cái tủ chứa thức ăn, và tôi tìm được một túi bánh bít cốt.

Một tuần sau, linh tính có điềm gở, tôi lại chuyển chỗ ở, bò lên tầng áp mái, hay nói đúng hơn là những tấm ván trần trụi của nó vì mái nhà đã bị cháy sập. Riêng ngày hôm đó bọn Ukraina đã vào ngôi nhà ba lần, lùng sục để cướp bóc trong những căn hộ chưa bị phá huỷ. Lúc chúng đi rồi, tôi xuống căn hộ tôi đã trốn tuần trước. Lửa chẳng tha thứ gì ngoài cái bếp lò lát gạch men, và bọn Ukraina đã đập tan hết viên gạch này đến viên gạch khác để tìm vàng.

Sáng hôm sau binh lính bao vây suốt phố Aleja Niepodlegosci. Dân chúng đeo túi trên lưng, các bà mẹ nắm chặt tay con bị đẩy vào bên trong hàng rào lính. Bọn SS và Ukraina lôi nhiều người đàn ông ra khỏi hàng và bắn chết họ trước mắt mọi người chẳng vì lý do gì hết, như chúng vẫn thường làm trong ghetto lúc nó còn tồn tại. Chẳng lẽ cuộc khởi nghĩa đã thất bại hay sao?

Không, ngày tiếp ngày, trọng pháo lại xé rách không khí, tạo ra âm thanh như tiếng con mòng bay – hoặc vì tôi ở quá gần nên nghe thấy âm thanh đó giống như tiếng đồng hồ cũ đang đánh chuông – sau đó là hàng loạt tiếng nổ rất to, nhịp nhàng vọng lên từ trung tâm thành phố.

Rồi đến 18 tháng Chín, các phi đội lượn trên bầu trời thành phố, thả đồ tiếp tế cho quân khởi nghĩa, tôi không biết là thả người hay các thứ quân dụng. Máy bay ném bom vào các khu của

Warsaw còn dưới quyền kiểm soát của Đức và vào ban đêm, thả dù xuống thành phố. Còn về phía Đông, pháo kích mỗi ngày một ác liệt hơn.

Nhưng đến ngày 5 tháng Mười, các đội quân khởi nghĩa bị đưa ra khỏi thành phố, bị bọn Đức bao vây. Một số mặc quân phục, một số đeo băng đỏ và trắng. Họ tạo thành một sự tương phản lạ lùng với các biệt đội Đức áp giải, chúng mặc những bộ quân phục hoàn hảo, được nuôi dưỡng đầy đủ và tự tin, chúng chế giễu cười nhạo cuộc nổi dậy thất bại trong lúc quay phim, và chụp ảnh những tù nhân mới của chúng. Quân khởi nghĩa đều gầy gò, bẩn thỉu, tả tơi và khó khăn lắm mới đứng vững nổi. Họ chẳng hề chú ý đến bọn Đức, hoàn toàn phớt lờ bọn chúng như thể họ chọn đi dọc phố Aleja Niepodleglosci là hoàn toàn do ý thích tự do của họ. Họ vẫn giữ được kỷ luật trong hàng ngũ, giúp đỡ những người đi đứng khó khăn, và không liếc nhìn các đồng đồ nát nhiều, mà vừa đi vừa nhìn thẳng về phía trước. Mặc dù cảnh tượng khốn khổ của họ bên cạnh bọn xâm lược, bạn vẫn cảm thấy họ không phải là kẻ chiến bại.

Sau đó cuộc di dời những cư dân còn lại ra khỏi thành phố thành những nhóm nhỏ kéo dài trong tám ngày liền. Giống như dòng máu chảy khỏi thân người bị giết hại, lúc đầu phun mạnh, sau chậm dần. Người cuối cùng ra đi là ngày 14 tháng Mười. Ánh chiều chạng vạng đã tắt từ lâu khi một nhóm nhỏ những người đi chậm chạp bị bọn SS thúc giục nhanh chân đi qua ngôi nhà nơi tôi trú ẩn. Tôi nhòai ra khỏi khung cửa sổ bị cháy nham nhở nhìn theo những dáng người vội vã, khom lưng dưới sức nặng của các gói, các bọc cho đến lúc bóng tối nuốt chửng họ.

Lúc này tôi chỉ còn lại một mình với một ít vụn bánh dưới đáy túi và mấy cái bồn tắm chứa nước bẩn, đây là toàn bộ số dự trữ của tôi. Tôi có thể cầm cự được bao lâu trong hoàn cảnh này? Mùa thu đang tới, ngày mỗi lúc mỗi ngắn dần và nỗi đe dọa của mùa đông đang đến?

Chương 16

Sống nhờ rượu mạnh

Tôi chỉ có một mình, không chỉ một mình trong ngôi nhà lẻ loi, mà trong cả một khu vực lẻ loi của thành phố. Hoàn toàn đơn độc trong một thành phố mà mới hai tháng trước có một triệu rưỡi dân và là một trong những thành phố giàu có của Châu Âu. Lúc này chỉ có những ống khói của những toà nhà cháy rụi chĩa thẳng lên trời, bom đạn chẳng chừa bức tường nào, một thành phố đầy những đồng đổ nát và tro tàn, bên dưới là những người thuộc nhiều thế kỷ văn hóa cổ xưa và xác hàng trăm ngàn nạn nhân bị sát hại, mùi hôi thối nồng nặc trong không khí. Chỉ ban ngày mới có người đến, những đám người lộn xộn ở bên ngoài thành phố, xéng vác lên vai, tản vào các tầng hầm tìm kiếm cướp bóc. Một trong số bọn chúng chọn ngôi nhà đổ nát của tôi. Chắc hẳn không tìm ra tôi ở đây, không ai phát hiện ra được tôi. Lúc hẳn xuất hiện ở cầu thang dưới chỗ tôi hai tầng, tôi găm lên hung hãn, giọng dọa dẫm:

- Có chuyện gì thế? Xéo ngay! Xéo!

Hắn vọt đi như một chú thỏ hoảng hốt, người cuối cùng của những kẻ cùng khổ, sợ cả tiếng nói của người bất hạnh cuối cùng còn sống sót ở nơi đây.

Cuối tháng Mười, nhìn từ tầng áp mái xuống, tôi thấy bọn Đức tóm được một trong nhóm trộm đạo này. Những tên trộm cố nói để thoát khỏi sự rắc rối. Tôi nghe thấy chúng nhắc đi nhắc lại:

- Từ Pruszków, từ Pruszków.

Và chỉ về phía Tây. Bọn lính bắt bốn người trong bọn đứng dựa vào bức tường và bắn, mặt họ rên rĩ, van lơn xin tha mạng. Bọn Đức bắt những người còn lại đào một cái hố trong vườn của một biệt thự, chôn những cái xác rồi bỏ đi. Sau chuyện đó, bọn trộm tránh xa khu vực này. Giờ đây tôi là người sống sót duy nhất ở chốn này.

Ngày mừng một tháng Mười Một, trời bắt đầu lạnh, nhất là ban đêm. Cố giữ cho khỏi điên vì bị cách ly, tôi quyết tuân theo một cuộc sống kỷ luật hết mức có thể. Tôi vẫn còn cái đồng hồ Omega trước chiến tranh, tôi giữ gìn như giữ con người trong mắt cùng cây bút máy. Chúng là của cải duy nhất còn lại của tôi. Tôi hết sức giữ gìn chiếc đồng hồ đã bị trầy xước, và nhờ nó, tôi lập được một thời khoá biểu cho mình. Tôi nằm bất động suốt ngày để giữ chút sức tàn, chỉ duỗi tay ra một lần vào ban trưa để nuôi sống bản thân bằng khẩu phần đạm bạc: một miếng bít cốt và một ca nước. Từ sáng sớm đến lúc ăn trưa, tôi chỉ nằm đó, nhắm nghiền mắt, ôn lại trong trí tất cả những bản nhạc tôi đã chơi từ quán bar này sang quán bar khác. Sau này, quá trình bồi bổ thần kinh kiểu này lại hoá ra có lợi: khi trở lại làm việc, tôi vẫn hiểu tiết mục của

tôi, hầu như tất cả vẫn còn nằm trong đầu như thể tôi vẫn hành nghề liên tục trong suốt thời gian chiến tranh. Rồi từ ban trưa đến chiều tối, tôi ôn lại một cách có hệ thống những cuốn sách tôi đã đọc, nhẩm lại các từ tiếng Anh. Tôi tự học tiếng Anh, đặt ra các câu hỏi và cố trả lời thật đúng, thật chi tiết.

Khi trời tối hẳn, tôi ngủ. Tôi thường thức giấc vào lúc một giờ sáng, và kiếm thứ để ăn nhờ ánh sáng của que diêm, tôi đã tìm được diêm trong một căn hộ chưa bị hư hỏng hoàn toàn. Tôi ghé vào các tầng hầm và các ống khói thành than trong các căn hộ, tìm được một ít bột yến mạch, nhiều mẫu bánh mì, ít bột mì ướt, nước trong các xô, bình, chậu. Tôi không biết đã bước qua cái xác cháy thành than trên thang lầu bao nhiêu lần trong những cuộc thám hiểm như thế này. Anh ta là người duy nhất có mặt không làm cho tôi sợ. Một hôm tôi tìm được một kho báu trong hầm: nửa lít rượu mạnh. Tôi quyết để dành đến cuối cuộc chiến tranh.

Ban ngày, lúc tôi nằm dài trên sàn, bọn Đức và Ukraina hay vào nhà lục soát và cướp phá. Mỗi cuộc đến thăm của chúng lại làm cho thần kinh của tôi căng thẳng, vì tôi rất sợ chúng tìm ra tôi và giết chết. Không hiểu vì sao chúng luôn để mặc tầng áp mái, dù tôi đã đếm được hơn ba chục cuộc đến thăm chớp nhoáng như thế.

Ngày 15 tháng Mười Một, bông tuyết đầu tiên rơi. Thời tiết lạnh lẽo ngày càng làm khổ tôi hơn dưới đồng giẻ rách tôi đã nhặt nhanh được khắp nơi để giữ ấm cho mình. Lúc này, buổi sáng khi thức giấc, tuyết đã phủ một lớp dày, trắng xoá, mềm mại. Tôi phải dọn giường trong góc nhà, dưới phần mái vẫn còn nguyên, nhưng rồi nó cũng bay nốt và tuyết từ từ ohía bay vào. Một hôm, tôi trải mảnh vải bên dưới một tấm cửa sổ vỡ và được một bữa ngắm mình trong gương không chuẩn bị trước kia. Thoạt đầu tôi không thể tin cái cảnh tượng gớm guốc tôi đang nhìn thấy lại là tôi: tóc tôi không cắt đã nhiều tháng, tôi không cạo râu, không tắm rửa. Mái tóc trên đầu rất dày, bết vào nhau, mặt tôi bị bộ râu đen xì, nặng trĩu phủ gần hết, và chỗ nào không có râu, da của tôi cũng đen xỉn. Mí mắt tôi đỏ lừ, và trên trán có một nốt mụn to, đóng vảy khô khốc.

Nhưng điều hành hạ tôi duy nhất là không biết tí gì hết về các diễn biến của những trận chiến đấu, cả ngoài mặt trận lẫn các cuộc nổi dậy. Cuộc khởi nghĩa ở Warsaw đã sụp xuống, tôi không ôm ấp nhiều ảo tưởng về điều này. Nhưng biết đâu vẫn có cuộc kháng cự bên ngoài thành phố, ở Praga bên bờ kia của sông Vistula chẳng hạn? Thỉnh thoảng tôi nghe pháo gầm và những quả đạn pháo nổ trong cảnh hoang phế điêu tàn rất gần chỗ tôi, vọng lên khắc nghiệt trong sự im lặng của các toà nhà cháy rụi. Còn những cuộc kháng chiến ở các nơi khác trên đất Ba Lan thì sao? Các đội quân Xô viết đang ở đâu? Đồng minh tấn công trên mặt trận phía Tây tới đâu rồi? Tôi sống hoặc chết tùy thuộc vào câu trả lời của những câu hỏi ấy, dẫu cho bọn Đức không tìm ra được nơi ẩn náu của tôi, thì tôi cũng sắp chết đến nơi rồi – không chết vì đói cũng chết vì rét.

Sau khi nhìn thấy hình ảnh phản chiếu của mình trong gương, tôi quyết định dùng chút ít nước để tắm, vào lúc nhóm lửa trên một trong những bếp lò còn nguyên vẹn để nấu bột yến mạch. Tôi đã khỗ sở vì không ăn thức ăn nóng gần bốn tháng nay. Nếu muốn tắm và nấu ăn, tôi phải rời khỏi nơi ẩn nấp vào ban ngày. Tôi vẫn chưa làm được cho đến lúc đã ở trên đầu cầu thang thì chợt để ý đến một tốp lính Đức đang dựng hàng rào bằng gỗ bên ngoài quân y viện. Song tôi phải làm ấm lòng bằng một chút cháo nóng nếu không tôi sẽ quy. Tôi cảm thấy ốm đến nơi nếu không cho một chút gì nóng vào bụng ngay lúc này, ngay ở đây.

Tôi đang bận bịu bên bếp lò thì nghe tiếng bọn SS rải chân trên cầu thang. Tôi vội rời căn hộ và chuồn lên tầng áp mái nhanh hết mức mà tôi có thể. Tôi đã làm được! Một lần nữa, bọn Đức chỉ đánh hơi quanh quất rồi bỏ đi. Tôi lại xuống bếp. Muốn nhóm được lửa, tôi phải dùng con dao rì cùn cạo những miếng vỏ bào từ một cánh cửa, và trong lúc làm tôi bị một cái dằm gỗ dài một centimet đâm vào dưới ngón tay cái bên phải. Cái dằm cứng và sâu đến mức không rút ra được. Tai nạn bé xiu này có thể gây ra nhiều hậu quả nguy hiểm: tôi không có thuốc khử trùng, lại đang sống giữa bao nhiêu thứ dơ dáy cho nên rất dễ nhiễm trùng máu. Sau khi thử nhìn sự việc theo một khía cạnh sáng sủa khác, và giả sử ngón tay tôi không bị liệt vì nhiễm trùng máu đi nữa, chỉ cần nó biến dạng là cũng đi đòi sự nghiệp nhạc sĩ dương cầm của tôi rồi, nếu tôi còn sống cho đến lúc chiến tranh kết thúc.

Tôi quyết đợi cho đến hôm sau và nếu cần, sẽ cắt qua móng tay bằng con dao cạo.

Tôi đang đứng rầu rĩ ngắm ngón tay cái thì lại nghe thấy tiếng chân. Tôi sợ cứng người và định lên tầng áp mái nhưng đã quá trễ. Tôi thấy mình đối mặt với một tên lính đội mũ sắt, mang khẩu súng trường. Trông mặt mũi hăn dờ dẩn, chẳng có vẻ gì tinh khôn cho lắm. Hăn hốt hoảng vì bắt gặp tôi ở đây một mình trong đồng đồ nát này, nhưng cố tỏ vẻ dọa dẫm. Bằng thứ tiếng Ba Lan ngọng nghịu, hăn hỏi tôi làm gì ở đây. Tôi nói hiện giờ tôi sống bên ngoài Warsaw và trở lại đây để tìm kiếm ít đồ dùng. Trông bộ dạng của tôi thì câu trả lời này thật đáng nực cười. Tên Đức chìa súng vào tôi và bảo tôi đi theo hăn. Tôi nói tôi sẽ đi, nhưng cái chết của tôi sẽ ám ảnh lương tâm hăn, và nếu để tôi lại đây, tôi sẽ cho hăn nửa lít rượu mạnh. Hăn có vẻ ưng thuận cái giá chuộc mạng này, nhưng nói rõ rằng hăn sẽ trở lại và tôi phải cho hăn nhiều rượu mạnh hơn nữa. Ngay lúc còn một mình, tôi trèo vội lên tầng áp mái, rút thang và đóng cánh cửa sập lại. Không còn ngờ gì nữa, mười lăm phút sau hăn trở lại thật, lần này hăn đi cùng với mấy tên khác và một tên hạ sĩ quan. Nghe tiếng bước chân của chúng, tôi trèo ra khỏi tầng áp mái lên chỗ nóc nhà còn nguyên, dốc đứng. Tôi nằm ép chặt bụng xuống, hai chân quắp cái ống máng. Nếu nó oằn và rời ra, ắt tôi sẽ tuột khỏi mái nhà và rớt từ tầng năm xuống đường phố bên dưới. Nhưng ống máng rất vững, và một ý nghĩ mới mẻ và thực sự ghê gớm: nơi ẩn náu thật đáng kể và tôi lại được cứu sống thêm một lần nữa. Bọn Đức tìm

kiếm khắp ngôi nhà, lật đổ bàn ghế, cuối cùng chúng leo cả lên tầng áp mái, nhưng không ngó lên mái nhà. Chắc chúng nghĩ không người nào có thể nằm trên đó. Chúng bỏ đi tay không, chửi bới om sòm và gọi tôi bằng đủ thứ tên.

Cuộc chạm trán với tên Đức làm tôi rất run, và tôi quyết định ban ngày sẽ nằm trên mái nhà, chỉ bò xuống tầng áp mái vào ban đêm. Lớp kim loại làm tôi lạnh thấu xương, tay chân tôi cứng lại, toàn thân đờ đẫn vì tư thế căng thẳng không thoải mái này. Nhưng tôi đã chịu đựng quá nhiều, nó cũng đáng để chịu đựng thêm một chút nữa dù một tuần sau tốp lính Đức biết tôi ẩn náu ở đâu đây mới xong công việc ở bệnh viện và rời khỏi khu phố này.

Hôm nay bọn SS đưa một nhóm người mặc thường phục đến làm trong bệnh viện. Lúc mười giờ sáng, tôi đang nằm ép trên mái nhà dốc đứng thì nghe một tràng tiếng súng quét rất gần tôi, bằng súng trường hoặc súng lục, âm thanh ấy vang rền giữa tiếng ríu rít, líu lo của đàn chim sẻ bay trên đầu tôi, các vỏ đạn rơi rất gần tôi. Tôi nhìn quanh: hai tên Đức đứng trên mái nhà của bệnh viện đang nhắm bắn tôi. Tôi tụt xuống tầng áp mái và chạy chúi đến cái cửa lật. Những tiếng hô “Đứng lại! Đứng lại!” đuổi theo tôi, đạn bay chiu chiu trên đầu. Nhưng tôi đã xuống được cầu thang an toàn.

Không còn thời gian mà dừng lại nghỉ ngơi: chỗ ẩn náu cuối cùng trong ngôi nhà đã bị phát hiện, tôi phải rời khỏi ngay lập tức. Tôi chạy vội xuống cầu thang, vọt ra phố Sedziowska, chạy dọc theo phố này và chúi và giữa đồng hoang phế của những căn nhà gỗ, một thời là khu bất động sản Staszic.

Một lần nữa, tình hình của tôi lại vô hy vọng như thường thấy trước đây. Tôi lang thang giữa các bức tường của các ngôi nhà cháy trụi, không còn chút nước hay thức ăn nào, thậm chí chẳng có chỗ mà nấp. Lát sau tôi nhìn thấy một ngôi nhà cao ở xa xa, đối diện với Aleja Niepodleglosci và ở đằng sau phố Sedziowska, ngôi nhà có nhiều tầng duy nhất còn lại trong vùng. Tôi lên đường. Xem xét kỹ càng, tôi thấy phần giữa của ngôi nhà bị cháy rụi, nhưng các cánh nhà hầu như nguyên vẹn. Trong các căn hộ vẫn có đồ đạc, và các bồn vẫn còn đầy nước kể từ khi cuộc nổi dậy bắt đầu, và những tên cướp để sót một ít đồ dự trữ trong các tủ thức ăn. Tôi lên tầng áp mái theo thói quen hàng ngày. Mái nhà còn nguyên vẹn, chỉ có vài lỗ hổng do mảnh bom đạn gây ra. Nơi đây ấm áp hơn chỗ ẩn náu cũ của tôi nhiều, dù không thể trốn thoát từ chỗ này. Tôi không thể thoát chết bằng cách nhảy khỏi mái nhà. Trên tầng lửng cao nhất có một cửa sổ nhỏ lắp kính cáu bẩn, qua đó tôi có thể quan sát vùng lân cận. Tuy thoải mái về môi trường chung quanh, song ở đây tôi vẫn không cảm thấy dễ chịu, có lẽ vì tôi đã quen với ngôi nhà kia rồi. Đồng thời tôi không còn sự lựa chọn nào khác: tôi phải ở đây thôi.

Tôi xuống tầng lửng và nhìn qua cửa sổ, chung quanh có tới hàng trăm biệt thự bị tiêu hủy, một phần trọn vẹn của thành phố đã chết hẳn. Trong các khuôn viên nhỏ, có vô khối các ngôi

mộ. Một tốp công nhân dân sự vai vác xẻng và cuốc chim đang đi xuống phố Sedziowska, đi thành hàng bốn. Không có một tên lính Đức nào mặc quân phục đi kèm. Vẫn còn căng thẳng và tức mình vì cuộc chạy trốn vừa qua, tôi bỗng thèm nghe tiếng người đáp lại tiếng nói của tôi. Liệu tôi có thể trao đổi vài lời với những người này không nhỉ, tôi chạy nhanh xuống cầu thang và lao ra phố. Lúc này tốp công nhân đã đi hơi xa, tôi chạy đuổi theo họ.

- Các anh là người Ba Lan?

Họ đứng lại và nhìn tôi sững sốt. Người nhóm trưởng đáp:

- Đúng thế.

- Các anh làm gì ở đây? – thật khó nói chuyện sau bốn tháng hoàn toàn im lặng ngoài mấy lời trao đổi với tên lính Đức tha mạng tôi bằng rượu mạnh, và tôi thật sự cảm động sâu sắc.

- Đào công sự. Còn anh làm gì ở đây?

- Tôi đang trốn.

Người nhóm trưởng nhìn tôi hơi động lòng, tôi nghĩ thế.

- Đi với chúng tôi – Anh ta nói – Anh có thể làm việc và sẽ được phát súp.

Súp! Chỉ nghĩ đến có cơ được một bát súp nóng bỏng đã làm dạ dày của tôi quặn thắt vì đói, đến nỗi lúc ấy tôi sẵn sàng đi với họ, dù rằng lát nữa có bị giết chết. Tôi muốn có bát súp ấy, tôi muốn được ăn đầy đủ ngay lập tức. Nhưng lương tri lại thắng!

- Không – tôi nói – Tôi không làm việc cho bọn Đức.

Người nhóm trưởng cười nhảu nhử, nửa chỉ trích, nửa nhạo báng:

- Ô hô, tôi không biết đấy – anh ta nhạo báng – Người Đức không tệ đến thế đâu.

Chỉ đến lúc này tôi mới nhận ra điều tôi quên không chú ý từ trước: chỉ có người nhóm trưởng nói chuyện với tôi, những người khác đứng im lặng. Anh ta đeo một cái băng tay sặc sỡ, có đóng một con dấu. Trên mặt anh ta có một vẻ gì đấy khó chịu, quỷ quyệt và đê tiện. Anh ta không nhìn thẳng vào mắt tôi lúc nói chuyện mà cứ nhìn qua tôi, qua phía trên vai phải của tôi.

- Không – tôi nhắc lại – Cám ơn anh nhưng không đâu.

- Tuỳ anh thôi – anh ta lẩm bẩm.

Tôi quay người bước đi. Lúc cả nhóm đi tiếp, tôi gọi với theo họ:

- Tạm biệt.

Như một linh tính, hoặc có lẽ do bản năng tự vệ đã được mài sắc sau bao nhiêu năm trốn tránh, tôi quyết định không trở lại tầng áp mái nơi tôi tính ở lại. Tôi rẽ vào biệt thự gần nhất, làm như là tầng hầm là nơi tôi sẽ trú ẩn. Lúc đặt chân đến ngưỡng cửa đã cháy thành than, tôi ngoảnh đầu lại: cả đội đã đi nhưng người nhóm trưởng vẫn ngoái đầu nhìn lại xem tôi đi đâu.

Họ chưa khuất mắt, tôi đã chạy vội về tầng áp mái của tôi hay đúng hơn là tầng lửng để nhìn qua cửa sổ. Khoảng mười phút sau, tên nhóm trưởng đeo băng tay quay trở lại với hai tên cảnh

sát. Hắn chỉ vào ngôi biệt thự nơi tôi đã đi vào. Chúng lúng lúng trong đó rồi sang cả mấy ngôi nhà chung quanh, nhưng không bước vào ngôi nhà của tôi. Có lẽ bọn chúng sợ quân khởi nghĩa hãy còn ẩn nấp đâu đó ở Warsaw. Trong chiến tranh, có một số người thoát chết nhờ tính nhát gan của bọn Đức, chúng chỉ tỏ ra có can đảm khi cảm thấy đông hơn kẻ thù gấp bội.

Hai ngày sau tôi đi kiếm thức ăn. Lần này tôi định sẽ cất giữ một số kha khá để không phải ra khỏi nơi ẩn nấp quá thường xuyên. Tôi phải đi lòng kiếm lúc ban ngày vì không biết rõ ngôi nhà này để nhận ra đường vào ban đêm. Tôi tìm ra nhà bếp và sau đó là tủ đồ ăn chứa nhiều đồ hộp, vài cái bao và hộp. Phải kiểm tra cẩn thận từng thứ ở bên trong. Tôi cởi dây và mở bao.

Mãi tìm kiếm tôi không nghe thấy gì, cho đến lúc một tiếng nói ngay sau lưng tôi:

- Anh làm cái quái gì ở đây hả?

Một sĩ quan Đức cao, tao nhã, đứng dựa lưng vào tủ bếp, hai tay khoanh lại trước ngực.

- Anh làm gì ở đây? – viên sĩ quan nhắc lại – Anh không biết là đơn vị biệt động bảo vệ pháo đài Warsaw sẽ vào nhà này vào bất cứ lúc nào sao?

Chương 17

Khúc Đô thăng thứ

Tôi ngồi sụp vào cái ghế gần cửa tủ. Với sự tin chắc của người mộng du, tôi bỗng cảm thấy hết cả sức nếu tôi cố thoát khỏi cái bẫy mới này. Tôi ngồi đó và rên lên, nhìn trừng trừng vào viên sĩ quan. Tôi nói lắp bắp, khó nhọc:

- Anh muốn làm gì tôi thì làm, tôi không chạy đâu.
- Tôi chẳng định làm gì anh hết – viên sĩ quan nhún vai – Anh sống bằng nghề gì?
- Tôi là nghệ sĩ dương cầm.

Anh ta nhìn tôi kỹ hơn, và rõ ràng là nghi ngờ. Rồi liếc nhìn cánh cửa thông từ bếp đến các phòng khác. Hình như một ý nghĩ chợt đến với anh ta.

- Đi theo tôi.

Chúng tôi vào phòng bên, chắc là phòng ăn, rồi đi tiếp sang phòng bên cạnh, có một chiếc dương cầm để bên tường. Viên sĩ quan chỉ vào chiếc đàn và bảo:

- Chơi một bài gì đi.

Anh ta không nghĩ rằng tiếng đàn sẽ ngay lập tức gây sự chú ý cho bọn Đức ở chung quanh đó hay sao? Tôi nhìn anh ta vẻ dò hỏi và không nhúc nhích. Rõ ràng là anh cảm thấy nỗi sợ của tôi vì anh nói thêm cho tôi yên lòng:

- Không sao đâu, anh cứ chơi. Nếu có người vào, anh sẽ trốn trong tủ đựng thức ăn, còn tôi sẽ nói là tôi đang thử đàn.

Lúc tôi đặt những ngón tay lên bàn phím, chúng run lên. Thế là lần này tôi phải đổi cuộc sống của tôi bằng cách chơi đàn! Đã hai năm rưỡi nay, tôi không chạm đến phím đàn, ngón tay tôi cứng đờ đờ và cáu ghét, từ ngày ngôi nhà tôi ở ẩn bị cháy, tôi không cắt móng tay. Hơn nữa, căn phòng để đàn không có lấy một cửa kính, nên hơi ẩm là cho nó phồng lên và cứng lại khi tôi nhấn phím.

Tôi chơi Khúc Đô thăng thứ của Chopin. Âm thanh trong vắt, ngân vang của những dây đàn không đúng điệu rung lên khắp ngôi nhà và cầu thang vắng vẻ, trôi trên ngôi biệt thự đổ nát bên kia đường và vọng lại thành những tiếng sầu muộn, âm thầm. Lúc dứt tiếng đàn, sự im lặng có vẻ u ám và kỳ quái hơn lúc trước. Một con mèo kêu meo meo ở đâu đó trên phố, tôi nghe tiếng súng ở ngay bên ngoài ngôi nhà, rồi tiếng Đức giọng to, cục cằn.

Viên sĩ quan lặng lẽ nhìn tôi. Giấy lát sau anh thở dài và lẩm bẩm:

- Dù sao thì anh cũng không nên ở lại đây. Tôi sẽ đưa anh ra khỏi thành phố, đến một ngôi

làng. Ở đây anh sẽ được an toàn hơn.

Tôi lắc đầu:

- Tôi không thể rời khỏi nơi đây – tôi nói, giọng cả quyết.

Chỉ đến lúc này anh ta mới hiểu lý do thực tại sao tôi phải ẩn trốn giữa đồng hoang tàn này.

Anh nhìn tôi chăm chú, vẻ bồn chồn:

- Anh là người Do Thái? – Anh hỏi.

- Phải.

Anh đứng, hai tay khoanh trước ngực, lúc này anh bỏ hai tay ra và ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh đàn dương cầm, dường như sự phát hiện này gợi lên nhiều nỗi suy nghĩ chán chường.

- Ra vậy – anh lẩm bẩm – Bây giờ thì tôi hiểu anh không thể đi được.

Anh lại đắm vào trong suy nghĩ một lát, sau đó anh quay ra hỏi tôi:

- Anh đang trốn ở đâu?

- Trên tầng áp mái.

- Cho tôi xem nó ra sao nào.

Chúng tôi lên gác. Anh kiểm tra kỹ lưỡng tầng áp mái bằng cái nhìn thành thạo. Trong lúc xem xét, anh phát hiện ra một thứ mà tôi không chú ý, trên tầng đó có một tầng phụ, một thứ gác xép được xếp bằng những tấm ván ngay dưới khe mái, ở ngay trên lối vào tầng áp mái. Liếc qua, thoạt đầu không thể thấy vì ở đây ánh sáng chiếu lơ mờ. Viên sĩ quan bảo tôi nên trốn trong căn gác xép đó, anh sẽ giúp tôi tìm một cái thang trong những căn hộ ở phía dưới. Lúc leo vào gác xép xong, tôi phải rút thang theo.

Lúc bàn bạc và thực hiện xong việc này, anh hỏi tôi có gì ăn không.

- Không – tôi nói – Vả lại anh đã làm tôi sợ chết điếng trong lúc đang lục tìm các thứ dự trữ.

- Thôi được, không sao – anh nói vội, dường như xấu hổ vì cuộc tấn công bất ngờ của anh –

Tôi sẽ mang cho anh ít đồ ăn.

Chỉ đến lúc này tôi mới đánh bạo hỏi anh một câu. Tôi không thể nén được nữa:

- Anh là người Đức?

Anh ta đỏ bừng mặt, và trả lời gần như quát lên giận dữ, như thể câu hỏi của tôi là một sự sỉ nhục:

- Đúng, tôi là người Đức! Và tôi xấu hổ vì những việc như thế này!

Rồi bất ngờ anh bắt tay tôi và bỏ đi.

Ba ngày trôi qua, anh lại xuất hiện. Lúc đó là ban đêm, trời tối đen như mực. Tôi nghe thấy tiếng thì thầm bên dưới chỗ gác xép:

- Xin chào, anh có đấy không?

- Có, tôi đây – tôi đáp.

Ngay sau đó, một thứ gì đó nặng nề rơi xuống bên cạnh tôi. Qua lớp giấy tôi sờ thấy vài ổ bánh mì và một thứ mềm mềm, hoá ra là mứt, được gói trong một lớp giấy không thấm mỡ. Tôi vội để cái gói sang một bên và gọi:

- Khoan đã!

Tiếng nói trong bóng tối có vẻ sốt ruột:

- Gì thế? Nhanh lên, lính gác đã nhìn thấy tôi vào đây, và tôi không thể ở lại lâu đâu.

- Quân đội Xô viết đang ở đâu?

- Họ đã ở Warsaw, ở Praga bên kia sông Vistula. Rán đợi vài tuần nữa thôi, chiến tranh sẽ kết thúc, muộn nhất là vào mùa xuân.

Giọng nói tắt lặng. Tôi không biết viên sĩ quan còn ở đấy hay đã đi rồi. Nhưng bất chợt anh lại nói:

- Anh phải đợi thôi, anh có nghe thấy không?

Giọng anh có vẻ gay gắt như đang ra lệnh, và niềm tin vững chắc của anh làm tôi tin rằng chiến tranh sẽ chấm dứt một cách tốt đẹp cho chúng tôi. Đến lúc ấy tôi mới nghe tiếng cửa tầng áp mái khép lại thật khẽ.

Nhiều tuần lễ đơn điệu, vô hy vọng trôi qua. Càng ngày tôi càng ít nghe thấy tiếng pháo kích từ phía sông Vistula. Có những ngày không một tiếng súng phá tan sự im lặng. Tôi không biết lần này tôi có nghĩ đến chuyện tự tử như trước kia đã nghĩ đến nhiều lần, nếu không có những tờ báo do người sĩ quan Đức dùng gói bánh mang đến cho tôi. Đây là báo mới nhất, và lúc đọc đi đọc lại, tôi thấy khoẻ lên vì tin bọn Đức bị thất bại trên mọi chiến trường. Các mặt trận này đang tiến sâu hơn vào Đức, càng ngày càng nhanh.

Ban tham mưu của đơn vị Đức vẫn tiếp tục công việc trong các cánh nhà còn nguyên vẹn. Binh lính lên xuống cầu thang, thường khuân theo các bọc to lên tầng áp mái và mang những bọc khác xuống nhà, nhưng nơi ẩn nấp của tôi thật tuyệt vời, chưa có kẻ nào nghĩ đến việc tìm kiếm trên gác xép. Lúc nào tôi cũng nghe thấy tiếng chân của bọn chúng, ngày cũng như đêm, và tiếng đậm thành thịch của những bàn chân cho đỡ tê cóng. Lúc cần nước, tôi lên vào các căn hộ đổ nát, các bồn tắm ở đấy bao giờ nước cũng đầy ắp.

Ngày 12 tháng Mười hai, viên sĩ quan đến lần cuối cùng. Anh mang cho tôi đồ tiếp tế nhiều hơn lần trước và một cái chăn lông vịt. Anh kể anh sắp rời Warsaw cùng với đơn vị, tôi đừng nản lòng vì hiện nay cuộc tấn công của quân đội Xô viết có thể xảy ra vào bất cứ ngày nào.

- Ở ngay Warsaw?

- Phải.

- Nhưng làm sao tôi có thể sống sót được qua những trận đánh nhau ngoài phố? – tôi hỏi, giọng lo âu.

- Nếu anh và tôi đã sống qua được cái địa ngục này hơn năm năm – Anh đáp – Thì hiển nhiên đó là ý Chúa cho chúng ta được sống, thế đấy, đành nào chúng ta cũng phải tin như thế thôi.

Chúng tôi đã chào từ biệt và anh sắp sửa đi, tôi bỗng nảy ra một ý vào lúc cuối cùng. Đã từ lâu tôi vắt óc nghĩ cách thể hiện sự biết ơn của tôi với anh, nhưng anh nhất định không chịu nhận chiếc đồng hồ đeo tay, vật quý giá duy nhất của tôi.

- Anh nghe này – Tôi cầm tay anh và năn nỉ - Tôi chưa lần nào nói tên tôi với anh, mà anh cũng không hỏi, nhưng tôi muốn anh nhớ nó. Ai mà biết sẽ xảy ra chuyện gì. Anh có cả một quãng đường về nhà dài dằng dặc. Nếu tôi sống sót, chắc chắn là tôi sẽ lại làm việc ở đài phát thanh Ba Lan, trước chiến tranh tôi đã làm ở đấy. Nếu có chuyện gì xảy ra với anh, biết đâu tôi có thể giúp anh bằng cách nào đấy, anh hãy nhớ tên tôi là Szpilman, đài phát thanh Ba Lan. Anh mỉm nụ cười như thường lệ của anh, nửa như phản đối, nửa bẽn lễn và ngượng ngập, nhưng tôi cảm thấy anh vui vì sự ngây thơ của tôi muốn giúp đỡ anh trong tình cảnh hiện tại. Trận sương giá ác liệt đầu tiên đến vào khoảng giữa tháng Mười Hai, đêm 13, lúc tôi ra ngoài lấy ít nước, tôi thấy sương giá khắp nơi. Tôi lấy một cái ấm và một cái xoong gần cửa sau của một ngôi nhà không bị cháy và trở về căn gác xép của mình. Tôi cạo ít đá trong xoong và cho vào miệng, nhưng không thoả cơn khát của mình. Tôi nghĩ ra một ý khác, tôi chui vào giữa tấm chăn lông vịt và để cái xoong lên bụng mình, một lúc sau băng bắt đầu tan và tôi có được một ít nước. Mấy ngày sau tôi làm y như thế vì nhiệt độ vẫn là băng giá.

Giáng sinh đến rồi năm mới, năm 1945, Giáng sinh và năm mới lần thứ sáu trong chiến tranh, năm tồi tệ nhất mà tôi biết. Tôi không có bất cứ điều kiện nào để kỷ niệm. Tôi nằm trong bóng tối, nghe tiếng gió gầm rú, xé toạc tấm lợp trên mái và các ống máng hồng đu đưa dưới các bức tường ngôi nhà, thổi rạp đồ đạc trong các căn hộ chưa bị phá huỷ. Giữa các cơn gió hú giữa đông đổ nát, tôi nghe thấy tiếng chít chít và tiếng ào xạo của lũ chuột nhắt, chuột nhà chạy tới chạy lui trong tầng áp mái. Thỉnh thoảng chúng nhảy lon ton trên tấm chăn lông vịt, cào cào lên tôi lúc chạy qua. Tôi ôn lại từng lễ Giáng sinh trước và trong chiến tranh. Thoạt đầu tôi đang ở nhà cùng cha mẹ tôi, các anh chị tôi. Rồi sau đó chúng tôi không có nhà nữa nhưng vẫn được ở cùng nhau. Rồi tôi có một mình, nhưng có những người khác chung quanh. Còn bây giờ có lẽ tôi đơn độc lẻ loi hơn bất cứ ai trên đời, ngay Robinson Crusoe của Defoe, nguyên mẫu của cảnh cô độc lý tưởng, vẫn hy vọng gặp được người khác. Crusoe tự khích lệ mình khi cố nghĩ một việc như thế có thể xảy ra bất cứ ngày nào, và ý nghĩ này giúp anh tồn tại. Nhưng lúc này nếu có bất kỳ người nào đến gần tôi, tôi cần phải chạy trốn và ẩn nấp, sợ chí chết. Tôi phải đơn độc hoàn toàn đơn độc, nếu tôi muốn sống.

Ngày 14 tháng Một, nhiều tiếng động bất thường trong nhà và ngoài phố đánh thức tôi dậy.

Nhiều xe chạy đến rồi chạy đi, binh lính chạy lên xuống cầu thang, tôi nghe nhiều tiếng nói câu kính, bồn chồn, nhiều đồ đạc được khiêng ra khỏi nhà, chắc là được chất lên xe. Sáng ngày 15, tôi nghe thấy tiếng pháo kích từ mặt trận trên sông Vistula mà lúc trước rất yên ắng. Những quả đạn pháo không tới khu vực của thành phố nơi tôi đang ẩn náu. Song mặt đất và các bức tường của ngôi nhà rung lên dưới những tiếng nổ ầm ầm, đều đều, các tấm lợp bằng kim loại rung lên leng keng, vữa rơi lả tả khỏi tường. Âm thanh ấy chắc phải là dàn tên lửa nổi tiếng Kachiusa của Liên xô, chúng tôi đã nghe kể nhiều về nó trước cuộc nổi dậy. Trong tình trạng mãn nguyện và phấn khởi, tôi đã có một hành động điên rồ không thể tha thứ được trong hoàn cảnh của tôi: tôi uống hết sạch cả một xoong nước.

Ba giờ sau trọng pháo lại im tiếng, nhưng tôi cảm thấy căng thẳng hơn bao giờ hết. Suốt đêm hôm ấy tôi không ngủ, nếu bọn Đức bảo vệ Warsaw đổ nát, cuộc chiến trên đường phố sẽ bắt đầu vào bất cứ lúc nào, và tôi có thể bị giết vào lúc kết thúc toàn bộ những đau khổ trước đây của tôi.

Nhưng đêm trôi qua yên bình. Khoảng một giờ sáng tôi nghe thấy tiếng những tên Đức còn lại đang rời khỏi ngôi nhà. Im lặng bao trùm, một sự im lặng chưa từng thấy bao giờ, kể cả với Warsaw, một thành phố chết trong ba tháng vừa qua. Thậm chí tôi không nghe thấy cả tiếng chân bọn lính gác bên ngoài ngôi nhà. Tôi không hiểu nổi. Liệu có cuộc chiến đấu nào đang xảy ra không?

Chưa đến sớm hôm sau, sự im lặng bị một tiếng động rất to, vang rền, phá vỡ, âm thanh cuối cùng tôi mong đợi. Loa phóng thanh ở đâu đó rất gần, đang truyền đi bằng tiếng Ba Lan lời tuyên bố Đức bại trận và Warsaw được giải phóng.

Quân Đức đã rút chạy không hề chống cự.

Ngay vừa lúc trời sáng, tôi đã lúnh quính sửa soạn cho cuộc mạo hiểm ra ngoài đầu tiên. Viên sĩ quan đã để lại cho tôi chiếc áo khoác bên ngoài của lính Đức để tôi khỏi chết cóng lúc ra ngoài lấy nước, và tôi vừa mặc xong thì nghe thấy tiếng chân bước đều đặn của lính gác trên đường phố. Hay quân Xô viết và Ba Lan đã rút? Tôi rúc vào đồng nệm. Nằm đấy và hoàn toàn nản chí cho đến lúc một điều mới mẻ vọng đến bên tai: tiếng phụ nữ và trẻ em, những âm thanh tôi chưa nghe thấy trong nhiều tháng nay, phụ nữ và trẻ em nói chuyện vô tư như chẳng có chuyện gì xảy ra. Giống như những ngày xưa, khi các bà mẹ xuống phố cùng với con. Bằng mọi giá, tôi cần phải biết tin tức. Tình trạng không rõ ràng này thật không chịu nổi. Tôi chạy xuống cầu thang, thò đầu ra khỏi ngôi nhà bị từ bỏ, nhìn ra phố Aleja Niepodleglosci. Buổi sáng xám xịt, mù sương. Bên trái tôi, cách đấy không xa, một quân nhân mặc quân phục đứng nhưng ở khoảng cách này khó mà nhận dạng. Một phụ nữ đeo bọc sau lưng đang đến gần tôi phía bên phải. Lúc bà ta đến gần hơn, tôi đánh bạo nói với bà:

- Xin chào. Tôi xin lỗi...- tôi gọi bằng giọng khản đặc và vẩy tay ra hiệu với bà ta. Bà ta nhìn tôi chăm chú, buông rơi cái bọc và vắt chân lên cổ mà chạy, vừa chạy vừa kêu the thé:

- Một thằng Đức!

Ngay lập tức người lính quay lại nhìn về phía tôi bèn ngắm và vẩy khẩu súng lục. Nhiều viên đạn trúng tường làm vôi vữa rơi lả tả xuống tôi. Không nghĩ ngợi, tôi chạy tuốt lên tầng áp mái và rúc vào chỗ ẩn nấp quen thuộc của mình.

Mấy phút sau nhìn qua cửa sổ bé xíu, tôi thấy ngôi nhà bị bao vây. Tôi nghe thấy tiếng những người lính gọi nhau lúc họ xuống tầng hầm, nhiều tiếng súng và lựu đạn nổ.

Lúc này hoàn cảnh của tôi thật lố bịch. Tôi suýt nữa bị những người lính giải phóng Warsaw bắn chết lúc sắp được tự do, chỉ vì hiểu lầm. Luống cuống, tôi nghĩ thật nhanh cách làm cho họ nhận ra tôi là người Ba Lan, trước khi họ tổng tôi đến một cuộc đời mới như một tên Đức đang trốn. Trong lúc đó, một chi đội khác mặc quân phục màu xanh lơ đến bên ngoài ngôi nhà. Sau này tôi mới biết họ là đội cảnh sát đường sắt tình cờ đi ngang qua và được gọi vào giúp binh lính. Thế là lúc này tôi bị hai đơn vị có vũ trang truy đuổi.

Tôi từ từ xuống cầu thang, gào to hết sức:

- Đừng bắn! Tôi là người Ba Lan!

Ngay lập tức, tôi nghe thấy nhiều tiếng chân chạy lên cầu thang. Dáng một viên sĩ quan còn trẻ mặc quân phục Ba Lan với một con chim ưng thêu trên mũ đến trong tầm nhìn bên kia chần song. Anh ta chĩa khẩu súng lục vào tôi và quát:

- Giơ tay lên!

Tôi nhắc lại lời kêu gào:

- Đừng bắn! Tôi là người Ba Lan!

Viên trung úy đỏ bừng mặt vì cáu:

- Thế sao anh không xuống? – Anh ta gầm lên – Và tại sao anh mặc áo lính Đức làm gì?

Chỉ đến khi những người lính nhìn tôi gần hơn và xem xét tình hình, họ mới thực tin tôi không phải là lính Đức. Sau đó họ quyết định đưa tôi về tổng hành dinh, cho tôi tắm rửa và ăn, dù tôi vẫn chưa biết chắc họ sẽ định làm gì tôi.

Tuy nhiên tôi có thể không đi với họ như thế. Trước hết tôi phải giữ lời hứa với bản thân mình là sẽ hôn người Ba Lan đầu tiên tôi gặp sau khi bọn Nazi hết trị vì. Thật khó mà thực hiện lời hứa của tôi. Viên trung úy cương lại lời đề nghị của tôi một lúc lâu, tự vệ bằng đủ mọi thứ lý lẽ trừ một điều là anh quá tốt bụng nên không thể từ chối. Mãi cho đến lúc cuối cùng tôi hôn anh rồi, anh mới giơ một tấm gương nhỏ ra trước mặt tôi rồi vừa cười vừa nói:

- Bây giờ anh có thể thấy tôi là một người yêu nước chân chính chưa nào!

Hai tuần sau, được quân đội chăm sóc chu đáo, sạch sẽ và được nghỉ ngơi, tôi – một người tự do, lần đầu tiên trong sáu năm, đi qua các phố của Warsaw mà không sợ hãi. Tôi sẽ đi về hướng Đông sông Vistula, đến Praga, nó từng là vùng ngoại ô đầu hiu, nghèo khổ, nhưng bây giờ nơi đó thuộc Warsaw và bọn Đức không phá huỷ tất cả những gì còn lại của nó.

Tôi đi xuống một đường phố chính rộng rãi, một thời tấp nập ngựa xe, nay vắng tanh suốt phố. Trong tầm nhìn, không thể thấy một ngôi nhà nào nguyên vẹn. Tôi rẽ vòng quanh những núi gạch, vôi đá vỡ vụn, thỉnh thoảng lại phải trèo qua chúng như là những con đường dốc đầy đá sỏi. Chân tôi mắc trong cả đồng lộn xộn những giây điện thoại đứt, đường ray xe điện gãy, những mẫu vải có thời trang trí cho các căn hộ hay quần áo của những người đã chết từ lâu.

Một bộ xương người nằm cạnh tường một ngôi nhà, bên dưới chướng ngại vật của quân khởi nghĩa. Bộ xương không lớn, cấu trúc xương mảnh dẻ, chắc hẳn đây là xương của một cô gái, vì vẫn có thể nhìn thấy mái tóc dài màu vàng hoe dính trên hộp sọ. Tóc không bị thổi rửa như các bộ phận khác của cơ thể. Cạnh bộ xương là khẩu cạcbin han rí, mấy mảnh giẻ quanh xương cánh tay phải, cánh băng tay màu đỏ và trắng, chữ AK đã bị bắn văng đi mất.

Các chị tôi đã không để lại một chút di hài như thế. Chị Regina xinh đẹp và Halina trẻ trung nghiêm túc, và tôi sẽ không bao giờ tìm ra được một ngôi mộ để có thể đến cầu nguyện cho linh hồn của họ.

Tôi đứng lại nghỉ một lúc rồi lấy hơi. Tôi nhìn khắp phía Bắc thành phố, nơi đã từng là ghetto, nơi nửa triệu người Do Thái bị sát hại nay chẳng còn lại chút gì. Bọn Đức còn sẵn phẳng tường của những ngôi nhà cháy rụi.

Ngày mai tôi phải bắt đầu cuộc sống mới. Liệu tôi có thể làm được như thế khi chẳng có gì ngoài cái chết đã lùi lại sau tôi? Liệu tôi có thể rút ra nghị lực để sống từ cái chết được không? Tôi tiếp tục đi con đường của tôi. Một cơn gió mạnh như dông bão đập lách cách vào sắt vụn trong đồng hoang tàn, rú rít và réo qua các cửa sổ trống hoác đã cháy thành than. Sắp chạng vạng tối. Tuyết bắt đầu rơi từ bầu trời xám xịt, nặng như chì.

Chương 18

Tái bút

Khoảng hai tuần sau, một trong những đồng sự của tôi ở đài phát thanh Ba Lan là nghệ sĩ vĩ cầm Zygmunt Lednicki đã từng tham gia cuộc nổi dậy, đã trở lại Warsaw sau cuộc lang thang của anh. Anh đi bộ như nhiều người khác, vì muốn trở lại thành phố của mình sớm hết mức. Trên đường đi, anh đã qua một trại tù binh Đức tạm thời. Lúc kể cho tôi nghe chuyện dưới đây, đồng sự của tôi vội nói ngay rằng anh không tán thành hành động ấy của mình, nhưng anh không sao kiềm chế nổi. Anh đã đến bên hàng rào thép gai và nói với bọn Đức:

- Các người lúc nào cũng tự xưng là một dân tộc văn minh, nhưng các người đã tước cả cây vĩ cầm, vốn là tất cả đối với một nhạc công như tôi!

Lúc đó một sĩ quan khó khăn lắm mới đứng lên được khỏi chỗ nằm và lê đến bên hàng rào. Trông anh ta thật tiều tụy và khốn khổ, mặt mũi râu ria lởm chởm. Dán cái nhìn tuyệt vọng lên Lednicki, anh ta hỏi:

- Ông có tình cò biết một người tên là Szpilman không?

- Ô, tất nhiên là có chứ.

- Tôi là một người Đức – người ấy cuống quýt thì thảo – Và tôi đã giúp Szpilman khi anh ấy ẩn náu trên một tầng áp mái trong ngôi nhà của đơn vị biệt kích pháo đài Warsaw. Hãy nói với anh ấy tôi đang ở đây. Xin anh ấy giúp tôi ra khỏi đây. Tôi van anh...

Đúng lúc ấy một trong những người gác đi đến:

- Anh không được phép nói chuyện với tù nhân. Mời anh đi cho.

Lednicki rời đi, nhưng anh lúc ấy chợt nhớ anh không biết tên người lính Đức, anh quay lại. Lúc này người lính gác đang dẫn viên sĩ quan Đức rời khỏi hàng rào:

- Tên anh là gì? – Lednicki gọi.

Người Đức quay lại và hét lên câu gì đó nhưng Lednicki không hiểu được.

Thế là tôi không vẫn không biết tên viên sĩ quan. Tôi đã cố tình không hỏi trước đó, để nếu lỡ có bị bắt và bị tra khảo, cảnh sát Đức có hỏi ai lấy bánh mì trong kho quân nhu cung cấp cho tôi, tôi cũng không thể tố giác tên tuổi anh ta nếu bị tra tấn.

Tôi đã làm mọi cách trong khả năng của tôi để tìm tung tích người tù binh Đức, nhưng chưa lần nào tìm ra. Trại POW đã chuyển đi rồi, nhưng chuyển đi đâu là bí mật quân sự. Biết đâu người Đức ấy – một con người mặc quân phục Đức mà tôi đã được gặp – đã trở về nhà an toàn.

Thỉnh thoảng tôi lại biểu diễn độc tấu ở nhà số 8 phố Narbutt, nơi tôi đã khuôn gạch và vôi, nơi

đội Do Thái làm việc, biết bao người đã bị bắn chết vì bọn sĩ quan Đức. Nhưng chúng không được hưởng ngôi nhà đẹp để ấy lâu dài. Toà nhà vẫn đứng đó, hiện nay là trường học. Tôi chơi đàn cho các em nhỏ Ba Lan, các em không hề biết cái thời có bao nhiêu người đau đớn và cực kỳ sợ hãi khi đi qua những lớp học đầy ánh sáng mặt trời của các em. Tôi cầu nguyện cho các em sẽ không bao giờ biết đến nỗi sợ hãi và đau đớn ấy.

Chương 19

Trích nhật ký của đại úy Wilm Hosenfeld

18 tháng Giêng 1942

Cuộc cách mạng của Đảng Xã hội chủ nghĩa quốc gia (Đức Quốc Xã) có vẻ như không thật tâm về mọi mặt. Lịch sử kể lại cho chúng ta những hành động rùng rợn và những sự tàn bạo khủng khiếp do bản năng thú tính của những người đầy lòng hận thù. Dù trên quan điểm nhân văn, chúng ta có thể ân hận và chỉ trích những hành động như thế, chúng ta vẫn phải công nhận bản chất kiên quyết, tàn nhẫn và trước sau như một của họ. Không phải vì việc đã xảy ra rồi mà vờ vĩnh và nhượng bộ. Tất cả những việc đó đều tàn nhẫn, bất chấp lương tâm, đạo đức hay phong tục. Những người Jacobin đều tàn sát tầng lớp thống trị cấp trên và hành hình cả Hoàng gia. Họ trấn áp đạo Cơ đốc và tiến hành cuộc chiến tranh với nó, muốn quét sạch nó khỏi trái đất. Họ đã thành công trong việc lôi kéo nhân dân các nước vào cuộc chiến, đấu tranh với lòng nghị lực và nhiệt tình. Lý thuyết và lý tưởng của họ có ảnh hưởng to lớn vượt ra khỏi biên giới của đất nước họ.

Các phương pháp của Đức Quốc Xã khác nhau, nhưng về căn bản đều theo đuổi một mục tiêu duy nhất: huỷ diệt và thủ tiêu những người suy nghĩ khác họ. Thi thoảng lại có một số người Đức bị bắn, nhưng sự thực này bị bưng bít và không cho quần chúng nhân dân hay biết. Dân chúng bị giam trong các trại tập trung, chỉ được phép gầy mòn ốm yếu và bỏ mạng ở đó. Quần chúng không được nghe tin tức gì. Nếu anh sắp bắt giam kẻ thù của Nhà nước, anh phải có dũng khí kết tội họ công khai và giao họ cho thẩm phán nhân dân.

Họ liên minh với các tầng lớp cầm quyền chủ yếu cũng như trong các ngành và duy trì các nguyên tắc của nhà tư bản. Họ tuyên bố cho quyền tự do cá nhân và tín ngưỡng nhưng lại phá huỷ các nhà thờ Cơ đốc giáo và tiến hành cuộc chiến bí mật nhằm chống lại nhà thờ. Họ nói về nguyên tắc Fuhrer và quyền lợi của những người có năng lực nhằm có thể thoải mái phát triển tài năng của họ, nhưng lại làm cho mọi việc đều phụ thuộc vào các đảng viên. Những người có tài và xuất chúng bị phớt lờ nếu họ ở ngoài Đảng Quốc Xã. Hitler nói muốn đem lại hoà bình cho toàn thế giới, trong lúc ra sức vũ trang theo kiểu hung hăng. Hắn nói với thế giới rằng không hề có ý định sáp nhập các nước khác vào Đức và phủ nhận chủ quyền của họ, nhưng với Tiệp Khắc, Ba Lan và Serb thì sao? Đặc biệt là ở Ba lan, nơi có thể không cần cướp đoạt chủ quyền của cả một dân tộc trong một khu vực định cư độc lập của họ.

Cứ nhìn vào bản thân các đảng viên Đức Quốc Xã xem họ sống bằng các nguyên tắc Quốc Xã

như thế nào, ví dụ quan điểm lợi ích chung phải đặt trước lợi ích cá nhân. Họ yêu cầu thường dân tuân theo quy tắc ấy, nhưng bản thân họ lại không hề có ý làm theo như thế. Ai sẽ phải đối mặt với kẻ thù? Dân chúng chứ không phải Đảng. Hiện giờ họ huy động cả những người ốm yếu hom hem vào quân ngũ, trong lúc những thanh niên khoẻ mạnh, phù hợp lại đang làm việc trong các văn phòng của Đảng và cảnh sát, cách xa lửa đạn chiến tuyến. Vì sao những người như thế lại được miễn trừ?

Bọn chúng đã tịch thu tài sản của người Ba Lan và Do Thái để hưởng thụ. Lúc này người Ba Lan và Do Thái chẳng có chút gì để ăn, họ sống thiếu thốn, chết đói, chết rét và Đức Quốc Xã chẳng thấy có gì sai khi chiếm cứ mọi thứ cho mình.

Warsaw 17 tháng Tư năm 1942

Tôi trải qua một số ngày yên ổn tại đây, tại trường Đại học thể dục. Tôi hầu như không chú ý đến chiến tranh, nhưng tôi không cảm thấy hạnh phúc. Thi thoảng chúng tôi lại được nghe chuyện này, chuyện nọ. Những sự kiện ở khu vực phía sau chiến tuyến đã thành tin tức ở đây: các vụ bắn giết, tai nạn, vân vân. Ở Lietzmannstadt, một trăm bốn mươi nam giới bị giết – bị hành hình dù vô tội – vì vài tên cướp bắn chết ba cảnh sát. Ở Warsaw cũng xảy ra chuyện tương tự. Kết quả là không chỉ đánh thức nỗi sợ hãi và kinh hoàng mà khơi dậy cả lòng quyết tâm dữ dội, sự giận dữ và cuồng tín. Trên cầu Praga có hai đoàn viên thanh niên Hitler đang quấy nhiễu một người Ba Lan, lúc người này tự vệ, chúng gọi thêm một cảnh sát Đức đến giúp. Ngay lúc đó người Ba Lan bắn gục cả ba tên. Một xe quân đội loại lớn đâm phải một chiếc xe khác chở ba người ở quảng trường Bưu điện. Người lái xe nhỏ chết ngay lúc ấy. Chiếc xe quân sự vẫn chạy tiếp, kéo theo chiếc xe nhỏ vẫn còn một hành khách bị kéo lê dưới bánh xe. Một đám dân chúng tập hợp lại nhưng cái xe vẫn đi. Một người Đức cố ngăn nó lại. Lúc ấy chiếc xe quân sự bị vướng vào bánh chiếc xe nhỏ nên nó phải ngừng lại. Những người trên chiếc xe quân sự bước xuống, kéo chiếc xe hơi nhỏ sang một bên rồi lại tiếp tục lái đi.

Một số người Ba Lan ở Zakopane quên giao nộp ván trượt tuyết của họ. Nhiều ngôi nhà bị lục soát, hai trăm bốn mươi người bị đưa đi Auschwitz, trại tập trung gây kinh hoàng nhất ở miền Đông. Bọn Gestapo hành hạ dân ở đấy đến chết. Chúng đẩy những người bất hạnh này vào một căn phòng nhỏ rồi xả hơi ngạt. Dân chúng bị đánh đập man rợ trong lúc thẩm vấn. Có nhiều phòng tra tấn đặc biệt: ví dụ, có phòng chúng buộc bàn tay và cánh tay nạn nhân vào một cái cột rồi kéo lên, nạn nhân bị treo lơ lửng cho đến lúc bất tỉnh. Hoặc nhét nạn nhân vào một cái thùng hẹp, chỉ có thể ngồi lom khom và để mặc đó cho đến lúc nạn nhân mất trí. Chúng còn có những trò hiểm ác gì khác nữa? Tổng số có bao nhiêu người vô tội bị giam giữ? Mỗi ngày lương thực một khan hiếm hơn, nạn đói đang hoành hành ở Warsaw.

Tomazów, 26 tháng Sáu năm 1942

Tôi nghe thấy tiếng đàn organ và tiếng hát trong một ngôi nhà thờ Thiên chúa giáo. Tôi bước vào. Bọn trẻ con mặc toàn đồ trắng chịu lễ ban thánh thể lần đầu đang đứng cạnh bàn thờ. Trong nhà thờ rất đông người. Họ đang hát bài Tantum ergo và được ban phúc. Tôi cũng để cha xứ ban phúc cho cả tôi. Những đứa bé vô tội trong một thành phố Ba Lan ở nơi đây, ở một thành phố Đức nói kia, hoặc ở một nơi nào đó trên thế giới đều đang cầu Chúa, chỉ vài năm nữa thôi sẽ đánh giết nhau vì lòng hận thù mù quáng. Ngay trong những ngày xa xưa, khi các đất nước mộ đạo hơn tôn xưng người trị vì của họ là Đức Giáo hoàng thì ngày nay những người dân cách biệt hẳn với đạo Cơ đốc cũng làm như thế. Nhân loại hình như bị đày đoạ phải làm nhiều việc xấu hơn là tốt. Lý tưởng cao quý trên trái đất này là tình yêu con người.

Warsaw 23 tháng Bảy năm 1942

Nếu đọc báo hoặc nghe tin tức trên đài có thể tưởng mọi việc đang rất trôi chảy, hoà bình là điều chắc chắn, cuộc chiến đang thắng lợi và tương lai của dân Đức tràn đầy hy vọng. Song tôi không sao tin nổi điều ấy, vì rốt cuộc sự bất công không thể thắng thế, và phương cách người Đức trị vì các đất nước họ chinh phục nhất định sẽ dẫn đến kháng cự, không chóng thì chầy. Tôi chỉ xem xét tình hình ở Ba Lan và chưa gặp nhiều người kháng chiến, và nghe kể về họ quá ít. Nhưng dựa vào những quan sát, những cuộc nói chuyện và thông tin hàng ngày, chúng tôi có thể thấy một bức tranh toàn cảnh. Nếu phương pháp của chính quyền và chính phủ đàn áp dân địa phương và những cuộc tiêu trừ của Gestapo ở đây đặc biệt tàn nhẫn, tôi cho rằng tình hình sẽ rất giống ở các nước bị chinh phục khác.

Sự sợ hãi và kinh hoàng bao trùm, đâu đâu cũng thấy cưỡng đoạt và bắt giam. Dân chúng bị bắt và bắn chết hàng ngày. Sinh mạng con người trở nên không còn ý nghĩa, nói gì đến tự do cá nhân. Nhưng yêu tự do là bản sinh của từng con người, từng dân tộc và không thể đàn áp lâu dài. Lịch sử dạy chúng ta rằng ách chuyên chế không bao giờ tồn tại lâu dài. Hiện giờ chúng ta phạm tội giết người, day dứt lương tâm vì cuộc tàn sát bất công, khủng khiếp người Do Thái. Sắp tiến hành cuộc huỷ diệt người Do Thái. Đây là mục tiêu của chính phủ Đức từ khi bắt đầu xâm chiếm các nước phía Tây, có cảnh sát và Gestapo hỗ trợ, nhưng lần này sẽ tiến hành trong một phạm vi rộng lớn và quyết liệt.

Chúng tôi nghe được những báo cáo đáng tin cậy từ những nguồn khác nhau rằng ghetto ở Lublin đã bị huỷ diệt toàn bộ, người Do Thái bị đưa ra khỏi đây và bị giết hàng loạt, hoặc bị đưa vào rừng, một số bị tổng giam vào các trại. Dân chúng ở Lietzmannstadt và Kutno kể rằng người Do Thái – cả đàn ông, đàn bà và trẻ em – bị đầu độc bằng hơi trong các xe hơi ngột tự

động, người chết bị lột hết quần áo, bị ném vào các ngôi mộ tập thể, còn quần áo đưa vào các nhà máy dệt để tái chế. Nghe nói những cảnh khủng khiếp vẫn còn đang tiếp diễn ở đây. Hiện giờ các bản tường trình nói đang quét sạch ghetto Warsaw theo cách tương tự. Có khoảng bốn trăm ngàn người trong ghetto và các tiểu đoàn cảnh sát Ukraina và Lithuania được sử dụng thay thế cảnh sát Đức. Thật khó mà tin được tất cả những chuyện này, và tôi cố không quá lo lắng về tương lai của đất nước tôi, một ngày nào đó sẽ phải trả giá cho những hành động gớm ghiếc này, vì tôi không thể tin Hitler muốn làm thế và có những người ra những mệnh lệnh như thế. Nếu điều đó xảy ra, chỉ có một lời giải thích duy nhất: chúng là kẻ bệnh hoạn, không bình thường hoặc điên rồ.

25 tháng Bảy năm 1942

Nếu những gì người ta nói trong thành phố là thật – vì theo những nguồn tin đáng tin cậy – thì làm sĩ quan Đức chẳng vinh hạnh gì, vì không ai có thể chịu nổi những điều đang diễn ra. Nhưng tôi không tin nổi.

Nhiều tin đồn nói rằng trong tuần này ba chục ngàn người Do Thái bị đưa khỏi ghetto đi về một miền nào đó phía Đông. Dù là tin bí mật, người ta đều nói họ biết việc sẽ xảy ra: ở đâu đó gần Lublin, có nhiều ngôi nhà đã xây xong, có nhiều lò nung nóng bằng điện cao thế, giống như lò hoả thiêu bằng điện. Những con người bất hạnh bị đẩy vào phòng này và bị thiêu sống. Mỗi ngày có hàng ngàn người bị giết theo kiểu ấy, tiết kiệm được mọi thứ, không phải bắn, đào hố rồi lại lấp đất chôn họ. Máy chém trong cuộc Cách mạng Pháp không thể so sánh nổi với các biện pháp tàn sát hàng loạt có kỹ năng cao như thế này.

Chắc hẳn đây là sự điên rồ. Không thể như thế được. Tôi cứ băn khoăn vì sao người Do Thái không chịu tự vệ. Song trên thực tế có nhiều người ốm yếu vì đói và khổ sở đến mức không thể kháng cự nổi.

Warsaw 13 tháng Tám năm 1942

Một chủ hiệu Ba Lan bị trục xuất khỏi Posen từ hồi đầu chiến tranh, đang kinh doanh ở Warsaw. Ông ta hay bán cho tôi rau quả và các thứ. Trong thế chiến thứ nhất, ông đã chiến đấu như một lính Đức ở mặt trận phía Tây suốt bốn năm. Ông ta cho tôi xem sổ lương của ông. Người đàn ông này thông cảm sâu sắc với người Đức, nhưng ông là người Ba Lan, và vẫn sẽ là người Ba Lan. Ông thất vọng vì sự tàn bạo khủng khiếp, vì sự hung ác đầy tính thú vật của bọn Đức đang tiến hành trong ghetto.

Không thể không băn khoăn tự hỏi nhiều lần rằng sao trong chúng ta lại có nhiều tầng lớp dễ tịen đến thế. Hay bọn tội phạm hoặc người mất trí trốn khỏi nhà tù và nhà thương điên được

cử đến đây làm chó săn? Không, một số là nhân vật nổi tiếng trong Nội các đã chủ trương bảo những người đồng hương gây thơ hành động như thế. Sự xấu xa và tàn nhẫn ẩn náu trong trái tim con người. Nếu được phép phát triển tự do, chúng sẽ nảy nở thành đủ loại gớm ghiếc, kiểu như ý tưởng cần phải tàn sát người Ba Lan và Do Thái như thế này.

Người chủ hiệu Ba Lan mà tôi nhắc tới có nhiều người quen là Do Thái trong ghetto và hay đến đây thăm. Ông ta kể lại nhiều cảnh tượng không thể hình dung nổi, và hiện giờ ông rất sợ đi đến đây. Đi xe kéo xuống phố, ông ta thấy một tên Gestapo đang lừa một nhóm người – cả đàn ông lẫn đàn bà – vào một ngưỡng cửa của một ngôi nhà rồi bắn bừa bãi vào họ. Mười người chết và bị thương. Một người thoát chạy, tên Gestapo giơ súng ngắm nhưng hết đạn. Những người bị thương chết dần, không ai giúp họ, những bác sĩ đã bị đưa đi, bị giết chết hoặc đang chờ chết. Một phụ nữ kể với người Ba Lan quen tôi rằng có mấy tên Gestapo vào một nhà hộ sinh Do Thái, túm lấy bọn trẻ sơ sinh bỏ vào bao rồi quẳng lên xe tang. Những tiếng kêu khóc gọi con xé ruột của các bà mẹ không hề làm những kẻ tàn ác mảy may xúc động. Hôm nay hai con thú ấy đi cùng chuyến xe điện với tôi. Chúng cầm roi da trong tay, trên đường đi đến ghetto. Tôi chỉ muốn đẩy chúng xuống dưới bánh xe điện.

Chúng ta là những kẻ nhát gan, nghĩ như thế đấy nhưng vẫn để cho mọi việc diễn ra. Chúng ta đáng bị trừng phạt, và những đứa con ngây thơ của chúng ta cũng thế, vì chúng ta đã mắc tội thông đồng khi cho phép những tội ác như thế hoành hành.

Sau ngày 21 tháng Tám năm 1942

Dối trá là khốn nạn nhất trong các điều xấu xa. Mọi thứ hiểm ác đều nảy sinh từ đây. Vậy mà chúng ta đã và đang dối trá, quần chúng đang bị lừa gạt. Không một trang báo nào thoát khỏi sự dối trá, dù viết về chính trị, kinh tế, lịch sử, xã hội và văn hoá. Sự thật đang bị sức ép ở khắp nơi. Sự thật bị xuyên tạc, bóp méo và bẻ ngược. Có thể nào cứ như thế này mà thành tốt được? Không, tình hình không thể cứ như thế này mãi mãi, vì sức sống tự nhiên của con người và vì thái độ của những người tự do. Những kẻ dối trá dù có xuyên tạc sự thật sẽ phải bị diệt vong, sức mạnh thống trị của chúng sẽ bị tiêu ma và lúc đó, lại có chỗ cho loài người được tự do hơn, cao thượng hơn.

Ngày 1 tháng Chín năm 1942

Tại sao cuộc chiến này lại phải xảy ra? Vì lòng nhân đạo phải thể hiện ở chỗ sự vô thần của nó đang bị lợi dụng. Đức Quốc Xã giết hàng triệu người nói là để tái lập một trật tự mới. Chúng cấm dân chúng theo tôn giáo, thanh thiếu niên được dạy phải vô thần, Giáo hội bị phản đối và tài sản của nhà thờ bị chiếm đoạt. Bất cứ người nào nghĩ khác đi đều bị khủng bố, bản tính tự

do của dân tộc Đức đang bị tha hóa và họ biến thành những tên nô lệ luôn khiếp sợ. Họ né tránh sự thật. Họ chẳng đóng vai trò gì trong số phận của dân tộc họ.

Lúc này chẳng có điều răn nào chống lại trộm cắp, giết người, dối trá, nói gì đến chuyện chống lại lợi ích cá nhân của con người. Sự phủ nhận những điều răn của Chúa dẫn đến sự biểu hiện vô đạo đức của tính tham lam, làm giàu bất chính, hận thù, lừa đảo, dâm loạn, dẫn đến sự cần cỗi và suy vi của người Đức. Chúa cho phép mọi chuyện này xảy ra, ban cho chúng sức mạnh, để cho nhiều người vô tội bị huỷ diệt, để chứng tỏ cho loài người thấy, thiếu Ngài, chúng ta chỉ là những con vật tranh giành nhau, tin rằng chúng ta phải huỷ hoại lẫn nhau. Chúng ta sẽ không nghe theo lời răn thiêng liêng “Hãy yêu thương lẫn nhau” . Được lắm, lúc ấy Chúa nói, hãy thử lời răn ngược lại của Quỷ dữ “Hãy sát hại, căm thù nhau!” Chúng ta biết câu chuyện về đại hồng thủy trong kinh thánh. Vì sao loài người ban đầu lại đi đến kết cuộc buồn thảm như vậy? Vì họ từ bỏ Chúa và phải chết, có tội cũng như vô tội. Họ chỉ có thể đổ lỗi cho bản thân mình vì sự trừng phạt này. Và ngày nay tình trạng cũng y như thế.

Ngày 6 tháng Chín năm 1942

Một sĩ quan thuộc đơn vị biệt kích nhận nhiệm vụ làm hàng rào bảo vệ kể với tôi những việc khủng khiếp họ đã làm ở thành phố của Sielce, một trung tâm hành chính. Anh ta bối rối và phần nộ đến mức quên bằng là chúng tôi đang ở trong một đám đông, có cả một nhân vật Gestapo cỡ lớn. Một hôm những người Do Thái bị lôi ra khỏi ghetto và bị lôi ra đường phố, đàn ông, đàn bà và trẻ con. Một số bị bắn công khai, ngay trước mặt người Đức và người Ba Lan. Đàn bà quần quai trong vũng máu giữa trời hè nóng nực, chẳng ai cứu giúp. Trẻ con đi trốn bị lôi ra và ném qua cửa sổ. Sau đó hàng ngàn người bị dồn đến ga xe lửa, chờ tàu đưa họ đi. Họ chờ ở đó suốt ba ngày, trong cái nóng ghê gớm của mùa hè, không cơm ăn thức uống. Hễ người nào đứng lên là bị bắn ngay lập tức, bắn công khai. Rồi họ bị đưa đi, hai trăm người nhét trong toa chở súc vật chỉ đủ chỗ cho bốn mươi hai người. Rồi chuyện gì sẽ xảy ra với họ? Không người nào công nhận là mình biết, nhưng không thể bùng bít mãi được. Ngày càng có nhiều người cố trốn thoát, và họ tiết lộ ra những sự thật khủng khiếp ấy. Nơi họ đến là Treblinka, nằm ở phía Đông Ba Lan, thuộc Đức cai trị. Các toa xe “dỡ hàng” ở đấy, có rất nhiều người chết. Toàn bộ nơi này có tường bao quanh, các toa xe tiến thẳng trước lúc được dỡ xuống. Các xác chết chất đồng bên cạnh đường ray. Khi những người khoẻ đến, họ phải dọn hàng núi xác ấy đi, đào những cái huyệt mới và phủ đất khi huyệt đã đầy. Sau đó họ cũng bị bắn chết. Những chuyến khác đưa người đến giải quyết xác họ như họ đã từng làm cho những người đi trước. Hàng ngàn phụ nữ và trẻ em phải cởi hết quần áo, rồi bị dồn vào một căn nhà lưu động và xả hơi ngạt. Sau đó căn nhà được di chuyển đến bên một cái hồ to, mở một bên thành và nâng sàn

lên đổ những xác chết vào trong ngôi huyệt tập thể. Tình hình cứ như thế trong một thời gian dài. Những người bất hạnh trên toàn cõi Ba Lan đang bị tập hợp. Một số bị giết ngay tại chỗ vì không đủ chỗ chứa, nhưng vẫn còn có quá nhiều người bị đưa đi. Mùi hôi thối khủng khiếp của xác chết lớn vón trên toàn vùng Treblinka. Bạn tôi được một người Do Thái bỏ trốn kể lại những sự việc trên. Anh ta cùng với bảy người nữa đã trốn thoát và hiện ở Warsaw. Nghe nói có cả một số người đang ở trong thành phố. Anh ta cho bạn tôi xem một đồng 20 zloty lấy được trong túi một xác chết: anh ta đã gói tờ giấy bạc cẩn thận để mùi xác chết hãy còn dính vào đấy, như một lời nhắc nhở khôn nguôi, phải báo thù cho anh em của mình.

Chủ nhật, 14 tháng Hai năm 1943

Ngày Chủ nhật, có thể theo đuổi những ý nghĩ riêng tư, quên đi quân đội và những đòi hỏi của nó, bao ý nghĩ thường ẩn nấp trong tiềm thức bỗng trỗi dậy. Tôi cảm thấy rất lo cho tương lai. Một lần nữa, nhìn lại giai đoạn thời chiến, tôi không thể hiểu nổi tại sao chúng ta lại có thể phạm những tội ác như thế đối với những thường dân vô phương tự vệ, chống lại người Do Thái? Chỉ có thể có một lời giải thích duy nhất: những kẻ làm việc đó, những kẻ ra lệnh và cho phép xảy ra việc đó, đã mất hết cảm giác tử tế và trách nhiệm. Bọn chúng là những người vô thần hoàn toàn, ích kỷ hiển nhiên, những kẻ theo chủ nghĩa vật dục ti tiện. Khi các vụ tàn sát người Do Thái xảy ra hàng loạt trong mùa hè vừa qua, rất nhiều phụ nữ và trẻ em bị sát hại, tôi đã biết chắc rằng chúng ta sẽ bại trận. Bây giờ không phải là thời điểm trong cuộc chiến để có thể bào chữa là cuộc kiếm tìm sự tồn tại tự do và khoảng không gian sống, nó đã suy thoái thành cuộc giết chóc hàng loạt, rộng lớn và phi nhân tính, phủ định mọi giá trị văn hóa và dân tộc Đức không bao giờ có thể biện minh nổi, cả đất nước này nhất định sẽ bị kết tội. Cũng không bao giờ có thể bào chữa về sự hành hạ người Ba Lan như bắt bớ, tù đày, bắn giết tù nhân chiến tranh và đối xử đầy thú tính với họ.

Ngày 16 tháng Sáu năm 1943

Sáng nay một thanh niên đến gặp tôi. Tôi đã gặp bố cậu ta ở Obersig. Cậu ta đang làm ở một công trường bệnh viện gần đây, và đã tận mắt chứng kiến ba tên Gestapo bắn chết một thường dân. Chúng hỏi giấy người này và khi phát hiện là người Do Thái, chúng lôi anh ta vào một ngưỡng cửa và bắn chết. Chúng lột cái áo khoác và mặc anh ta nằm ở đó.

Một nhân chứng người Do Thái khác kể lại:

- Chúng tôi ở trong một ngôi nhà thuộc ghetto. Chúng tôi bị nhốt dưới hầm suốt bảy ngày. Ngôi nhà bốc cháy trên đầu chúng tôi, phụ nữ chạy ra ngoài và chúng tôi là đàn ông cũng làm thế, một số người bị bắn chết. Sau đó chúng tôi bị đưa đến Umschlagplatz trong các toa xe chở

súc vật, anh trai tôi đã uống thuốc độc, chị dâu tôi và vợ tôi bị đưa đến Treblinka và bị hoả thiêu tại đó. Tôi bị xử đưa đến một trại lao động, tại đó chúng tôi bị đối xử rất khủng khiếp, hầu như chẳng có gì mà ăn và phải làm việc rất cực nhọc – Anh đã viết thư cho bè bạn – Hãy gửi cho tôi thuốc độc. Tôi không thể nào chịu nổi hơn được nữa. Nhiều người đang chết dần chết mòn kiểu này.

Bà Jait làm người hầu cho một cơ quan bí mật trong suốt một năm. Bà thường nhìn thấy những người Do Thái làm việc tại đây bị đối xử một cách tàn nhẫn. Họ bị đánh đập dã man. Một người bị bắt đứng suốt ngày trên đồng than cốc trong tiết trời giá lạnh và không được mặc quần áo ấm. Một nhân viên trong cơ quan đi ngang qua và bắn gục anh ta ngay tại chỗ. Vô số người Do Thái bị giết như thế, bị giết một cách điên rồ, chẳng vì lý do gì, thật không hiểu nổi.

Hiện giờ chỉ còn lại những tàn dư cuối cùng của dân Do Thái trong ghetto đã bị huỷ diệt. Một Sturmfuhrer SS khoe khoang cách bắn gục những người Do Thái chạy ra khỏi những ngôi nhà bốc cháy. Cả ghetto đã bị ngọn lửa thiêu huỷ hoàn toàn.

Những kẻ tàn bạo này tưởng chúng ta sẽ thắng trận theo kiểu đó. Nhưng nhất định chúng ta sẽ bại trận với cái kiểu tàn sát người Do Thái hàng loạt rùng rợn này. Chúng ta phải đeo nổi nhục này và không thể rửa sạch, đây là lời nguyện không thể huỷ bỏ. Chúng ta không đáng được khoan dung, tất cả chúng ta đều là kẻ có tội.

Tôi rất xấu hổ lúc vào thành phố. Bất cứ người Ba Lan nào cũng có quyền nhổ nước bọt vào chúng tôi. Lính Đức đang bị bắn sể hàng ngày. Tình hình mỗi ngày một tệ hơn, và chúng ta không có quyền than phiền vì chúng ta không còn xứng với bất kỳ cái gì nữa. Mỗi ngày ở đây tôi càng cảm thấy tệ hại hơn.

Ngày 6 tháng Bảy năm 1943

Vì sao Chúa lại cho phép một cuộc chiến kinh khủng với những vật hiến tế rùng rợn đến thế này? Hãy nhớ đến những cuộc oanh kích dữ dội, những nỗi kinh hoàng ghê gớm của những người dân vô tội, đến sự đối xử vô nhân đạo đối với các tù nhân trong trại tập trung, những vụ sát hại hàng trăm ngàn người Do Thái của Đức. Đây có phải là lỗi của Chúa không? Tại sao Người không can thiệp? Tại sao Người lại để một chuyện như thế xảy ra? Chúng ta có thể hỏi như vậy, nhưng sẽ không có câu trả lời. Chúng ta sẵn sàng đổ lỗi cho người khác thay vì nhận về mình. Chúa cho phép tội lỗi xảy ra vì loài người tuân theo nó, và lúc này chúng ta cảm thấy gánh nặng tội ác và sự không hoàn hảo của mình. Lúc bọn Nazi nắm quyền, chúng ta đã không làm gì để ngăn chặn chúng lại, chúng ta đã phản bội lại lý tưởng của mình. Lý tưởng của cá nhân, tự do dân chủ và tự do tín ngưỡng.

Công nhân đi cùng bọn Nazi, nhà thờ ủng hộ và quan sát, các tầng lớp trung lưu quá hèn nhát

không làm được gì, cả những trí thức hàng đầu cũng thế. Chúng ta đã cho phép thủ tiêu các hội, đàn áp các giáo phái khác nhau, không được tự do ngôn luận trên báo chí và đài phát thanh. Rồi cuối cùng chúng ta đã bị lái đến cuộc chiến tranh. Chúng ta đã bằng lòng để nước Đức tham chiến không có sự đại diện dân chủ, và kiên nhẫn chịu đựng nền dân chủ rơm của những người không nói lên được điều gì cho ra hồn. Lý tưởng bị phản bội mà không hề bị trừng phạt, và lúc này chúng ta đang chịu mọi hậu quả.

Ngày 5 tháng Mười hai năm 1943

Năm ngoái chúng ta đã thấy hết thất bại này đến thất bại khác. Lúc này chúng ta đang chiến đấu trên sông Dnieper. Toàn bộ Ukraine đã bị mất. Dầu cho chúng ta có giữ được chút ít vẫn có trong khu vực đó, chắc chắn rằng không phải là lợi ích kinh tế. Người Nga mạnh đến mức sẽ đuổi hết chúng ta ra khỏi lãnh thổ của họ. Anh đã bắt đầu phản công ở Italy và một lần nữa, chúng ta phải bỏ hết vị trí này đến vị trí khác. Ở Đức, hết thành phố này đến thành phố khác bị phá hủy. Hiện giờ đến lượt Berlin, từ ngày 2 tháng Chín đã có nhiều cuộc oanh kích vào Leipzig. Cuộc chiến đảo ngược đã hoàn toàn thất bại. Dân chúng nói gì về cuộc chiến mà họ tưởng có thể hy vọng? Chúng ta không có khả năng chiến thắng lấy một nước mà chúng ta đã chiếm đóng. Các nước đồng minh của chúng ta như Bulgaria, Romania và Hungary không giúp được gì. Nếu có thể đối phó được với các vấn đề nội bộ là họ đã đủ mừng rồi, và họ sẵn sàng để các lực lượng thù địch tấn công vào biên giới nước họ. Họ không thể làm gì cho chúng ta ngoài viện trợ kinh tế, ví dụ Romania cung cấp dầu lửa. Họ đặc biệt vô dụng trong việc viện trợ quân sự. Vì chính phủ phát xít đã bị lật đổ ở Ý, nước này chẳng còn gì cho chúng ta ngoài một bãi chiến trường ở ngoài biên giới Đức, nơi lúc này vẫn còn đang giao chiến.

Sức mạnh ưu việt của kẻ thù chúng ta đang đập tan vũ khí trong tay chúng ta. Bất cứ người nào cố đứng thẳng dậy đều bị gục ngã. Tình hình là thế, làm sao chúng ta có thể nghĩ đến việc xoay chuyển tình thế cuộc chiến trở thành thuận lợi cho chúng ta?

Không một người nào ở Đức tin chúng ta sẽ thắng trận, nhưng thoát khỏi tình trạng này bằng cách nào? Sẽ không có một cuộc cách mạng nào trong nước vì không có ai có đủ can đảm liều mạng bằng cách đương đầu với Gestapo. Mà nếu một nhóm người định thử thì sẽ sử dụng cái gì? Đa số dân chúng có thể đồng ý với họ, nhưng lại bị trói tay mất rồi. Suốt mười năm gần đây, cá nhân còn chẳng có dịp biểu lộ ý chí tự do, nói gì đến quảng đại quần chúng. Bọn Gestapo sẽ nổ súng ngay tức khắc. Và chúng ta không thể trông chờ một hành động táo bạo của quân đội. Quân đội tình nguyện bị đưa đến chỗ chết, và bất kỳ một ý tưởng chống đối nào cũng có thể gây nên một cuộc thanh trừng lớn. Vì thế chắc chắn là chúng ta sẽ đi đến một kết cục chua xót. Cả dân tộc ta sẽ phải trả giá cho những lầm lỗi và những điều bất hạnh này, cho những tội ác

chúng ta đã phạm. Nhiều người vô tội đã trở thành vật hiến tế trước khi chúng ta có thể xóa sạch tội giết người. Đó là một quy luật không thay đổi được trong sự việc nhỏ cũng như lớn.

Ngày 1 tháng Một năm 1944

Báo chí Đức tường thuật một cách phần nộ việc người Mỹ tước đoạt và lấy đi các tác phẩm nghệ thuật quý giá ở miền Nam nước Ý. Cái kiểu phản đối kịch liệt tội ác của người khác thật là lố bịch. Cứ làm như địch thủ không biết gì về các tác phẩm nghệ thuật quý mà chúng ta đã chiếm đoạt và mang ra khỏi Ba Lan hay hoặc đã phá huỷ ở Nga.

Ngay cả khi đứng trên quan điểm “nước ta đúng hoặc sai” và công nhận chúng ta đã thản nhiên làm việc đó, hành động đạo đức giả không đúng chỗ kia chỉ làm cho chúng ta trở thành nực cười.

Ngày 11 tháng Tám 1944

Fuhrer đã ban sắc lệnh phải phá trụi Warsaw đến tận mặt đất. Đã sẵn sàng để bắt đầu. Tất cả các đường phố được giải phóng trong cuộc nổi dậy đều bị đốt cháy. Dân cư phải rời thành phố, được đưa về miền Tây từng đoàn dài hàng ngàn người. Nếu tin tức này là xác thực, tôi thấy rõ rằng chúng tôi sẽ mất Warsaw, Ba Lan và bản thân cuộc chiến. Chúng ta đang từ bỏ một địa điểm chúng ta đã giữ được trong năm năm trời, giờ nó ra và bày tỏ với toàn thế giới rằng đây là một khoản bồi thường chiến tranh. Nhiều biện pháp gớm ghiếc đã được áp dụng tại đây. Chúng ta làm như chúng ta là chủ và sẽ không bao giờ ra đi. Lúc này chúng ta không thể không thấy rằng mọi thứ thế là hỏng hết rồi, chúng ta đang phá huỷ công việc của chúng ta, mọi thứ mà chính quyền dân sự hãnh diện đến thế, vẫn coi sự có mặt tại đây là nhiệm vụ vĩ đại về văn hóa và muốn chứng tỏ sự cần thiết của họ với toàn thế giới. Cách giải quyết của chúng ta ở phương Đông đang phá sản, chúng ta đang dựng đài kỷ niệm cuối cùng cho nó bằng cách phá huỷ Warsaw.

Chương 20

Cầu nối giữa Wladyslaw Szpilman và Wilm Hosenfeld (Wolf Biermann)

Wolf Biermann là người viết thơ, các ca từ và nhà văn tiểu luận nổi tiếng nhất của Đức. Ông sinh năm 1936 ở Hamburg, là con trai của một gia đình đảng viên đảng cộng sản. Cha ông là một công nhân trong xưởng đóng tàu Do Thái và là chiến sĩ kháng chiến, đã bị giết hại ở Auschwitz năm 1943. Từ khi còn niên thiếu, Bermann đã chuyển đến miền Đông, đi ngược với dòng người di cư sang Tây Đức. Ông hiện đang sống ở Hamburg.

Cuốn sách này không cần đến lời tựa cũng như lời bạt, và thật sự chẳng cần đến bất cứ lời bình luận nào. Song tác giả Wladyslaw Szpilman đã yêu cầu tôi chú thích vài lời với độc giả của ông, vì đã nửa thế kỷ sau những sự kiện đã được mô tả.

Ông viết truyện về mình và đã được in ở Warsaw ngay sau chiến tranh, trong thời khắc nóng bỏng, hoặc nói đúng hơn là trong sự xúc động sâu sắc. Có nhiều cuốn sách, trong đó người ta ghi lại những hồi ức của họ về Shoah. Phần lớn kể về sự sống sót, song không viết đến những năm năm hoặc các thập kỷ sau các sự kiện họ mô tả. Tôi cho rằng có một vài lý do rất rõ ràng sẽ xuất hiện trong lòng.

Bạn đọc lưu ý rằng cuốn sách này được viết giữa đồng tro tàn vẫn còn âm ỉ của thế chiến thứ hai, ngôn ngữ của nó bình tĩnh đến lạ lùng. Wladyslaw Szpilman miêu tả những nỗi đau khổ mới nhất của ông với sự suy xét gần như sâu muện. Với tôi, dường như ông không trở về với những xúc cảm của mình sau một chuyến đi xuyên suốt nhiều vòng những cảnh địa ngục trần gian, mà như ông viết về một người khác, một người mà ông đã trở thành sau khi Đức xâm chiếm Ba lan.

Cuốn sách của ông xuất bản lần đầu ở Ba Lan năm 1946, dưới tiêu đề của một chương trong sách, “Sự kết liễu của một thành phố”. Sau khi ra đời, cuốn sách không được tái bản từ hồi ấy, ở Ba Lan cũng như ở nước ngoài. Vì nó chứa đựng nhiều sự thật đau đớn về sự hợp tác của người Nga, Ba Lan, Ukraina, Lithuania, Latvia và người Do Thái bại trận với bọn Nazi của Đức. Ngay ở Israel, người ta không muốn nghe về những sự thật như thế này. Nghe có vẻ kỳ cục nhưng cũng dễ hiểu: đề tài này thật hóc búa với những kẻ quan tâm, kể cả nạn nhân lẫn thủ phạm, dù rõ ràng là vì những lý do trái ngược nhau.

Anh đếm những giờ khắc của chúng ta

Đếm mãi

Anh đếm để làm gì vậy, hãy kể cho tôi biết?

Anh đếm và cứ đếm...

(Paul Celan)

Những đoàn người. Ngày càng nhiều hơn. Tất cả là ba triệu rưỡi người Do Thái đã một thời sống ở Ba Lan, mà chỉ còn hai trăm bốn mươi ngàn người sống sót qua thời Nazi. Chủ nghĩa bài Do Thái phát triển từ lâu, trước khi quân Đức xâm chiếm. Có khoảng ba đến bốn trăm ngàn người Ba Lan liều mạng cứu người Do Thái. Trong mười sáu ngàn người Aryan được ghi nhớ ở Yad Vashem, quảng trường trung tâm kỷ niệm người Do Thái ở Jerusalem, có một phần ba là người Ba Lan. Vì sao nó được tính toán chính xác đến thế? Vì ai cũng biết chủ nghĩa bài Do Thái khủng khiếp trong “người Ba Lan”, nhưng ít người biết rằng cũng trong thời gian đó, chưa một dân tộc nào che giấu người Do Thái thoát khỏi ách Nazi nhiều đến thế. Nếu bạn che giấu một người Do Thái ở Pháp, hình phạt chỉ là đi tù hoặc trại tập trung, ở Đức là mạng sống của bạn, còn ở Ba Lan là mạng sống của cả gia đình bạn.

Một điều làm tôi sửng sốt: những ghi nhận đầy xúc động của Szpilman dường như không có sự khao khát trả thù. Đã có lần chúng tôi nói chuyện ở Warsaw, ông là nghệ sĩ dương cầm lưu diễn vòng quanh thế giới và lúc này ông ngồi mệt mỏi, bên cây đại dương cầm cũ của ông đang cần lên dây. Ông có một nhận xét như trẻ thơ, nửa mỉa mai, nhưng một nửa lại hết sức chân thành:

- Hồi trẻ tôi đã học nhạc hai năm ở Berlin. Tôi chỉ không hiểu tại sao người Đức lại... họ là những người thưởng thức âm nhạc tuyệt vời đến thế kia mà!

Cuốn sách này vẽ nên một bức tranh sinh hoạt của ghetto Warsaw trên nền vải rộng.

Wladyslaw Szpilman miêu tả nó theo kiểu làm cho chúng ta hiểu sâu sắc thứ vẫn còn hoài nghi: các nhà giam, ghetto và trại tập trung, với các ngôi nhà gỗ, tháp canh và phòng hơi ngạt, không có ý định tả một nhân vật cao thượng. Sự thèm khát không tô vẽ ánh huy hoàng của nội tâm. Nó được nói thẳng thừng: tên vô lại vẫn là tên vô lại sau hàng rào thép gai. Nhưng kiểu tiếp cận như thế không phải khi nào cũng thích hợp. Trong ghetto hoặc trong trại tập trung, khi nào cũng có những tên lừa đảo bậc thấp, và những thằng đểu nào đó được công nhận đã cư xử dũng cảm hơn và có ích hơn nhiều người được ăn học tử tế, được kính trọng thuộc tầng lớp thượng lưu.

Nhiều lần Wladyslaw Szpilman miêu tả Shoah bằng lối văn xuôi giản dị, cô đọng như một bài thơ. Tôi nghĩ đến quang cảnh ở Urmschlagplatz, lúc Szpilman bị đọa đầy đến tàn tạ, bị chọn đưa đến một tương lai bất định mà ai cũng cho là một cái chết chắc chắn. Tác giả, cha mẹ và các anh chị của ông chia nhau một cái kẹo caramel cắt làm sáu, bữa cuối cùng họ ăn với nhau. Tôi nhớ lại sự sốt ruột của viên nha sĩ lúc họ đợi đoàn tàu tử thần:

- Thật nhục nhã cho tất cả chúng ta! Chúng ta để họ đưa chúng ta đến chỗ chết như là một đàn cừu đến lò mổ! Nếu chúng ta, nửa triệu người chúng ta tấn công bọn Đức, chúng ta có thể phá vỡ ghetto, hoặc ít ra cũng chết một cách vinh dự, chứ không phải là một vết nhơ trên bộ mặt lịch sử!

Và phản ứng của ông bố Szpilman:

- Nay, chúng ta đâu phải là anh hùng! Chúng ta là những người hoàn toàn bình thường, chính vì thế chúng ta thích liều hy vọng vào mười phần trăm cơ may được sống hơn. Đúng như trong một bi kịch thật sự, cả ông bố Szpilman lẫn viên nha sĩ đều đúng. Người Do Thái đã tranh cãi câu hỏi không trả lời được này về việc kháng chiến hàng ngàn lần, hết lần này đến lần khác, và họ sẽ tiếp tục làm như thế trong các thế hệ sau. Một suy xét thực tế đến với tôi: làm sao mà tất cả những người này, tất cả đều là thường dân, cả ông già, bà cả và trẻ con, bị Chúa và cuộc đời ruồng bỏ, làm sao những con người đói khát, ốm yếu này có thể tự vệ chống lại bộ máy huỷ diệt hoàn hảo kia?

Kháng cự là điều không thể, nhưng dù sao cũng có cuộc kháng chiến của người Do Thái. Cuộc chiến đấu có vũ trang trong ghetto Warsaw và hàng ngàn hành động dũng cảm của du kích Do Thái chứng tỏ đây là cuộc nổi dậy rất có tiềm năng. Có những cuộc nổi dậy ở Sobibór, ngay cả ở Treblinka. Tôi nghĩ đến Lydia Vago và Sarah Ehrenhalt ở Isarel, sống như nô lệ trong Liên hiệp các nhà máy quân trang quân dụng ở Auschwitz, nơi khởi xướng một trong những lò thiêu người.

Câu chuyện của Wladyslaw Szpilman chứng tỏ ông đóng một vai trò trực tiếp trong cuộc kháng chiến dũng cảm. Ông ở trong số những người hàng ngày đi lao động ở khu Aryan của thành phố, đã lén đưa không chỉ bánh mì, khoai tây mà cả đạn dược về ghetto. Ông chỉ nhắc sơ qua hành động dũng cảm ấy một cách khiêm tốn.

Phụ lục xuất bản lần đầu tiên là nhật ký của Wilm Hosenfeld, viên sĩ quan Đức mà nếu không có ông ta thì Szpilman là người Do Thái Ba Lan hầu như sẽ không sống sót nổi. Hosenfeld là giáo viên, trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất đã là trung úy, có lẽ vì thế bị coi là quá già không thích hợp ra chiến tuyến từ đầu thế chiến thứ hai. Chắc đấy là lý do vì sao ông lại là sĩ quan phụ trách các dụng cụ thể thao ở Warsaw để binh lính Đức ở Ba Lan có thể giữ được thể lực cường tráng bằng những cuộc thi đấu và điền kinh. Đại úy Hosenfeld đã bị quân đội Xô viết cầm tù trong những ngày sau cuộc chiến, và chết sau bảy năm bị giam giữ.

Ngay từ đầu của câu chuyện kể lan man của Szpilman, một trong những cảnh sát căm thù Do Thái đã cứu ông. Cuối chuyện, sĩ quan Hosenfeld đã tìm thấy nhà nghệ sĩ dương cầm dở sống dở chết trong thành phố Warsaw đổ nát, lúc này đã vắng hết dân cư, và đã không giết ông. Thậm chí Hosenfeld còn mang đồ ăn, chăn lông vịt và áo khoác đến nơi ẩn náu của người Do

Thái. Giống như một chuyện hoang đường nào đó của Hollywood, nhưng lại là sự thực: một người thuộc chủng tộc bá chủ đầy lòng căm hờn đóng vai thiên thần hộ mệnh trong câu chuyện khủng khiếp này. Vì rõ ràng nước Đức của Hitler nhất định sẽ thua trận, người lẩn trốn đã lo xa dặn người giúp đỡ nặc danh của mình một mẫu thông tin hữu ích “Nếu có chuyện gì xảy ra với anh, nếu tôi có thể giúp được anh bằng cách nào đấy, hãy nhớ lấy tên tôi, tôi là Szpilman, đài phát thanh Ba Lan”. Qua Szpilman, tôi biết ông bắt đầu tìm kiếm người cứu mình từ những năm 1945 nhưng không có kết quả. Khi ông đến nơi người bạn nghệ sĩ vĩ cầm đã gặp người đó, trại tù binh đã chuyển đi rồi.

Cuối cùng Hosenfeld chết như một tù binh chiến tranh ở Stalingrad, một năm trước khi Stalin qua đời. Trong thời gian bị giam giữ, ông đã bị mấy cơn đột quỵ não. Cuối cùng ông rơi vào tâm trí hoàn toàn ngẩn ngơ, như một đứa trẻ bị đánh mà không hiểu các ngón đòn. Ông chết vì tinh thần hoàn toàn suy sụp.

Hosenfeld đã tìm cách gửi được cuốn nhật ký của ông về Đức. Ngôi nhà cuối cùng mà ông rời khỏi ở Whitsun năm 1944, có một bức ảnh hấp dẫn của một viên sĩ quan từ cuộc chiến bắn thủ ấy trở về nhà, ông mặc bộ quân phục màu trắng, vợ và những đứa con yêu quý vây chung quanh. Trông giống như một cảnh thanh bình vĩnh viễn ở điền viên. Gia đình Hosenfeld đã giữ gìn hai cuốn nhật ký ghi dày đặc của ông. Đoạn cuối cùng đề ngày 11 tháng Tám năm 1944, có nghĩa là Hosenfeld đã gửi những lời bình luận đột phá nhất theo đường bưu điện quân sự thông thường. Giả sử cuốn sổ ấy rơi vào tay các quý ông đầy khiếp sợ mặc áo khoác da thì... hầu như không thể tưởng tượng nổi. Chắc bọn chúng sẽ chặt ông ra từng mảnh.

Con trai của Hosenfeld đã giải thích với tôi, cung cấp một bức tranh sinh động về cái chết của cha anh:

- Cha tôi là một giáo viên nhiệt tình và từ tâm. Trong giai đoạn sau thế chiến thứ nhất, khi việc đánh học sinh vẫn được coi là biện pháp kỷ luật thông thường trong trường học, sự ân cần của cha tôi đối với học sinh được coi là độc đáo. Ông thường để học sinh lớp bé nhất của trường làng Spessart lên đầu gối nếu các em đánh vắn khó khăn. Lúc nào ông cũng có hai chiếc khăn mùi xoa trong túi quần, một cho ông và một cho các học sinh bé nhất thò lò mũi. Đơn vị của cha tôi rời đi Ba Lan vào mùa thu 1939, và từ mùa đông 1939 đến năm 1940 đóng ở thành phố nhỏ Wegrow, phía Đông Warsaw. Cục quân nhu Đức đã sớm chiếm các kho cở của quân Ba Lan. Một ngày mùa đông giá lạnh, cha tôi tình cờ bắt gặp một tên SS bắt một cậu học sinh. Cậu bé bị bắt gặp đang lấy trộm cỏ đã bị trưng dụng trong kho, chắc chỉ là một ôm. Hiển nhiên là cậu bé sắp bị bắn để trừng phạt tội vi phạm và để răn đe người khác. Cha tôi kể ông đã lao vào tên SS và la lên “Đừng giết cậu bé này!” Tên SS rút súng ra, chĩa vào cha tôi và nói đe dọa “Nếu không lùi ra, tao sẽ giết nốt cả mày!” Chuyện đó làm cha tôi mất bình tĩnh trong suốt một thời

gian dài, Ông chỉ kể có một lần, hai hoặc ba năm sau khi ông được nghỉ phép. Tôi là người duy nhất trong gia đình được nghe chuyện này.

Wladyslaw Szpilman lại bắt đầu làm nghệ sĩ dương cầm cho đài phát thanh Warsaw ngay. Sau chiến tranh, ông tổ chức biểu diễn truyền thanh đúng bản nhạc của Chopin mà ông đang chơi trên radio ngày cuối cùng, giữa trận mưa đạn pháo và bom. Có thể nói rằng khúc Đô thăng thứ của Chopin chỉ bị cắt ngang, trong khoảng sáu năm cho Hitler có thể đóng vai của hắn trên sân khấu thế giới.

Wladyslaw Szpilman không biết tin gì về người cứu mình cho đến năm 1949. Một người Do Thái Ba lan tên là Leon Warm di tản khỏi Ba lan và trên đường đã ghé thăm gia đình Hosenfeld ở Tây Đức. Một trong các con trai của Wilm Hosenfeld đã viết về Leon Warm

“Trong mấy năm đầu sau chiến tranh, mẹ tôi sống cùng em trai và em gái tôi ở cư xá cũ của chúng tôi tại trường học Thalau, một ngôi làng nhỏ vùng Rhone. Ngày 14 tháng Mười năm 1950, một thanh niên Ba Lan dễ thương xuất hiện và hỏi thăm về cha tôi. Là người anh ta đã gặp trong thời gian chiến tranh ở Warsaw.

Trên đường đến trại huỷ diệt ở Treblinka, người thanh niên này đã cố mở được cái cửa sập bị bít dây thép gai trong toa chở súc vật, nơi anh và các người bạn bất hạnh của anh bị nhốt. Rồi anh nhảy khỏi đoàn tàu đang chạy. Anh gặp cha tôi ở một gia đình quen biết ở Warsaw, ông đã cho anh giấy thông hành mang tên giả và đưa anh vào làm công nhân cho một trung tâm thể thao. Từ đó anh là người bán dược phẩm ở Ba lan, hiện nay anh có ý định lập công ty cho riêng mình ở Australia.”

Nhờ chuyển đến thăm gia đình Hosenfeld, chàng thanh niên Leon Warm biết tin chồng bà hãy còn sống. Bà đã nhận được mấy cái thư và bưu ảnh của chồng. Bà Hosenfeld còn cho anh xem một bản danh sách những người Do Thái và Ba lan đã được chồng bà cứu thoát, trên một tấm bưu thiếp đề ngày 15 tháng Bảy năm 1946. Ông bảo vợ đến gặp những người này xin giúp đỡ. Số 4 trong danh sách này viết rất khó xem là “Wladislaus Szpilman, nghệ sĩ dương cầm ở đài phát thanh Warsaw”.

Ba người trong một gia đình tên là Cieciora đã kể về Hosenfeld. Trong những ngày đầu tiên khi quân Đức tấn công ồ ạt, đã diễn ra một cảnh sau: vợ một người Ba lan tên là Stanislaw Cieciora đi đến trại tù nhân chiến tranh ở Pabianice, người ta bảo chồng chị bị thương và là lính của đội quân thất trận đang bị giam giữ ở đấy, anh sợ bị những người chiến thắng giết chết. Trên đường đi, chị gặp một sĩ quan Đức đang phóng xe đạp. Ông ta hỏi chị đi đâu. Đờ người vì sợ, chị lắp bắp kể chuyện thật “Chồng tôi là lính, anh ấy bị đau ốm trong trại đàng kia, tôi sắp có con và tôi lo cho anh ấy lắm”. người Đức ghi tên chồng chị, bảo chị quay về nhà và hứa với

chị “Ba ngày nữa anh ấy sẽ về nhà”, quả thật ba ngày sau anh ta về.

Sau đó thỉnh thoảng Hosenfeld đến thăm gia đình Cieciora và họ trở thành bạn bè. Người Đức khác thường này bắt đầu học tiếng Ba Lan. Là người Công giáo nhiệt thành, thỉnh thoảng Hosenfeld đến nhà thờ với những người bạn mới, ông mặc quân phục Đức và dự các buổi lễ thông thường Ba Lan. Một bức tranh: một người Đức rất chỉnh tề trong “áo khoác của những kẻ giết người” quỳ gối trước một cha xứ Ba Lan, trong lúc “phó thường dân Slav” đặt miếng bánh thánh mỏng tang tượng trưng mình Thánh lên lưỡi người Đức.

Sự việc này dẫn đến sự việc khác: gia đình Cieciora lo lắng vì anh chồng, một vị linh mục mà bọn Đức muốn bắt hoạt động ngầm về chính trị. Hosenfeld cũng cứu cả ông ta. Lần thứ ba Hosenfeld cứu một người họ hàng của Cieciora bằng cách giải thoát anh ta ra khỏi chiếc xe quân sự. Tôi phát hiện ra hai lần giải cứu này của Hosenfeld qua lời kể của con gái ông: “Mùa xuân năm 1973, Maciej Cieciora ở Posen đến thăm chúng tôi. Bác cô là linh mục công giáo đã được cứu thoát khỏi tay Gestapo sau khi Đức xâm chiếm vào mùa thu năm 1939. Khi đó cha tôi là sĩ quan phụ trách dụng cụ thể thao của thành phố Warsaw đã bị Đức chiếm đóng, đã bảo vệ ông bằng cách đưa ông vào làm văn phòng của cha tôi dưới cái tên giả là Chicoki. Thông qua Đức cha Cieciora mà ông sớm trở thành thân thiết, cha tôi đã gặp người em rể của linh mục là Koschel.

Maciej đã kể cho chúng tôi nghe rằng vào năm 1943, một số chiến sĩ đấu tranh cho tự do của Ba Lan bị quân Đức bắn chết trong một khu vực của Warsaw, nơi gia đình Koschel sống. Ngay sau đó một tốp SS đóng trong khu vực này đã bắt một số nam giới, kể cả ông Koschel, và tổng họ lên một chiếc xe tải. Những người này ngay lập tức bị đưa đi hành hình ở ngoại ô Warsaw để trả thù.

Tình cờ cha tôi gặp chiếc xe này ở chỗ giao nhau, lúc đi qua trung tâm thành phố. Ông Koschel nhận ra viên sĩ quan quen biết trên vỉa hè và vẫy tay rối rít, vẻ thất vọng. Cha tôi hiểu tình hình ngay tức khắc, ông quả quyết ra giữa đường ra hiệu cho người lái xe dừng lại. Người lái xe dừng lại. “Tôi cần một người!”, cha tôi nói với giọng mệnh lệnh với viên SS trưởng nhóm. Ông đến bên chiếc xe tải, kiểm tra những người ở trong và chọn Koschel như là hú họa. Chúng để ông ra và thế là ông được cứu sống.

Thế giới này thật nhỏ bé, giờ đây tám năm sau khi Đông Đức sụp đổ, con trai của Satanislaw Cieciora là lãnh sự Ba Lan ở Hamburg. Anh kể với tôi một câu chuyện nhỏ rất cảm động, cha mẹ anh rất cảm kích, đã gửi từ Samter-Karolin cho gia đình Holsenfled đang thiếu vắng người cha những gói đồ ăn gồm xúc xích và bơ từ nước Ba Lan đang chết đói đến nước Đức của Hitler ngay cả trong lúc đang còn chiến tranh. Thế giới này thật kỳ lạ.

Leon Warm nhờ đài phát thanh Ba Lan liên hệ với Szpilman ở Warsaw, chuyển cho ông tên của những người được Hosenfeld cứu và lời yêu cầu khẩn thiết của ông xin họ giúp đỡ.

Năm 1957, Szpilman đi lưu diễn ở Tây Đức cùng nghệ sĩ vĩ cầm tài danh Gimpel. Hai nghệ sĩ đã đến Thaleau thăm gia đình Hosenfeld, vợ ông là Anne Marie, hai người con trai là Helmut và Detlef. Người mẹ đã tặng các vị khách bức ảnh của chồng bà. Bức ảnh ấy được in trong cuốn sách này. Hè năm ngoái, khi cuốn sách gần bị lãng quên này được quyết định tái xuất bản ở Đức, tôi đã hỏi Wladyslaw về tình trạng không tên tuổi trong câu chuyện của Hosenfeld.

- Anh hiểu không, tôi không muốn nói đến chuyện đó nữa. Tôi chưa bao giờ bàn bạc với bất cứ ai, kể cả với vợ và hai đứa con trai tôi. Anh hỏi vì sao ư? Vì tôi xấu hổ. Cuối năm 1950, rốt cuộc tôi đã tìm ra tên của viên sĩ quan Đức, tôi đã phải đấu tranh với nỗi sợ hãi và khắc phục sự ghê tởm, để như một người xin xỏ quy lụy, đến gặp một người chẳng tử tế gì ở Ba Lan: Jakub Berman. Berman là người có thể lực nhất ở Ba Lan, đứng đầu uỷ ban an ninh quốc gia và là một thằng khốn. Berman có ảnh hưởng mạnh hơn cả bộ trưởng bộ nội vụ. Nhưng tôi đã quyết tâm nên đến gặp Berman và kể hết mọi chuyện, và nói thêm tôi không phải là người duy nhất được Hosenfeld cứu thoát, ông ấy đã cứu sống nhiều trẻ em Do Thái, đã mua giày cho trẻ em Ba Lan ngay từ đầu cuộc chiến và cho chúng lương thực. Tôi cũng kể cho Berman nghe về Leon Warm và gia đình Cieciora, nhấn mạnh sự thật là rất nhiều người đang nợ người Đức này mạng sống. Berman tỏ ra thân thiện và hứa sẽ làm gì đó. Vài ngày sau, Berman còn đích thân gọi điện đến nhà chúng tôi: Berman lấy làm tiếc nhưng không làm được gì. “Nếu người Đức ấy đang còn ở Ba Lan, chúng tôi có thể đưa được anh ta ra” – Berman nói – “Nhưng các đồng chí của chúng ta ở Liên xô không cho anh ra ra. Họ nói viên sĩ quan của các anh thuộc đơn vị biệt kích, dính dáng đến gián điệp, vì thế là người Ba Lan, chúng ta không thể làm gì được, và tôi bất lực” Berman kết luận. Và thế là tôi đã tiếp cận với một thằng đểu khốn nạn nhất trong số những thằng đểu. Và việc đó chẳng hay ho gì.

Ở Yad Vashem có đại lộ Công lý trồng nhiều cây non, mỗi cây tượng trưng cho một Gentile (người không phải là Do Thái) đã cứu người Do Thái ra khỏi Holocaust. Những tấm bảng nhỏ gắn trên thân những cây non đang lớn lên trong nền đất rắn như đá, mang tên những con người dũng cảm này. Bất cứ ai đi đến Bảo tàng lớn, đều đi qua hàng ngàn cái cây như thế. Tôi tin rằng rồi đây sẽ có một cây được trồng để tưởng niệm Đại úy Wilm Hosenfeld ở Đại lộ công lý, được tưới tắm bằng nước sông Jordan. Vậy ai sẽ trồng cây này, còn ai ngoài Wladyslaw Szpilman với sự trợ giúp của Andrzej, con trai ông?

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

- [1] *Aryan: người Aryan gồm các dân tộc nói ngôn ngữ Ấn Âu. Dưới chế độ Đức quốc xã, dùng để chỉ người Đức thuần chủng.*
- [2] *Bệnh Rickettsia: bệnh lây nhiễm, gây sốt, ốm yếu, trên cơ thể người bệnh mọc lên nhiều nốt đỏ tím.*
- [3] *Caftan: Áo khoác ngoài kiểu Thổ Nhĩ Kỳ, có dây thắt lưng.*
- [4] *Yarmulka: Mũ của đàn ông Do Thái đội khi cầu nguyện.*